VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
tác giả & tác phẩm
đỗ tiến đức ● khánh trường ● hà thúc sinh

hiện thực và tưởng tượng
nguyễn xuân hoàng
lời thơ
trần văn tích
marie sến:tự truyện của một thế hệ hàng xén
nguyễn thạch miên
phỏng vấn nguyễn xuân tính
triều hoa đại

truyện
trần long hồ ● hồ minh dũng ● hoàng chính
bùi bích hà ● hoàng nga
thơ
định nguyên ● nguyễn thanh châu ● đỗ quyên ● diên nghị ● trần hoài thư ● hồng khắc kim mai ● phan ni tấn

SỐ 122 ● THÁNG 6 NĂM 1996

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

VănHọc

Số 122, Tháng 6, 1995

VĂN HỌC	2	thư toà soạn
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	4	hiện thực và tưởng tượng
NGUYỄN THANH CHÂU	8	*những chiều arizona*
TRẦN VĂN TÍCH	10	lời thơ
NGUYỄN THẠCH MIÊN	23	*marie sến*: tự truyện của một thế hệ...
TRIỀU HOA ĐẠI	31	phỏng vấn nguyễn xuân tính
ĐỖ TIẾN ĐỨC	41	một câu chuyện rất việt nam
VĂN HỌC	60	*phỏng vấn khánh trường*
KHÁNH TRƯỜNG	62	dưới sâu. biển
VĂN HỌC	73	phỏng vấn hà thúc sinh
HÀ THÚC SINH	74	lạc nhau
TRẦN LONG HỒ	81	một chốn an lành
ĐỖ QUYÊN	97	*nói với em khi đã ở rất gần*
HỒ MINH DŨNG	102	đường phượng bay
DIÊN NGHỊ	107	*giai điệu vùng đất*
HOÀNG CHÍNH	108	kiếp sau
ĐỊNH NGUYÊN	113	*velvety*
TRẦN HOÀI THƯ	114	*sợi tóc nhớ thương*
BÙI BÍCH HÀ	116	thư viết cho con gái lúc dọn nhà
HỒNG KHẮC KIM MAI	120	*chúc mừng*
HOÀNG NGA	122	nhà có hoa tím
PHAN NI TẤN (N.D.)	139	*vẽ cà mâu*
NGUYỄN HUY THẠCH	140	ghi chép
VĂN HỌC	146	giữa người đọc và người viết
VĂN HỌC	151	tòa soạn và bạn đọc
VĂN HỌC	152	giới thiệu sách mới

© Copyright by authors and VănHọc, 1996

© Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996

Thư Tòa soạn

Văn Học số 122 bắt đầu bằng bài "Tưởng tượng và Hiện thực" của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, một đề tài mới nghe có vẻ chung chung, khái quát, không liên hệ gì đến sinh hoạt và đời sống trước mắt.

Sự thực không phải như vậy. Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng đã đề cập đến cốt tủy của hoạt động văn học, giải quyết được vấn đề này thì sẽ giải quyết được rất nhiều vấn đề khác, như các cuộc tranh luận về tương quan giữa văn chương và chính trị, giữa thực tế và tác phẩm, giữa người viết và người đọc, cũng như trách nhiệm của người cầm bút đối với xã hội, cộng đồng.

Vấn đề nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng đặt ra cũng nhắc nhở những cuộc tranh luận xưa nay chung quanh một câu hỏi: Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh?

Theo chúng tôi, đây là một vấn đề giả. Không có một thứ nghệ thuật nào thoát ra khỏi vòng nhân sinh. Tuy nhiên nghệ thuật phục vụ nhân sinh theo cách riêng của nghệ thuật. Từ nguyên mẫu là nhân sinh, người sáng tạo không chụp hình nhân sinh giống y như cái vốn có của nguyên mẫu, vì biết rất rõ rằng nhân sinh là một thực thể thiên biến vạn hóa, phức tạp và huyền nhiệm, sức người chỉ có thể nắm bắt được một mặt nào đó của nhân sinh mà thôi. Trong khi lựa chọn nắm bắt những mặt tiêu biểu (theo lối nhìn của tác giả), người sáng tạo đã thay đổi nguyên mẫu, sau đó bằng óc tưởng tượng biến nó thành một thực tại hoàn toàn khác. Nhờ thế, nhân sinh giàu có hơn, con người đa diện hơn, và lợi ích của nghệ thuật không nằm ở chỗ nó biến đổi cải tiến đời sống trước mắt, mà nó giúp cho người thưởng ngoạn hiểu rõ đời sống hơn, yêu mến con người hơn. Nadine Gordimer nhà văn Nam Phi có lần đã phân biệt chính trị và văn chương như sau: chính trị đối phó với những biến cố đang xảy ra, văn chương quan tâm đến những gì xảy ra trước biến cố và hậu quả của biến cố. Như thế văn chương đi trước chính trị để cảnh giác và đi sau chính trị để rút

kinh nghiệm. Đi trước, văn chương bị chê là kẻ thày lay lắm chuyện, đi sau, bị trách là người bàng quang vô trách nhiệm. Người ta đòi hỏi nhà văn phải có những đóng góp trực tiếp, cho hôm nay, lúc này, tại đây. Đòi hỏi văn chương không được viển vông đi chệch ra khỏi những quan tâm của dòng chính. Đòi hỏi như thế, dẫn tới một hệ quả tất yếu: là văn chương phải phục vụ cho chính trị. Cuộc tranh luận giữa Hải Triều và Hoài Thanh chung quanh câu hỏi vị nghệ thuật hay vị nhân sinh hồi đầu thập niên bốn mươi, thực chất không phải là "vị nhân sinh", mà là "vị chính trị".

Những người cộng sản đã thắng khi buộc văn chương nép mình ngoan ngoãn dưới điều khiển chặt chẽ của chính trị. Hậu quả ra sao, tất cả chúng ta ai cũng biết.

Văn Học hy vọng bài viết ngắn của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng sẽ là gợi ý để có một cuộc bàn luận rộng rãi hơn về chủ đề quan trọng này.

Ngẫu nhiên mà hai bài viết của Trần văn Tích và Nguyễn Thạch Miên minh chứng cho công việc biến đổi và thăng hoa thực tại của óc tưởng tượng trong sáng tạo. Trần văn Tích chú trọng sự thăng hoa của ngôn ngữ. Nguyễn Thạch Miên dựa vào cuốn tiểu thuyết mới xuất bản của Phạm thị Hoài, đối chiếu thực tại tâm linh của giới trí thức Việt Nam với cái thực tại dữ dội mờ ảo giữa mê và tỉnh, nhầy nhụa và thơ mộng, man dã và tế nhị qua óc tưởng tượng của nhà văn.

Sau số báo này, Văn Học hy vọng sẽ có nhiều nhà văn đóng góp ý kiến về đề tài này, dựa vào kinh nghiệm của mình kể lại cho bạn đọc biết từ nguyên mẫu trong đời sống, tác phẩm đã thành hình như thế nào. Những kinh nghiệm quí giá ấy sẽ giúp cho chúng ta xác định ranh giới của hiện thực và tưởng tượng, từ đó xác định ranh giới của trách nhiệm công dân (đối với xã hội, cộng đồng) và trách nhiệm người sáng tạo. Soi sáng được điều này, chúng tôi nghĩ sẽ không còn những cuộc tranh luận hao phí thì giờ và giấy mực về những vấn đề giả.

Trở lại nội dung của Văn Học số 122, phần tác giả và tác phẩm hai mươi năm văn học hải ngoại, chúng tôi xin giới thiệu ba nhà văn Đỗ Tiến Đức, Khánh Trường và Hà Thúc Sinh.

Phần văn xuôi, có truyện ngắn của Trần Long Hồ, Bùi Bích Hà, Hồ Minh Dũng, Hoàng Nga, Hoàng Chính.

Phần thơ có đóng góp của Đỗ Quyên, Nguyễn Thanh Châu, Hồng Khắc Kim Mai, Định Nguyên, Trần Hoài Thư, Diên Nghị, Phan Ni Tấn.

Đỗ Quyên vừa rời Đức sang định cư ở Canada đã gửi bài cho Văn Học, và nhà thơ Diên Nghị lần đầu tiên đã ưu ái gửi cho chúng tôi sáng tác mới nhất của anh.

Văn Học trân trọng cảm ơn tất cả các bạn văn và bạn đọc. ***Văn Học***

Tưởng tượng và Hiện thực

Nguyễn Xuân Hoàng

1.

Có lần tôi được nghe một "ông bạn cầm bút" bảo: "Này ông, tôi biết tay X. chưa bao giờ ở Hà Nội một ngày mà sao dám viết về Hà Nội. Tôi đã sống cả một thời tuổi trẻ ở đó mà tôi còn chưa viết nổi về nó, thế mà...!"

Nhận xét của "ông bạn" thật đơn giản như hai với hai là bốn. Người ta không thể viết về con người hay sự việc mà người ta không biết. Không biết thì không thể viết. Đó là chân lý.

Thế nhưng, mặc dù đã sống ở Mỹ hơn mười năm trời mà tôi cũng có viết gì được về xứ sở này đâu. Cái thế giới của tôi quá nhỏ bé. Con đường Bolsa. Sở làm. Khu thương xá Phúc Lộc Thọ. Lớn hơn một chút là Quận Cam. Mà Quận Cam nào kia chớ. Quận Cam rộng lớn lắm. Con số người Việt sống tại đây tuy đông hơn nhiều nơi khác, nhưng cũng chỉ là muối bỏ bể thôi. Đâu có dễ gì xâm nhập vào đời sống người bản xứ. Quanh đi quẩn lại cũng chỉ là tụ tập cuối tuần ở mấy căn nhà của các bạn thân của tôi nằm rải rác ở mấy thị xã trong Quận Cam thôi. Tôi nghĩ ông bạn kia chắc cũng biết đời sống xã hội chúng tôi thu hẹp trong một vòng tròn nhỏ.

Thật khó mà thẩm thấu vào nổi cái xã hội của người bản xứ. Nhiều người sống ở đây trên hai mươi năm, di cư từ đợt đầu tiên, tưởng biết Mỹ dữ lắm, nhưng rốt cuộc cũng chẳng ra làm sao. Mỹ ra đằng Mỹ, mít ra đằng mít. Thành ra nếu có viết được điều gì thì cũng chỉ là viết về cái đám Mỹ vàng đầu đen mà thôi.

Ấy thật ra cũng là cách nói dành cho cái bọn từ Năm Mươi trở lên như bọn chúng tôi đây. Chớ những người trẻ cầm bút từ ba mươi trở xuống, thì có lẽ khác hơn nhiều chứ. Đường kính của vòng tròn thẩm thấu đời sống bản xứ của họ chắc chắn là phải lớn hơn. Bởi vì tuổi trẻ, rào cản ngôn ngữ và tài năng là những chiếc chìa khoá cho phép những người cầm bút trẻ này mở được nhiều cánh cửa mà bọn Năm Mươi chúng tôi đầu

hàng. Tuy vậy, tôi nghĩ, những sáng tác của Nguyễn Quí Đức, Andrew Lâm, Lại Thanh Hà,... chỉ sẽ chinh phục người đọc bản xứ hay người đọc thế giới một khi họ quay về nguồn cội của họ. Việt Nam trong phần sâu thẳm của của trái tim họ sẽ là sức hút của tác phẩm họ với người đọc.

2.

Kinh nghiệm nghề văn của những người đi trước cho biết hình tượng nhân vật trong một tác phẩm không phải bước vào trang sách từ cõi hư vô. Tác giả *Cha Và Con*, nhà văn Turgeniev thú nhận rằng chưa bao giờ ông "dám liều" xây dựng một hình tượng nếu như ông chưa có một con người bằng xương bằng thịt làm xuất phát điểm. Và ông thố lộ rằng nhân vật chính của ông được dựng lên từ hình ảnh của một người thầy thuốc tỉnh lẻ. Trong tác phẩm *Đồng Cỏ* của Nguyễn Đình Toàn, nhân vật nữ làm việc ở đài phát thanh có lẽ [chắc] đã được Nguyễn Đình Toàn lấy mẫu từ một người nữ làm cùng sở với ông trong đài phát thanh. Chính những từ, những động tác, những đối thoại của các nhân vật cho phép ta nghĩ như vậy. Không khí phòng thu thanh, ngôn ngữ của người đọc bản tin, những cơn mưa Sài Gòn, và cơn run rẩy của thành phố chiến tranh,...cho ta nghĩ rằng Nguyễn Đình Toàn đã viết *Đồng Cỏ* từ những chất liệu có sẵn đó. Những nhân vật trong Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác mang bóng dáng của những người từ đời sống bên ngoài, nhân vật Lara trong Bác sĩ Zhivago chính là người tình Olga Ivinskaia của Boris Pasternak trong đời thường của ông, hay nghề nghiệp người thầy thuốc của Vũ Đình Minh đã góp phần rất lớn trong truyện "Trong Phòng Hồi Sinh" của Mai Kim Ngọc,...

Và *Đêm Giã Từ Hà Nội* của Mai Thảo, *Đầm Lai* (Métisse Blanche) của Kim Lefèvre, *Nước Đục* của Nguyễn Ngọc Ngạn,...cũng minh hoạ được mối liên hệ giữa tác giả và tác phẩm: Người cầm bút nào chẳng xây dựng tác phẩm từ những hình tượng có trong cuộc sống, thậm chí đôi khi nhân vật trong tác phẩm mang cả da thịt của chính tác giả nữa.

Tuy vậy tác phẩm văn học sẽ ra sao nếu nhà văn chỉ là người làm công việc của một anh thợ chụp ảnh, thu nhận mọi việc khách quan vô ngã như một cái máy. Chính xác và trung thực.

Hãy trở lại Turgeniev với cuốn *Cha Và Con*. Ông nói ấn tượng mà con người thầy thuốc tỉnh lẻ đã giúp ông sáng tạo nhân vật Bazarov thật mạnh mẽ, nhưng đồng thời cũng chưa phải là yếu tố làm thành tác phẩm. *Cha Và Con* chỉ chào đời sau khi ông đã để trí tưởng tượng sáng tạo hoàn tất tác phẩm của ông.

Tôi nghĩ Võ Phiến hay Mai Thảo, Nguyễn Đình Toàn hay Nguyễn

Mộng Giác, Kim Lefèvre hay Trần Mộng Tú...cũng sẽ dễ dàng chia sẻ ý này với Turgeniev.

Tôi nghĩ điều này cũng đúng cho tất cả những nhà văn...Nói cách khác cá tính sáng tạo của nhà văn - như tên một tác phẩm của nhà phê bình và lý luận văn học Nga M.B. Khrapchenko- là yếu tố quyết định tác phẩm. Có thể nói, mặc dù nhiều người cầm bút có cùng chung một kinh nghiệm, nhưng chính trí tưởng tượng sáng tạo của họ đã làm tác phẩm của mỗi người mang một khuôn mặt riêng, một vóc dáng riêng, một chiều sâu khác với những tác phẩm khác.

Tưởng tượng sáng tạo cũng làm cho bút pháp của nhà văn này khác nhà văn kia. Bút pháp là tác giả.

3.

Mặt khác, lời chỉ trích của ông bạn cầm bút trên dường như cũng không thể giải thích được sự hình thành tác phẩm nghệ thuật trong nhiều trường hợp. Thử hỏi kinh nghiệm nào, con người nào đã giúp Jules Verne viết được *Hai Mươi Ngàn Dặm Dưới Đáy Biển*, Nguyễn Tuân viết được *Chùa Đàn*, George Orwell với *Trại Loài Vật*...Hoặc gần chúng ta hơn kinh nghiệm nào đã cho Trần Vũ viết về một Hà Nội mà anh chưa hề đặt chân tới một lần khi anh viết "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu?" Nhiều người sống lâu ở Hà Nội đâu có nghĩa nhất thiết rằng người ấy sẽ viết về một Hà Nội như Trần Vũ đã viết. Hà Nội của Nguyễn Tuân chắc chắn khác với Hà Nội của Mai Thảo. Bao nhiêu người đã lớn lên ở Huế, đã theo học những ngôi trường nổi tiếng ở xứ Thần Kinh này không có nghĩa là chỉ có Huế trong tác phẩm của những người này mới là "Huế thiệt" còn Huế của những người chưa từng lớn lên ở xứ sông Hương núi Ngự này, chỉ thoáng qua Huế đôi ba ngày hoặc đôi ba tuần một hai tháng thì Huế đó không phải là Huế của văn chương.

Tôi đã sống tại Sài gòn khá nhiều năm, ít nhất là trên hai mươi năm thế mà sao muốn viết một bài về thành phố này khó thế.

Thành ra yêu cầu của ông bạn cầm bút nói trên có vẻ như chỉ đáp ứng có một yếu tố. Để hoàn thành một tác phẩm nghệ thuật, yếu tố đó quá mỏng. Đòi hỏi đó chỉ cốt yếu cho những người theo chủ nghĩa tự nhiên. Bởi vì trong văn học nghệ thuật bỏ quên cá tính sáng tạo, người viết chỉ còn một thể loại để theo là hoàn thành những thiên phóng sự cho những trang báo tin tức thời sự, xa hơn là những bài ký, ký sự, hồi ký, ghi chép...Nhưng ngay cả trong những thể loại này, hình như người đọc cũng không bằng lòng với vai trò chụp ảnh của người ký giả. Thiếu một bút pháp riêng biệt, thiếu một trí tưởng tượng sáng tạo, những trang viết của

ông ta chỉ là những trang chữ "vô bản sắc, nhạt nhẽo, buồn nẫn."

Nhà văn Konstantin Pautovsky trong *Bông Hồng Vàng* đã hết lời đề cao vai trò của trí tưởng tượng sáng tạo trong đời sống - không chỉ trong lãnh vực văn học nghệ thuật mà còn cả trong khoa học kỹ thuật nữa. Theo Pautovsky chính trí tưởng tượng đã tạo ra luật vạn vật hấp dẫn, đã xây dựng nên câu chuyện tình bi thảm Tristan và Iseult, đã sáng tác được bài Marseillaise, đã đẻ ra chú nai con Bambi, Hoàng tử Hamlet,...

Vâng, không có trí tưởng tượng sáng tạo, nhà văn chỉ còn là một người chụp ảnh tầm thường, ghi nhận chính xác cái bề mặt vô ngã, vô cảm của người và việc. Ông ta chắc sẽ không bao giờ bước qua nổi ngưỡng cửa của một nhà nhiếp ảnh, nói gì trở thành một nhà hội hoạ.

Ông ta sẽ tự hỏi, và chắc khó tìm ra câu trả lời, vì sao, do đâu Antoine de Saint-Exupéry viết được *Le Petit Prince*, Garcia Marquez viết *Trăm Năm Cô Đơn*, Dante với *Thần Khúc*,...

Nói theo nhà văn nữ Pháp quốc, Nathalie Sarraute, có hai loại hiện thực tồn tại nơi nhà văn. Một loại hiện thực có thể nhìn thấy được, trong một thế giới mà nhà văn đang sống, và những người chung quanh anh ta đang sống. Bà nói loại hiện thực đó không thể làm thành tiểu thuyết. Tôi muốn gọi đó là quặng mỏ của những trang sách. Loại hiện thực thứ hai là thế giới được phóng ra đôi khi từ những quặng mỏ kia, nhưng đôi khi chẳng từ một cái gì khác ngoài thế giới tưởng tượng của nhà văn, thế giới trong đó anh tự cách ly ra khỏi cảnh giới chung quanh, dựng ra một rào cản không một kẻ nào khác có thể xâm nhập nổi.

Vâng, cũng như mọi người, nhà văn, người nghệ sĩ không thể sống mà không sống trong một xã hội, giữa một xã hội, với xã hội, nhưng khi viết, anh viết trong sự cách ly. Chính trí tưởng tượng sẽ đưa anh tới cuối đường hoàn thành một tác phẩm.

Dostoievsky cho rằng người ta không đòi hỏi nhà văn viết nhằm mô tả hiện thực một cách chính xác và đúng đắn theo kiểu chụp ảnh một cách máy móc. Người ta đòi hỏi từ hiện thực kia, nhà văn viết một cái gì khác hơn, rộng hơn, sâu hơn cái mà ông ta cũng như mọi người sống và trãi qua trong cuộc sống.

4.

Hãy viết bằng tiếng nói, bằng trái tim của mình. Hãy nói bằng cổ họng của mình. Đừng để cái giọng nói của người khác trong cổ họng của mình. Đừng để giọng nói của mình phát ra từ bất kỳ cổ họng một người nào khác. Hình như Turgeniev đã có lần nói như vậy.❐

Những buổi chiều Arizona
NGUYỄN THANH CHÂU

Chiều Arizona
Hừng hực trời đổ lửa
Nhưng mỗi cây cọ vẫn đứng ung dung
Nhưng mỗi cụm xương rồng mãi tươi tốt
Đâu như ta
Vàng vọt nỗi nhớ người
Thất thểu bước giữa phố đường lạ mặt
Lòng ráo hoảnh ngậm ngùi
Thèm sao những giọt nước mắt
Những giọt nước mắt của ngày đầu hôn phối
Những giọt nước mắt của đêm cuối chia tay
Chắc hẳn em còn nhớ
Cuộc ra đi nào không xót xa
Dẫu là tự nguyện...

Chiều Arizona
Khô khốc từng cơn gió
Chẳng khác gió Lào nơi quê hương ta
Thổi xơ xác
Thổi hanh hao
Ôi một mùa hè nào nghiệt ngã
Những người thân những bạn bè ta gục xuống hàng hàng
Cho cuộc chiến tồi tệ

Có thể nào em quên
Những ngày cuối tháng Tư tang tóc
Thổi ta đi từ cơn gió đỏ điên cuồng
Thổi ta đi qua biết mấy tầng địa ngục
Đói. Rét. Nhục hình
Ta chẳng còn ta thân tàn ma dại
Em có là em nhạt phấn phai hường
Đeo đẳng mỗi phận người khốn đọa...

Chiều Arizona
Dạn dày bước luân lạc
Đất lạ xa xăm trời sa mạc
Ngó quanh những hồ nước cạn lờ
Những đồi núi trọc
Bao dung ta xế buổi điêu tàn
Bao dung ta hết thời lỡ vận
Xin cảm ơn
Xin cảm ơn đời ta vẫn sống
Lạ thường sao buổi chiều nay
Một cơn mưa bất chợt
Hiếm hoi như ân sủng của đời
Hiếm hoi như hạnh phúc lẻ loi
Hiếm hoi như nụ cười em hồn hậu
Mưa
Mưa làm ta nhớ đến quê nhà
Biết bao giờ...

Lời Thơ

Trần Văn Tích

Bác sĩ Jivago là y sĩ thi sĩ. Làm thơ tặng Lara, chàng huy động ngôn ngữ thi ca. Điều trị cho Kamarowsky, chàng sử dụng ngôn ngữ y học. Chàng đã nói và viết hai ngôn ngữ bằng tiếng Nga.

Giới y sĩ có ngôn ngữ riêng của họ. Vào một dịp thuyết trình cho các nhân viên xã hội, tâm lý, hành chánh người Đức, khi nghe tôi kể là thế hệ tôi đã học y khoa bằng tiếng Pháp vì hầu như không có thầy Việt Nam, thính giả đã rất ngạc nhiên và thắc mắc như vậy tôi làm sao giải thích bệnh tật cho đồng hương của mình được. Tôi đã cười bảo họ rằng chính *Hausarzt* (1) của họ cũng đâu có giảng được trọn vẹn những điều mình muốn giảng cho bệnh nhân đồng chủng nghe; các LVA (2) luôn luôn yêu cầu chúng tôi khi đọc bệnh án cho thư ký đánh máy viết, nhớ dùng... tiếng Đức.

Nhà thơ cũng có ngôn ngữ của riêng mình. Ngôn ngữ thi ca là hình thái ngôn ngữ cô đọng, ngữ khí thi ca có thể cách ngữ khí đậm đặc. Thơ tuy lời chật nhưng ý rộng, lời gần nhưng ý xa, lời cạn mà ý sâu. Nhà thơ luôn luôn ra sức gọt giũa ngôn ngữ, lựa chọn từ vựng sao cho với một khối lượng chất liệu và phương tiện nghệ thuật tối thiểu mà đạt đến một hiệu quả mỹ học tối đa. Tiết kiệm là một trong những đức tính mà sáng tác thi, từ đòi hỏi. Mặt khác, khi đứng riêng lẻ, mỗi từ thường có một ý nghĩa chính, được ghi trong các từ điển, tự điển. Nhưng khi được bố trí trong một đoạn văn, trong một câu thơ, tức là được đặt trong một mối liên hệ với các từ khác, thì hệ thống cấu trúc mới sẽ trang bị cho từ một giá trị riêng tây và từ liền có một ý nghĩa khác. Bản lĩnh chế hóa là một trong những khía cạnh mà tài năng văn chương coi là không thể thiếu.

Khác với ngôn ngữ khoa học đòi hỏi tính đơn nghĩa, ngôn ngữ văn học mang tính đa nghĩa vì một mặt đã được tinh luyện, mặt khác đã được

sao tẩm. Saint John Perse, phát biểu khi nhận giải Nobel văn chương, đã nói về thi ca: "Người ta trách nó khó hiểu, nhưng nó khó hiểu không phải tự bản chất, bởi bản chất thi ca là soi sáng; nó khó hiểu vì nó phải thám hiểm màn đêm tâm hồn và niềm bí ẩn con người tắm đầm trong đó. Nhưng khi biểu đạt, thì thi ca không được phép tối tăm và cung cách biểu đạt của nó cũng không kém phần khắt khe so với khoa học." (3)

Saint John Perse đòi hỏi ngôn ngữ văn chương phải nghiêm ngặt như ngôn ngữ khoa học. Thật ra toàn cảnh bài diễn thuyết ngắn đọc như một lời thâm tạ đối với giải thưởng Nobel nhằm đặt mối liên hệ tương đồng khoa học—thi ca, rồi mối liên hệ đối chiếu triết học—thi ca và cuối cùng mối liên hệ tỷ giảo giữa nghệ thuật và cuộc đời. S.J.Perse cho rằng thơ bao hàm tất cả những gì thuộc về người, quá khứ, hiện tại, tương lai, nhân loại và siêu nhân, nhưng chẳng phải vì lẽ đó mà ngôn ngữ thi ca trở nên bí hiểm như hoặc hơn đối tượng mà thi ca phủ trùm. Ngoài cái muôn màu muôn vẻ của cuộc đời thực, thơ còn tìm đến những chân trời ước mơ và mộng tưởng. Thế giới có tính chất mộng ảo nầy có một vị trí tiêu biểu quan trọng. Nó mở rộng thế giới thực để người đọc có thể cảm nhận nhiều cõi càn khôn rộng rãi hơn, bao la hơn, của hôm qua, hôm nay và ngày mai, của cái có thật và cái có thể có và nên có, của cái chúng ta đang sống và cái mà mọi người mong ước. Nếu cần kể làm ví dụ thì còn ví dụ nào hùng biện hơn *Ly tao*, bản trường ca đầu tiên trong lịch sử thi ca Trung Hoa. Cho nên S.J. Perse dùng động từ *soi sáng* (éclairer) còn khái niệm *bí ẩn* (mystère) thì không phải nhằm chỉ hình thái thi ca mà chỉ những vực sâu tâm khảm. (4)

Qua quá trình cảm thụ nghệ thuật, người xem nhìn thấy trực tiếp bằng mắt một tác phẩm hội họa, một công trình kiến trúc, một bức tượng điêu khắc; người nghe cảm nhận trực tiếp bằng tai những âm thanh của một nhạc khúc giao hưởng. Hình tượng âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điêu khắc được người nghe, người xem tiếp thu một cách sinh lý và cảm thụ một cách trực tiếp qua các giác quan. Nhưng văn học lại đòi hỏi độc giả phải vận dụng ý thức, suy nghĩ, tư duy, tưởng tượng, trí tuệ để tái hiện con người và cuộc sống do nhà thơ nhà văn mô tả bằng ngôn ngữ. Tác phẩm hội họa, kiến trúc, điêu khắc tồn tại một cách khách quan, độc lập đối với người thưởng thức dưới hình thức là những vật thể có khả năng trực tiếp khơi dậy các rung động thẩm mỹ; tác phẩm văn học được xây dựng bằng ngôn ngữ, ngôn ngữ ấy được ghi giữ qua văn tự, và ở đây, cả một đại dương từ vựng đang chờ đợi sự tái tạo tích cực và mạnh mẽ của người đọc. Hình tượng văn học chịu nỗi thiệt thòi là không tác động được thẳng

vào đối tượng thưởng thức cho nên nghệ sĩ ngôn từ phải dày công tìm một thứ ngôn ngữ thực sự hoàn thiện, có khả năng khơi gợi mạnh mẽ trí tưởng tượng của độc giả, có tác dụng xây dựng thành công những liên tưởng mỹ học đặc thù.

Cho nên thi ca tràn ngập hình thái chuyển nghĩa: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, phúng dụ, định ngữ, uyển ngữ, tượng trưng, nhân cách hóa v.v... Nhờ những hình thái chuyển nghĩa nầy, ngôn ngữ văn học càng thêm uyển chuyển, biến hóa cực kỳ linh hoạt, có tính tạo hình và biểu cảm cao. Nhưng trong sáng tác văn học, cái hình thái chuyển nghĩa không những chỉ đảm nhận chức năng tái hiện sinh động những hiện tượng của đời sống, biểu hiện sâu sắc và tràn đầy xúc cảm những rung động của tâm hồn; mà còn bộc lộ đậm nét cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ. Tuy nhiên thi ca không vận dụng các hình thái chuyển nghĩa như những vật thể trang sức cho tư tưởng; thi ca không chủ trương mang vẻ lộng lẫy lại cho văn tự qua những hình tượng hào nhoáng vì làm như thế chỉ có hiệu năng tháp ghép những bông hoa tu từ khiến làm loãng tư duy. Thi ca hướng về một hình thái "siêu tư tưởng", như kim cương là siêu cácbon, ngọc trai là siêu cácbônát calci. Dẫu vậy, châu ngọc thi ca lại không phải là nước mắt kết tinh, mà là ý thơ ngưng đọng. Lời thơ nhiều khi là những lời thần chú.

Hình tượng nằm trong tim thơ. Từ một công cụ giao tiếp thực dụng phổ biến, Nàng Thơ vung cây gậy thần hóa phép tạo ra những ảnh tượng đa nghĩa, đa năng. Trong văn xuôi là *Il pleut* (5), trong thi ca là *Il pleure dans mon coeur / Comme il pleut sur la ville* (6). Nói cách khác, văn xuôi cung cấp một thông báo, trình bầy một tin tức (trong trường hợp này là về khí tượng học: trời mưa); nhưng thi ca thì đặt chồng những hình tượng lên nhau. Một thủ pháp trùng nhiếp (vốn là của ngành chụp ảnh!), giọt mưa / dòng lệ: hai vũ trụ đóng kín, xám xịt, có những tia nước, những vạch ẩm; một liên hệ song song, quả tim / phố thị: cảm xúc thống nhất giữa tâm cảnh và ngoại giới, niềm đau vô cớ, nỗi buồn không rõ vì sao mà buồn.

Trên nguyên tắc, thơ nghiêm khắc với chính mình khi dụng ngữ, do đó, có thể phần nào tối nghĩa, nhưng tối nghĩa ở đây là hậu quả tính súc tích, tính chính xác; tối nghĩa không có nghĩa là leo lét, lu mờ, mơ hồ.

Là ngôn ngữ riêng biệt, tiếng thơ được Mallarmé so sánh với các nốt và dấu nhạc học; chặt chẽ, nghiệt ngã bám sát những xúc động của tâm hồn. Edgar Poe đã giải thích lề lối thai nghén bài thơ mô phỏng nhạc học *The Raven* (Con quạ) một cách gần như toán học qua vận dụng kỹ xảo âm vận, điệp vận và điệp khúc. Beaudelaire và Mallarmé xem sáng tạo như những con tính chính xác. Bài sonnet *Voyelles* (Nguyên âm) của Rimbaud

mang hậu ý lập những phương trình đại số. Jules Romain, trong *Những người sáng tạo* (Les créateurs) giới thiệu nhà thơ Strigelius—lấy Paul Valéry làm nguyên mẫu ngoài đời—viết bài thơ mười câu, không phải từ những ý thơ cần diễn đạt, mà từ những cấu trúc ngôn ngữ tính toán chi li và dựa vào những phương tiện cấu tứ phức tạp. André Breton—cũng là y sĩ thi sĩ như Jivago!—chủ xướng hoán dụ tu từ phải thuộc một hệ thống tỷ giảo chặt chẽ. Du Bellay còn đề xướng một ngôn ngữ đặc biệt cho thi ca với nhiều cách tân ngữ pháp: dùng động từ ở cách vị biến như danh từ, dùng tính từ như trạng từ. Paul Valéry phát biểu: Nhà thơ mòn mỏi hiến mình nhằm định nghĩa và xây dựng một ngôn ngữ trong ngôn ngữ (7). Kết cấu chặt chẽ của thơ luật Đường với căn tính *ý tại ngôn ngoại* khiến rất nhiều bài thơ hóa thân thành những bài toán giải đáp một vấn đề xã hội nhân thế bằng hình tượng nghệ thuật.

Năm 1938, báo *Ngày nay* in lại bài thơ *Thề non nước* của Tản Đà kèm theo lời dẫn đề khá dài của tòa soạn. Trong bài có hai câu nguyên thủy là:

Non cao những ngóng cùng trông
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày.

Hình tượng nước non, non nước vốn thường được dùng như biểu tượng tình yêu lứa đôi, để diễn tả sự thề nguyền, hẹn ước và chia ly, phụ bạc. Dáng núi đứng trong tương tư, dòng nước xuôi vì thương nhớ. Nhưng rồi Tản Đà chữa lại thành:

Non cao những ngóng cùng trông
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.

Chữ *khô* có khả năng biểu cảm cao hơn, có tác dụng diễn tả sâu hơn. Dòng lệ sau bao tháng năm mòn mỏi chờ đợi đã trở nên khô cạn. Tình trạng bi đát hơn, thê thảm hơn; tình trạng giàu sắc thái hơn, bóng ảnh sắc nét hơn, cảm xúc cay đắng hơn, cảm thụ mãnh liệt hơn.

Khi Kim Trọng đột ngột từ Bắc kinh phải đi Liêu dương hộ tang chú và đau xót chia tay với Thúy Kiều thì chàng dặn dò người yêu:

545 (*) *Gìn vàng giữ ngọc cho hay,*
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.

Ngôn ngữ thơ nói *gìn vàng giữ ngọc* là sử dụng ẩn dụ. ẩn dụ dựa trên cơ sở đồng nhất hai hiện tượng tương tự, hai hình tượng ngôn ngữ. Nhà thơ giấu cái được so sánh đi một cách kín đáo. "Hình tượng mỹ học phát sinh từ sự đối chiếu hai thực tại ít nhiều xa lạ nhau, nhưng mối liên hệ giữa hai thực tại được so sánh càng xa và càng đúng thì hình tượng càng sắc nét—hình tượng càng có sức mạnh biểu đạt và thực tế thi vị" (P. Reverdy) (8).

Vàng, ngọc là thứ quí giá, vậy thực tâm Nguyễn Du muốn nói đến thứ gì quí giá đây?

Truyện Kiều do Nguyễn Thạch Giang chú giải và khảo đính không chú giải hai câu này (9). *Truyện Kiều*, Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo hiểu: *Hai câu này là Kim Trọng dặn Kiều ở nhà gìn-giữ-thân-thể cho khỏe mạnh, để mình đi cho yên lòng* (10). *Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh giải thích: gìn giữ thân thể vàng ngọc, Nguyễn Du tách ra mà nói gìn vàng giữ ngọc cho đối* (11). Nguyễn Văn Vĩnh dịch thành: *Conservez-moi donc le trésor de votre personne (de votre santé)* (12). (Xin nàng hãy vì tôi mà bảo trọng thân mình (giữ gìn sức khỏe)). Xuân Phúc trong hai dịch phẩm do Gallimard và Thanh Long phát hành đều theo lối trực dịch: *Conservez l'or et le jade précieusement* (13). (Xin nàng giữ cẩn thận vàng và ngọc). Lê Xuân Thủy hiểu: *Take care of your precious gold and jade person* (14). (Xin nàng gìn giữ con người vàng ngọc quí báu của mình). Huỳnh Sanh Thông chuyển đổi đặc quyền sở hữu về vàng và ngọc từ Thúy Kiều sang Kim Trọng: *Care for yourself, my gold, my jade* (15). (Xin nàng tự bảo trọng, nàng, vàng và ngọc của tôi).

Kim Trọng là người rất mực si tình và chung tình. Vào cái buổi chia tay xé lòng đó, trong tiếng nấc nghẹn ngào của đôi tim, mối tình đầu đời say đắm chỉ cung cấp đủ nhiệt lượng cho chàng nói—nếu chàng sử dụng được ngôn ngữ của Goethe, của Schiller—hai chữ vô thưởng vô phạt *Leb wohl* (Mạnh giỏi) mà thôi ư? Bên cạnh tấm thân đành rằng ngọc ngà quí hóa, còn có tấm tình tha thiết nồng nàn. Cho nên ẩn dụ *vàng, ngọc* không phải chỉ qui chiếu vào thực tại cơ thể như những soạn giả hay dịch giả *Truyện Kiều* hiểu, mà còn chứa tải nội dung tình nghĩa. Nếu cho rằng Kim Trọng chỉ dặn dò Thúy Kiều giữ gìn sức khỏe thì e rằng chưa hiểu chàng Kim, con người rồi ra sẽ vật vã khóc than với tất cả lòng thành và nghĩa nặng khi trở lại vườn Thúy. Tất nhiên hiểu như Đào Duy Anh chẳng hạn thì không hề là sai lầm, có điều hiểu như vậy tưởng chừng chưa đầy đủ. Tính chất *poésie perle, poésie diamant* (16) của từ vựng nghệ thuật khiến thông thường nhiều nghĩa thường trú chung nhau ngay trong một từ, đưa lại cho từ ngữ thẩm mỹ những tầng lớp nghĩa khác nhau, hòa quyện vào nhau. Qua cảm hứng của tác giả và qua cảm thụ của người đọc, lời thơ *vàng, ngọc* ở đây ít nhất cũng bao hàm hai nghĩa: giữ gìn sức khỏe và trọn nghĩa chung tình. Cho nên lĩnh hội theo cung cách của Nhà Xuất bản Văn Học: *Giữ gìn thân thể cho được khỏe mạnh, và cũng ngụ ý giữ gìn mối tình cho được thủy chung* (17) hoặc theo nội dung được Văn Hạc Lê Văn Hòe ghi nhận: *Giữ gìn thân thể như giữ gìn vàng ngọc, ý nói giữ mình cho thận trọng, trong sạch. Kim Trọng dặn Kiều giữ tiết đợi chàng. Chàng*

đã tỏ ý ghen, sợ Kiều yêu người khác (18) thì hợp tình hợp cảnh hơn. Tất nhiên có nên gán cho Kim Trọng tính nết ghen tương hay không thì đó là chuyện khác. Chuyện cần nói là chính vì hiểu hai chữ vàng, ngọc của Kim Trọng như một ẩn dụ chủ yếu chỉ tình thâm nghĩa trọng nên rồi ra Thúy Kiều sẽ lên tiếng khóc than thấu trời:

755 *Ôi Kim lang, hỡi Kim lang!*
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!

Tính cách và hoàn cảnh nhân vật do Nguyễn Du khổ công khắc họa khiến người đọc phải tưởng tượng những biểu hiện về nội tâm của Kim Trọng theo chiều hướng đó.

Cũng qua *Từ điển Truyện Kiều*, Đào Duy Anh đã hiểu *màu quan san* trong câu thơ

1520 *Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san*

là *màu (...) núi rừng ở chỗ quan sơn* (19).

Đào Duy Anh đã hiểu theo cung cách của riêng mình. Những người thưởng thức *Truyện Kiều* khác không hiểu như vậy.

Trong *Việt Nam tự điển* của Hội Khai trí tiến đức, *quan san* được gán cho nghĩa rộng như *quan hà: nói cảnh đi đường hay ở xa*. Trong *Việt Nam tự điển*, Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ hiểu *quan san* là *đường xa xôi cách trở* và đan cử chính câu *Kiều* số 1520 nầy làm ví dụ. Trong *Từ điển tiếng Việt* do nhóm Văn Tân biên soạn, *quan san* có nghĩa bóng là *nơi xa xôi*. Trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, *quan san dùng để chỉ đường sá xa xôi, núi non cách trở*. *Truyện Thúy Kiều* do Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo hiểu *quan san* là *cách ải, cách núi, ý nói xa cách* (20). *Truyện Kiều* do Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải cho rằng *màu quan san tức là nói cái vẻ xa xôi cách trở* (21). *Truyện Kiều* của nhà Xuất bản Văn Học, Hà Nội, thích nghĩa *quan san: đây chỉ cảnh sông núi trên đường xa* (22). *Tự điển thành ngữ điển tích* của Diên Hương cho rằng *quan san* nói rộng ra là *nơi xa xuôi* và cũng ghi thêm là có câu *Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san*. *Tầm nguyên từ điển* của Bửu Kế thì bảo *quan san* có nghĩa bóng là *nơi xa cách*.

Quan san cũng có hàm nghĩa vừa trình bày trong các câu thơ sau đây:

123 *Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,*
Quan san để cách hàn huyên cho đành?
(Đoàn Thị Điểm. *Chinh phụ ngâm*)

207 *Để cha lận đận quan san,*
Cát lầm dầu dãi, sương hàn phôi pha.
(Lý Văn Phức. *Ngọc Kiều Lê*)

1663 *Hỏi thăm ra chốn Ô sào,*

Quan san mấy dặm đi vào tới nơi!
(Nguyễn Đình Chiểu. *Lục Vân Tiên*)

1937 *Gác kinh viện sách đôi nơi,*
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.

2873 *Vàng ra ngoại nhậm Lâm tri,*
Quan san nghìn dặm thê nhi một đoàn.
(Nguyễn Du. *Truyện Kiều*).

Tôi cũng xin trích dẫn các câu văn dịch tương ứng với câu 1520 *Truyện Kiều* bằng Đức ngữ, Pháp ngữ và Anh ngữ:

* Irene und Franz Faber: *Das sanfte Gruen des Ahorns wandelte der Herbst in eine dunkle Farbe, wie sie nur die Trennung kennt* (23) (Mùa thu đổi màu lục dịu của cây phong thành một màu sậm mà chỉ có cảnh chia ly mới biết đến).

* Nguyễn Văn Vĩnh: *L'automne avait teint la forêt de sycomores d'une couleur de séparation* (24). (Mùa thu đã nhuộm rừng phong bằng một màu ly biệt). Khi dịch từng chữ, Nguyễn Văn Vĩnh ghi: *quan san = portes et montagnes, séparation* (ải và núi, ly cách).

* Xuân Phúc et Xuân Việt: *L'automne a teint des couleurs de l'adieu la forêt d'érables* (25). (Mùa thu đã nhuộm màu lâm biệt lên rừng phong).

* Xuân Phúc: *L'automne a teint la forêt d'érables des couleurs de l'adieu* (26). (Mùa thu đã nhuộm rừng phong với màu lâm biệt).

* Huỳnh Sanh Thông: *Autumn was tinging maple woods with gloom* (27). (Mùa thu đã nhuộm rừng phong với màu ảm đạm).

* Lê Xuân Thủy: *Far away, bathed in the autumn sunlight, the forest of maple-trees seemed as though painted with a color of separation* (28). (Xa xa, tắm trong ánh mặt trời mùa thu, khu rừng phong như được nhuộm bằng một màu chia cách).

Nguyễn Du rất hay dùng phép đảo trang trong Truyện Kiều. Ngay ở câu đầu tiên, Tố Như đã thay đổi vị trí thông thường của các từ:

1 *Trăm năm trong cõi người ta.*

thay vì viết *Trong cõi trăm năm (của) người ta*, tức là *trong đời người*, hay *ở đời* (29).

Đảo trang—cũng gọi là đảo trí hay đảo ngữ—là một hình thức tu từ có mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo dựng hình ảnh, đường nét, màu sắc. Kết cấu cú pháp *Trong cõi trăm năm của người ta* thể hiện sắc thái trung hòa; thay đổi trật tự nầy với dụng ý nghệ thuật *Trăm năm trong cõi người ta* tạo ra sắc thái tu từ. Chức năng tăng cường sắc thái biểu cảm và biểu tượng là chức năng quen thuộc nhất của đảo ngữ. Cho nên giới ngôn ngữ học so sánh cho rằng đây là lý do tại sao

tiếng Đức rất ưa đặt tính từ trước danh từ, trạng từ trước động từ: ein *blaues* Kleid (một cái áo xanh), *Also* sprach *Zarathustra* (Zarathustra đã nói như vậy) vì văn học nòi giống Nhật nhĩ man mang bản chất cảm tính (30).

Trong câu thơ *Truyện Kiều*, tác giả đã sử dụng dạng đảo bổ ngữ; đem đặt đối tượng của hoạt động (rừng phong) lên trước vị ngữ, tức là thành phần của câu chỉ hoạt động (nhuộm) và chủ ngữ, tức là thành phần của câu chỉ sự vật thực hiện hành động (thu). Cách hiểu nầy không có gì để bàn thêm vì chính Đào Duy Anh cũng hiểu như vậy. Vấn đề còn lại chỉ là chức năng ngữ pháp của ba chữ *màu quan san*. Theo cách hiểu của tác giả *Từ điển Truyện Kiều* (*ở chỗ quan sơn*) thì đây là một trạng ngữ biểu thị địa điểm; theo cách hiểu của tất cả các từ điển, tự điển cũng như tất cả các bản dịch Truyện Kiều ra ngoại ngữ thì *màu quan san* lại là bổ ngữ gián tiếp.

Như vậy về ý nghĩa, Đào Duy Anh cho rằng *màu quan san* trong câu thơ 1520 *Truyện Kiều* là màu đỏ mà Nguyễn Du muốn chúng ta hiểu ngầm, và *màu* không đi cùng *quan san* để tạo thành một nhóm từ ba chữ chỉ tên gọi một sắc. Tôi cho rằng *quan san* có thể là tên gọi một màu lắm. Tuy nhiên, màu không phải chỉ có nghĩa là sắc, và sắc cũng chẳng phải lúc nào cũng có nghĩa là màu. Trong thơ Đường có *sơn sắc, vân sắc, nguyệt sắc, xuân sắc, thu sắc, biên sắc, dương liễu sắc, quan tái sắc* v.v... Chữ *sắc* trong Hán tự, chữ *màu* trong Việt ngữ, ở vào những trường hợp nầy, không còn mang nội hàm hội họa cụ thể mà khoác sắc thái khái quát triết học. *Sắc màu* chỉ sự tồn tại, sự hiện hữu; hay chỉ một thực thể, một trạng thái. *Sơn sắc* là sự tồn tại của núi, là dáng đứng của núi. *Nguyệt sắc* là ánh trăng, sáng trăng; có thể hoặc vằng vặc, hoặc lung linh, chẳng hạn. *Biên sắc* là cảnh biên ải, trời giới tuyến (cho nên khi chuyển câu thơ *Thú khách vọng biên sắc* trong bài *Quan sơn nguyệt* của Lý Bạch sang Pháp ngữ, G. Jaeger đã dịch *biên sắc* là *frontière*: biên giới) (31). *Dương liễu sắc* là màu ly biệt, là màu *biết thiếp đoạn trường nầy chăng* (32).

Ngay trong *Truyện Kiều*, không phải *màu* bao giờ cũng chỉ *sắc*. Trong câu 264 *Vi lô hiu hắt như màu khơi trêu* thì *màu* được Nguyễn Văn Vĩnh chú là *nuance, air, manière* (33). Trong câu 838 *Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên* thì *màu* là *apprêts* (33). Trong câu 887 *Khác màu kẻ quí người thanh* thì *màu* là *nuance, matière* (33). Người sáng lập *Đông dương tạp chí* không hề dùng chữ *couleur* để dịch màu trong ba câu thơ vừa kể. Như vậy, *màu* trong các câu nầy có thể hiểu là vẻ, dáng (air), cách thế, trạng thái (manière), thực chất (matière), sắc thái (nuance), sửa soạn, chuẩn bị (apprêts).

Cho nên trong nhóm từ *màu quan san*, chúng ta có thể hiểu *màu* theo

nghĩa thi vị hóa là dáng dấp, dạng vẻ; nhưng nhất là hiểu theo nghĩa tâm lý học, phù hợp cùng tâm cảnh chia tay của đôi lứa yêu đương Thúc Sinh Thúy Kiều. *Màu quan san* là một màu nội tâm, không phải một màu vật lý.

Huống chi theo luận lý, nếu muốn *quan san* chỉ giữ vai trò một trạng ngữ chỉ địa điểm như Đào Duy Anh (rừng phong ở chỗ quan sơn) thì không hợp lẽ vì buổi chia tay Thúc Sinh Thúy Kiều diễn ra ở Lâm tri thuộc tỉnh Sơn đông, nơi Tú Bà và Mã Giám Sinh mở thanh lâu và Thúc Sinh theo cha mở hiệu buôn. Sơn đông là một tỉnh nhìn ra Hoàng hải, Sơn đông không hề là tỉnh vùng giới tuyến; vậy tại sao khi Kỳ Tâm Thúy Kiều chia tay, Nguyễn Du lại nhè tả cảnh mùa thu nhuốm màu rừng phong ở nơi cửa ải biên thùy? Hơn nữa, khi thu về thì rừng phong ở khắp mặt địa cầu đều được nhuộm màu cả, chứ đâu phải chỉ riêng *ở chỗ quan sơn* mà thôi? Hiểu như Đào Duy Anh có vẻ phục lòng Nguyễn Du. Đào Duy Anh đã chỉ làm công việc phân tích theo cấu trúc ngữ pháp, Đào Duy Anh chưa mang hồn thơ rung cảm ra hiểu câu thơ. Tác giả *Truyện Kiều* chắc hẳn đã muốn rằng khi những đôi trai gái yêu nhau chia tay thì đối với họ, rừng phong dù là ở đâu đi nữa và cả ba trăm năm trước hay ba trăm năm sau, cũng mang *màu quan san* hết. *Màu quan san* tức là màu tiễn chân, màu chia tay, màu lâm biệt, màu phân ly, màu xa vắng, màu ngăn trở, màu tan tác, màu *cách diễn* (34), màu rẽ thúy chia uyên, màu sẩy đàn tan nghé, màu *đau lòng kẻ ở người đi* (35).

Bản thân Đào Duy Anh, khi giải thích chữ *quan san* trong hai câu thơ *Truyện Kiều* số 1938 và 2874 đã được đan cử ở phần trước đây cũng ghi rằng: *Quan san* (sơn): *cửa ải và núi non, chỉ đường xa, tình ly biệt* (36). Rõ ràng là đã có sự khái quát hóa, trừu tượng hóa để trang bị cho quan san chức năng biểu cảm, tạo cảm giác xa xôi cách trở. *Quan san* không thể có chức năng văn phạm trạng từ nơi chốn. Ngôn ngữ thơ không cho phép nó đảm trách nhiệm vụ nầy. Nội hàm ngăn sông cách núi của *quan sơn, quan tái* từng do thơ Đường chứa tải:

Thiên trường lộ viễn hồn phi khổ,
Mộng hồn bất đáo quan sơn nan.
(Lý Bạch. *Trường tương tư*)
(Đất rộng trời dài, hồn bay đau khổ,
Quan san cách trở mộng hồn khó vượt qua)
Hồn lai phong lâm thanh,
Hồn phản quan tái hắc.
(Đỗ Phủ. *Mộng Lý Bạch*)
(Hồn về rừng phong xanh ngắt,

Hôn đi quan ải đen ngòm).

Trong câu thơ chúng ta đang bàn, Nguyễn Du chỉ cần đảo vị một lần và một chữ: *rừng phong*. Như vậy đã đủ để nhấn mạnh sắc thái tình cảm. Đặt *rừng phong* lên đầu câu, tác giả bắt chúng ta phải buông trọng âm vào chữ đó. Vì chỉ có rừng phong mới thay màu theo cảm nhận của con tim, của hồn thơ. Còn rừng phong ở chốn nào, nơi quan san hay nội địa, ở Bắc kinh hay Sơn đông, trong quá khứ, hiện tại hay tương lai, những chi tiết nầy không thành vấn đề.

Từ câu thơ *Truyện Kiều*—và rất có thể từ trước câu thơ *Truyện Kiều*—từ ghép *quan san* cuối cùng đã nghiễm nhiên bước vào tiếng Việt trong tư cách một ẩn dụ từ vựng kiêm định ngữ nghệ thuật. Các chứng từ hành chánh xác nhận tư cách pháp lý đó của nó là những định nghĩa mà từ điển và tự điển Việt ngữ đồng thanh cung cấp, như đã dẫn trên kia. Thoạt tiên là ẩn dụ cá nhân, mang tính lâm thời và riêng biệt—có thể là do Nguyễn Du xác lập khi lấy tên gọi biểu thị đối tượng nầy (quan san) để biểu thị đối tượng kia (ly cách) trên cơ sở của mối quan hệ liên hội về nét tương đồng giữa hai đối tượng -; *quan san* đã biến thể để trở thành ẩn dụ từ vựng mang tính xã hội và cố định, được chính thức ghi trong các tư liệu tra cứu phổ thông. Bên cạnh đó, khác với định ngữ thông thường mô tả sự vật, hiện tượng với thuộc tính khách quan, trung hòa của chúng (ví dụ tóc *đen*, răng *trắng*); định ngữ nghệ thuật mang tính chất chuyển nghĩa thể hiện bản lĩnh tạo hiệu năng thẩm mỹ của tác giả với giá trị gợi ảnh hoặc biểu đạt độc đáo. Qua định ngữ nghệ thuật và ẩn dụ từ vựng, người đọc cảm nhận một nội dung mới mẻ và nẩy sinh mối liên tưởng bất ngờ.

Paul Eluard trong *Tình yêu—Thơ* (L'amour la poésie) viết *Quả đất xanh như một trái cam* (37). Hệ qui chiếu chung là hình cầu (quả đất / trái cam), nhưng khi đưa màu *xanh*, màu của *vô hạn*, *vô biên* vào thơ thì không còn là so sánh hình thái nữa, mà là ẩn dụ tu từ. Trong thiên nhiên, mùa thu nhuộm rừng phong *màu đỏ*. Từ nhận xét về vũ trụ đó và trước cảnh chia tay của đôi lứa yêu đương, Nguyễn Du dùng quyền năng của ẩn dụ nâng *màu đỏ* lên, gán cho *màu đỏ* tính tượng trưng và cách điệu hóa để diễn tả sát đúng đối tượng tâm cảnh qua đó chữ *đỏ* tầm thường trở thành chữ *quan san* hoa lệ. *Màu đỏ* xuất thân chỉ là một hạ sĩ, Tố Như gắn cho nó quân hàm đại tá *màu quan san*. Theo cách nói của Victor Hugo (38).

Đây là một hiện tượng khoa học gắn cùng tính uyên súc của ngôn từ thi ca. Khoa ký hiệu học hiện đại cho đó là trạng thái vận động vô tận của nghĩa; lý thuyết thông tin ngày nay thì hiểu đó là trạng thái không dứt của tin; cả hai bộ môn cùng đồng thanh chấp nhận tính chất tràn đầy, vỡ bờ

của tác phẩm nghệ thuật—*l'oeuvre d'art est submergeante*, theo lối diễn tả của A. Moles trong *Lý thuyết tưởng tượng* (La Théorie de l'imagination)—khiến nghĩa của công trình văn học luôn "tràn" ra khỏi nó, tứ của câu thơ luôn "ngập" cả tâm hồn.❐

CHÚ THÍCH

(*) Số thứ tự của câu thơ theo *Truyện Kiều* bản chuẩn với 3254 câu. Đối với các tác phẩm truyện Nôm khác được viện dẫn cũng vậy.

(1) Hausarzt có thể xem như thầy thuốc gia đình.

(2) LVA là các cơ quan bảo hiểm sức khỏe. Khi nhắc nhở y sĩ dùng tiếng Đức, các LVA muốn yêu cầu, nếu có thể, tránh dùng từ gốc La tinh hay Hy lạp ít nhiều có tính quốc tế mà dùng từ tương đương trong tiếng Đức. Ví dụ thay vì nói Clavicula, nên nói Schluesselbein (xương đòn gánh).

(3) L'obscurité qu'on lui reproche ne tient pas à sa nature propre, qui est d'éclairer, mais à la nuit même qu'elle explore, et qu'elle se doit d'explorer: celle de l'âme elle-même et du mystère où baigne l'être humain. Son expression toujours s'est interdit l'obscur, et cette expression n'est pas moins exigeante que celle de la science. (Allocution au Banquet Nobel du 10 décembre 1960 (Diễn văn ngắn đọc nhân yến tiệc giải Nobel ngày 10 tháng chạp 1960) in Gallimard, *Pléiade*, 1972, p.445-446)

(4) Thơ Saint John Perse đứng ngoài các trào lưu thi ca hiện đại, có tính chất cao kỳ, uyên bác, thường sử dụng những khúc văn xuôi có nhịp điệu và điệp vận, nội dung tách khỏi những vấn đề chính trị xã hội, ca ngợi cái đẹp vĩnh cửu, thiên nhiên hùng vĩ với những nghi thức muôn thuở và những thành công của con người với khả năng vô biên. Chẳng hạn verset sau đây trích từ *Lưu vong* (Exil): *Au pur vélin rayé d'une amorce divine, vous nous direz, ô Pluies! quelle langue nouvelle sollicitait pour vous la grande onciale de feu vert*. Chữ verset thường dùng để chỉ các tiết trong Thánh kinh. Trong thế chiến II, Saint John Perse sống lưu vong ở Anh, Mỹ, bị chính phủ của Thống chế Pétain tước quốc tịch, năm 1959 mới trở về Pháp, cho nên có tác phẩm *Exil*. Tôi chủ trương không cố gắng dịch câu văn này. Chỉ xin lưu ý các từ *vélin* (giấy lụa gió), *langue* (ngôn ngữ), *onciale* (đại tự) nhằm mô tả hình tượng bản thảo thi ca; bố trí chéo nhau với hai ý tưởng: (1) xem ngôn từ như có nguồn gốc siêu nhiên: divine (huyền diệu), nouvelle (mới mẻ), feu vert (đèn xanh); và (2) xem cơn mưa giăng mắc (ô Pluies!) như những giòng chữ trải dài...

(5) Trời mưa

(6) Tôi khóc trong tim / Như trời mưa trên phố (Verlaine. *Romances sans paroles*). Tiếng Pháp không dùng động từ pleurer ở cách phiếm chỉ, thi sĩ đã dùng kỹ xảo tu từ khi viết il pleure như một cấu trúc hô ứng nhắm vào il pleut ở câu thơ kế.

(7) Le poète se consacre et se consume à définir et à construire un langage dans le langage (*Variétés II*: Tạp lục II).

(8) L'image littéraire naît du rapprochement de deux réalités plus ou moins éloignées. Plus des rapports des deux réalités rapprochées seront lointains et justes, plus l'image sera forte—plus elle aura de puissance émotive et de réalité poétique. (Pierre Reverdy. L'image. *Nord-Sud*. Nr. 13. Mars 1918).

(9) Nguyễn Du. *Truyện Kiều*. G.S. Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải. H.S. Lê Lam trình bày và minh họa. Nhà Xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp. Hà Nội. 1991. tr. 64.

(10) Nguyễn Du. *Truyện Thúy Kiều*. Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo. Tân Việt xuất bản. Đại Nam in lại (không để năm in lại). tr. 87.

(11) Đào Duy Anh. *Từ điển Truyện Kiều*. Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội. Hà nội. 1974. tr. 162.

(12) Nguyễn Văn Vĩnh. *Kim Vân Kiều*. Traduction en francais. Alexandre de Rhodes. Hà nội. 1943. p. 141.

(13) Xuân Phúc. *Kim-Vân-Kiều*. Thanh Long. Bruxelles. 1986. p.47. Xuân Phuc et Xuân Viêt. Kim Vân Kiêu. Gallimard / Unesco. Paris. 1987. p.59.

(14) Lê Xuân Thủy. *Kim Vân Kiều*. Đại Nam. Glendale, California. Không để năm in lại. p. 47.

(15) Huỳnh Sanh Thông. *The Tale of Kiều*. Yale University Press. New Haven and London. 1983. p. 29.

(16) thi ca châu ngọc, thi ca kim cương.

(17) Nguyễn Du. *Truyện Kiều. Đoạn trường tân thanh*. Nhà xuất bản Văn học. Hà nội. Nam Á in lại. Paris. Février 1979. tr. 163.

(18) Nguyễn Du. *Truyện Kiều chú giải*. Văn Hạc Lê Văn Hòe. Zieleks in lại. Không để năm in lại. tr. 88.

(19) Đào Duy Anh. tlđd. tr. 318. "Màu quan san tức là cái màu (màu đỏ của rừng phong) mà mùa thu đã đem nhuốm cho núi rừng ở chỗ quan sơn".

(20) Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim, tlđd. tr.134.

(21) G.S. Nguyễn Thạch Giang, tlđd. tr.134.

(22) tlđd. tr.200.

(23) Nguyễn Du. *Das Maedchen Kiêu*. Uebertraen von Irene und Franz Faber. Ruetten & Loening. Berlin. 1964. S. 145.

(24) Nguyễn Văn Vĩnh. tlđd. p.389.

(25) Xuân Phuc et Xuân Viet. tlđd. p.101.

(26) Xuân Phúc, tlđd. p.127.

(27) Huỳnh Sanh Thông. tlđd. p.79.

(28) Lê Xuân Thủy. tlđd. p. 218.

(29) Trương Văn Chình et Nguyễn Hiến Lê. *Pour une lecture grammaticale du Kiều. in Mélanges sur Nguyễn Du*. EFEO. Paris. 1966. p.202.

(30) Henri Morier. *Dictionnaire de poétique et de rhétorique. Inversion*. PUF. Paris. 1989. p.577. *Also sprach Zarathustra* là tựa đề một tác phẩm của triết gia Nietzsche.

(31) G.Jaeger. *L'anthologie de trois cents poèmes de la dynastie des Tang*. Société des éditions culturelles internationales. Beijing. 1987. p.68.

(32) Chinh phụ ngâm. Câu 48: Liễu dương biết thiếp đoạn trường nầy chăng?
(33) Nguyễn Văn Vĩnh. tlđd. p.85, p.234, p.244.
(34) *Chinh phụ ngâm*. Câu 165: Kể năm đã ba tư cách diễn.
(35) *Truyện Kiều*. Câu 781.
(36) Đào Duy Anh. tlđd. tr.318.
(37) La terre est bleue comme une orange.
(38) Victor Hugo. *Les Contemplations* (Trầm tư). Livre I, 1ère pièce, VII, v.35 sqq:

Je mets un bonnet rouge au vieux dictionnaire.
Plus de mot sénateur! Plus de mot roturier (...)
Le mot propre, ce rustre
N'était que caporal, je l'ai fait colonel.
(Tôi đội mũ cách mạng cho cuốn từ điển cũ.
Không còn từ nghị sĩ! Không còn từ tiện dân (...)
Chữ vốn chỉ là một gã nhà quê thô lỗ
Chữ nguyên chỉ là hạ sĩ, tôi phong nó lên cấp bậc đại tá.)

mua báo cũ

Trên mười một năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 15, 19, 20, 27, 29, 31, 32, 33, 34, 38, 39, 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117 & 118, 119, 120, 121...

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface

Thư từ ngân chi phiếu xin gửi về:

Văn Học Magazine, P O Box 1359 Garden Grove, CA 92642-1359

Phone: (714) 894-8535.

Marie Sến: *Tự Truyện của Một Thế Hệ Hàng Xén*

Nguyễn Thạch Miên

Mãi cho đến sau này, mỗi khi luận bàn về xã hội nước ta có lẽ nhiều nhà xã hội học vẫn sẽ nói tới *Marie Sến* của Phạm Thị Hoài, như người ta dẫn *1984* của George Orwell hay *Le Zéro et L'Infini* của Arthur Koetsler khi nói về một số điển hình của xã hội cộng sản Âu Châu.

Nhìn từ khía cạnh văn chương, nhiều nhà phê bình mực thước có thể đánh giá khác vì tác phẩm của Phạm Thị Hoài không dễ đọc hay dễ chuyển ngữ thành một tác phẩm mang nhiều biểu trưng lớn của nhân loại. Cái xã hội xứ ta cũng vậy mà thôi. Ngoài một số sắc thái chung của nhiều xã hội bị vùi trong chuyên chính hay của một xã hội nông nghiệp Á Châu muốn nhẩy vọt khỏi sự lạc hậu, nó có những đặc tính riêng không hẳn là giống với Liên Xô hay Trung Quốc, những đặc tính mà chỉ người mình mới thấy thấm thía. Nước ta lạc hậu nghèo đói đã đành, lại còn tiêm nhiễm hầu hết những thói tật của Tây Tầu Mỹ Nga, nhưng lại vẻ vang đánh thắng mọi kẻ thù Tây Tầu Mỹ Nhật và đang hối hả đổi mới để moi tiền các kẻ thù cũ và một bước tiến lên thành nước văn minh công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Những đặc tính éo le này dường như ít thấy trong các xã hội khác, kể cả miền Nam xưa kia khi lính Mỹ đổ vào làm rối tung kỷ cương. Có khi chỉ người miền Bắc hay người Hà Nội xã hội chủ nghĩa mới thấy thấm thía sự éo le này. Và vì càng thấm càng đau, họ sẽ khó đọc *Marie Sến* với sự thưởng ngoạn bình thường.

Dù vậy, tác phẩm vẫn có chỗ đứng đặc biệt trong giòng văn học Việt Nam. Đây là một tác phẩm văn chương hải ngoại đích thực vì được xuất bản ở bên ngoài (1), với rất ít hy vọng được tái bản ở trong nước, ít ra

trong điều kiện hiện thời. Đây cũng là một tác phẩm viết khá chính xác về xã hội Việt Nam, đến độ làm nhiều người trong nước đau rát. Trong khi nhiều độc giả hải ngoại lại thấy bải hoải về những sự thật đó, nhất là những ai còn mơ mòng về một sức mạnh cứu rỗi nào đó của văn chương, của trí thức, của phản kháng, của những *philosopher king*.

Trong những năm sau 75, một số văn nghệ sĩ miền Bắc di cư thời 54 và bị cầm tù sau khi được "giải phóng", đã bị nhiều "đồng nghiệp" miền Bắc mạt sát là vào Nam ăn cơm Mỹ Ngụy rồi chửi ngược ra Tổ quốc miền Bắc, chỉ vì họ viết ra một số điều không đẹp của chủ nghĩa xã hội. Nếu cứ theo tiêu chuẩn đó thì Phạm Thị Hoài sẽ chịu chung số phận và còn bị công kích nghiệt ngã hơn. Tác giả sinh trưởng từ chủ nghĩa xã hội miền Bắc và ngồi tại Âu Châu nhìn về quê hương mà viết ra điều kinh tởm còn hơn những gì từng được nhiều cây bút miền Nam viết ra về miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Nhưng, nếu cứ bị bó trong lối nhìn trên - nói ra một số sự thật xấu xa về đất nước là chửi ngược về tổ quốc - người ta khó thấy ra tác dụng giải phẫu, cái phép trừ tà trục quỷ của *Marie Sến*.

Tác giả có thể không viết trong mục tiêu đó, nhưng dân mình có lúc phải làm cuộc giải phẫu đớn đau, trước hết bằng cách tự đánh thức mình dậy khỏi cơn đồng bóng viển vông. Nhất là khi xứ sở còn ở trong hoàn cảnh mà muốn viết thật nói thật về quê hương, người cầm bút phải rời xa quê hương: một tác phẩm như *Marie Sến* không thể nào có hy vọng được trong nước cho phép xuất bản.

Không nên có một ấn tượng tiên thiên nào về Phạm Thị Hoài (kiểu "phản kháng hay không", "đối lập thật hay giả", v.v...) xin cứ đọc *Marie Sến* một mạch, theo đúng nhịp văn tuôn trào thác đổ, để vừa đọc vừa rùng mình gai ốc. Rồi nhẩn nha ta đọc lại lần thứ nhì, để thưởng thức, như người ấn sâu vào vết thương cho nó tê dại đi, cho bớt đau. Những ai đã đọc một số tác phẩm của những nhà văn lưu vong tại Âu Châu viết về xã hội cộng sản Xô viết thời 1960-1970, có thể thấy ngay rằng Việt Nam mình làm gì cũng có nét hơn người. Với Zinoviev hay Haraszti, Boukovski, ta có thể cho là họ tả thực quá đáng cái xã hội xã hội chủ nghĩa của họ, quá đáng đến độ siêu thực và kết luận là trong phạm vi đó, họ vượt xa rất nhiều tác giả gọi là chống cộng trước và sau họ. Mặc dù vậy, mình vẫn thầm mong rằng xã hội ta có khác, nghĩa là có đỡ hơn, vì bề gì cũng còn những rào chắn tinh thần hay văn hoá nào đó của dân tộc. Trong *Marie Sến*, Phạm Thị Hoài đã dữ dằn rút luôn mảnh ván tháo lui đó, và tác phẩm hết sức cô đọng mà lại bọc kín mọi ngả, làm mình tuyệt đường mơ mộng.

Những người *sexist* sẽ cho rằng khi phái nữ thịnh nộ bước lên chiến hào thì máu chảy có ba bước mà cả nước phải bịt tai vì sức công phá của

ngòi bút nữ thường nổ hơn tạc đạn của phái nam. Điều đó có thể đúng, nhưng ở đâu đó cơ. Chứ ở trong xã hội xã hội chủ nghĩa từ Tây sang Đông, ta có thấy ra một hiện tượng không biết có gọi là "vô tính phái" được hay không, vì đàn bà dễ thô lỗ và hung bạo còn hơn đàn ông, và đàn ông thì lại nhẫn nhục mềm nhũn như sợi bún. Cứ xem hình ảnh hai chú bộ đội xanh lướt dắt tay nhau đi ven hồ như hai cô gái, trong khi một phụ nữ hiên ngang văng tục qua đường và ngồi ngay xuống bãi cỏ làm nhiệm vụ bài tiết, thì ta có thể thấy rằng những lý luận duy tính phái đều có thể sai. Một trong những đặc tính xã hội chủ nghĩa là nhiều người không còn tính phái nữa. Đây không phải trường hợp của Phạm Thị Hoài, qua *Marie Sến*.

Kết luận khách quan thì tác giả là một người có tài, sâu sắc và sòng phẳng.

Cách Phạm Thị Hoài dàn dựng bố cục của một truyện dài có 160 trang đặc quánh phản ánh sự tài hoa đó. Trong 15 chương viết thật chặt, với tiêu đề cho từng chương, tác giả sâu sắc và rất công bằng trình bày những dạng thức lên đồng khác nhau của một xã hội khép kín khi đụng với một thực tế phàm tục, rất phàm và rất tục, của một nhân vật *Marie Sến*.

Cái tên *Marie Sến* có thể gây ngộ nhận (2), nhất là ở những người sắc mắc ưa lật ngửa mặt chữ để vạch ra những hàm nghĩa hay ẩn dụ phía sau. Chẳng hạn như người đa sự sẽ hiểu rằng nàng là biểu tượng của Sàigòn đôi trụy, và chẳng có gì đáng làm người Sàigòn phải hãnh diện, nhưng đã làm cả một xã hội đạo đức giả và đôi trụy hơn của Hà Nội phải đảo điên vì cách sống thẳng sống thực và rất sống sượng của của nàng. Nói theo lối cũ mèng, mà ít ra cũng đúng một lần, *Marie Sến* "chỉ là cái cớ". Nàng là hòn đá bẩn được quăng giữa mặt Hồ Gươm, làm nổi lên biết bao rác rưởi bên dưới vẻ cổ kính đạo mạo mà bần cùng và bần tiện của thủ đô. Phạm Thị Hoài không nhẹ tay trong cú ném, và cách tác giả mô tả những vẩn đục cuồn cuộn nổi lên tất phải làm nhiều người cau mặt. Không thể không nghĩ tới một Hồ Xuân Hương, người đọc sẽ phải đau lòng vì bức tranh vân cẩu vẽ ra một cảnh quá tang thương của xã hội, có nhiều cẩu hơn vân.

Câu chuyện xảy ra tại một chung cư chật chội, một khu tập thể gồm có bốn hộ, trong đó có sáu người đàn ông thì đến năm người rưỡi cùng làm việc trong một cơ quan lớn có trách nhiệm về khoa học nhân văn ở thủ đô và đều phải lòng một ả giang hồ chẳng rõ từ đâu tới. Mỗi người lại ứng xử theo một cách, với quán tính ù lì của lý lịch thành phần, của so đo kinh tế và những ẩn ức được cởi tung khi xã hội đi vào cơn sốt đổi mới. Tác giả không xác định vị trí của chung cư và mơ hồ gọi cơ quan văn hoá nói trên là Viện, cho nên chỉ ở trong cuộc mới suy đoán ra "ai là ai". Việc

suy đoán đó, thực ra cũng vô ích. Tác giả không có nhu cầu thấp kém là thanh toán nợ nần với một số người còn lại trong nước, vì những điều viết ra phản ảnh trạng thái chung của quá nhiều loại người trong xã hội.

Phạm Thị Hoài tỉ mỉ và chính xác đưa nhát dao giải phẫu vào từng thớ gân của xã hội và phơi ra quá nhiều nét tiêu biểu, cho nên viện lớn viện nhỏ, viện nào cũng thấy mình bị điểm trúng huyệt tới toé máu. Vì thâu tóm bối cảnh rộng của nhiều hạng người chung đụng ở một chung cư (người có học lẫn cán bộ thoát ly rất nông dân tụt hậu, kẻ có chức có quyền lẫn thanh niên đánh quả ngoài chợ, và bà cụ lên chùa lẫn nữ triết gia trong viện vân vân) tác phẩm là tự truyện của một vương quốc trần gian bé tí của trí thức xã hội chủ nghĩa, một thế hệ hàng xén (chữ của tác giả) trong ý nghĩa tủn mẩn, sản xuất nhỏ, chạy vặt và sống vặt cho qua ngày.

Chỉ có nét đạo đức giả thì rất lớn, rất thật, đĩnh đạc như sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc sống, chạy lên tim lên óc.

Trong khung cảnh đó, mỗi chương có thể là một phân cảnh cô đọng của một bộ phim xã hội với tiêu đề viết theo hai nhịp. Nhịp một là một từ kép có chấm câu, nói về một khía cạnh của cuộc sống (Hàng xóm. Đồng nghiệp. Hành động. Dấn thân. Đổi mới. Phản kháng. Tín ngưỡng. Đạo đức. vân vân.) Nhịp hai là một mệnh đề giải ý, thường thì ý nhị, nhiều khi châm biếm.

Theo đúng nghệ thuật của người kể truyện có tài, tác giả giới thiệu từng nhân vật và gia cảnh, với những chi tiết sống động về nơi chốn họ sống, cơ quan họ làm việc, tác phong và lý lịch cũng như những bản năng của mỗi người. Giữa cái hợp chất khăm khẳm mùi hoa nhài, khói xe bình bịch và nước tiểu đó, tác giả thả vào một nàng có tên Nguyễn Thị Sến. Từ đó, vũ trụ xoay vần co giật, mỗi mẩu chuyện là một trái phá, mỗi câu viết là một nhát dao, mỗi cụm mây lãng đãng là một vệt nước thải vàng ố trên trần nhà...

Viết về cái xã hội tí teo sáu người đó, chưa kể vợ con và hàng xóm, Phạm Thị Hoài giới thiệu ngay ở chương hai: "Năm thằng cùng câu cơm ở một Viện và thằng thứ sáu cũng suýt như vậy". Lãnh đạo nhóm người hàn lâm chạy hàng vặt và viện sĩ ngáp dài đó là một ông Viện trưởng. Đôi nét về ông ta:

> *"Ông Viện trưởng có thể tiếp khách trong quần* pijama *phía dưới, áo len phía trên, mà không thấy gì bất tiện. Ông Viện trưởng ở nhà phố lớn, trên lầu cao, đến được với ông phải men theo giường ngủ của một gia đình tầng dưới, nhảy qua vô khối thùng nước gạo và chậu rác ở sân trong, sờ soạng một cầu thang xoắn, băng qua mâm cơm của một gia*

đình tầng hai và sờ soạng tiếp một cầu thang xoắn".

Và đây là khung cảnh khai mạc một hội nghị của Viện, về "Di sản và Đổi mới":

"Sát bàn chủ tọa là thượng đẳng khách, toàn những ông mặt mũi béo tốt hết sức vui tính, cười hề hề vào camera, *tự nhiên như ở nhà mình... Ông Viện trưởng Viện Lớn, ông giám đốc học viện Nguyễn Ái Quốc, ông Viện trưởng Viện Mác Lê, ông Giám đốc Học viện quân sự, hai ông trung tướng, ông phó Ban văn hoá và tư tưởng thuộc trung ương Đảng, ông phó Ban khoa giáo trực thuộc trung ương Đảng, ông phó Ban tuyên giáo trực thuộc trung ương Đảng, ông đại diện Thành ủy, ông đại diện Văn phòng hội đồng chính phủ, ông đại diện Văn phòng tổng bí thư, ông đại diện Văn phòng cố vấn chính phủ, ông phó Ban tôn giáo chính phủ, ông Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật, và một ông đại diện cho Bộ nội vụ không xưng chức. Viện trưởng của chúng tôi thấp thỏm đứng lên ngồi xuống giữa họ, thậm chí ông còn đánh bạo châm một điếu thuốc cầm tay và đánh rơi tàn vào áo ông Bộ nội vụ. Thế là họ cười ầm cả lên và vỗ vai nhau. Hội nghị sẽ thành công tốt đẹp".*

Đấy mới chỉ là thượng đẳng khách, còn trung và hạ đẳng khách nữa, mỗi người một vẻ, và chẳng ai nhường ai về nét khẩn trương rất hề. Người đọc đừng nên thắc mắc về không khí đình đám của một hội nghị quan trọng như vậy, trong khi chính quyền thường xuyên nín thở nghiêm ngặt với dân đen. Tác giả giải thích:

"Thế đấy, xin bạn đọc đừng ngạc nhiên, chuyên môn hóa không phải sở trường của người Việt, mỗi khi có dịp hội họp là chúng ta tập hợp anh tài như khai trương một siêu thị đủ mặt hàng. Chúng tôi lục tung kho người của nền khoa học quốc gia, nhặt cho đủ quân số để xếp một đội danh dự thổi kèn thật to vào công cuộc đổi mới. Người nào đứng chỗ nào, phùng mang trợn mắt ra sao đã phân cảnh ổn thỏa".

Trong khung cảnh uy nghi đó. *"Bỗng dưng Sến tiến vào... khoan thai tài sắc vẹn toàn thêm vương miện quyền uy. Kìa Viện phó của chúng tôi (mặc quần bò và để râu con kiến) đã bỏ rơi các giáo sư, bay vù đậu xuống bên em, trời ơi anh ta sắp nhấc em lên, đặt cạnh lẵng hoa khổng lồ trên bàn chủ tọa, và hội trường sẽ vỗ tay nhiệt liệt".*

Chỉ một chương đó, và danh mục hai mươi chín bài tham luận mà tác giả chép lại nguyên văn, cũng là một đề tài xã hội học và đủ nói lên những đóng góp nghiêm túc của các chuyên gia trí thức xã hội chủ nghĩa vào công cuộc đổi mới ở nước ta. Những ai ở ngoài này thường suy luận rất uyên bác rằng cộng sản họ đã tính thế này, có kế hoạch thế nọ, cũng nên đặt vấn đề lớn đó vào kích thước đúng đắn của một gánh xiếc. Về những

suy đoán rằng bên trong đang có hai phe quạt nhau ác liệt, đây là lý giải của một người trong cuộc:

"Các nhà khoa học cấp tiến nhất của chúng ta trong khi day dứt khôn nguôi về thực trạng đất nước thì chia làm hai phái. Phái cấp tiến cực đoan thì phang tuốt, Đảng, Bác, Các Cụ Mác Sờ Lê Nin, chủ nghĩa, cơ chế, hệ thống, vân vân. Đấy là những thứ đáng bị đánh đòn, đến dân tộc, lịch sử, truyền thống cũng không có cái nào được tha. Hai ngàn năm (phái này chỉ công nhận hai ngàn năm lịch sử Việt Nam) kém phẩm chất tuyệt đối. Có nghĩa là tình thế của chúng ta hoàn toàn vô vọng. Muốn tiến bộ canh tân thì chỉ còn cách nhổ tận gốc nước Việt, khuân sang trồng ở Âu Mỹ thôi".

"Phái cấp tiến ôn hoà thì đi giữa ranh giới của những giá trị tích cực và những giá trị tiêu cực, họ có cái vẻ tự tin thót ruột của những nghệ sĩ đi trên dây. Phương châm của họ là phê phán sự phê phán có tính chất phê phán... Họ có thể là những ngòi nổ, đấy là điều không cần bàn cãi, nhưng cái cách họ nổ ra những vấn đề thì hoàn toàn chính thống và cái kiểu họ mân mê những vấn đề thì, xin lỗi, sặc mùi trưởng giả..."

Cứ như vậy, *"các nhà cấp tiến cực đoan thì ồn ào bi đát, các nhà cấp tiến ôn hoà thì nghiêm trọng dài dòng"*. Ta đành thông cảm với những thức giả uể oải với đề tài và ngoái tìm Sến trong hội trường.

"Sến một mình vỗ tay như bé Măng Non của truyền hình, và cần cổ phu nhân vươn như chân Chùa Một Cột, ngực gái một con dào dạt chìa ra đón người hùng (từ trên bục diễn giả bước xuống). Sến lục túi lấy một lát sâm. Cách ba hàng ghế tôi nghe lời em ân cần: 'Nam Triều Tiên xịn đấy anh ạ, không phải sâm mậu dịch đâu, ngậm đi cho lại sức'."

Cứ như vậy, *Marie Sến* leo lên ban thờ hay bàn chủ tọa và bóc sạch lột trần tất cả.

Từ chuyện tâm linh, ma quỷ đến chuyện đăng ký đề tài hội thảo để moi tiền hãng Toyota; từ chuyện cho con đi học Harvard tới cách hào hùng đốt pháo Tết khói um cả hành lang hai thước vuông để bày tỏ sự phản kháng của trí thức; từ chuyện xuất ngoại câu cơm, đi Đức buôn lậu đến chuyện cha con cùng chung đào một lỗ, và biết bao chuyện vui buồn hàng ngày bên cạnh những chuyện làm tình và làm tội nhau... tác giả phăng phăng dao mổ, không cho người đọc một phút ngưng nghỉ để tìm dưỡng khí. Trong cảnh bi hài đúm dó của trí thức xã hội chủ nghĩa, những tình tiết éo le đậm dật của các nhân vật nửa ma nửa người với nàng *Marie Sến* lại có nét người hơn cả. Cái nét lô gích của những người hầu đồng, tỉnh say lẫn lộn, đồng thăng hay giáng cũng chẳng làm sao thông tỏ.

Người ta có thể nghiệm thấy một điều, chưa rõ đúng sai thế nào, là dường như trong mỗi thời kỳ ẩm ương của xã hội mình lại thấy một đợt

văn chương tả thực xuất hiện, đầy tính trào phúng và châm biếm. Từ những *Giông Tố* hay *Số Đỏ* của Vũ Trọng Phụng năm xưa đến các tiểu thuyết phóng sự kiểu *Tây Đực Tây Cái* của Hoàng Hải Thủy thời Genève 54, hay những bài phiếm của Duyên Anh, Chu Tử khi cuộc chiến được Mỹ hóa ở trong Nam, mỗi đợt sáng tác lại là phơi bày thối rởm của một số kẻ tiêu biểu trong xã hội. Người đọc có thể cười xằng xặc, cười hể hả, và như kẻ đứng ngoài nhìn vào một vũng bùn của xã hội, còn được niềm vui xa xỉ là tự nhủ rằng dù sao mình vẫn ở ngoài. Rằng bề gì đất nước vẫn còn chỗ ráo, loài người còn có những kẻ thiện lương.

Tới *Marie Sến* thì dường như đất và nước được giày xéo quá kỹ, nên tất cả đều biến thành bùn.

Vẫn nhìn theo giác độ xã hội học, ta không thấy một chút hy vọng có đóa sen vươn lên từ đống bùn đó. Xã hội được Phạm Thị Hoài phơi bày là một xã hội khép kín, một vùng ao tù đặc quánh. Xã hội khép kín là khi một số người vẫn giữ độc quyền chân lý. Chệch ra khỏi chân lý chính thống đó, con người ta vất vả ngay. Trước khi đi vào đổi mới, những chân lý chính thống thường ít thay đổi, mươi năm mới có một lần là cùng, nên người ta còn kịp tự điều chỉnh. Từ khi đổi mới, mọi chân lý đều xoay như chong chóng, lằn ranh đúng sai bị xoá nhoà và kẻ vạch lại mỗi ngày, trong khi đồng đô la phất phới bay nhiều hơn và đẹp mắt hơn truyền đơn cổ động của nhà nước. Đây mới chỉ là một phần của vấn đề thôi.

Phần kia là xã hội có đổi mới mà vẫn khép kín. Nên vẫn bị cột trong cái sự thật như nhất là quyền lãnh đạo và phê phán về lẽ đúng sai của mọi sự vẫn ở ngoài tầm với của đa số. Kết quả là cơ hội mở ra rất lớn mà rủi ro thì cũng nhiều hơn, việc ứng biến và ứng xử sao cho nhanh và cho đúng đã biến những người có nhiều hiểu biết nhất thành những con rối lăng xăng nhất. Rốt cuộc thì chỉ còn một chân lý duy nhất và nguy hại nhất tồn tại trong xã hội ta. Đó là tính *cynique*.

Có lẽ mình không có đủ chữ nghĩa để phiên dịch cái từ oái oăm này cho chính xác. Từ nguyên ngữ gốc Cổ La Hy qua Hán văn vào tới nước ta thì đó là chủ nghĩa "khuyển nho", mà thấy chưa ổn. Những người miền Bắc cao niên có thể hiểu dễ dàng chữ "chó đểu".

Cả một xã hội cư xử với nhau theo lối chó đểu. Tức là trong mọi vấn đề nhân sinh thì chỉ nhìn ra khiùa cạnh xấu, những động lực tồi tàn. Rồi từ đó, nói một đàng làm một nẻo để được an toàn chính trị, nhưng làm gì thì cũng chỉ để tìm phần hơn cho mình, trong khi cười khẩy về mọi điều cao đẹp mà người ta tin là chẳng hề có. Cái chủ nghĩa hềnh hệch cười vào những điều lý tưởng đó xuất phát từ thực tế là lý tưởng chính thống đã phá sản và giữa một xã hội đang đi vào đổi mới như kẻ lên đồng, những lý lẽ

tồn vong và phồn thịnh đã xoè ra tứ hướng như những nan quạt. Đan lượn trên những nan quạt này là những con rối đại sĩ của Hà Nội. Người ta thành vọng ngoại, lý tài, duy vật, trong khi vẫn nói tới truyền thống dân tộc, đạo đức cách mạng và tương lai xứ sở. Khôn vặt với nhau bên trong chứ họ vẫn sợ oai trời và công an của đảng.

Họ khinh miệt nông dân, và lại mị nông dân vì sự nghiệp ác ôn của cách mạng mà họ không dám nhúng tay vào. Họ miệt thị nông dân mà lại khiếp hãi những nông dân miền Trung nay đã thành cán bộ an ninh và tổ chức. Là nạn nhân của "hội chứng con tin", họ đã tiêm nhiễm trong cõi vô thức cái phản ứng phó lý trương tuần của những sai nha bảo vệ chế độ, những kẻ đang kiểm soát và có thể nhúp họ bất cứ lúc nào. Giữa họ với nhau, họ khệnh khạng trong dáng phong kiến cách mạng, nay đã đổi mới thành nét lai căng Tây Tàu Nhật Mỹ, sau khi đã cạo sửa gia phả cho kỹ, gạn lọc lý lịch cho trong. Họ luôn luôn sắp sẵn trong tư thế phản kháng, vì đây là xu thế thời đại, cho tới khi được ông lớn bắt tay thì lại nhũn như con chi chi, vì đấy là quy luật sinh tồn. Họ mới là những kẻ bảo thủ đích thực và đang gìn giữ cái trật tự rối beng của đất nước.

Những người hiểu biết về y học có thể giải thích rằng sống một lúc hai trạng thái trái ngược như vậy là một trường hợp tâm thần. Trong buổi trà dư tửu hậu, một người *cynique* có khi là một kẻ có duyên và ít ra là thông minh vì kích thích óc phê phán của người khác. Nhưng, cả một viện *cynique* thì đúng là một viện tâm thần. Cả một xã hội *cynique* thì tương lai đất nước sẽ khó khá. Điều đó khá đúng với những mô tả của Phạm Thị Hoài, kể cả trong mấy chương cuối khi cuộc tình với *Marie Sến* nổ ra từ cõi thực hư không tỏ, âm dương nhập nhằng. *"Chẳng thằng nào vào được trong em. Cứ đến cửa thiên đường là hết vé. Những thằng đã ra ma có thể vào đánh lẻ. Những thằng còn làm người đứng ngoài mà làm người."*

Dưới ngòi bút Phạm Thị Hoài, những kẻ đứng ngoài làm người đó trông như ngợm. Thảm thương và rách nát. Như tiền đồ nước ta vậy. ❐

1 *Marie Sến*, Thanh Văn xuất bản tại miền Nam California, Hoa Kỳ, năm 1996.

2 Trong phần phụ lục, tác giả có giải thích về cái tên này, nhưng điều đó vẫn không giảm bớt những ấn tượng ngỡ ngàng nơi độc giả gốc miền Nam. Thực ra, Phạm Thị Hoài đã cho cái danh từ riêng *Marie Sến* một nội dung mới.

Nguyễn Xuân Tính - Tình tự dân tộc và đạo đức trong nhiếp ảnh

Triều Hoa Đại

Hơn hai mươi năm trước, tôi đã ở nơi này, một thành phố hiền hòa, có nắng bốn mùa, có mây bay khắp nẻo, có những bước chân tình nhân qua lại quấn quít những ngày mưa gọi gió, thành phố ấy được bao bọc bởi những hồ nước mênh mông. Ngày ấy lòng thương nhớ quê nhà đằng đẵng, có những buổi chiều sau giờ tan sở, tôi đã bỏ ra hàng tiếng đồng hồ đứng ngắm những con thiên nga nhởn nhơ bơi lội, lòng tôi cũng chao lượn theo những cơn gió thổi qua lay động mặt hồ. Bây giờ, mỗi khi có dịp trở lại thành phố này dù là bận rộn bao nhiêu, tôi cũng cố để dành đôi chút để viếng lại cảnh xưa. Vẫn vậy, mây thì cứ bay lơ lửng, gió thì vẫn xô đuổi mặt hồ, nhưng lòng tôi lúc này hình như đã ngủ yên sau những rã rời của cơm, của áo. Cũng may cho tôi, ở thành phố này, tôi còn có những bạn bè cũ, mới. Những người bạn thuở xa xưa ở Đà-Nẵng cùng học chung trường như Phú, như Lân, như Vượng, như Sa Sương Trinh có tiếng đàn tranh não nuột, ngày nào, đến người "bạn mới" với những ngón tay nhà nghề chỉ ấn một cái và chỉ nghe một tiếng "tách" nhỏ, thế là càn khôn đã được thu vào cả trong ấy, "bạn mới" của tôi: nhiếp ảnh gia Nguyễn Xuân Tính. Những dòng chữ cận kề dưới đây là những lời nhẩn nha nhưng sâu sắc của người nghệ sĩ tài hoa ấy, xin mời qúy bạn đọc theo dõi.

Triều Hoa Đại: *Thưa anh, trong giới nhiếp ảnh hiện nay kể cả trong lẫn ngoài nước, mỗi khi nhắc đến tên tuổi của anh không một ai là không biết đến. Tuy vậy, nhân đây, cũng xin anh vui lòng giới thiệu sơ lược đôi chút tiểu sử.*

Nguyễn Xuân Tính: Cám ơn anh đã chiếu cố đến cái thân già này. Tôi

cũng đã cổ lai hy rồi, sinh năm 1926 tại Hà Nội. Cuộc đời tôi là chạy, năm 1946, chạy lên mạn ngược Việt Bắc, năm 1954 chạy vào Nam, 1975 lại chạy sang Mỹ. Cũng may tôi biết cộng trừ nhân chia, nên được làm kế toán những năm tại quê nhà.

—Năm 1968, tham dự triển lãm nhiếp ảnh do Hội Nhiếp Ảnh Việt Mỹ tổ chức. Lãnh huy chương bạc. (4th National VAA Photo Contest).

—Năm 1969, lãnh huy chương vàng của Hội Văn Hóa Pháp (Salon d'Art Photographique 1969 Institut Francais).

—Năm 1970, đoạt huy chương vàng Giải Văn Học Nghệ Thuật của Phủ Tổng Thống.

—Năm 1971, lãnh Chương Mỹ Bội Tinh của Bộ Tâm Lý Chiến Việt Nam Cộng Hòa.

—Năm 1972, Hội Nhiếp Ảnh Hoàng Gia Anh Cát Lợi phong tặng Associate (ARPS) The Royal Photographic Society of Great Britain.

—Năm 1973, The Photographic Society of Hong Kong phong tặng Associate (APSHK)

—1974 Hội Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam phong tặng Associate (AAPA) v.v...

THĐ: Anh cùng gia đình đến định cư ở thành phố Orlando này được bao lâu?

NXT: Khi di tản, chúng tôi ra bến Kho 5 vừa đúng lúc sà lan cập bến nên cả gia đình nhảy ùa xuống và ra khơi vào ngày 29-4-75. Nghỉ ở các đảo Guam, trại Eglin (Florida) và định cư ở Orlando từ đó.

THĐ: Vì lẽ gì anh lại chọn Orlando làm đất tạm dung?

NXT: Tại trại Eglin, có người bảo trợ sang Louisiana, qua bản đồ đó là một thành phố nhỏ gần biển, sinh sống bằng nghề đánh cá, nên tôi đã từ khước. Sau thời gian, có nhà báo Orlando Sentinel đến nói chuyện vui (phỏng vấn) hỏi gia đình có bao nhiêu người, nghề nghiệp và khả năng chuyên môn. Nên tôi đã được nối lại nghiệp cũ là làm "phòng tối."

THĐ: Tò mò một chút, anh có thể cho biết tại sao anh lại chọn nhiếp ảnh mà không chọn những bộ môn khác chẳng hạn như: Thơ, văn, hội họa, âm nhạc v.v...

NXT: Tại Đà Nẵng, ngày chia đôi lãnh thổ, hình ảnh từng đoàn người bồng bế lếch thếch từ trên trời đổ xuống, dưới nước tràn lên, đau lòng

thay mà cũng hùng vĩ thay chỉ còn lại lờ mờ trong ký ức tôi. Tôi muốn ghi lại những hình ảnh cho con cháu để biết cảnh loạn lạc của nước nhà. Muốn ghi lại, làm sao đây?

THĐ: Anh bắt đầu làm quen với nhiếp ảnh từ bao giờ?

NXT: Định cư tại Hội-An (Quảng Nam), Các ông Thái Thiệt Cổ và Hứa Văn Bân, người Hoa, cho tôi xem những tấm hình phong cảnh như "Lụt" "Chùa Cầu" v.v.. tôi rất thích. Hai ông khuyên tôi nên học chụp hình.

THĐ: Nói như vậy có nghĩa là: Bởi cái "duyên" mà khởi nên cái "nghiệp". Vậy nhân đây, xin anh nói rõ hơn chút nữa về cái "nghiệp" nhiếp ảnh của anh.

NXT: Ngày ở Hội An, tôi có đến chơi tiệm hình Lệ-Ảnh, trên tường có treo tấm "Tát Nước" đoạt huy chương vàng của cố chủ nhân. Ông thường nói "đeo chiếc Rollei trên vai là sở nguyện bình sinh của tôi, nếu đổi thành vòng vàng đeo nơi cổ tay, có thể dài tới cả gang, song không gía trị bằng". Khi gần tới cõi thọ, ông nằm trên giường gọi người con cả bảo lắp phim và chiếc Rollei của ông thường dùng, lên máy sẵn sàng và dặn, khi ông gần tắt hơi, tất cả vợ, con trai, con gái đứng trước ống kính để ông bấm một cái cuối cùng trước khi nhắm mắt. Người con gục xuống, rưng rưng nước mắt, nhất nhất vâng lời. Thấy hơi thở ông khác, cả nhà vội vã làm theo lời ông dặn, nhưng chờ mãi không thấy gì, vội chạy lại coi...thì ông đã đi rồi...tay còn cầm cứng chiếc Rollei muôn thuở.

Sự việc diễn biến như trên và hình ảnh ngày di cư hình như đã buộc mình vào "nghiệp dĩ". Do đó, ngày được thuyên chuyển vào Saigon, Hội Việt Mỹ có dạy Họa - Anh Văn v.v... nhưng không hiểu sao tôi lại học nhiếp ảnh.

THĐ: Ban đầu thì cái gì cũng khó cả, chả thế mà cổ nhân đã dạy "Vạn sự khởi đầu nan", tiện thể xin anh cho biết luôn về cái khởi đầu nan của anh nó vất vả đến đường nào?

NXT: Hồi xưa không có máy tự động, cái gì cũng làm bằng tay cả, nhất là máy Photax quá cổ lỗ sĩ. Muốn chụp người, phải độ chừng khoảng cách từ máy đến người và xoay vòng xích độ để 1m50 hoặc 1m70. Cái khó là phải dùng mắt để đo độ sáng mặt trời. Cũng là nắng, nắng sáng,

nắng buổi trưa, nắng chiều nhất là ngoài bãi biển, nắng trên rọi xuống, cát trắng hắt lên, làm sao độ chừng được sức sáng. Rồi trời âm u, có mây đen, mây trắng, dùng mắt đo ánh sáng và để khẩu độ. Cũng vì vậy nhiều khi chụp quá sáng, phim đen kịt, không có hình, hoặc phim trong veo (thiếu sáng) hình đen kịt. Khổ vậy đó. Còn phải bố cục nữa, thơ có "luật" thì ảnh cũng phải có "lệ" chứ, nào là điểm mạnh, đường mạnh, từng mảng đậm lợt, rồi nào là tiền cảnh, chủ đề, bối cảnh nhìn qua lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi, nào có mạnh yếu gì đâu. Trong buổi thực tập ở Sở Thú, tôi được chỉ định đặt người mẫu trên bãi cỏ, chung quanh là các chuồng thú như khỉ, công, vượn. Cái máy Photax được nháy vài cái cho đỡ quê. Khi trả bài, tôi được chiếu cố nhất lớp vì trên đầu người đẹp có cái bảng "chuồng khỉ". Cũng trong buổi học này, tôi hỏi thầy Nguyễn Cao Đàm thế nào là một cái hình đẹp và được trả lời : Hình phải nét, nét lòi con ngươi. Anh lấy kính lúp coi người đẹp chuồng khỉ có nét không". Nàng mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm. Từ đó cái Photax được an phận nằm trong viện Bác Cổ. Khi đi Trảng Bàng chụp rừng cao xu vào mùa thu, lá đã đổi màu, lá bay lả tả cuốn tung theo ngọn gió như giọt lệ thu. Đẹp quá! Tuyệt đẹp! tôi lôi viễn kính ra quất liên hồi. Nhưng ôi đau thương, hình tôi chẳng có giọt nước mắt nào cả

THĐ: Anh Sơn Tùng trong bài viết đăng ở báo Ngày Nay có viết thế này: "Xem ảnh Nguyễn Xuân Tính, người ta thấy đời sống Việt Nam được thu nhỏ lại những góc nhìn đầy nghệ thuật, trong đó không phải chỉ có cảnh, có người, có mầu sắc, có ánh sáng, có âm thanh...mà còn có cả hồn - HỒN VIỆT NAM. Xin anh giải thích rõ hơn chút nữa về những cái "Hồn" trong các tác phẩm của anh.

NXT: Qua nhiều đời nhiều kiếp, quê hương đã thấm vào da vào thịt, tan thành xương thành máu của mỗi con dân, nên ở Mỹ, Anh, Pháp hay đâu đâu cũng nhìn thấy quê hương. Trong cuộc triển lãm ở Cali, ban tổ chức đã phải thốt lên "trông Việt Nam quá đi". Cũng vì vậy Trần Cao Lĩnh đã nói: "Việt Nam quê hương yêu dấu ở nước ngoài".

THĐ: Nói như vậy có nghĩa là cái "Hồn" rất cần thiết cho một tấm ảnh?

NXT: Trong âm nhạc, hội họa, ca vũ, dân Á Châu, vẫn có những điệu vũ như vũ nón, vũ quạt, múa lụa, bức tranh vẽ cây trúc bằng bút lông nó hoàn toàn không giống vũ điệu, hội họa của Tây phương. Đó là "hồn dân tộc". Trong tất cả các bộ môn nghệ thuật như văn chương, thi phú, âm

"Cát Bụi"
bình của Nguyễn Xuân Tình

nhạc, hội họa, ca vũ, nhiếp ảnh cố làm sao giữ được "hồn dân tộc".

THĐ: Có máy ảnh, có phim, phòng tối v.v...Với những điều kiện ấy đã đủ để trở thành một nhiếp ảnh gia chưa?

NXT: Nhiếp ảnh có nhiều loại như chụp tiệm, (tục gọi là dân chùm váy), ảnh phóng sự, ảnh dạo chụp chân dung, đám cưới đều là những người cầm máy cả. Họ đều có đầy đủ phương tiện từ máy móc đến phòng tối, nhưng có sao chụp vậy. Họ không sáng tác, không gửi vào ảnh một cái "hồn" tức là nội dung. Người ảnh phải có cái nhìn khác người. Tỉ dụ trên trái đất ai cũng thấy mặt trăng tròn nhưng người nghệ sĩ lại trông thấy mặt trăng vuông: Gió tạt tường ngang lưng gió phẳng. Trăng dòm cửa sổ mặt trăng vuông. Người nghệ sĩ trông thấy mặt trời không chói không lóe, từ từ lặn sau làn sương. Chủ đề đó, bối cảnh sao đây, diễn tả thế nào để nội dung thêm phong phú, đó là sáng tác. Làm sao cho người thưởng ngoạn tìm hiểu ý nghĩa của tấm hình, góp phần sáng tạo.

THĐ: Hiện nay có một tỉ rưỡi máy ảnh đang được xử dụng trên mặt địa cầu và có trên năm trăm triệu người đang sinh sống nhờ vào con "Quái vật một mắt" ấy, anh nghĩ sao về bản thống kê vừa mới nêu trên?

NXT: Như đã nói ở phần trên, máy ảnh có nhiều loại từ vài ba chục, vài trăm, vài ngàn. Mỗi loại, xử dụng mỗi ống kính đều tùy theo chủ đề muốn thu hình. Có những loại chỉ cần bấm nhẹ tay là có hình carte postale và để bán ngoài tiệm. Nhưng số người cầm máy đi vào con đường nghệ thuật, nói lên nội tâm của người nghệ sĩ cũng không được bằng con số đó đâu. Cái áo chẳng làm nên thầy tu, vác thanh kiếm báu chưa chắc đã là hiệp sĩ. Cái máy, hóa chất, cọ, phẩm cũng chỉ là phương tiện.

THĐ: Người ta cho rằng: nhiếp ảnh là bộ môn sáng tạo bị gò bó nhất là vì nó bị lệ thuộc nặng nề vào những điều kiện quang học, cơ học, hoặc lý hóa: ánh sáng, nước thuốc, giấy tráng v.v.. Anh có ý kiến gì không về vấn đề này?

NXT: Ngoại cảnh không phải lúc nào cũng có sẵn để thu hình và hoàn thành tác phẩm. Săn hình như chim trời cá nước, có phải ai đi câu, đi săn cũng được chim được cá như nhau cả đâu. Ai cao tay là ăn, ai bấm đúng lúc là ăn, đúng góc cạnh, ánh sáng thuận, sáng xiên, sáng âm, ngược sáng, như vậy đâu phải là đã có hình. Còn buồng tối nữa, phơi thui, cắt

cúp, bỏ chỗ này thêm chỗ khác, chắp ghép đôi ba phim. Hoàn thành một tấm hình như ý muốn khó hơn người họa sĩ sử dụng cọ và mầu sắc để nói lên ngoại cảnh, gởi gấm tâm trạng qua bút pháp.

THĐ: Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm còn nói: ảnh phải có chiều sâu, có nội dung, chứa đựng một cái gì...Cái gì đó là đạo đức, và tình tự dân tộc.

NXT: Ô. Đàm là thế hệ đi trước, là thầy đã đào tạo được rất nhiều nhiếp ảnh gia tên tuổi trong nước và hải ngoại này, mỗi bức hình của thế hệ sau cố tạo sao cho có "dân tộc tính".

THĐ: Là một người say mê và gắn bó với bộ môn nhiếp ảnh như bóng với hình, như thiếp với chàng, thế vậy mà vì lẽ gì từ hơn mười năm nay anh không cầm máy trở lại. Sao lại có chuyện lạ lùng như vậy, thưa anh?

NXT: Xin thưa là từ sinh hoạt đến ngoại cảnh ở đất này không giống bên Việt Nam. Tôi không thể chụp con ó, loại sếu mỏ dài cánh đỏ như ở Sea World. Đàn bồ câu, đàn cò nó gần gũi với quê nhà hơn. Đó là lý do tôi chỉ có vài tấm khi định cư tại đất Hoa Kỳ này.

THĐ: Sau khi "Cùng xem ảnh" với rất nhiều người trong ngày triển lãm của anh. Ra về, Ô. Lê Văn Khoa viết một bài đăng ở báo Ngày Nay, có vẻ không mấy "hài lòng" lắm về bức "Giai Đoạn Cuộc Đời," ông Khoa chê bố cục không "vững," nhưng dư luận thì lại trái ngược với ông Khoa; báo giới hết lòng khen ngợi bức ảnh này. Riêng anh, anh nghĩ thế nào về những lời khen chê ấy?

NXT: Các cụ ta ngày xưa làm thơ phải niêm luật cho chắc, nào là lục bát, song thất lục bát, đường luật, yết hậu v.v..Khi thế hệ kế tiếp đã phá tất cả, không cần niêm luật, miễn sao tỏ được ý mình trên câu văn thơ. Tôi còn nhớ không biết có phải là Nguyễn Vỹ không đã làm thơ chỉ có 2 chữ: Như hơi /Gió bấc /Thấm vào/ Em ơi /Trong lòng /Thành một /Vết thương .Về nhiếp ảnh, chụp người bao giờ cũng chừa khoảng trống phía trước mặt (nhiều hơn phía sau), nhưng trong "Giai Đoạn Cuộc Đời" chặn lối nhìn tới của bà cụ và chừa phần trống phía sau quá nhiều. Đó là phá bố cục, cẩn thận không khéo là phá hoại. Sở dĩ có nhiều người thích là vì mỗi miếng ván đậm lợt khác nhau tượng trưng cho những giai đoạn thăng

"Bóng Dừa"
hình của Nguyễn Xuân Tính

trầm của cuộc đời. Và mặt bà cụ gần đụng cạnh ảnh để chỉ đoạn đường còn lại không còn bao xa nữa, gần đất xa trời rồi. Nếu dựng đứng tấm hình lên, ta tưởng như bà cụ đã nằm trong hòm thiếu tấm ván thứ sáu, tấm ván thiên đậy nắp hòm lại. Sau khi xem kỹ, Ô. Khoa cũng cho loại phá bố cục này rất hợp lý.

THĐ: Anh có nhận định gì về sinh hoạt nhiếp ảnh hiện nay ở quê nhà cũng như ở nước ngoài.

NXT: Hiện nay tại Saigon, cụ Mạnh Đan, Nguyễn Văn Thông là người của thế hệ trước đã làm sống lại nền nhiếp ảnh tại quê nhà. Các hãng Fuji Singapore đã cho 500 cuốn phim và tài trợ 2 cuộc triển lãm cho Hội Ảnh thành phố v..v.. Riêng tại đây, có mấy Hội ảnh đang hoạt động mạnh: Ở San Jose do Ô Nguyễn Ngọc Hạnh hướng dẫn - tại Houston (Texas) ô. Văn Vũ làm Hội Trưởng kiêm chủ nhiệm tờ *Hương Quê* với sự hợp tác của các ông Lê Ngọc Minh, Đặng Đức Hiền, Ngô thanh Tùng v.v..đã có những bài rất phong phú về nhiếp ảnh. Tại Canada, Ô Lê Quang Xuân đã xuất bản cuốn ảnh quá đẹp, rất có giá trị, quê hương và quê hương.

THĐ: Anh còn muốn nói thêm điều gì với độc giả nữa không?

NXT: Xin cảm ơn anh Triều Hoa Đại đã cho tôi dịp trình bày "cái nghiệp dĩ" của tôi mang nặng nhiều năm qua, xin hẹn anh và qúy độc giả nếu có dịp sẽ gặp nhau tại quê nhà, quê người.

THĐ: Xin cám ơn nhiếp ảnh gia Nguyễn Xuân Tính. ❐

đỗ tiến đức

Hoạt động nhiều lãnh vực khác nhau, được giải nhất Văn học Nghệ thuật toàn quốc năm 1969 với truyện dài *Má Hồng*. Sáng lập Đại học Điện ảnh Minh Đức. Đạo diễn những cuốn phim: *Ngọc Lan, Giờn Mặt Tử Thần*. Vượt biên đến định cư tại Hoa Kỳ năm 1979 sau ba năm ở trong nhiều trại cải tạo cộng sản và hơn bảy tháng ở trại tịn nạn Paulo Bidong, Mã Lai. Từng chủ trương tạp chì *Tiểu Thuyết nguyệt san* cuối năm 1980. Hiện là chủ nhiệm và chủ bút báo *Thời Luận*. Tác phẩm mới nhất xuất bản ở hải ngoại là tập truyện ngắn *Vầng Trăng Trong Mưa* (1994).

Hiện sống với gia đình ở Los Angeles, California, Hoa Kỳ.

một chuyện rất việt nam

đỗ tiến đức

Năm 1994 tình cờ tôi dính vào một chuyện tình của một người đàn bà ở trong nước có người yêu vượt biển định cư tại Nam Cali. Tôi không biết phụ nữ đó bao nhiêu tuổi, xấu đẹp thế nào, giàu hay nghèo, sang hay hèn, Bắc hay Trung hay Nam và Phật giáo hay Thiên Chúa giáo. Tôi chỉ biết

tên người đó là Thanh.

Như tôi vừa nói, đây chỉ là sự tình cờ. Hôm ấy, hình như đầu tháng 5, tôi đang trông chiếc máy CNC chạy giữa một cơ xưởng rộng mênh mông, bên hàng trăm chiếc máy khác, thì một đồng nghiệp người Ba Tây tên là Washington đi tới. Anh ta giơ tay, đưa cho tôi một miếng giấy nhỏ, nói:

– Hello, Nguyễn, tao nghĩ cái thư này viết bằng tiếng Việt Nam của mày. Mày xem có phải không?

Liếc nhìn miếng giấy trong lúc tôi đón lấy từ tay Washington, tôi đã nhận ra ngay chữ Việt rồi. Tôi gật đầu và tò mò đọc ngay vì tổng cộng chỉ có ít dòng:

"Gửi người bạn phương xa,

Tôi tên là Thanh, công nhân viên của xí nghiệp may xuất khẩu Thành Công ở số 1955 đường Lê Nin, huyện Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Người mà tôi yêu, chồng tôi, tên là Nguyễn Ngọc Luận, Tốt nghiệp Đại học Y khoa Sài Gòn, vượt biên năm 1988, từ đó mất tích luôn. Gần đây gặp một Việt kiều về, tôi hỏi thăm thì người ấy nói ở Mỹ có một bác sĩ tên là Nguyễn Ngọc Luận nhưng không biết địa chỉ. Ai nhận được lá thư này là ân nhân của tôi, xin tìm giúp tôi chồng tôi, người mà tôi thương yêu suốt đời. Ngày đêm tôi chờ đợi tin của ân nhân...

Thanh"

Đọc xong thư, tôi mỉm cười hỏi Washington:

– Bạn có thân nhân mới tới Việt Nam du lịch chăng?

– Không? Sao mày hỏi điều đó?

– Vậy chứ từ đâu mà bạn có lá thư này?

Washington thích thú kể:

– À, ngày birthday của tao, vợ tao mua tặng tao chiếc sơ mi. Mở áo ra mặc thử, tao thấy mảnh giấy này trong túi áo...

Tôi ngạc nhiên:

– Thế nghĩa là sao? Bạn mua phải áo cũ?

– Tao không nghĩ vậy. Theo vợ tao đoán thì có thể là một người thợ may để thư vào chiếc áo này, bắt chước kiểu người ta hay bỏ thư vào chai rồi thả xuống biển xem nó trôi dạt tới tay ai... Nhưng có phải là chữ Việt Nam không?

– Phải.

– Vậy thì tao không hiểu điều này, mày giải thích cho tao nghe. Label của chiếc áo này là một nhãn hiệu nổi tiếng của Mỹ, đề là may ở

Nam Hàn, sao lại có lá thư của người Việt Nam trong túi?

– Giản dị thôi. Tụi Mỹ nó thuê mấy thằng Nam Hàn may cho rẻ. Mấy thằng Nam Hàn lại thuê thợ Việt Nam cho rẻ hơn vì lương công nhân viên Sài Gòn chỉ cỡ ba mươi đôla một tháng.

Washington kết luận:

– Câu chuyện thú vị đấy chứ! Mày nói cho tao nghe bức thư viết cái gì.

Tôi lẩm nhẩm:

– Thư của một người đàn bà nhờ kiếm chồng...

Rồi tôi nói cho Washington nghe những điều viết trong thư. Nghe xong, Washington còn hăm hở hơn tôi:

– Nhất định phải giúp bà ta rồi. Mày kiếm cái tên bác sĩ này hẳn không khó, phải không? Và mày có thể viết ngay cho bà ta cái thư báo tin cho bà ta biết mày, à quên, tao chứ, đã nhận được cái thư của bà ta. Mày nhớ làm nhá, Chúa sẽ trả ơn mày...

Tôi gật đầu cho Washington vui lòng:

– Ô kê. Tôi có thể cho bạn biết kết quả ngay là tôi đã tìm ra ông chồng của thiếu phụ này rồi. Ông ta có phòng mạch ở Los Angeles và ông ta cũng là một nhà tranh đấu chống cộng rất quyết liệt.

– Ông ta đang hành nghề bác sĩ? Thế tại sao lại không liên lạc với vợ?

– Làm sao tôi biết? Bạn nên nhớ là mười chín năm qua, dân tộc tôi bất hạnh lắm, chuyện gì cũng có thể xảy ra cả.

– Thí dụ như ông này đã có vợ mới?

– Có thể.

– Nếu thế thì thôi, đừng cho người đàn bà này biết.

– Tôi mới nói "có thể" chứ đã chắc chắn đâu. Tại sao không nghĩ tốt hơn là khi ông ta vượt biên rồi thì ở nhà, vợ ông ta bị Việt cộng tịch thu nhà, bắt bà ta đi tù vì tội đồng lõa giúp người vượt biên. Cho nên hai vợ chồng này mất tin tức của nhau. Tưởng tượng hôm nào mình tới nhà ông ta, thấy ông ta sống một mình trong một căn nhà năm trăm ngàn đôla ở Beverly Hills và phòng nào cũng có treo ảnh của người đàn bà tác giả lá thư này...

Washington hồn nhiên reo vui:

– Hay quá! Vậy hôm nào mày đi gặp ông bác sĩ đó, nhớ hú cho tao đi cùng, nhé.

Buổi chiều hôm đó, trên đường tan sở trở về nhà tôi cứ bâng khuâng với lá thư của thiếu phụ tên Thanh có người chồng là bác sĩ Luận. Tới bữa ăn, tôi đem câu chuyện này nói với vợ tôi thì vợ tôi kêu lên:

– Ông ta có vợ rồi mà. Bà này đi chiếc Mercedes trắng, nghe nói bà này giàu lắm, đã nuôi ông này ăn học cho tới khi được bằng tương đương để được hành nghề lại đấy.

Tôi khựng lại, tự nhiên tôi đứng về phía người thiếu phụ tên Thanh:

– Sao em biết?

– Thì thỉnh thoảng đi dự ba cái vụ khiêu vũ gây quỹ đó, người này chỉ trỏ người kia, ai đeo hột soàn mấy ca ra, vuông hay tròn, giá bao nhiêu, mặc áo bốn số hay ba số hay hai số cũng còn biết...

– Em nói gì mà áo bốn số, ba số?

– Tiền. Bốn số là áo mắc tiền, trên một ngàn, ba số là áo bạc trăm còn hai số như em là đồ on sale ở Loehmanns hay Nordstrom Rack...

Tôi hỏi một câu hơi ngớ ngẩn:

– Như vậy thì làm sao? Có nên gặp cái ông bác sĩ này nữa không?

– Người ta nhờ thì mình làm. Anh bỏ lá thư vào phong bì, dán 32 cent tem, mail đi...

– Không được đâu. Sợ bà vợ ông ta trông coi văn phòng, gặp lá thư này thì ông ta đã không bao giờ được đọc những hàng chữ của vợ ông ta viết, và chẳng những thế, gia đình ông ta còn xào xáo từ nay nữa, đâu có lợi gì.

Tối hôm ấy, tôi ngồi cặm cụi viết thư cho người đàn bà tên Thanh. Dường như đã vài năm nay tôi không viết thư cho ai nên trong lòng dạt dào ý tưởng mà viết không ra chữ. Đời sống xứ Mỹ đã phát sinh ra trong tôi tính lười biếng kỳ cục này. Nhớ lại hồi sống ở quê nhà, gần như ngày nào tôi cũng có ít nhất một phong bì gửi đi vì tôi rất đông bạn bè và gia đình nội ngoại. Ấy là không kể tới hồi còn trẻ, "khi đã yêu thì mơ mộng nhiều", viết thư cho "nàng" bất kể giờ giấc, ngay cả lúc ngồi trong nhà thờ nghe cha giảng. Nhưng ở Mỹ, mọi việc giao thiệp đều qua đường dây điện thoại. Chẳng hạn bà vợ tôi hễ về đến nhà là y như cái ống điện thoại không dây đã áp dính vô tai, dù làm bếp hay coi ti vi và đôi khi cả lúc vào trong phòng vệ sinh. Ba đứa con tôi cũng không kém, thành ra gia đình tôi chẳng buôn bán gì mà cũng đã có hai đường dây điện thoại, máy chính máy phụ giăng mắc từ phòng này sang phòng kia cứ y như trung tâm hành quân của một tiểu khu ngày xưa. Cái thói quen viết thư mất dần cho đến bây giờ, nhìn hàng chữ trên giấy, tôi thấy vừa xấu lại vừa vô duyên chi lạ. "Phấn đấu" tới hai giờ sáng, tôi mới hoàn thành một lá thư dài khoảng hai chục giòng để gửi về xí nghiệp may xuất khẩu Thành Công cho người đàn bà tên Thanh.

Sáng hôm sau, vừa tới sở thì Washington đã chặn hỏi tôi:

– Mày liên lạc với ông bác sĩ kia chưa?

– Để cuối tuần.

– Mày không có quyền chậm trễ. Mày hãy nhớ tới người đàn bà kia, bà ta giống như thằng cha nào mà tao quên tên rồi, hình như là Robinson thì phải, thằng cha bị đắm tàu dạt vào hoang đảo, hàng ngày ngóng ra ngoài khơi xem có tàu nào tới vớt không sau khi thằng cha này thả xuống biển vài cái chai mang thư cầu cứu.

– Nhưng mà thì giờ đâu? Hàng ngày phải vô đây từ sáng tới chiều rồi...

– Thì mày gọi điện thoại.

Tôi trả lời cho qua là chưa kiếm ra số điện thoại vì thấy anh chàng Ba Tây này ồn ào quá khiến tôi nghĩ rằng anh chàng đang giải trí với câu chuyện tình chia cách của một cặp vợ chồng Việt Nam, anh chàng tò mò muốn biết thêm chi tiết để tối về, kể cho vợ nghe và vợ anh ta bốc điện thoại kể cho bạn nghe tùm lum một cách rất khoan khoái. Thấy tôi lạnh nhạt bước tới dàn máy CNC thì Washington nhún vai bỏ đi.

Không ngờ đến lúc nghỉ giải lao, Washington hớn hở trở lại chỗ tôi, đập mạnh vào vai tôi y như khi anh ta thắng cuộc đánh đề football:

– Tao cho mày số điện thoại của ông bác sĩ Luận.

Washington chìa vào mặt tôi mảnh giấy tèm lem vết dầu nhớt, tôi lại ngạc nhiên:

– Làm sao bạn có?

Washington cười hề hề:

– Mày ở Mỹ gần chục năm mà dở tệ. Nhấc cái điện thoại lên, gặp con tổng đài, đọc tên thành phố và tên bác sĩ Luận rồi hỏi số điện thoại là một giây nó trả lời mày.

Washington nắm tay tôi lôi đi:

– Bây giờ còn mười phút, mày ra máy điện thoại công cộng này, tao bỏ 25 cent cho mày gọi ông bác sĩ Luận.

Thực sự là tôi không đồng ý cái lối hành động nóng nẩy của Washington, vì không hiểu sao tôi cứ nghĩ anh chàng Ba Tây này làm chỉ vì tò mò, tìm hứng thú cho bản thân anh ta hơn là cho người đàn bà Việt Nam tên Thanh. Nhưng nếu tôi không gọi điện thoại thì anh chàng này sẽ hiểu qua tôi là người Việt thiếu tình cảm, lạnh lùng, không thương ngay cả đồng bào mình. Với lại, tôi biết, nếu tôi không nói chuyện với bác sĩ Luận lúc này thì Washington sẽ nói. Vì thế, tôi đành miễn cưỡng theo Washington tới máy điện thoại. Chính anh chàng to con rềnh ràng này bỏ tiền vào máy rồi quay số, chỉ khi nghe tiếng chuông reo rồi mới chuyển máy

cho tôi.

Tôi nghe bên kia đầu dây là giọng đàn bà:

– Phòng mạch bác sĩ Luận, tôi nghe.

– Thưa chị, tôi xin được nói chuyện với bác sĩ Luận.

– Xin lỗi, ông muốn lấy hẹn khám bệnh phải không? Ông cho tôi biết tên, số điện thoại để tôi ghi vào sổ cho ông. Ông có medical, bảo hiểm hay trả tiền mặt?

– Thưa không, tôi muốn nói chuyện riêng?

– Thế hả? Bác sĩ đang bận khám bệnh nhá. Ông cho tôi số điện thoại rồi bác sĩ gọi lại. Mà xin lỗi ông, chuyện riêng là chuyện gì?

– Thưa chị, đã bảo là chuyện riêng mà...

– Không sao, tôi là vợ bác sĩ Luận đây, ông cứ nói...

– Dạ, thưa bà bác sĩ, bà có thể ghi số điện thoại của tôi, nếu bác sĩ muốn thì gọi cho tôi sau...

Tôi xưng tên, đọc số điện thoại xong rồi gác máy. Washington bồn chồn ra mặt, anh chàng muốn tôi kể cho nghe ngay cuộc đối thoại vừa rồi. Khi tôi nói chưa hết thì chợt nghe chuông điện thoại reo, Washington tò mò nhấc lên. Tôi thấy Washington nhìn tôi, nhướng cao đôi lông mày và nghe hắn trả lời:

– Vâng. Đây là sở làm của nó.

– ...

– Vâng. Tôi biết nó mới gọi cho phòng mạch.

– ...

– Vâng. Nó cho bà số điện thoại ở nhà.

Cúp máy xong, Washington cười:

– Con mẹ này đáo để thật. Nó kiểm soát mày là ai đấy?

Tôi hỏi Washington:

– Sao bà ấy biết được số điện thoại này? Chắc chắn là ban nãy tôi không có nói.

– Mày ngu quá. Ở Mỹ mấy năm rồi. Nó có máy ghi lại những số điện thoại gọi vào văn phòng nó để nếu mày tống tiền thì nó trình FBI, hiểu chưa.

Từ đó, câu chuyện của người đàn bà tên Thanh trở thành một ám ảnh khiến tôi lúc nào cũng bận tâm suy nghĩ. Chắc chắn là bác sĩ Luận giờ đây đã lập gia đình mới. Vậy thì tôi có nên chuyển lá thư của người đàn bà tên Thanh cho ông ta nữa không? Ông ta còn thương yêu còn nhớ người đàn bà tên Thanh đó không? Nếu ông ta còn yêu bà Thanh thì liệu ông ta sẽ phản ứng thế nào? Và, người đàn bà đang chung sống với ông ta có biết mối tình của ông ta với bà Thanh không? Nếu ông ta nói dối chưa yêu ai,

chưa gọi ai bằng vợ, nay bà ta biết được lá thư này thì gia đình đó ra sao?

Ông bác sĩ Luận không hề gọi điện thoại lại cho tôi. Tính tò mò đã thúc đẩy tôi vào một buổi sáng cuối tuần lái xe kiếm phòng mạch của bác sĩ Luận. Ông bác sĩ này rất đông khách, hàng chục bệnh nhân dáng điệu mỏi mệt ngồi chân co chân duỗi trước bức tường treo lá cờ vàng ba sọc đỏ và la liệt hình ảnh sinh hoạt của cộng đồng mà tấm hình nào cũng có bác sĩ Luận là vai chính. Thấp thoáng phía sau ô cửa sổ là hai phụ nữ, một người mặt hoa da phấn và một người da dẻ đơn sơ, áo quần giản dị, như thế chỉ nhìn qua cũng biết ngay một người là bà chủ và một người làm công với đồng lương tối thiểu.

Quan sát bà bác sĩ Luận một hồi, tự nhiên tôi thấy người đàn bà này đang hưởng hạnh phúc mà bà ta đã gây dựng nên, nếu như lời vợ tôi nói đúng, là bà ta đã nuôi ông Luận ăn học để lấy lại được giấy phép hành nghề. Thế thì lá thư của người đàn bà tên Thanh chẳng nên để thêm một người khác biết nữa. Tôi sẽ cất giữ lá thư đó làm kỷ niệm hoặc sẽ bôi tên ông bác sĩ rồi gửi lên đại học Yale cho giáo sư Huỳnh Sanh Thông cất vào thư viện Việt Nam.

Nhưng ba tuần sau thì tôi nhận được thư của người đàn bà tên Thanh từ Việt Nam gửi sang. Bức thư viết:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6, 1994

Thưa ông Đỗ,

Tôi là Triệu Thị Thanh, 35 tuổi, vợ của bác sĩ Nguyễn Ngọc Luận, từ nay xin được gọi ông là ân nhân. Tôi không ngờ lá thư của tôi lại tới tay ông, thật là may mắn. Thế thì hẳn phải có trời có phật thật, ông nhỉ.

Tôi đang là công nhân viên xí nghiệp may xuất khẩu Thành Công, làm gia công cho thương gia Nam Triều Tiên. Hàng ngày chúng tôi đóng thùng đưa xuống tàu chở ra nước ngoài hàng chục ngàn cái áo sơ mi đấy. Thế mà cái thơ tôi bỏ vội vào túi một chiếc áo, lại tới ông mới là đặc biệt, ông nhỉ.

Bây giờ, tôi kể cho ông nghe câu chuyện của tôi nhé. Tôi là gái Hà Nội đấy. Hồi Mỹ đánh bom Hà Nội 12 ngày, tôi mới có 13 tuổi, đã phải chạy tản cư lên Sơn Tây đấy. Thế rồi năm 1975, giải phóng được miền Nam, bố tôi vào trong đó tiếp quản. Thấy Sài Gòn dễ sống hơn Hà Nội, bố tôi đưa cả nhà vào. Tôi trở thành nữ sinh trường Nguyễn Thị Minh Khai. Tốt nghiệp Trung học Phổ thông cấp 2 xong, bố tôi đưa tôi vào làm công an.

Năm 1980, có một ngụy quân được trại cải tạo tạm tha, giao về cho

phường quản lý, đến công an phường trình diện. Tên anh ta là Nguyễn Ngọc Luận, đại úy quân y trong quân đội ngụy. Tôi là người quản lý hồ sơ những người bị quản chế, chưa có quyền công dân nên anh Nguyễn Ngọc Luận phải trình diện tôi và làm việc với tôi.

Thoạt đầu, tôi thấy anh ta cũng như những ngụy quân ngụy quyền khác thôi. Tôi giao cho anh ta nhiệm vụ theo dõi các hoạt động phản động chống cách mạng trong khu phố, phải báo cáo với tôi những dấu hiệu khả nghi như người lạ mặt tới lui và phải gặp tôi làm việc một tuần ba lần vào thứ hai thứ tư và thứ sáu. Theo hồ sơ khai báo của anh ta thì trong lúc anh ta đi cải tạo, vợ anh ta đã đi lấy chồng khác, là một cán bộ ngành Hải quan. Hai đứa con anh ta được người chị gái ở kinh tế mới Gia Ray nuôi.

Một hôm, anh ta tới gặp tôi, xin tôi cấp giấy phép di chuyển để đi thăm con. Tôi trả lời là theo nguyên tắc thì khi còn quản chế, anh ta không được ra khỏi khu vực. Thế là anh ta khóc ngay trước mặt tôi, nói là nhớ con vì mới nhận được thư của người chị gởi về nói là đứa con nhỏ của anh trong lúc làm rẫy đã bị bọ cạp cắn. Tôi nói với anh ta là sao không đưa hai đứa con về đây thì anh ta trả lời là anh ta không có công ăn việc làm nên không nuôi con nổi. Tôi hỏi thế sao anh ta không đi kinh tế mới với con anh ta thì anh ta nói anh ta là bác sĩ, nếu đi kinh tế mới thì chỉ là nông dân thôi, còn nếu ở lại thành phố, hết thời gian quản chế, có thể xin phép cách mạng mở phòng mạch, chừng đó sẽ đưa con về.

Thấy hoàn cảnh anh ta rất tội nghiệp, tôi đã cấp giấy đi đường cho anh ta. Khi trao tờ giấy, tôi nói: "Thông cảm hoàn cảnh của anh nên tôi đã làm sai nguyên tắc đây. Mong anh trở về đúng hạn, nếu không thì tôi bị kỷ luật". Anh Nguyễn Ngọc Luận đã xúc động tới mức khi anh nhận tờ giấy phép trên tay tôi, anh đã nắm cả bàn tay tôi. Và, chính lúc bất ngờ bị anh ấy nắm tay, tôi cũng đã chợt thấy toàn thân tôi như bị luồng điện giật, ông ạ.

Thế nên trong một tuần lễ anh Luận đi xa, tôi là người duy nhất mong đợi anh ấy trở về. Không phải chỉ vì tôi sợ anh ấy đi mất luôn khiến tôi bị kỷ luật đâu, tôi còn thấy một điều khác, đó là sự vắng vẻ, sự thiếu thốn kỳ lạ lắm. Chắc tôi không nói thì ông cũng biết, tôi đã có cảm tình với anh Luận rồi, phải không?

Đúng bảy ngày sau, anh Luận tới trụ sở công an phường trình diện tôi, tôi mừng không thể tả, khiến mấy bạn tôi phát hiện được tình cảm của tôi. Họ bắt tôi kiểm điểm. Họ mách với bố tôi là tôi yêu một tên ngụy. Bố tôi giận lắm, chửi mắng tôi là mất tác phong cách mạng. Chẳng ngờ lòng tôi như giòng nước, gặp vách núi chặn thì thành thác đổ. Tôi đã ngã vào vòng tay anh Luận. Lúc đó thì tôi không cần gì nữa. Tôi chấp nhận mất tất

cả để được tình yêu của anh Luận. Bố mẹ tôi từ tôi, đảng sa thải tôi, tôi bị khai trừ khỏi công an vì tôi không nhận lệnh di chuyển về Hải Dương. Tôi trở thành thợ may và buôn bán linh tinh để nuôi anh Luận.

Để trả thù tôi, công an đã không trả quyền công dân cho anh Luận sau một năm quản chế. Chúng tôi xin di chuyển đi nơi khác, công an không chứng giấy. Hy vọng được mở phòng khám bệnh của anh Luận coi như hết, anh buồn lắm. Anh xin vào làm ở một xưởng đóng bàn ghế với chân đánh vẹc ni. Nhiều đêm thấy anh không ngủ, cứ nằm hút thuốc, tôi nghĩ vì tôi mà anh ấy khổ. Giá như tôi không lấy anh ấy thì sau một năm quản chế, anh ấy được trả quyền công dân và mở phòng khám bệnh, có tiền thì mang hai con anh ấy về cha con sống chung. Nay chỉ vì có tôi mà anh Luận bí đường tắc lối.

Cuộc sống điêu đứng như thế cứ ngày qua ngày, cuối cùng, vì yêu anh Luận nên tôi điều đình với bố tôi là tôi chấp nhận về Bắc với điều kiện anh Luận được trả quyền công dân và được giấy phép mở phòng khám bệnh. Bố tôi đồng ý. Tôi không cho chồng tôi biết chuyện này, một mình tôi, tôi lén chuẩn bị cho chồng tôi những thứ cần thiết, phần tôi, tôi chỉ có một cái túi xách tay với hai bộ quần áo của tôi, một bộ quần áo của chồng tôi mà tôi sẽ không bao giờ giặt để giữ lại chút hơi ngàn đời tôi thương mến, và một tấm hình mà tôi và anh Luận chụp chung, để trở về Bắc.

Đến ngày phải xa chồng vĩnh viễn, tôi cố cầm nước mắt, làm tiết canh vịt cho chồng tôi ăn, mua bia ngoại cho chồng tôi uống và ở với chồng tôi lần chót. Chẳng ngờ khi ân ái, tôi đã không còn giữ nổi nữa, tôi òa khóc. Chồng tôi kinh ngạc ôm lấy tôi, an ủi tôi, hỏi tôi chuyện gì. Tôi vừa khóc vừa kể cho chồng tôi rồi bảo chồng tôi đã đến giờ ra bến xe hỏa rồi, để tôi đi kẻo trễ chuyến tàu Thống Nhất. Nhưng chồng tôi không buông tôi ra. Anh ấy bảo: "Anh không cần quyền công dân. Anh không cần phòng mạch. Anh cần em. Không, em không đi đâu hết".

Hai vợ chồng tôi lại tiếp tục sống cảnh "một mái nhà tranh hai trái tim vàng" ở trong con hẻm đường Minh Mạng, phường Minh Mạng, quận 10. Thêm một năm rồi hai năm, đảng vẫn tiếp tục hành hạ chồng tôi và lần này ra tay trừng phạt bằng lệnh đuổi vợ chồng tôi đi Kinh tế mới Kà Tum ở Tây Ninh.

Chúng tôi rời thành phố một cách bình thản, có lẽ chồng tôi không thể còn chuyện gì để xúc động hơn, để làm cho anh ấy buồn hơn nữa. Anh ấy nói với tôi: "Nghĩ cho cùng thì cái xã hội này cũng chẳng có gì đáng tiếc nếu phải chết. Và nếu chết mà hai chúng mình có nhau thì chết còn vui hơn sống".

Khu kinh tế mới Kà Tum nằm sát biên giới Miên Việt. Tôi nghe những người ở đây nói rằng Kà Tum cũng là nơi dừng chân của bọn buôn lậu, bọn đưa người vượt biên sang Thái Lan. Quả thật, ít tháng sau, chúng tôi gặp một toán bộ đội đưa khoảng hai chục người từ thành phố Hồ Chí Minh lên, chuẩn bị quần áo Miên để qua biên giới. Chuyến ấy đi xong, vài ba tuần sau lại có chuyến khác. Nhìn người ta đi, chồng tôi thở dài ao ước: "Giá mình có vàng, em nhỉ, vợ chồng mình xin họ cho đi. Sang tới Thái Lan, anh sẽ được Mỹ nhận ngay. Khi đó mình mới hết khổ".

Thấy chồng tôi muốn thì tôi làm. Tôi dò hỏi toán vượt biên, được biết mỗi đầu người phải đóng hai lượng vàng mà gia tài chúng tôi chỉ có hai chiếc nhẫn cưới mà anh Luận và tôi mua của một người bán vàng rồi đeo vào tay nhau ở ngoài vỉa hè để kỷ niệm, để tôi được hãnh diện là đã có chồng. Tôi bèn ngỏ lời với anh Luận cho tôi về thành phố một chuyến. Và tôi đã xin, đã mượn, đã vay của bạn bè, em tôi, anh tôi, chị tôi, cô tôi, đồng chí cũ của tôi, được đúng hai lượng vàng mang lên Kà Tum cho chồng tôi. Chồng tôi hỏi: "Em tính thế nào?" Tôi trả lời: "Em lo vàng cho anh vượt biên mà". Chồng tôi nói: "Còn em?". Tôi lại cố giữ bình tĩnh: "Em đâu dám đi. Anh không thấy người ta nói các phụ nữ vượt biên qua đất Miên là khi thì bị Khmer Đỏ hiếp, khi thì bị lính Hun Sen hiếp. Thôi, anh cứ đi mình, rồi sau này lo cho em sang với anh".

Chồng tôi đã nhập được vào nhóm người vượt biên giới đi tìm tự do sau khi tôi cài vào túi áo chồng tôi chiếc kim băng để giữ khỏi rớt tất cả những đồng bạc mà tôi có, và địa chỉ của một người bạn thân ở thành phố Hồ Chí Minh để mai sau anh ấy gửi thư về. Tôi chỉ giữ lại cho tôi duy nhất một chiếc nhẫn một chỉ trên ngón tay để tôi nhớ về anh Luận, người mà tôi thương yêu suốt đời.

Nhưng tôi mất tin chồng tôi từ đó. Không biết anh ấy có thoát tới Thái Lan hay bị hại giữa những làn đạn của bọn Miên bắn giết nhau? Tôi đã dò hỏi, tìm kiếm mọi nơi mọi cách mà vẫn không thấy chút tin nào của chồng tôi. Tôi chỉ mong anh ấy sống thôi.

Một hôm, ngồi xếp những chiếc áo sơ mi vào thùng sau khi kiểm phẩm xong để xuất khẩu, tự nhiên tôi có ý nghĩ, tại sao không gửi một lá thư vào một trong những chiếc áo này, biết đâu nếu quả thực có ông Trời thì chồng tôi sẽ mua trúng cái áo đó? Không ngờ lá thư lại tới tay ông cũng là may cho tôi, chứ nếu chiếc áo đó bán ở nước khác như Nam Triều Tiên, Nhật Bản thì tôi sẽ chẳng bao giờ được cái hy vọng qua ông rồi tôi sẽ nhận được tin về chồng tôi...

Bây giờ tôi là người rất tin rằng có ông Trời đấy, ông ạ. Một lần nữa, tôi xin gọi ông là ân nhân, và mong ông giúp tôi tìm gặp anh Nguyễn

Ngọc Luận, cho anh ấy địa chỉ của tôi để anh ấy làm hồ sơ đoàn tụ cho tôi ngay.

Kính thư,

Triệu Thị Thanh

Lá thư càng làm tôi lẩn quẩn hơn về câu chuyện tình của chị Triệu Thị Thanh. Tôi nghĩ mọi suy đoán của tôi đều có thể chủ quan và sai. Điều tốt nhất là tôi phải gặp bác sĩ Luận một lần. Vả lại, thông báo cho ông ta là trách nhiệm của tôi mà chị Thanh đã hết lòng nhờ cậy.

Quyết định như thế nên vào một sáng thứ Bảy, tôi đóng vai người bệnh tới phòng mạch bác sĩ Luận. Sau khi làm phiếu, đóng tiền mặt bốn mươi đôla xong, tôi ngồi chờ khoảng nửa giờ thì được y tá gọi đi cân đo trước khi gặp bác sĩ.

Ông bác sĩ là người trắng trẻo, nét mặt rất nhân ái, đôi mắt nhiệt tình và đôi môi lúc nào cũng như cười. Tôi nằm trên giường, quan sát ông ngồi đọc hồ sơ của tôi, tôi nghĩ, không biết trong cái đầu kia có còn chút hình ảnh nào của chị Thanh, của những ngày gian khổ ở Kà Tum không? Nếu tôi không đọc thư chị Thanh, làm sao tôi biết con người này đã từng trải qua biết bao ngày tháng đắng cay, đã có ít nhất ba người đàn bà trong đời, và không hiểu hai đứa con ông ở khu Kinh tế mới Gia Ray đã được ông bảo lãnh sang đây chưa?

Tôi chợt nghe bác sĩ Luận hỏi tôi:

– Chào anh, anh đau gì?

Tôi nhìn quanh, thấy cô y tá đứng khá xa, mới nói nhỏ:

– Tôi có bệnh kín muốn nhờ bác sĩ xem. Ông có thể khép cửa, đừng cho y tá hay bà nhà vô được không?

Bác sĩ Luận gật đầu ngay:

– Được, được...

Chờ cánh cửa khép xong, tôi mới nói:

– Bác sĩ có còn nhớ một người đàn bà tên là Triệu Thị Thanh?

Lập tức ông ta như bị điện giật. Đôi mắt ông ta hớt hải liếc nhanh ra phía cửa, miệng lúng búng như muốn nói mà lại như không nói được. Tôi thì thầm tiếp:

– Bà Thanh có gửi cho tôi một lá thư để nhờ chuyển cho bác sĩ. Tôi xin giao lại cho bác sĩ...

Bác sĩ Luận run run đón nhận lá thư, miệng vẫn không nói một câu nào. Tôi không biết ông ta nghĩ gì? Xúc động vì bất ngờ được tin người vợ cũ đã lạc nhau? Hay lo sợ bà vợ mới chợt đẩy cửa vào bắt gặp lá thư của chị Thanh? Nhìn mặt ông ta tái nhợt như người bị cảm, trán lại nhơm

nhớp mồ hôi, tôi hơi khôi hài nghĩ rằng giờ này ông ta chính là kẻ phải leo lên nằm trên cái giường này và tôi chẩn mạch cho ông ta mới đúng.

Bẳng đi khoảng ba tuần lễ, vào chiều Chủ Nhật, vợ con tôi chở nhau đi shopping, tôi ở nhà coi đánh bốc. Hồi ở Việt Nam tôi rất ghét môn này vì thấy nó chả có vẻ thể thao chút nào, tàn bạo là khác. Thể thao là cách thể hiện ba tiêu chuẩn cao hơn, nhanh hơn, xa hơn, đằng này đánh đấm nát mặt nhau, nói theo thời thượng là "vi phạm nhân quyền" quá. Chính phủ Tân Gia Ba mới chỉ dùng roi đét vào đít một thanh niên Mỹ mà thế giới làm ồn lên, chỉ trích hình phạt này là dã man, thế mà công khai đánh tét mắt tét môi nhau công khai thì được tivi trực tiếp truyền hình và càng thấy máu đổ càng ăn khách, càng cho là nghệ thuật.

Nhưng từ khi sang sống ở Mỹ, tự nhiên tôi lại thích xem đánh bốc. Tôi chưa tìm hiểu tại sao tôi thay đổi cách giải trí, có phải ở bầu thì tròn ở ống thì dài, tôi đã ảnh hưởng nhân sinh quan người Mỹ, hay thực tế chỉ là bây giờ tôi già yếu thì tôi thích vay mượn sức mạnh của kẻ khác?

Tôi đang ngồi xem hai ông võ sĩ đấm nhau thì điện thoại reo. Bên kia đầu dây là người mà tôi vẫn có ý chờ, đó là bác sĩ Luận. Ông chào tôi xong rồi nói:

– Tôi rất cảm ơn anh đã chuyển cho tôi thư của Thanh...

– Không có chi. Chị ấy nhờ thì tôi làm.

– Nhưng cũng bởi vì mình có duyên với nhau chứ.

Tôi thăm dò:

– Vâng, tôi cũng nghĩ thế. Tôi mong bác sĩ không phiền tôi.

– Ồ, ồ, không bao giờ. Tôi đề nghị mình gọi nhau thân mật hơn, bỏ cái danh xưng bác sĩ đi, tôi đang gọi anh là anh mà. Hôm nào anh có thể đi ăn với tôi một bữa không?

– Dạ, thế thì còn gì bằng.

Bác sĩ Luận hỏi ngay:

– Tối nay anh có rảnh không?

– Cũng được.

Bác sĩ Luận hẹn tôi tới quán The Ambassador tại Pasadena, một quán ăn nổi tiếng với đầu bếp Thụy Điển lúc bẩy giờ rưỡi tối. Khi gặp nhau, ông bắt tay tôi rất thân mật và vào đề ngay:

– Tôi biết ơn anh đã nhận lời dù tôi mời anh quá đột ngột...

Tôi pha trò:

– Nếu thế thì tôi cũng cám ơn anh vì tôi rất thích ăn ngọt, với lại tôi cũng thích nghe chuyện lạ...

Bác sĩ Luận vui vẻ:

– Anh biết tại sao tôi mời anh ngay tối nay không?

– Vì bà nhà mắc bận?

– Anh thông minh quá. Tại tôi có buổi họp về công việc làm ăn với tụi Mỹ, nhưng tôi không ăn với chúng nó mà gọi điện thoại mời anh. Vâng, thường thì tôi khó có dịp đi một mình, bà ấy theo quá.

Tôi thành thật nói:

– Sau khi đóng bốn mươi đôla để được gặp anh, trao thư của chị Thanh cho anh, mà hai ba tuần sau không nghe anh điện thoại, thú thực tôi hơi thất vọng.

– Anh không hiểu, xin lỗi anh không hiểu. Ngay lúc anh vừa ra khỏi phòng mạch là nhà tôi lột mất mấy cái thư đó ngay.

– Sao bà biết?

– Tại tôi không giấu được tình cảm. Nhìn mặt tôi bà ấy sinh nghi, chặn hỏi tôi. Tôi vội giấu thư của Thanh vào thùng rác mà bà ấy cũng khám phá ra.

– Như vậy là anh không còn yêu chị Thanh?

– Yêu chứ. Nhưng mà anh cũng hiểu, mình đâu có giải quyết được gì.

Tôi hỏi:

– Vậy là anh chưa được đọc thơ chị Thanh?

– Chưa. Bà ấy đốt ngay trước mắt tôi.

Tôi cười:

– Không sao, nếu anh muốn thì tôi sẽ cho anh bản khác, vì tôi có photo giữ kỷ niệm.

Chẳng ngờ khi nghe tôi nói thế, bác sĩ Luận nằn nì cho ông ta được đọc ngay. Thấy lòng thiết tha của ông ta, tôi không thể từ chối, rốt cuộc hai chúng tôi rời quán ăn, lên xe về nhà tôi. Ngồi trên xe, tôi kể sơ sơ cho Luận nghe đầu đuôi câu chuyện một cách vô tư mà không kết luận vì chưa biết tình cảm của Luận thế nào ngoài tính sợ vợ quá đáng của ông ta. Luận nói:

– Người chứ đâu phải chó mà quên được mối tình chung thủy như Thanh đối với tôi, anh? Lúc gần bà Hoan, tên bà vợ tôi bây giờ, thành thật mà nói với anh là chẳng có ai nói yêu ai cả. Cảnh đàn ông đàn bà sáp vô nhau là chơi thôi. Không ngờ bà ấy chịu tôi, giúp tôi tiền bạc học lại và có với tôi đứa con. Anh biết không, tôi đã từng mua vé du lịch Việt Nam để tìm kiếm Thanh...

– Anh chống du lịch Việt Nam bằng chết mà lại về du lịch Việt Nam?

– Vâng. Tình cảm con người mà anh. Mình về nước đâu có nghĩa là

mình theo Việt cộng.

– Thế tại sao anh chống?

– Bà vợ tôi đó. Bà đẩy tôi tới cái thế chống du lịch Việt Nam để cắt đường về của tôi mà. Hễ chỗ nào biểu tình chống du lịch là bà ấy chở tôi tới, bà ấy ủng hộ ban tổ chức ít tiền, bà ấy bảo tôi cầm cái bảng "Du lịch Việt Nam là cộng sản" để cho mấy tờ báo có chạy quảng cáo phòng mạch tôi chụp hình rồi đăng lên...

Tự nhiên tôi nói với Luận:

– Thôi, theo tôi thì anh chẳng nên đọc thư của chị Thanh làm gì.

Luận kêu lên nhè nhẹ:

– Không! Anh cứ cho tôi mấy lá thư của Thanh đi. Ban nãy tôi đã nói với anh là tôi đâu phải là chó mà quên được tình yêu của Thanh. Nhưng anh hiểu mà, hoàn cảnh này tôi làm gì được cho Thanh chứ?

Ngày 10 tháng 8, 1994, tôi viết cho chị Triệu Thị Thanh một lá thư và kèm một phiếu gửi tiền về cho chị hai ngàn đôla tiền của bác sĩ Luận nhưng nói là tiền của tôi. Đầu tháng 9, tôi nhận được thư của chị Thanh. Chị viết:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8, 1994

Ông Đỗ kính mến,

Thưa ông, tôi đã nhận được thư và số tiền hai ngàn US đô của ông gửi về. Trong thư ông cho tôi nhiều lời khuyên, an ủi tôi nên quên người chồng mà tôi yêu thương nhất đời là anh Nguyễn Ngọc Luận. Nhưng, thưa ông, lá thư của ông khiến tôi không thể quên chồng tôi mà còn làm niềm tin trong tim tôi sống lại mãnh liệt hơn.

Ông biết sao không, ông Đỗ? Bởi vì ông với tôi là hai người xa lạ, vì vậy dù là triệu phú ông cũng không dễ dàng gửi tặng tôi khơi khơi hai ngàn US đô. Tôi chắc chắn rằng tiền này là của anh Luận. Ông đã gặp anh Luận mà vì một lý do gì ông không tiện nói cho tôi biết mà thôi.

Vậy, để tìm hiểu sự thực, tôi sẽ dùng tiền này và tiền tôi dành dụm được đem đăng ký với công ty du lịch Bến Thành theo đoàn thương mại thành phố sang triển lãm công nghệ ở Los Angeles vào tháng 10, 1994. Theo báo đăng quảng cáo thì mỗi người tham dự phải đóng bốn ngàn tám trăm đôla, bao gồm tiền máy bay đi và về, tiền khách sạn và ăn ở hai tuần, được đi chơi Disneyland, Las Vegas, sở thú San Diego và Hoa Thịnh Đốn.

Để hồ sơ được thông qua nhanh, tôi sẽ đăng ký là công nhân viên xí nghiệp may xuất khẩu Thành Công. Tôi rất mong được gặp ông trong dịp này. Ông cứ tới cửa hàng của xí nghiệp Thành Công là thấy tôi. Hoặc ông

gửi về cho tôi sớm số điện thoại của ông, khi nào tới Los Angeles, tôi sẽ gọi ông cho hay.

Kính thư,

Triệu Thị Thanh

Đọc xong thư tôi không khỏi khen thầm là người đàn bà quả nhiên thường có giác quan thứ sáu. Lá thư của chị Thanh lại khiến tôi cứ lẩn quẩn suy nghĩ, chiếm thì giờ của tôi còn nhiều hơn thì giờ tôi dành cho chiếc máy CNC.

Tôi tìm cách thông báo tin này cho bác sĩ Luận vì chỉ còn có ba tuần là chị Thanh đã có mặt ở Mỹ. Đã hai lần tôi điện thoại tới phòng mạch của Luận đều gặp người nghe là vợ ông ta. Và như lần trước, sau khi tôi cúp máy thì bà vợ ông ta gọi lại để kiểm soát. Tới cuối tuần, tôi đọc báo Việt ngữ, thấy tin cộng đồng sẽ họp vào chiều Chủ Nhật ở Little Saigon để thành lập ban tổ chức biểu tình chống phái đoàn của Việt cộng tới Los Angeles chiêu dụ đầu tư, tìm cách đi tới Mỹ để dùng Mỹ chống áp lực của Tàu đang lấn chiếm quần đảo Trường Sa. Tôi nghĩ thế nào bác sĩ Luận cũng có mặt ở buổi họp này nên tôi trở thành người hưởng ứng cuộc biểu tình, hiện diện tại đó.

Quả nhiên, bác sĩ Luận đang ngồi cùng với hai vị nữa chủ tọa buổi họp với khoảng năm sáu chục mái đầu bạc nhiều hoặc bạc ít. Nhiều ý kiến phát biểu chém đinh chặt sắt hô hào phải bằng mọi cách phá tan kế hoạch chiêu dụ tư bản Mỹ tới đầu tư ở Việt Nam, bảo bọn tư bản này hãy tới Trung Cộng hay Phi Luật Tân mà làm ăn, đừng có mà tiếp tay Việt cộng. Khoảng một giờ trôi qua thì bác sĩ Luận đề nghị nghỉ giải lao trước khi đúc kết bản tuyên cáo chống phái đoàn giao thương của cộng sản Hà Nội.

Bác sĩ Luận nheo mắt cười với tôi rồi tới gần, nói nhỏ, giọng hồi hộp:

– Chắc có tin của Thanh phải không, anh?

– Giỏi. Không lẽ thần giao cách cảm nhỉ?

– Tại anh đâu có phải là khuôn mặt của những buổi họp này? Sự xuất hiện của anh là phải có chuyện đặc biệt cho tôi, tức chỉ là chuyện của Thanh.

– Vâng, tôi nói ngay kẻo bà vợ anh bà ấy để ý rồi khổ cho anh. Chị Thanh mới gửi thư cho tôi đây này. Chị ấy nói sẽ theo phái đoàn thương mại Việt cộng sang dự triển lãm hội chợ tháng 9 tới. Chị ấy làm việc trong gian hàng may xuất khẩu Thành Công.

Quả là bác sĩ Luận không chờ đợi một tin tức như thế. Mặt ông ngẩn

ngơ đến tội nghiệp. Tôi dúi vào tay Luận lá thư của chị Thanh:

– Anh cầm lấy thư của chị ấy để biết là số tiền anh nhờ, tôi đã gửi tới tay chị Thanh.

Gần đây ngày có cuộc triển lãm hội chợ thương mại của cộng sản Việt Nam, các cơ quan truyền thông của cộng đồng người Việt đồng loạt đả kích rất dữ dội. Tuyệt nhiên không thấy ý kiến nào ngược lại được phát biểu trong vùng này. Phần tôi, câu chuyện của chị Thanh cũng bắt tôi cứ phải nghĩ tới cái hội chợ đó một cách dai dẳng. Người đàn bà vì tình yêu đã tìm mọi cách sang Los Angeles, đã hẹn gặp tôi mà chả lẽ tôi không tới. Mà tới thì sẽ có khối người chửi tôi là thân cộng, là trở cờ đón gió, là đủ mọi thứ xấu xa tội lỗi.

Chỉ quyết định đi hội chợ hay không đi hội chợ mà tôi bị dằn vặt cả nửa tháng, đầu óc bị xâu xé rốt cuộc chỉ thêm rối bời. Vào ngày mở cửa đầu tiên của hội chợ, tôi kiếm Washington vào giờ nghỉ buổi sáng và nói với anh ta:

– Ê bạn, bạn còn nhớ lá thư bạn nhận được từ người đàn bà Việt Nam bữa trước không?

– Ồ làm sao quên được? Bà ta giờ ra sao?

– Bà ta đang ở Los Angeles.

– Ông bác sĩ gì đó đón bà ta sang đoàn tụ hả? Hoan hô!

– Chưa. Bạn muốn gặp bà ta không?

– Cũng hay.

– Vậy thì trưa nay, tôi mua hamburger cho bạn ăn trên xe tranh thủ thì giờ, tôi chở bạn tới gặp bà ta nhé.

– Ô kê.

Cuộc triển lãm mở ở Phòng Thương Mại Los Angeles, nơi khó kiếm ra chỗ đậu xe. Nhưng đó chính là điểm tốt cho tôi vì tôi chỉ muốn Washington xuống xe và vào hội chợ một mình. Tôi viết tên chị Thanh, tên gian hàng Thành Công và đưa luôn tờ giấy mười đồng để Washington mua vé vô cửa. Tôi dặn:

– Bạn vô một mình cũng được, khi gặp bà ta thì đưa số điện thoại của tôi cho bà ta. Nói với bà ta điện thoại cho tôi.

Washington cũng tự hiểu ra sự do dự của tôi:

– Mày ngại những người Việt Nam của mày đang biểu tình chửi mày, phải không?

Tôi gật đầu thú nhận, táp xe vào lề đường chỗ sơn đỏ, đạp thắng xe cho Washington xuống:

– Tôi chạy vòng vòng chờ bạn. Ô kê.

Đoàn biểu tình đông khoảng hai ba trăm người với nhiều quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa và những tấm biểu ngữ đả đảo Việt cộng, đòi Việt cộng thực thi nhân quyền, thả nốt những tù binh Mỹ bị bắt trong cuộc chiến tranh trước 1975. Tôi không khó khăn gì mà không thấy bác sĩ Luận. Ông ta đứng trên lề đường, có vài người ở phía sau cầm cờ vàng ba sọc đỏ, trông ông ta hùng dũng như vị nguyên soái. Bà vợ ông ta đeo kính mát, tóc bới cao, mặc váy đầm hở mảng ngực trắng như kem đang đi qua đi lại phân phát truyền đơn. Tôi quay kính xe kín mít, chạy tà tà quanh khu phố để chờ Washington. Mãi chừng hai chục phút sau thì anh chàng mới lơn tơn bước dọc hè phố kiếm tôi.

Lên xe, chưa kịp đóng cửa, Washington đã ồm ồm:

– Không gặp bà ta. Mẹ kiếp! Mất thì giờ mà không hiểu cái gì hết. Tụi nó không biết nói tiếng Mỹ. Tất cả chỉ có một thằng thông dịch thôi nên phải chờ. Đến phiên mình, hỏi nó về bà Thanh đâu, nó trả lời cộc lốc: Tôi không biết. Hỏi thêm, nó không nói vì bận tiếp mấy thằng Mỹ khác.

Rồi Washington hỏi tôi:

– Cộng đồng mày chống cái gì vậy?

– Chống cộng sản.

– Tao không thấy cộng sản trong đó. Chỉ có hàng hóa thôi.

– Thì hàng hóa của cộng sản. Chúng nó mang sang đây triển lãm kiếm thị trường.

– Tao không hiểu. Tụi Ba Tây tao mong kiếm thị trường mà không được. Còn... tại sao mày vô thì không được, tao vô thì được?

– Bạn đã nói bạn không hiểu mà còn hỏi thêm làm gì.

Suốt buổi chiều hôm đó, và cả buổi tối nữa, tôi sinh ra gắt gỏng, người gây gây mệt như mắc bệnh ăn không tiêu. Đầu óc tôi cứ lẩn quẩn hình bóng một thiếu phụ mà tôi chưa bao giờ thấy mặt, chưa một lần nghe giọng nói. Không biết ngày hôm nay, đứng trong phòng triển lãm nhìn ra đoàn người Việt biểu tình ở phía ngoài, bà Thanh có nhận ra hình bóng người mà bà thương yêu nhất, bà đang đi tìm kiếm là bác sĩ Luận không? Trời ơi! Tôi chợt kêu lên kinh hoàng khi nghĩ tới bà ta có chiếc ống dòm, qua ống dòm bà ta thấy chồng bà, thế là bà ta lao ra cửa, chạy nhào tới bác sĩ Luận.

Sáng hôm sau, tôi quyết định bề gì thì cũng phải tới gặp người đàn bà bất hạnh này. Tôi cũng biết nếu có gặp, tôi chẳng mang tới cho bà ta niềm vui nào, trái lại là khác, nhưng nếu tôi không gặp bà ta, tôi sẽ ân hận vì trong tôi đã không còn tình người. Khi tôi tới phòng triển lãm, vài người tóc đã ngả màu sương chặn tôi lại:

– Anh vô đây làm gì?

– Anh muốn tiếp xúc với bọn Việt cộng hả?

Tôi đã có câu trả lời gian dối sẵn:

– Người xưa nói biết địch biết mình thì trăm trận trăm thắng. Các ông để tôi vô coi xem chúng nó ra sao.

Bác sĩ Nguyễn Ngọc Luận bước tới, ông nhìn tôi thật dài và thật dịu dàng như gửi gấm hàng trăm lời nhưng đôi môi ông mím lại. Ông làm như không quen biết tôi, thản nhiên quay đi.

Vào trong khu triển lãm, cảm giác đầu tiên của tôi là sự trống vắng. Căn phòng quá rộng, trần nhà quá cao mà người thì ít và hàng hóa thì nghèo nàn, trình bày vụng về như một cô gái quê bắt đầu làm quen với son phấn. Thế này mà cũng mang đi triển lãm làm gì, có thể họ không biết rằng khả năng của họ nếu chỉ có thế này thì còn thua những chợ trời ở xứ Mỹ. Tôi kiếm tìm và thấy ngay gian hàng Thành Công với khoảng vài chục cái áo sơ mi bầy trên mặt một chiếc bàn nhỏ và một cô gái mặc áo dài đứng tiếp khách. Tôi bước tới trước mặt cô này:

– Xin hỏi thăm cô, ai là chị Thanh?

Cô gái đứng im lặng quan sát tôi từ nãy tới giờ, chưa biết tôi là hạng người nào, đến đây làm gì, nên nghe tôi hỏi thăm một người bạn của cô, nét mặt cô thay đổi hẳn. Cô mừng rỡ y như cảnh đón họ hàng cách xa nhau hàng chục năm ngoài sân ga. Giọng cô ta ríu rít:

– Anh kiếm chị Thanh hả? Anh là anh Luận hả? Trời ơi, chị Thanh nhắc tới anh hoài à.

– Nhưng chị Thanh đâu?

– Trời ơi, anh diễm phúc lắm đấy nhé. Chị Thanh yêu anh hết xẩy. Lúc nào cũng nói tới anh thôi à.

– Nhưng chị Thanh đâu?

– Chị ấy bị gạch tên rồi. An ninh nghi chị ấy sang Mỹ sẽ bỏ trốn theo anh đấy.

– Sao chị ấy viết thư nói là đóng bốn ngàn tám tiền vé máy bay rồi?

– Vâng, đúng thế. Lúc ra phi trường, sắp vào phòng cách ly thì an ninh mới mời chị ở lại. Anh biết tại sao không? Tại chị ấy mừng quá, cứ liếng thoắng nói về chồng chị ấy ở bên Mỹ sẽ tới phòng triển lãm đón chị ấy đi chơi. Có người trong đoàn nghe được mật báo cho an ninh. Thế là cúp. Trời ơi, tội nghiệp quá, giá chị ấy được đi, được gặp anh chắc chị ấy mừng mà khóc hết nước mắt đấy...

Tôi không buồn cải chính tôi là ai nữa. Tôi chào cô gái mà cũng chẳng hỏi họ tên cô ta là gì. Tôi không nhắn gửi một lời nào cho chị Thanh. Tôi bước ra cửa bằng đôi chân của người say rượu. Bác sĩ Nguyễn Ngọc Luận thấy tôi vội quay mặt nhìn đi nơi khác dường như sợ mọi

người biết ông ta quen tôi khi tôi gọi tên ông ta giữa đám đông đang đứng dưới bóng cờ vàng ba sọc đỏ.

Sáng hôm sau, tôi tới xưởng máy quá trễ. Mọi chiếc máy đã reo hò ầm ĩ với những vòng quay hối hả chung quanh chiếc CNC của tôi còn nằm ụ như một nấm mồ. Washington dường như chờ tôi đã lâu nên nhào ngay lại, hỏi:

– Sao? Mày gặp bà Thanh rồi chứ? Bà ta thế nào?

Tôi ủ ê cười nhếch mép:

– Việt cộng không cho bà ta sang Mỹ nữa.

Washington trố mắt:

– Cái gì kỳ cục vậy? Đi thăm chồng mà cũng cấm à?

Rồi chẳng cần tôi trả lời, anh chàng Ba Tây thất vọng vừa bỏ đi vừa nói:

– Tao đếch hiểu cái nước Việt Nam của mày. Sao mày khoe với tao là nước mày có tới bốn ngàn năm văn hiến gì đó, hả?❐

SONG THAO
ĐÔNG ĐƯA CUỘC TÌNH

ĐÃ BÀY BÁN
TẠI CÁC TIỆM SÁCH

Đong Đưa Cuộc Tình

Tập Truyện của Song Thao

♦ Gồm 10 truyện ngắn, dầy 250 trang.
♦ Bìa Đinh Cường, phụ bản của Thái Tuấn và Đinh Cường.

Giá 12 Mỹ kim.

Ngày Nay xuất bản: 8200 Wilcrest #5, Houston, TX 77072

khánh trường

Tên thật thêm họ Nguyễn. Sinh năm 1948. Vẽ, viết văn, làm thơ lai rai. Chủ biên tạp chí *Hợp Lưu*

Đã in:

- *Đoản Thi Khánh Trường* (thơ), Sống Mới 1988
- *Tác Giả Tác Phẩm* (Với 7 tác giả khác),
- *Thế Giới Lưu Vong Hôm Nay* 1989.
- *Có Yêu Em Không* (Tập truyện), Tân Thư 1990.
- *Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng* (tập truyện), Thời Văn 1991.

1. Tôi hành nghề thợ vẽ. Ai thuê gì vẽ nấy, thượng vàng hạ cám tôi đều hồ hởi nhận. Ông A muốn có một bức tranh "nghệ thuật nhưng thơ mộng để dễ treo phòng khách" (thiếu nữ nhìn nghiêng, thiếu nữ với hoa, thiếu nữ với mây, với đá, với chim, với đèn cầy, với nóc giáo đường, với mái chùa cong cong, với cây già khẳng khiu, với tóc huyền xõa bay trong gió...) Công ty B cần một logo-thật-giàu-biểu-tượng để đưa lên quảng cáo, bao bì, giấy viết thư, business-card. Nhà xuất bản C muốn vài bản vẽ "như chụp" (có gái trai quấn quít đắm say, có mắt nâu mộng sầu xa vắng, có môi son ngực nở ướt tình...) để làm bìa mấy cuốn tiểu thuyết ba xu. Ca-sĩ-đang-lên D muốn một poster "thật art mà chẳng giống ai", khả dĩ

"đập ngay vào mắt người nhìn" (tất nhiên độc giả thừa thông minh hiểu ngầm: tôi, tài thánh cũng không thể nào sản xuất nổi một cái poster đạt tiêu chuẩn ấy, nếu không nhờ vào bức chân dung nhiều thịt ít vải (lưới) của cô ca sĩ kia!) Quán cà phê E muốn "đề-co" từ tranh ảnh, bàn ghế, giá đèn đến thảm nền, bục gỗ, quầy thâu ngân sao cho có vẻ Đông phương huyền bí... OK tuốt. Thập bát bang võ nghệ và tháo vát dường ấy mà thời gian ngồi chơi xơi nước vẫn nhiều hơn lúc có công ăn việc làm. Nói cách khác: tôi rất dư giả thì giờ. Khổ nỗi, đánh bạc tôi không chuyên (và không ham). Nhảy đầm tôi thậm dở (nên chẳng ai chịu nhảy cùng). Chơi thể thao tôi rất sợ (chỉ đi bộ vài trăm thước đã thở như máy tàu hỏa, nếu cứ tạ hít đất ắt là tắt thở!). Đi du lịch tôi chê (tối ngày quẩn quanh chuyện cơm ăn áo mặc, còn tâm trí, tiền bạc đâu nghĩ đến chuyện du sơn ngoạn thủy?) Chỉ còn cách ngồi nhà vẽ (voi). Nhưng vẽ mãi cũng chán. Bèn xoay qua viết. Tóm lại: sẽ là nói phét nếu tôi bày đặt viện dẫn đến những "sứ mệnh", những "thiên chức", những "quyến rũ mê muội của bút mực", những "ám ảnh siêu hình của chữ nghĩa" làm động cơ viết lách (không viết, tôi sẽ chết! Giống như sống không cho ăn không cho uống không cho thở! Hoặc cho ăn cho uống cho thở mà không cho bài tiết!) Vậy, thật thà mà nói, tôi cầm bút chỉ vì chả biết làm cái gì khác trong những lúc ăn không ngồi rồi. Vả, theo tôi, viết, là một công việc tương đối lương thiện và ít tốn kém nhất, phàm bất cứ kẻ nào - nghèo hèn hay giàu có, dốt nát hay thông tuệ - cũng đều làm được.

Có thể những lời thật thà trên sẽ làm phiền lòng không ít các nhà văn nhà thơ đã và đang mang trên vai những sứ mệnh cao cả (ví dụ nỗi ưu tư (lạc quan hay bi quan) về tiền đồ văn chương hải ngoại. Ví dụ nhiệm vụ và bổn phận của người cầm bút trong công cuộc bảo vệ và phát huy tiếng Việt tại những xứ sở tạm dung, ví dụ "tiếng Việt còn, nước Việt còn, nước Việt còn, người Việt còn, vân vân và vân vân...) Nếu quả có thế, xin cho tôi được muôn vàn xin lỗi.

2.

a) Tôi viết cái tôi *đang* nghĩ.

b) Bằng mọi kiểu cách tôi biết và thích.

c) Cho tôi (để sướng), và cho độc giả của tôi (như bất cứ nhà văn hạng A hạng B hạng C hay hạng F, hạng G nào., tôi cũng có một số độc giả quan tâm, ái mộ. Nỗi nào vung nấy ấy mà!)

dưới sâu. biển

khánh trường

A.

Người đàn bà hỏi,

"Qua khỏi ngọn núi kia, chúng ta sẽ đến đâu?"

"Biển."

"Biển thật à?"

"Phải."

"Ông đã từng đến đó?"

"Đã, cách đây tám năm. Bây giờ gần như không còn ai sử dụng con đường này. Từ ngã rẽ phía trước vòng qua hướng Bắc, gặp freeway X, chạy khoảng nửa giờ, lấy exit Y, thêm mười lăm phút nữa sẽ thấy biển."

"Tại sao không sử dụng con đường này? Tôi nghĩ sẽ gần hơn nhiều."

"Nó chỉ dẫn đến đỉnh núi. Sau đó là đường mòn."

"Ra thế. Ông bảo mới đến ngụ cư tại S., sao rành quá vậy?"

"Đúng hơn, tôi mới trở lại S."

Người đàn bà quay kiếng xe xuống thấp. Gió thổi tung mái tóc của bà ta về phía sau. Không khí phảng phất vị mặn. Cũng có thể chẳng có mùi vị gì hết, nhưng ấn tượng một mặt biển mênh mông do người đàn ông gợi ra đã khiến người đàn bà có cảm tưởng như thế. Biển, người bạn thân thiết thuở thiếu thời. Biển, ngôi nhà trên ngọn đồi thấp rợp bóng thông, có khuôn cửa sổ mở ra mỗi buổi sáng, trải rộng trước tầm nhìn một mặt trời rực lửa tung tóe máu trên nhấp nhô sóng nước. Biển, lối đi quanh co trong rừng thông dẫn xuống chân đồi, nơi nép mình cạnh vách đá là ngôi quán nhỏ bán linh tinh đủ loại thức uống (trà đá, cà phê, nước ngọt, bia, rượu đế...), cùng những thỏi kẹo ú vàng ngậy màu đường thắng già, những phong bánh đậu xanh, những con mực khô... Và kem đánh răng *Chà Và cười*, xà bông *Cô Ba*, bột ngọt *Vị Hương Tố*, sữa hộp *Ông Thọ*, đường bát, tiêu hột, hương nến, vàng mã... Biển, tuổi thơ. Tuổi lớn. Tình yêu đầu làm nên chồng vợ. Đứa con gái duy nhất. Người đàn ông thân yêu bị nghiền nát trong chiến tranh. Tháng tư. Đứt lìa. Trôi dạt... Vậy mà đã mười lăm năm! Mười lăm năm như dòng nước siết, cuốn người đàn bà trôi mãi, trôi mãi, chẳng thể quay ngược bước chân trở lại, dù chỉ một lần. Bố mẹ đã ra người thiên cổ, anh em thất tán bốn phương, ngôi nhà và cái quán nhỏ vẫn còn đó, trong trái tim người đàn bà, nhưng đã rất lãng đãng khói sương, chập chờn giữa nghìn vạn ảnh tượng quá khứ.

"Bà muốn lên đỉnh núi không?" Người đàn ông hỏi.

"Vâng. Tôi hy vọng từ đó sẽ nhìn thấy biển."

"Thấy chứ, đĩ nhiên."

Chiếc xe chuyển bánh, giữ đều tốc độ, tuy tiếng động cơ hơi lớn vì phải leo dốc. Con đường không rộng, chỉ vừa đủ an toàn cho hai dòng lưu thông ngược chiều, khá tốt, và vắng. Người đàn ông gác hờ một tay trên bánh lái, một tay tựa vào vai tựa chỗ cửa xe. Cả hai im lặng. Người đàn bà chưa ra khỏi nơi chôn nhau, đôi mắt bà ta nhìn về phía trước như nhìn vào cõi mịt mù quá khứ, quên bẵng chỉ mới mươi phút trước, đã không ngớt miệng ca tụng phong cảnh hùng vĩ chung quanh. Trong đầu người đàn bà, rất mơ hồ là tiếng sóng đập vào bờ rào rào bất tận. Tiếng sóng sắp nhìn thấy hay tiếng sóng mười lăm năm xưa? Người đàn bà hoang mang, không thể nào xác định một cách rõ ràng giữa tiếng sóng và thời gian, cái nào thực sự hiện hữu. Người đàn ông với tay lấy bao thuốc đưa lên miệng rút một điếu, ông ta ấn cái mồi thuốc, đợi bật ra, châm lửa. Ngọn khói mỏng vừa thoát khỏi miệng đã bị gió cuốn, tan nhanh. Khuôn mặt người đàn ông, nhìn nghiêng, đẹp một vẻ đẹp cương nghị đầy nam tính. Mái tóc phủ lòa xòa nửa vầng trán cao, sóng mũi thẳng, râu mép dày, đen nhánh, hai khóe môi hơi nhếch, chiếc cổ to khỏe đổ xuống đôi vai ngang.

Chiều đang phai. Nắng dịu.

Chiếc xe lên đến đỉnh, vòng một vòng rộng, đậu lại. Hai người ra khỏi xe đến cạnh khung rào kiên cố bằng gỗ tẩm dầu sát bờ đá dốc nghiêng. Từ chỗ đứng nhìn xuống, mặt biển mù sương, hư ảo như trong tranh thủy mạc. Người đàn bà reo nhỏ,

"Đẹp quá."

Người đàn ông đưa tay chỉ về phía tay trái,

"Bà thấy lối mòn kia chứ? Nó sẽ dẫn đến bãi."

"Có nguy hiểm không? Dốc đứng quá."

"Không, đường mòn chạy quanh co ven sườn núi, nên tuy đứng đây chúng ta thấy biển rất gần, vậy mà phải mất gần hai tiếng đồng hồ mới đến nơi đấy."

"Trời đã chiều, nếu không tôi sẽ rủ ông xuống dưới đó."

"Hy vọng bà còn ở S. dài ngày, thế nào cũng có dịp."

Người đàn bà không rời mắt khỏi mặt biển đậm sương, bà ta đáp, âm thanh bị gió cuốn nhanh, tan loãng,

"Vâng, nhất định sẽ nhờ ông làm hướng đạo một chuyến."

B.

Thiếu nữ hỏi,

"Mẹ thấy vùng này thế nào?"

"Cảnh đẹp, không khí êm ả trong lành."

"Nếu vậy con nghĩ mình nên lưu lại một thời gian."

"Liệu có thích hợp với con không? Mẹ sợ con chán."

"Bao giờ chán con sẽ nói."

"Ừ nhé, chán, mẹ con mình lại đi."

Thiếu nữ trạc hai mươi bốn. Đẹp, không giống người đàn bà lắm, tuy nhiên nhìn chung cũng dễ dàng nhận ra đó là hai mẹ con. Người đàn bà có lẽ lấy chồng sớm, bà ta khoảng trên bốn mươi, cũng đẹp, một vẻ đẹp rực rỡ, no căng sinh lực, ngược hẳn với nét đẹp hồn hậu và mảnh mai của thiếu nữ. Người đàn bà với tay kéo khung cửa kính, gió từ khu rừng phía trước lùa vào mát lạnh. Phảng phất trong không khí mùi thơm của đất và cỏ. Tiếng chim ríu rít trên cành cao. Vệt mây duy nhất, trắng nõn và mạnh như một nhát cọ, vắt ngang bầu trời xám nhạt. Người đàn bà quay lại nhìn thiếu nữ, âu yếm,

"Ở đây yên tĩnh, con tha hồ viết."

Thiếu nữ lắc đầu,

"Ngoại cảnh chẳng quan trọng lắm đâu. Vấn đề là có viết được hay không. Mẹ à, nghĩ thì dễ, viết những điều mình nghĩ lên mặt giấy, khó quá."

"Sao con không thử chọn một lối giải trí khác. Hội họa hay âm nhạc chẳng hạn?"

"Con không nghĩ mình đang giải trí."

"Con muốn trở thành nhà văn?"

"Con có muốn như thế thật, nhưng động cơ chính yếu thúc đẩy con viết chẳng phải bắt nguồn từ đó. Chữ nghĩa, cái ma lực của nó, sự quyến rũ của nó. Điều này khó giải thích cụ thể được."

"Mẹ hiểu. Ba con đã từng nói về sự huyền nhiệm của chữ nghĩa. Ngày xưa mẹ ghen với nó. Cho đến bây giờ, mẹ vẫn lẩn thẩn tự hỏi, giữa văn chương và mẹ, không hiểu ba con đã yêu cái nào hơn."

"Con nghĩ, với tư cách một độc giả, đó là sự hỗ tương tuyệt vời nhất mà con đã bắt gặp trong văn chương. Nếu không có mẹ, nếu không vin vào tình yêu ba có với mẹ, ba chẳng thể viết được những điều như thế. Mỗi lần đọc lại tác phẩm của ba con đều có cảm tưởng mỗi dòng mỗi chữ đã tuôn ra đầu ngọn bút bởi một lực đẩy mãnh liệt. Lực đẩy đó nhất định không thể là cái gì khác ngoài tình yêu. Niềm tin, sự nhân hậu, điều tốt lành... Con chưa thấy ai viết văn bằng tấm lòng lạc quan như ba."

"Thời đó nhiều người từng phê phán ba con rất khắt khe, họ cho rằng ông đã xa rời những thảm kịch nhãn tiền, đã góp phần tạo ra một dòng văn chương viễn mơ, quay lưng lại với thực tại."

"Con không sống trong thời điểm đó nên chẳng dám kết luận đúng sai, nhưng con có cảm tưởng người ta không mấy công bình đối với ba. Một người đã trực tiếp tham dự và đã bỏ mình vì cuộc chiến, làm sao gọi ông ta là kẻ quay lưng với thực tại?"

"Đó là sự bạc bẽo mà bất cứ thời đại nào người cầm bút cũng phải gánh chịu, như một tai ách, một hình phạt. Ngay bây giờ, trên phần đất chúng ta đang sống, nào thiếu gì những người, những suy nghĩ đại loại như thế. Luôn luôn chúng ta buộc nhà văn phải mang trên vai hàng trăm sứ mạng! Họ nào có nợ nần gì chúng ta đâu? Sao cứ bắt họ phải trả khi chẳng vay?"

"Không trách được, mẹ ạ. Cái gì cũng tàn lụn nhanh chóng, nhưng chữ nghĩa sẽ tồn tại dài lâu. Vì vậy người ta đã phải khắt khe với chữ nghĩa. Một vài thế hệ sau sẽ nhìn và đánh giá chúng ta qua cái gì, nếu không phải qua những trang sách xem chừng nhẹ tênh kia?"

Thiếu nữ dừng lại, bỗng bật cười,

"Nhưng sao hôm nay mẹ con mình lại nói điều trầm trọng thế nhỉ?" Người đàn bà cũng cười,

"Ngày xưa ba con thường nói, đàn bà con gái dính vào văn chương thi phú đều hỏng. Chức năng cao quý nhất của đàn bà là làm mẹ, làm vợ. Xem thường chức năng lớn đó để nhảy vào văn chương, vô hình chung họ đã đánh mất phần nữ tính trong họ, trở nên... khó chịu, cao ngạo, trịch thượng, xem mọi người không ngang tầm với mình. Đó là căn bệnh chung của những người làm văn chương nghệ thuật phái nữ. Và đó cũng là điều bất hạnh cho họ."

Thiếu nữ rùn vai:

"Ba... phong kiến ghê vậy đó. Bộ sáng tạo là độc quyền của đàn ông sao? Ngày nay thiếu gì các vị nữ lưu viết hay bằng năm bằng mười các đấng mày râu, mà vẫn vợ hiền mẹ đảm như ai."

"Ừ thì... Đàn ông mà, họ chỉ hạnh phúc khi cảm thấy mình là một loại cây cao bóng cả chở che cho chúng ta, những loài chùm gởi, những cỏ lau yếu đuối... Riêng mẹ, với tư cách một người vợ, mẹ chẳng cần biết điều ba nói đúng hay sai, nhưng mẹ thích như thế, có được một cổ thụ để bám vào, để nở hoa, kết trái vẫn thoải mái hơn làm một thứ lim, gụ vòi vọi ngất trời nhưng già khụ cô đơn..." "Con có cảm tưởng mẹ đang thay đổi, hình như mẹ thấm mệt rồi phải không?"

"Tại sao con nghĩ thế?"

"Con linh cảm... Này mẹ, người đàn ông chở mẹ về chiều hôm qua là ai vậy?"

"À... Mẹ vừa quen. Ông ta từng ở đây, lang bạt một thời gian, mới trở

lại và không biết sẽ ra đi lúc nào. Tuy chỉ gặp ông ta lần đầu nhưng mẹ cũng đoán được, đó là một cánh chim."

Người đàn bà lắc đầu, cười,

"Nếu không có ông ta, mẹ thật chẳng biết phải làm sao..."

C.

Người đàn bà xuống xe, đưa tay vuốt mồ hôi trán. Một nỗi lo sợ bắt đầu dấy lên. Khúc đường này vắng quá, lưu lượng xe cộ rất thưa thớt, lâu lắm mới có một chiếc chạy ngang. Người đàn bà mấy lần đưa tay cầu cứu nhưng chẳng ai chịu dừng lại. Chiếc xe nằm bên vệ đường, ù lì một cách đáng ghét. Cho đến khi đã hoàn toàn không còn trông mong vào lòng tốt của kẻ khác, người đàn bà định quay lui, đi bộ về phía hộp điện thoại cấp cứu bà ta nhớ đã nhìn thấy khoảng năm phút trước khi xe hỏng, thì người đàn ông xuất hiện. Ông ta tấp vào lề dù người đàn bà đã chẳng còn buồn đưa tay xin giúp đỡ.

"Xe của bà hỏng?"

Một thoáng mừng rỡ hiển hiện trên nét mặt, người đàn bà vội vã đáp, "Vâng."

Người đàn ông nhanh nhẹn mở "cốp" xe kiểm soát máy móc. Ông ta có vẻ rất rành rẽ. Nhưng loay hoay hơn nửa tiếng động cơ vẫn không khởi động. Người đàn ông lắc đầu nói,

"Ngoài khả năng của tôi. Bây giờ bà về đâu tôi sẽ đưa về."

Rồi vỗ vỗ bàn tay lên "cốp" xe, người đàn ông cười,

"Con vật lì lợm muốn đòi tiền hộ bọn chủ garage."

Người đàn bà cũng cười,

"Vâng, đành vậy. Tôi vừa đến vùng này, đang ở khách sạn H., chiếc xe trở chứng kể cũng phải. Nó đã đưa mẹ con tôi vượt gần hai ngàn miles từ miền nam lên đến đây."

"Thảo nào. Khách sạn H., tôi biết, để tôi đưa bà về đó. Nhưng trước tiên phải giải quyết cái xe."

"Cảm ơn ông rất nhiều. Không có ông tôi thật chẳng biết phải làm sao." Hai người lên xe. Người đàn ông đưa người đàn bà trở ngược lại chỗ hộp điện thoại. Ông ta gọi cho một hãng *towing*, chỉ chỗ xe hỏng đồng thời bảo họ mang về một garage quen. Xong ông ta trở lại,

"Bà yên tâm, sáng mai sẽ có xe cho bà di chuyển. Bây giờ chúng ta về thị trấn."

Người đàn bà lại nói cảm ơn nhưng hình như không chú tâm vào lời nói của mình. Cảnh vật chung quanh khiến bà ta say đắm. Những đỉnh núi mù trong sương, những tảng đá lớn chập chùng, giải rừng vàng ối lá thu, thảm hoa đủ màu phủ kín một triền đồi rực rỡ nắng chiều. Người đàn

bà nói, "Đẹp quá, thiên nhiên ở đây thật hùng vĩ. Tôi đã định vào sâu trong vùng núi kia nếu xe không hỏng."

"Té ra bà đang đi ngoạn cảnh?"

"Tình cờ thôi, thưa ông. Chiều nay tôi định xuống phố mua ít thức ăn khô. Con đường từ khách sạn dẫn vào thị trấn thơ mộng quá, tôi mê mải ngắm, lạc ra ngoại ô lúc nào chẳng hay. Cứ thế, cảnh vật quyến rũ tôi đi mãi, đi mãi... Cho đến khi chiếc xe ăn vạ như ông đã thấy."

Người đàn ông nói ông ta cũng chưa biết sẽ sử dụng buổi chiều vào việc gì, nếu bà ta muốn ông ta sẽ rất hân hạnh được làm tài xế.

D.

Ngày... Tháng... Năm 199...

Khung cảnh ở đây tuy đẹp nhưng buồn nao lòng. Mấy lần tôi định bảo mẹ move đi nơi khác, nhưng nhìn thái độ của mẹ khi có mặt người đàn ông, tôi chẳng nỡ. Có thể mẹ đã để ý đến ông ta. Điều này khá ngạc nhiên đối với tôi. Mấy mươi năm từ ngày ba qua đời, mẹ vẫn cam đảm sống một mình, bao nhiêu tình thương bà dồn hết cho tôi. Thuở nhỏ, điều đó khiến tôi rất thích, nhưng lớn lên, bắt đầu biết suy nghĩ, tôi nhận thấy mẹ hy sinh như thế là quá bất công với chính bản thân bà. Đã bao nhiêu lần tôi năn nỉ mẹ hãy sống cho mình một chút. Tôi nói tôi đã lớn, tự lo lấy thân được rồi, mẹ nên nghĩ đến mẹ. Bà chỉ lắc đầu cười, con đã trưởng thành, đã nên người, ước vọng lớn nhất của đời mẹ đã thành tựu, mẹ chẳng trông mong gì hơn. Tôi nói nhưng con sẽ có chồng, mẹ hiểu chứ, con có chồng rồi mẹ sẽ thế nào? Mẹ nói mẹ mong con có chồng, mẹ mong con hạnh phúc. Phần mẹ, con hạnh phúc là mẹ hạnh phúc, giản dị vậy thôi, con chẳng nên băn khoăn?

Mẹ bảo tôi đừng băn khoăn.

ừ, thì con sẽ không băn khoăn nữa. Nhưng (bỗng nhiên tôi cảm thấy yêu mẹ nao lòng), còn mẹ, mẹ đã bắt đầu băn khoăn chưa? Nhịp đập của trái tim mẹ có còn bình thường kể từ lúc bà gặp người đàn ông kia? Hôm qua, khi nhắc đến ba, nhắc đến quan niệm của ông về đàn bà, nhắc đến cái chức năng làm vợ, làm mẹ... Tôi đã nhìn thấy, rất rõ, trong mắt mẹ một ánh lửa. Mẹ đang nghĩ gì, chờ mong điều gì?

Nếu thật sự mẹ yêu ông ta, tôi hoàn toàn đồng ý. Tuy trẻ hơn mẹ vài tuổi - tôi đoán thế - nhưng ông ta có cái vẻ tự chủ của một người từng trải, điều đó tôi nghĩ rất cần thiết đối với mẹ. Một người đàn bà mất chồng vào lúc tuổi xuân còn phơi phới, nổi trôi qua bao nhiêu tai ương, vẫn ngẩng cao đầu bước tới, trên một hành trình dằng dặc hai mươi mấy năm. Một người đàn bà như thế tất nhiên không thể dễ dàng chấp vá với những

người đàn ông nhàng nhàng thường giăng lưới chung quanh bà như tôi vẫn thấy, ở bất cứ nơi nào, bao năm nay. Bề ngoài, mẹ dịu dàng, thâm trầm, nhưng hơn ai hết, tôi hiểu, cá tính mẹ rất mạnh. Thuở mới đặt chân lên vùng đất mới, không bà con họ hàng thân thích, không nghề nghiệp tiền bạc, không cả thứ ngôn ngữ xa lạ chưa một lần sử dụng. Vậy mà, ngày tiếp ngày, tháng tiếp tháng, mẹ vẫn kiên trì sống, kiên trì đạp lên nghìn trở lực, để vươn về phía trước, cho mình, cho đứa con chưa qua khỏi tuổi trưởng thành, có được một đời sống khác, vững chãi, yên ổn, không vượt trên người, nhưng chẳng bao giờ chịu thua kém người. Mẹ đã làm nổi điều đó, bằng cái vỏ ngoài dịu dàng chịu đựng học chứa bên trong một sức mạnh cứng hơn thép nguội.

Cho nên một khi mẹ đã chọn lựa, đã quyết định bước đi bước nữa, ở cái tuổi sắp bóng xế, sau mấy mươi năm thử thách, tôi tin, mẹ đủ tỉnh táo để không nhầm lẫn. Tôi cũng linh cảm mẹ không nhầm lẫn. Có thể điều linh cảm của tôi ít nhiều bị chi phối bởi lòng thương tôi dành cho mẹ, bởi ước mong cái vực sâu thăm thẳm trong đời sống mẹ sẽ được lấp đầy, bằng một tình yêu, dù muộn màng, mà từ lúc biết suy nghĩ, tôi đã ước mong như thế.

Ước mong của tôi một phần nữa bắt nguồn từ cuốn truyện đang viết dở dang. Những nhân vật ít nhiều đều liên hệ với tôi. Tôi không phải là một người viết cổ điển, thích chọn những kết cấu "có hậu", nhưng sẽ hết sức bất nhẫn nếu để những nhân vật đó rơi vào tai ương. Có lẽ do ảnh hưởng ba, tôi yêu mọi điều tốt đẹp, trong sáng. Con người sẽ không thể tồn tại trên mặt đất đến ngày hôm nay, nếu con người trầm luân triền miên trong thảm kịch. Mẹ phải tìm thấy hạnh phúc, để tôi yên tâm đặt bút viết tiếp những trang cuối cùng kết thúc cuốn truyện. Tôi hình dung các con chữ sẽ như vô số hạt mầm ủ lâu trong đất, vươn lên những chồi xanh khi mưa thuận gió hòa.

G.

Người đàn ông hỏi,

"Cháu viết văn?"

"Vâng, thưa chú."

"Để giải trí?"

"Mẹ cháu cũng đã hỏi một câu tương tự, và cháu trả lời rằng không xem văn chương như một trò giải trí. Tuy nhiên nó cũng chẳng phải điều gì ghê gớm. Có thì giờ và viết được, thì viết, vậy thôi."

"Nghĩa là nếu cần cháu sẽ từ giã nó một cách dễ dàng?"

"Khác với đàn ông, dù say đắm với chữ nghĩa bao nhiêu chăng nữa,

một người đàn bà không thể không có những trách nhiệm đối với bản thân và hệ lụy gia đình. Hiện tại, hệ lụy quan trọng nhất mà cháu mong thực hiện được trọn vẹn là làm thế nào để mẹ cháu có một cuộc sống thoải mái, không lo toan trong suốt quãng đời còn lại của bà. Bởi vì từ mấy mươi năm nay mẹ đã hy sinh cho cháu quá nhiều, đời sống cháu sẽ trở nên vô nghĩa nếu vì một lý do nào đó mẹ cháu rơi vào khổ não."

Người đàn ông cười,

"Cháu yêu mẹ có lẽ còn hơn người ta yêu tình nhân."

Thiếu nữ cũng cười,

"Cháu chưa yêu ai nên chẳng thể so sánh."

"Ở tuổi cháu, nhất là trong môi trường sống này mà vẫn chưa có một người tình thì kể cũng đặc biệt đấy."

"Không phải tuổi tác, cũng không phải môi trường, vấn đề là đối tượng để chọn lựa, và hình như định mệnh nữa. Sống bên mẹ hai mươi mấy năm, chứng kiến tấm lòng của mẹ đối với ba, cháu đâm ra... khó tính. Đồng thời hàng ngày nhìn thấy bao nhiêu thảm kịch gia đình, cháu đâm sợ. Có lẽ do huyết thống, cháu giống mẹ, khi đã yêu ai, cháu mong yêu trọn đời. Thử tưởng tượng nếu chẳng may chọn nhầm đối tượng, sẽ khổ sở biết chừng nào?"

"Chú đã gặp không ít những thiếu nữ ở vào tuổi cháu - những người đã có trên dưới hai phần ba cuộc đời sống tại xứ sở này - hầu hết họ đều giản dị, nghĩa là quan niệm yêu đương của họ phóng khoáng lắm, thậm chí có nhiều cô còn chấp nhận hình thức chung sống "tiền kết hôn" vài ba tháng, vài ba năm, trước khi có quyết định thực sự. Theo cháu, điều đó tốt hay xấu, quan niệm đạo đức đó đúng hay sai?"

"Tốt xấu đúng sai còn tùy mỗi người, mỗi cách nhìn, mỗi cá tính, và mỗi nền giáo dục được hấp thụ. Báo chí, sách vở và rất nhiều bậc cha mẹ vẫn than rằng, con cái, do tiếp xúc với học đường và bè bạn nhiều hơn với gia đình, vì vậy càng lớn chúng càng xa lìa những người thân yêu, và nhất là quan niệm của chúng về tất cả mọi vấn đề đều hoàn toàn khác biệt với đạo đức cổ truyền của dân tộc. Theo cháu, đa số thì đúng, nhưng tất cả thì không. Mà cho dù tất cả đều như thế, đã sao? Đạo đức cổ truyền của dân dộc và đạo đức thực dụng kiểu phương Tây, ai dám chắc cái nào đúng cái nào sai? Mục đích tối cao và đích thực của mỗi cá nhân là đạt được hạnh phúc như mưu cầu. Nếu đem cái nền đạo đức cổ truyền của dân tộc tròng vào cổ một đứa trẻ sinh ra và lớn lên tại đây, là một cách đày ải cưỡng chế đứa bé chứ chẳng phải mưu cầu hạnh phúc cho nó."

Thiếu nữ dừng lại, cười,

"Tuy nhiên, cũng còn có những trường hợp ngoại lệ. Như cháu, chẳng

hiểu tại sao cháu không thích lối sống kiểu thực dụng kia. Cháu xin nhấn mạnh, không thích chứ hkhông phê phán đúng sai tốt xấu nhé." "Chú hiểu, chú rất yêu cái *không thích* của cháu."

Thiếu nữ nhìn người đàn ông và bắt gặp trên khuôn mặt khắc khổ kia một tia mắt là lạ.

H.

Hai người bắt đầu đi xuống con đường mòn. Người đàn bà thỉnh thoảng phải níu tay vào vai người đàn ông, vì nhiều đoạn dốc thẳng đứng, cheo leo bên cạnh vực sâu hun hút. Biển vẫn mù trong sương nhưng người đàn bà đã nghe, rất rõ, tiếng sóng đập vào bờ cát rào rào từng nhịp đều. Người đàn ông hỏi,

"Bà không đau chân chứ?"

"Không, nhưng lâu ngày chẳng đi bộ xa, hơi mệt."

"Mình nghỉ một chút nhé?"

"Vâng, cảm ơn ông."

Người đàn ông chỉ phiến đá lớn bên vệ đường,

"Chúng ta ngồi đây."

Hai người ngồi xuống. Người đàn ông nhìn những giọt mồ hôi rịn trên trán người đàn bà, cười,

"Lát nữa trở lên, mệt gấp đôi."

"Tôi đã nghĩ đến điều đó... Chắc không sao, mình đi chậm, mệt thì nghỉ, trước sau cũng phải tới chứ."

Người đàn ông vói tay ngắt một đóa hoa màu đỏ sẫm trồi ra từ khe đá, đưa cho người đàn bà:

"Tôi có một kiến thức tồi tệ về hoa. Chẳng hạn đóa hoa này, không hiểu thuộc loại nào, tên gì."

Người đàn bà cầm đóa hoa, mỉm cười:

"Tôi nào hơn gì ông đâu. Mù tịt."

Bà ta trả lời nhưng trong lòng đang bâng khuâng tự hỏi, ông ta định tặng mình hay chỉ vô tình? Người đàn bà cũng cảm thấy hơi xấu hổ. Mình đã trên bốn mươi, sao lại có thể mơ mộng lãng mạn theo kiểu mười lăm mười bảy thế nhỉ? Nếu muốn tặng ông ta sẽ nói ngay. Với tuổi tác và lịch lãm, ông ta chẳng việc gì phải quanh co cả. Người đàn bà hơi thất vọng. Dù sao, bà vẫn thầm mong người đàn ông quan tâm đến bà hơn, bằng một quan tâm khác...

Nhưng khác là thế nào? Người đàn bà lại tự hỏi. Có thật mình đã yêu ông ta. Có thật sau mấy mươi năm làm một cái bóng bên cạnh con gái, tình yêu tưởng lịm tắt lại bùng ngọn? Người đàn bà không thể loanh

quanh chạy trốn chính mình mãi. Người đàn ông đã như một cơn gió lớn bất ngờ, làm bật tung cánh cửa ký ức, mở phơi bao nhiêu kỷ niệm đã bụi phủ nhện giăng... Có quá nhiều điểm tương đồng ở người đàn ông và hình ảnh xưa kia của người chồng đã khuất. Hơn nửa tháng nay người đàn bà mất ngủ. Một điều gì từa tựa sự chờ đợi...

Mình chờ đợi điều gì?

Người đàn bà không dám trực diện với câu trả lời. Ở vào tuổi bốn mươi, hình như người ta đã đánh mất sự hăng say và niềm đam mê của tuổi trẻ. Hình như người ta lười biếng dấn thân vào những cuộc phiêu lưu mới.

Trạng thái dằng co giữa thói quen muốn duy trì nếp sống cô đơn độc lập và ước vọng mơ hồ đang thành hình trong tâm khiến người đàn bà cảm thấy vừa hưng phấn vừa mỏi mệt.

Hai người đặt chân xuống bãi cát khi nắng đã đứng trên đỉnh đầu. Buổi trưa trong veo màu nắng dịu. Sương mù loãng tan. Biển thẩm xanh. Rất xa, chỗ nối với đường chân trời, như một vòng cung rộng, người đàn bà nhìn thấy lờ mờ ngọn khói trắng được thả lên không trung từ một chiếc tàu. Tiếng sóng dội đập mạnh mẽ bên tai. Người đàn ông hỏi, giọng bông đùa:

"Chắc chẳng giống với *biển xưa* của bà, nhỉ?"

"Vâng, cát ở đây vàng quá, và bẩn nữa. Cát *của tôi* trắng phau, sạch như đường. Nước biển cũng trong hơn..."

"Người ta thường thiếu khách quan khi so sánh dĩ vãng với thực tại. Cái gì thuộc về dĩ vãng cũng đẹp hơn, tốt hơn, hay hơn..."

"Kể cả tình yêu?"

"Kể cả. Chúng ta thường nghe người ta nhắc đến *mối tình đầu*, cái của dĩ vãng, ít ai ca tụng những mối tình tiếp theo hoặc hiện có. Đó là một hình thức đánh lừa của ký ức, hay cũng có thể do thiếu can đảm với thực tại."

"Ông nói những điều rắc rối. Đàn bà sợ rắc rối."

"Đúng hơn, đàn bà sợ đối diện với chính mình."

"Tôi không hiểu."

Người đàn ông nhìn xoáy vào mắt người đàn bà:

"Bà hiểu chứ. Bà hiểu hơn ai hết điều đó."

Rồi ông ta chợt quay nhìn ra biển, giọng trở nên buồn buồn:

"Nhưng... Tôi xin lỗi bà. Chúng ta lầm lẫn cả. Cái đang có trong đầu bà, lầm lẫn. Cái đang có trong đầu tôi, cũng vậy."

"Tôi nói thật, không hiểu thật. Ông đang nói gì?"

"Tình yêu. Ở vào tuổi của chúng ta, tình yêu đã chết. Mọi nỗ lực tìm

đến nó chỉ là một cách để lấp đầy những vực tối trong mỗi chúng ta. Rồi bà sẽ hiểu, nếu quả thật bà không hiểu."

I.

Giọng người đàn bà như muốn khóc:

"Mẹ đã bảo với con, ông ấy như một cánh chim..."

"Chú ấy có nói gì với mẹ không?"

"Không... Mà có, hình như có... Nhưng mẹ không hiểu."

Người đàn bà kể lại những điều người đàn ông đã nói với bà hôm hai người ngoài bãi biển, rồi lắc đầu:

"Cái đang có trong mẹ là cái gì? Và cái đang có trong ông ấy... Mẹ mù mịt."

"Mẹ ơi, con tin mẹ hiểu nửa đầu của câu nói, còn nửa sau... Con, con cũng không hiểu."

K.

Ngày... Tháng... 199...

Người đàn ông bất ngờ ra đi. Tôi thật tình ngạc nhiên. Tôi đã hy vọng giữa mẹ và ông ta rồi sẽ có một chung cuộc tốt đẹp. Thế mà ông ấy lại ra đi.

Mẹ càng cố nén, nỗi buồn càng hiển hiện. Nhìn mẹ, lòng tôi tựa dao cắt. Như vậy, kể từ nay chắc chắn sẽ chẳng bao giờ nữa bà tìm ra một đồng hành khác, và cũng từ nay, bên cạnh hình ảnh ba, còn có thêm hình ảnh của người đàn ông, một cái bóng bà chưa kịp cầm giữ, đã vụt hư không!

Tôi có nên trách ông ta?

Chẳng thể nào trách được ông ấy. Giữa ông và mẹ chưa có một hệ lụy nào. Đúng như mẹ nhận xét, ông ta như cánh chim. Làm sao giữ nổi một cánh chim?

Bỗng nhiên tôi nhớ đến ánh mắt rất lạ của người đàn ông khi nhìn tôi hôm đầu nói chuyện với ông.

Tôi có nêm suy diễn tiếp?

Ba nói đàn bà viết văn thường thông minh và rắc rối. Có phải tôi đang lạm dụng thái quá trí thông minh của mình?

Dẫu sao vẫn không thể phủ nhận nếu điều tôi nghĩ là đúng, thì hành động ra đi của người đàn ông thật vô cùng hợp lý.

Sự hợp lý làm đau lòng mẹ.

Sự hợp lý làm tôi mất ngủ và nhận ra những ngõ ngách quanh co vô chừng trong trái tim của mỗi con người. ❐

hà thúc sinh

Tên thật Phạm Vĩnh Xuân, sinh năm 1943 tại Thanh Hoá. Di cư vào Nam 1954. Vượt biển sang Mỹ 30-4-1981. Khởi viết năm 1964 trên một số tạp chí ấn hành tại Sài Gòn. Sang Mỹ sinh sống bằng nghề viết, giờ nghỉ bệnh. Từng chủ trương tạp chí văn học nghệ thuật Tân Văn, đình bản sau 8 số vì thiếu cả hai điều kiện thì giờ lẫn tài chính.

Hiện cùng anh Nguyễn Khoa, giám đốc nhà in Kim, thành lập nhà xuất bản Văn Mới tại Nam California.

Trước 75 sách đã ấn hành gồm 4 thi tập, 6 dịch phẩm văn và sử. Ở Mỹ đến năm 96 đã ấn hành thêm 2 thi tập, 1 tiểu thuyết, 1 ký, 2 dịch phẩm (đăng báo), 1 biên khảo (hợp soạn), 2 album cassette ca khúc và 4 tập truyện.

Trả lời phỏng vấn

1. Viết vì thói quen; vì không thể phụ lòng trời cho mình điều kiện quá thừa thãi so với các bạn văn bên nhà; và vì có thể yếu đuối, không chống lại nổi việc tự chiều lòng mình trước sự bất ưng những gì đã in và sự thách thức mới nhất đang ẩn nấp trên trang giấy trắng luôn hứa hẹn nhiều gai góc lẫn kỳ thú hơn.

2. Trước tôi viết những gì cụ thể mà tâm hồn cảm thấy bối cảnh sống va chạm trực tiếp vào mình và đồng loại; mấy năm gần đây biên giới mộng thực như động đất ấy, khi không nhích lại gần nhau quá trời, mà từ lâu tôi ngưng làm thơ, có phải vì vậy những truyện của tôi sau này có vẻ hơi... thơ và tôi từng băn khoăn tự hỏi đó có là một khuyết điểm cho người viết truyện?

lạc nhau

hà thúc sinh

Nàng đã gần bốn mươi nhưng nhìn thoáng như mới ngoài ba mươi, có vẻ đẹp cứng cỏi của một loài hoa xương rồng, quen lẻ loi và tự tin chịu được sự thử thách của mọi thời tiết. Nàng quan niệm hạnh phúc là một đời sống biết thoả hiệp với hiện tại. Có thể vì thế ngay khi chân ướt chân ráo đến Mỹ, nàng đã cặm cụi học một nghề chuyên môn. Giờ nàng là một dược sỹ, làm ca đêm cho một dược phòng ở phố South Pasadena.

Nhiều năm qua nàng chia phòng với mấy cô bạn nơi một căn nhà trên đại lộ Atlantic phố Alhambra, đoạn trồng nhiều dừa và hoa Tử Kinh Đào. Nhà và sở cách nhau mươi phút lái xe. Trước rảnh là nàng đọc sách, ít giao du, thậm chí ít ra ngoài sân ngồi. Nàng sống an nhiên tự tại. Gần đây cuối tuần nàng hay ra bao lơn ngồi nhìn núi. Ấy là vì trước nàng manh nha hiểu hoả ngục là sự cưỡng hợp giữa hai con người trái tính; nay hiểu thêm xua một người khỏi nhà không khó nhưng xua một tình yêu khỏi đời không dễ, vì thế lòng an nhiên tự tại có mẻ đôi phần. Thật vậy, nàng vẫn thường hình dung ra chàng mỗi khi nhìn lên dãy San Gabriel. Vào mùa sương mù núi nhạt hẳn. Có lúc nàng đã bắt gặp trên đó đôi nét cũ mờ, giông giống những bức ảnh từng treo trong phòng chàng, và điều đó có gây cho nàng chút hoảng sợ âm thầm.

Ngày ấy như mới đâu đây.

Đó là một chiều trước ngày lễ Tro. Từ nhà cô bạn trên miệt El Monte chạy về sửa soạn đi làm, về đến Alhambra xe chết máy thình lình. Hai cậu thanh niên Mỹ vừa đẩy giúp vào khu đậu xe của một thương xá thì gió đổi chiều. Một lát có hơi nước. Núi trở đen như thỏi mực Tàu. Rồi mưa. Mưa mù trời đất. Nhà cửa mờ nhạt. Con người mờ nhạt. Cả thành phố thung lũng chỉ dãy núi là còn khá rõ.

Nàng bước đại vào tiệm Mervyn's trên đường Main, vừa để đụt mưa vừa hưởng chút ấm áp của máy điều hoà. Nàng xem đồng hồ tay. Còn hơn tiếng. Nàng gọi điện thoại cho hãng trục xe, yên tâm dạo qua các quầy hàng xem chơi, tính gần tới giờ sẽ gọi về nhờ cô bạn đến chở tới sở. Đang ơ hờ ngắm mấy lọ nước hoa thì chàng đến bên. Chàng như có ngại ngần giây lát mới hỏi:

"Cô Nữ?"

Nàng nhìn chàng, một người đàn ông quãng bốn lăm, ăn mặc hơi cẩu thả, cao gầy, mắt sâu, tóc hơi mỏng, dài. Đặc biệt nụ cười không tươi.

"Vâng..." Nàng đáp, cố thản nhiên.

"Tôi là Hoài, bạn học của anh cô ngày xưa..." Chàng cười bối rối: "Không dè..."

Nàng ngạc nhiên, tính đặt câu hỏi, nhưng như đã đoán ra trước ánh mắt dò chừng của nàng, chàng đổi nét bối rối sang nét thân mật, nói chận: "Hôi ấy thú thật tôi chưa có dịp đến chơi nhà, nhưng bọn trai trẻ, cô Nữ hiểu, không biết bạn mình có em gái đẹp còn lỗi nào lớn hơn?" Nàng không rõ lắm mình bẽn lẽn hay khó chịu trước lời khen tặng. Nó có vẻ đột ngột, gần với sự suồng sã. Nàng muốn tỏ một thái độ chi đó, không xong, đành nói:

"Dạ không dám..."

Chàng lại hỏi, giọng hồn nhiên hơn:

"Thế gia đình cô sang đây hồi nào, ông anh mấy cháu rồi."

"Dạ... tám năm trước tôi vượt biển có mỗi mình. Anh tôi mất vì lao sau ba năm tù."

Nàng buột miệng và tự ngạc nhiên về sự thành thật hơi sớm và hơi quá của mình. Nhưng chàng thì thoáng nhăn mặt, giọng xa vắng:

"Hoá mỗi tôi đào ngũ... Mới ngày nào chung lớp chung trường, rồi động viên cùng lượt. Giờ bể dâu hết... Thế cô Nữ có gia đình chưa?"

Nàng sốc lại chiếc ví đeo vai. Thủ. Nàng tính nói dối đại một câu nhưng chẳng rõ lý do, vẫn cứ thành thật:

"Dạ chưa.... Thế anh ở đâu?"

"Có nên hỏi một người homeless sống ở đâu không? Gặp cô Nữ mừng lắm. Tôi xa nhà từ 75, thế mà, vâng, thế mà thoáng thấy cô tôi nhận ra ngay."

Khi ngồi đối diện với chàng trong quán cà phê ngay cạnh tiệm Mervyn's nàng mới hoảng ngầm trong bụng. Và khi chàng chở nàng đến sở, lái xe đi, nàng mới tự hỏi tại sao người ta chỉ quen báo động sự nhẹ dạ cho những bé gái mười lăm mười bảy? Nàng đã tin nhẹ dạ là cái bóng không rời của mọi trái tim đàn bà...

Phòng trọ của chàng nằm trên đường Commonwealth, một nhánh của đại lộ Atlantic. Có lần ghé chàng, qua cửa sổ, chàng chỉ đúng nóc nhà nàng và nói: "Hơn năm ở đây nào ngờ em ở ngay kia. Thật ném lá thư tình cũng tới." Nàng cười lặng lẽ. Nàng không còn lạ lối ăn nói hồn nhiên, đôi khi thi vị của chàng. Chàng không là một thi sỹ đó sao? Mà thi sỹ là gì nếu không phải một sự giản dị khó hiểu? Họ chua chát hoá một cuộc đời họ yêu rộn rã; họ phá sản hoá một tâm hồn vốn đầy dẫy tin yêu; họ say đắm họ và đồng thời họ coi thường họ. Có thể nàng hiểu chưa đủ về một

con người như chàng, nhưng tạm để hiểu chàng là thứ người chỉ có một mảnh hồn bé nhỏ nhưng muốn chia cho tất cả...

Dù sao nàng đã yêu chàng, dễ dãi, nhanh chóng, bất ngờ nữa, giống một cô gái kỵ rượu, nhưng trong ngọn lửa ấm một đêm liên hoan, nể đời, nàng nhấp thử chút rượu ngọt và say; nhưng đáng sợ là từ đó, mỗi ngày không có chút rượu nàng không biết tìm đâu ra một cảm giác ấm lòng huyền diệu.

Và như thế, eo ôi, nàng đâu được phép để nguồn tình yêu của nàng phải bệ rạc.

Mà chàng thì bệ rạc, hiểu theo nghĩa của nàng.

Chàng làm việc tại nhà. "Mười mấy năm qua anh chưa từng làm việc cho thằng Mỹ nào." Một lần chàng nói như thế với nụ cười khó hiểu. Đúng ra chàng nhận hàng về làm từ một studio chuyên sửa và chụp lại các ảnh cũ của một người bạn trong vùng, vì thế phòng chàng lúc nào cũng bừa bộn. Phim ảnh giăng ngang dọc như người ta phơi tã. Những thuốc màu, hoá chất, cọ lớn cọ nhỏ, khay nước rửa, máy sấy... Đó là một thế giới có chai lọ nằm trên nệm giường, ổ bánh mì nằm trong gầm bàn, đoá hoa cắm trong chai bia, lịch sử gắn trên vách. Quả vậy. Trên vách phòng chàng nàng có thể thấy lại được các tấm ảnh chụp đủ kỳ quan đất nước, những hình ảnh chiến tranh ác liệt, những cô dâu chú rể ở vào thời nàng chưa ra đời, thậm chí những đám ma; nói chung, đủ quan hôn tang tế...

Có lần chàng vui vẻ chỉ một tấm ảnh, nói:

"Đời bằng được anh khỏa thân giúp."

"Hả?"

"Ông chồng thì xin lột hộ khăn đóng áo dài, bà vợ thì xin lột hộ chiếc áo gấm nhị thể. Họ muốn com-lê vấy đầm cơ."

"...!"

"Nữ đoán coi nhiêu?"

"...?"

"Nàng bảy bó chàng bảy bó rưỡi."

"Rồi sao anh?"

"Rồi sao? Phải đúng hẹn chứ sao. Ba ngày nữa giao. Các cụ ấy mà. Biết đi lúc nào. Kịp giúp họ góp thêm tiếng cười nhạt vào một sân khấu đã thừa trào lộng không là việc phúc đức?"

Đại loại đó là công việc của chàng. Chàng nói vui nhưng không biết chàng làm có vui. Một buổi đến chơi, chàng như quên mất có nàng bên cạnh. Chàng cặm cụi tô vẽ một bức ảnh, có lúc dừng tay bâng khuâng,

ngẫm nghĩ. Nàng có cảm tưởng bức ảnh như chất xúc tác bén nhạy cho chàng cọ sát với dĩ vãng từng ngày. Trong cái thế giới tĩnh vật chàng tiếp cận, có nhiều dấu hiệu nó không êm ả mà hàm chứa một mãnh lực khác thường. Có thể chàng nghĩ nó như dòng nước ân huệ đem phù sa bồi mãi vào một bên bờ có mình chàng đứng, giữa khi bào mòn bờ bên kia là đám đông có nàng, hay cặp vợ chồng già đổi thay quần áo mới trên tấm ảnh cũ.

Chàng thao thức nhiều với dĩ vãng. Nàng đoán vậy.

Được cái không bao giờ chàng sai hẹn với hiện tại. Cho dù cả buổi trời gọi điện thoại, thậm chí đến tận phòng tìm không gặp, nhưng năm phút trước giờ nàng đi làm chàng đã đậu xe trước nhà, và năm phút trước giờ tan sở nhìn ra khu đậu xe đã thấy xe chàng.

Khi lái xe trên đường khuya chàng ít nói. Những đêm gió thổi bần bật bên tai chàng chẳng buồn lên kính. Trong xe nàng chỉ thấy tóc chàng bay rối làm mờ thêm một nửa mặt vốn đã không rõ nét. Nhưng nàng biết đó là lúc chàng lại mải mê đeo đuổi những kỷ niệm nàng không thể tham dự.

Một lần nàng hỏi:

"Lái xe mà sao anh cứ nhìn núi..."

Chàng thở dài, nói nhỏ:

"Đây dễ lạc nhau quá. Phải giữ lấy một điểm chuẩn, phòng khi..."

Nàng không tin mình hiểu thấu đáo ý chàng. Đôi khi nàng có ngờ đó là một loại tâm thần. Nàng tính đề nghị chàng nên đi học lại, kiếm một nghề chắc chắn, quân bình lại cuộc đời, nhưng rồi ngại đó có thể là lời khuyên không khéo, lại thôi. Lát sau nàng hỏi:

"Hoài à, hình như nhiều người không chấp nhận được xã hội này... Anh sao?"

Chàng cười:

"Chữ chấp nhận xa xỉ quá, anh có chi nổi. Vấn đề là làm sao yêu được một thứ mình không yêu."

Nàng bối rối:

"Vậy cuối đường chúng ta là gì đây? Đừng giận em nói thật nhá. Lêu bêu là một ngụ ngôn xấu hổ cho tình yêu đấy."

Chàng chỉ nhìn nàng, không phản ứng. Nàng mơ hồ hiểu hơn về một điều đáng sợ. Có những người hoàn toàn không sống với thực tại. Có thể chàng là một mất rồi.

Và cứ thế, đêm đêm ngồi với nhau một lát trong bãi đậu thẳng thốt tiếng chim khuya, hay tấp vào cây xăng rẻ tiền, hay lái trên con đường một bên nhà cửa một bên núi đen sẫm, chàng không kể nàng nghe những

chuyện trong ngày, thậm chí chuyện lứa đôi, chàng cứ nhắc tới những câu chuyện cũ mà trong thâm tâm nàng không mấy gắn bó, không thể chia xẻ.

Một hôm nàng rủ chàng đi với nàng dự một dạ tiệc của hiệp hội dược sỹ trong vùng, trùng ngày 30-4. Chàng ra dấu ngần ngại. Nàng khuyến khích. Chàng hỏi:

"Người ta có thể đến với bữa tiệc chung bằng một ý nghĩa riêng?"

Nàng cười:

"Ăn cá nhớ biển, ăn thịt nhớ rừng; mà ngược lại chẳng ai bỏ tù mình."

"Được, vậy đi. Anh sẽ ăn giỗ."

Nàng chưng hửng. Sau thêm kinh dị. Nàng không dè trong chàng còn chứa sự hung hãn. Nàng không biết câu chuyện khởi đi thế nào, chỉ biết lúc ấy tiệc gần tàn, ở một góc tách biệt, chàng đã nắm chặt một chai bia, đầy nét giận dữ thách một người Mỹ đầu hói có bộ râu bạc ra ngoài "giải quyết vấn đề". Các bạn đồng nghiệp của nàng cho là hai người say, can và không ai gọi cảnh sát.

Nàng đem chàng về và dù gặng hỏi thế nào chàng không nói nguyên do. Đêm ấy chàng ngồi uống rượu một mình, uống dữ dằn, lát sau đổ xuống nệm nằm như xác chết. Nàng chán nản tắt đèn, không đèn ngủ, nàng bật đèn nhà tắm, rồi bỏ về. Nửa khuya sốt ruột, gọi điện thoại không ai nghe, nàng phải mò sang thăm chừng. Đó là lần đầu ngồi một mình trong bóng tối nàng được chứng kiến bi kịch một màn một cảnh một nhân vật.

Chàng quỳ trên thảm trải đầy những hình ảnh nhầu nát. Mắt trơ trơ như mù. Điều đáng sợ là chàng nói, nói thật điềm tĩnh, như một người đọc lời cam kết trước rất nhiều người về một việc hệ trọng. Nhưng việc gì? Nàng không hiểu. Cho đến khi chàng đổi thái độ điềm tĩnh sang hộc tốc thì nàng có thể đoán hiểu phần nào. Chàng cúi đào bới trên thảm, như muốn chôn cất hay giấu giếm một khối thân yêu nặng vô hình vào một chỗ an toàn. "Ở yên đây." Chàng thầm thì: "Khi trở lại tao bốc tụi mày. Phải tin tao ghét lỗi hẹn..."

Nàng cố ngồi yên, kiên nhẫn ghi nhận. Một sợi ánh sáng từ kẽ cửa phòng tắm như thanh kiếm sắc cắt chàng làm đôi. Chàng đổ xuống, thê thảm như một con nhện mắc kẹt ngay trong chiếc lưới dầy đặc của chính nó nhả từ bụng ra.

Đó là lần đầu tiên nàng thấy sợ chàng. Chàng như đổi màu, như biến thành một thứ của cải của người chết và nàng ớn sợ khi nghĩ nếu mình phải chạm tay vào. Mãi cho đến khi chàng thật sự đầu hàng giấc ngủ nàng

mới đắp chăn cho chàng, rồi lặng lẽ đóng cửa, lặng lẽ ra về. Trên đường khuya nàng nghĩ ngợi nhiều. Nhưng những việc ấy không đòi hỏi nàng một sự giải quyết; nó là của chàng, thuần túy. Sự băn khoăn của nàng nằm ở chỗ khác. Sao thế, sao lại có sự trùng hợp kỳ quặc như thế? Liệu có giá trị khả tín nào trong lời mơ hoảng của một người say? Nàng đã khám phá ra một điều kinh dị hơn cả: Cô Nữ trong giấc mơ chàng tuyệt nhiên không phải là nàng. Người anh, gia đình, những thân thuộc của nàng chàng từng ân cần nhắc tới không phải của nàng.

Tất cả đều khởi đi từ một ngộ nhận!

Nằm trên giường đêm ấy nàng suy nghĩ thật lung, sau dặn lòng thôi cứ yên lặng, cứ để cho những câu chuyện kể của chàng được tiếp tục say sưa, nguyên vẹn. Nàng không nỡ đẩy chàng ra khỏi giấc mộng. Lại có lúc thấy thương chàng quá, nàng còn táo bạo với ý nghĩ bệnh vực: "Coi như chàng chui nhầm màn một phụ nữ, cứ để yên cho chàng hưởng sự thú vị bất ngờ!"

Chàng đã đột ngột đến với nàng như cơn mưa vào ngày lễ Tro và biến đi như bụi cũng vào một ngày lễ Tro hai năm sau đó.

Hai năm ân tình có đủ ghi những nét sâu đậm không thể phai mờ? Nàng hồ nghi dù không chối cãi nàng không hoàn toàn thản nhiên khi thất lạc một tình yêu. Và vì thế, những khi nhìn núi nàng lại chạnh nhớ đến chàng, và không thiếu lúc khấn thầm nó vẫn là điểm chuẩn cho chàng.

Dù sao mỗi khi nhẩm lại bài thơ - như một trang nhật ký chỉ mới phác đôi nét mơ hồ - chàng viết tặng nàng trước lúc âm thầm ra đi, nàng vẫn riêng hy vọng với hai câu kết.

Bài thơ viết:

Bóng núi tối như nấm mồ lớn
Chim khuya rúu rít biết chim gì
Lái xe đi mỗi đêm như thế
Gió vỗ về trên mặt tái tê

Ta cứ thấy xa lạ vô cùng
Giữa đất trời hai mươi năm sống
Te te te kèn xe ngó ngang
Gã râu ria tưởng tên cố vấn

Và cứ thế khi ta đón em
Chỗ sở làm gần cây xăng rẻ

Em quen ta hay ta quen em
Không thiếu lúc dị thường như thế

Rồi trên xe ta không hôn nhau
(Theo thói quen những người ở Mỹ)
Chỉ dịu dàng em cười cúi đầu:
Ôi chàng trai của tôi đãng trí

Và cứ thế ta phục hồi nhau
Bằng lập lại những câu chuyện kể...

Hai câu thơ mặc nhiên có hàm chứa một lời hứa hẹn mơ hồ - ấy là theo ý nàng. Và vì thế, đến nay nàng vẫn chờ chàng trở lại. ❐

Văn Học Hân Hạnh Giới Thiệu Hai Tác Phẩm Văn Học Việt Nam bằng Anh Ngữ

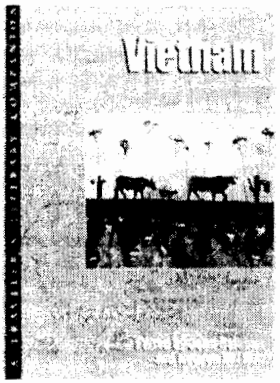

Vietnam: A Traveler's Literary Companion, ed. John Balaban and Nguyen Quí Đức, Whereabouts Press, ISBN 1-883513-02-2, US$12.95.

Gồm 17 truyện ngắn của nhiều tác giả Việt Nam (trong và ngoài nước) dịch ra Anh Ngữ.

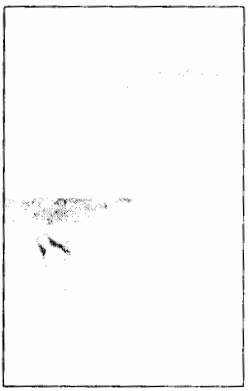

An Anthology of Vietnamese Poems, edited and translated by Huỳnh Sanh Thông, Yale University Press, ISBN 0-300-06410-1, US$25.00.

Tuyển tập hơn 300 bài thơ của trên 150 tác giả sáng tác từ thế kỷ X đến hiện đại, dịch ra Anh Ngữ.

Một Chốn An Lành

Trần Long Hồ

Người đàn ông nằm quay mặt vào tường, cong lưng, đầu cúi xuống, hai chân co quắp vào bụng. Dáng nằm của anh trông thật mệt mỏi và tội nghiệp. Anh tên Tấn, ba mươi hai tuổi, kỹ sư, có gia đình, một con, nhập viện với lý do tự vận nhưng không rõ nguyên cớ nào. Theo báo cáo của nhân viên cứu thương, người phát thư đã kịp thời phát giác ra anh treo cổ trong nhà bếp. Ông ta đã phá cửa đem anh xuống và đưa anh vào nhà thương.

Tấn nằm trong nhà thương được hai ngày rồi. Anh đã tỉnh nhưng không nói gì. Anh từ chối nói chuyện với mọi người nên phần bệnh sử còn để trống. Bác sĩ điều trị cứu Tấn qua được cơn nguy kịch và bây giờ anh được qua trại bệnh. Anh là người Việt Nam. Đó là lý do mà ban điều hành đưa tôi đến gặp anh.

Mọi người đều e ngại khi tiếp xúc với anh. Chị y tá trong trại cho biết Tấn là một bệnh nhân khó khăn, không chịu nói chuyện và chị căn dặn tôi phải lưu ý cho kỹ.

Đúng như nhân viên của trại đã báo trước, Tấn là một bệnh nhân chán đời, không màng bất cứ điều gì ngoại trừ cái chết. Khi tôi vào tận trong phòng, đến sát bên giường mà anh vẫn không quay lại. Tôi thấy hai bờ vai anh rung động nhè nhẹ, chứng tỏ anh không mê ngủ. Tôi kéo sợi dây nước biển đang máng lòng thòng qua đầu giường, hạ thấp giọng, hỏi nhỏ:

—Anh Tấn khỏe lại rồi phải không?

Tôi vừa dứt lời thì toàn thân Tấn chuyển động mạnh rồi anh xoay người lại ngay. Anh ngước nhìn tôi, im lặng.

Khuôn mặt Tấn thon dài, tóc lốm đốm bạc, da nhợt nhạt nhưng không vì thế mà làm anh già hơn số tuổi của anh. Tấn còn trẻ, tôi nghĩ như vậy.

Không phải vì tôi biết tuổi Tấn mà chính nét mặt đã lộ vẻ trẻ trung của anh.

Những lúc bất chợt người ta thường để lộ những gì chân thật của tâm hồn cũng như thể xác. Tấn cũng vậy, trong thoáng chốc đó, anh đã biểu lộ cho tôi thấy được, anh còn trẻ và không khó chịu như những người khác trong trại đã nghĩ về anh.

Thật như vậy, tôi chưa kịp hỏi thì Tấn đã mở lời:

—Người ta đưa bác sĩ đến đây để tìm hiểu về tôi phải không?

Tôi gật đầu:

—Tôi đến để săn sóc và tìm rõ căn bệnh của anh.

Tấn gượng cười. Nụ cười héo hắt, kéo chằng đôi môi khô đã dính chặt khiến cho một bên mép bị nhếch lên. Trông Tấn như mếu chứ không phải cười. Dù sao tôi cũng ghi nhận thiện chí của một người bệnh chán đời đang cố sức mở rộng cánh cửa giao tiếp với ngoại giới. Tấn nói tiếp:

—Cũng may có bác sĩ là người Việt Nam làm việc ở đây...

Tấn bỏ lửng câu nói. Tôi hỏi:

—Nếu không có tôi đến chắc là anh nhất định không nói cho đến ngày xuất viện chứ gì?

Tấn gục gặc đầu, hỏi lại:

—Tại sao bác sĩ biết?

—Tôi đoán như vậy.

—Căn cứ vào đâu mà bác sĩ đoán như vậy?

Tôi cảm thấy khoan khoái về sự thẳng thắn và tỉnh táo của Tấn. Tôi cho là một dấu hiệu hồi phục tốt của bệnh nhân. Tôi nhìn Tấn, dịu giọng đáp:

—Anh đã không chịu nói với bất cứ ai từ hai ngày nay rồi. Lúc tôi bước vào phòng này, tôi biết anh đã tỉnh nhưng anh chịu quay lại.

Tấn chán nản nói:

—Nếu bác sĩ nói tiếng Mỹ thì tôi không bao giờ quay lại.

Tôi bật cười:

—Tôi có nói tiếng gì thì tôi vẫn là tôi.

Tấn lắc đầu:

—Không, người Mỹ không bao giờ hiểu hết tâm tình của tôi thì tôi nói làm gì.

—Tôi biết anh không bị trở ngại về ngôn ngữ mà. Người ta nói, anh hiểu. Anh nói, người khác hiểu.

Tấn cố giải thích:

—Sự cảm thông không chỉ thuần do ngôn ngữ mà còn ở tâm tình. Những người Mỹ ở đây có hiểu đất nước, xã hội, hay con người Việt Nam

của tôi đâu. Có thể, tôi càng giải thích họ sẽ cho là tôi điên thật.

Nói tới đây, Tấn im bặt. Vẻ mặt anh, thoáng chốc, càng trắng nhợt và chai sạm đi. Mặt anh vạch lên cái khuôn thật sắc nét trên khung cửa sổ đen kịt phía sau. Đêm nay, trời không trăng, u ám, chỉ có mấy vì sao và vài đóm đèn nhấp nháy từ phía khu ngoại chẩn và cấp cứu tận đằng xa.

Sự im lặng của Tấn như nói lên điều gì vừa u buồn vừa phẫn uất. Ánh mắt anh lạc lõng đi đâu. Anh nhìn về phía trước mà như không thấy bất cứ vật gì. Thái độ của Tấn, bỗng dưng, khiến tôi cảm thấy bị rơi vào một chốn hoang vu nào.

Tấn nằm yên lặng như thế lâu lắm. Một lúc sau anh mấy máy môi, khẽ hỏi:

—Bác sĩ có muốn nghe tôi nói không?

Vẻ mặt Tấn thành khẩn đến độ làm tôi ái ngại. Dĩ nhiên tôi đến đây để nghe anh nói, còn chuyện giúp được cho anh điều gì, tôi chưa biết. Tôi nhìn anh, gật đầu:

—Anh cứ nói, tôi nghe đây.

Tấn cố kềm xúc động, khẽ nói:

—Cám ơn bác sĩ nhiều lắm. Như thế này...

*

Tấn vượt biên sang Mỹ đã được mười một năm. Anh tốt nghiệp kỹ sư, ngành điện toán. Anh lập gia đình, được một con. Tấn đã bảo lãnh cho cha anh, ông Minh, vào Hoa Kỳ ngay khi anh được nhập quốc tịch nên chưa được bốn năm mà ông Minh đã được phép rời Việt Nam. Gia đình Tấn chuẩn bị đón tiếp ông Minh thật chu đáo từ hai tháng, trước ngày ông được giấy tờ sang Hoa Kỳ.

Tấn dọn dẹp phòng làm việc và đọc sách của anh để làm phòng ngủ cho ông Minh. Căn này nằm giữa phòng của vợ chồng Tấn và phòng thằng Bill, đứa con trai tám tuổi của anh. Phòng này tuy nhỏ nhưng sáng sủa, thoáng mát, có cửa sổ trông ra đường. Tấn tháo tất cả các kệ sách, dời bàn làm việc vào trong phòng ngủ của anh.

Ngay khi làm chuyện đó Tấn đã cảm thấy Ngọc không vui lòng. Căn phòng của vợ chồng Tấn không rộng lắm, chỉ còn một khoảng trống gần cửa vào nhà tắm thì đã bị cái truyền hình chiếm chỗ rồi. Tấn phải dời cái tủ quần áo của Ngọc vào trong góc phòng, nhường chỗ đó cho bàn làm việc của anh. Khoảng trống này chỉ đủ cho cái tủ của Ngọc nhưng quá chật nếu so với cái bàn của Tấn. Khi anh kê bàn vào, mỗi lần Ngọc đi qua thì Tấn phải đứng lên kéo ghế vào trong. Còn lúc Tấn ngồi làm việc, ánh đèn chiếu vào mặt Ngọc khiến chị không ngủ được. Anh mua cái chụp lớn, đậm màu, để che ngọn đèn nhưng ánh sáng vẫn hắt qua bên giường

ngủ.

Tấn không còn cách nào khác, phải đành chịu. Phần Ngọc, chị không hề mở miệng than phiền nhưng Tấn hiểu lắm. Ngọc phải nằm ngủ, xoay mặt vô vách, có nghĩa là đưa lưng về phía chồng mình. Chị rất kỵ chuyện này, còn Tấn, dĩ nhiên không thích như vậy. Vợ chồng còn trẻ, ở cái xứ văn minh nhưng bận rộn quá sức như xã hội Hoa Kỳ, hai người chỉ gặp mặt nhau trong buổi tối. Đêm mà nằm quay lưng lại nhau thì cả Tấn và Ngọc không thể chấp nhận được.

Về phần Bill, nghe nói ông nội sẽ qua ở chung, nó vui vẻ giúp Tấn dọn dẹp phòng làm việc. Nó chỉ biết, ông nội ở chung thì sẽ có người chơi "game" với nó. Đã từ lâu Bill chán chuyện chơi "game" với Tấn và Ngọc. Trình độ chơi "game" của cha mẹ nó quá thấp. Nó có nhiều dĩa Nintendo, lắm trò chơi. Nó có thể đi hết cả trò chơi nhưng Tấn và Ngọc không thể làm nổi như vậy. Hai người chỉ đi vài phút là bị "chết" ngay. Hơn nữa, cả hai ngồi chơi với nó mà cứ ngáp, than vắn, thở dài làm nó mất hứng. Do đó, Bill hi vọng ông nội sẽ là người chơi "game" khá, xứng tay với nó. Nghĩ vậy nhưng Bill không nói ra với ai.

Ngày ông Minh đến Hoa Kỳ, trời u ám, mây xám giăng đầy, mưa râm râm. Ngọc vốn đã không thích có người ở chung trong gia đình, nhất là người đó lại là cha chồng. Ông chưa qua mà chị đã cảm thấy không ổn trong chuyện thu xếp trong nhà, huống chi đến khi ông vào ở chung. Tuy nghĩ như vậy nhưng thấy Tấn vui chị cũng cảm thấy vui lây. Chị đã cùng Tấn dọn dẹp phòng, đi mua đồ đạc, sắm sửa mọi thứ cho ông Minh. Cho đến ngày ông Minh qua, nhìn trời u ám lạ thường, bỗng dưng Ngọc cảm thấy xao xuyến về một điều gì đó, chị không biết tại sao. Ngọc biết lo lắng vu vơ là chuyện không nên nhưng chị không thể dẹp chuyện suy nghĩ đó qua một bên được.

Buổi trưa hôm đó, khi Tấn, Ngọc, và Bill ra đến phi trường trời vẫn chưa có nắng. Trên trời, mây xám đục, dưới đất, mưa rơi rỉ rả. Ba người chờ gần nửa giờ vì chuyến bay đến trễ. Tấn nôn nóng lắm. Đã mười năm rồi còn gì. Anh muốn nhìn ông Minh sau thời gian dài xa cách, xem ông thay đổi như thế nào. Tấn toan tính bao nhiêu thứ trong đầu, chuyện làm ăn, sắp xếp cuộc sống. Anh dự định mở một cơ sở nhỏ về điện toán và cần một người thân ở gần để lo công việc giấy tờ. Cuối cùng, giờ phút mà Tấn trông đợi đã tới. Ông Minh đã xuất hiện trước mặt anh. Nhưng cả hai người đều không ngờ rằng những điều mà họ suy nghĩ trong đầu đều không đúng như vậy. Ông Minh ngỡ ngàng ngay từ lúc bắt đầu. Ông không ngờ Tấn đã thay đổi quá nhiều, anh là một người khác, một người đàn ông trẻ, vững chãi chớ không là một thanh niên non nớt như thuở nào.

Trong lúc ông Minh còn lưỡng lự chưa biết phải làm gì thì Tấn đã ôm chầm lấy ông trong đôi tay rắn chắc của anh. Bàn tay anh vỗ nhè nhẹ vào lưng ông. Rõ ràng ông Minh rơi vào thế thụ động. Ông không cảm thấy thoải mái chút nào. Ông cứ nghĩ rằng ông sẽ là người ôm lấy Tấn, xoa đầu và vỗ vai anh. Ông sẽ ban phát vài câu huấn từ, mấy lời khen ngợi. Nhưng không, ông Minh ngậm câm, không nói được một câu nào. Tấn còn vỗ lưng ông, ra vẻ bề trên càng làm ông cảm thấy khó chịu hơn.

Một lúc sau khi Tấn buông ông Minh ra. Ông nhìn lại ba người đối diện. Cả ba mặc quần áo xuề xòa quá. Họ đều mặc quần xanh bạc màu, dầy cộm giống như thứ vải thô ở Việt Nam. Tệ hại hơn nữa là hai ống quần của thằng con rách te tua, thủng một lỗ ngay đầu gối. Tấn mặc áo sơ mi vàng cũ kỹ. Còn Ngọc, mặc cái áo khoác màu nâu đã bạc. Phần ông Minh thì khác hẳn. Ông mặc nguyên bộ "vét" màu xám tro, áo sơ mi trắng, thắt cà vạt. Ông đã dành ra một số tiền để đặt may bộ quần áo này trước khi rời Việt Nam. Sự cách biệt về trang phục làm ông Minh cảm thấy ái náy. Do đó ông càng lúng túng hơn. Ông ngây người nhìn Tấn. Ông không ngờ Tấn cao hơn ông cả nửa cái đầu. Tóc anh lốm đốm bạc. Trông anh già dặn quá. Anh không giống đứa con của ông như ngày nào.

Phần Tấn cũng cảm thấy bỡ ngỡ khi nhìn lại ông Minh. Bộ quần áo sang trọng không làm cho ông trẻ hơn, mà trái lại, nó như bộ áo giáp phủ chụp lên người ông. Ông Minh đã già cỗi, lại gầy gò, tóc ông bạc trắng. Da mặt ông Minh xếp nếp từng lớp, ánh mắt lờ đờ, hai mí mắt trên sụp xuống một phần ba ngoài. Có lẽ ông Minh cũng biết điều đó nên ông cố ưỡn người, đứng thẳng lên. Chính vì vậy mà ông giống như một tên hát tuồng đang diễn một vai quá tệ.

Tấn quàng vai Ngọc và Bill lại gần để giới thiệu với ông Minh. Tình thật, đối với ông, ngay cả Tấn mà ông còn cảm thấy xa lạ huống chi là Ngọc và Bill. Ngọc lí nhí chào ông còn Bill chỉ nói gọn lỏn một tiếng "hi" rồi thôi. Ông Minh đứng lặng thinh. Ông không cảm thấy thân thiện với Ngọc, người con dâu không do ông cưới hỏi cho Tấn. Còn thằng Biêu, ông nghĩ tên nó như vậy, quả thật ông không có chút cảm tình với nó ngay từ phút đầu. Đáng lẽ nó phải vòng tay, cúi đầu, chào ông nội, thì nó chỉ ngẩng mặt nhìn ông, nói "hai" một tiếng trịch thượng. Ông Minh ngẫm nghĩ, chẳng lẽ thằng nhỏ này biết ông thứ hai. Nhưng ông Minh không muốn nghĩ tiếp. Ông sợ ý nghĩ trong đầu chi phối hành động ông. Rồi Tấn xách hành lý, đưa ông về nhà. Trong suốt quãng đường dài chỉ có Tấn nói huyên thiên. Anh hỏi hết chuyện trong gia đình đến ngoài xã hội. Ông Minh khi gật đầu, lúc ậm ừ trả lời. Cuộc đối thoại tưởng như sôi nổi lắm nhưng Tấn biết có nhiều điều mà ông Minh chưa biểu lộ ra mà anh

cảm thấy đã manh nha trong lòng ông. Ngọc ngồi yên lặng ở băng sau, quan sát hai cha con nói chuyện với nhau. Ngọc cảm thấy rùng mình khi nhớ lại ánh mắt xa lạ của ông dành cho chị ở phi trường. Ông Minh có vẻ muốn tỏ một thái độ gì đó như bắt lỗi hay trách móc mà chị không hiểu nổi. Có phải gần như mười năm qua, Ngọc không hề viết thư về thăm nhà, đó là lỗi của chị. Nếu đúng như vậy thì ông Minh trách Ngọc cũng phải. Nhưng không hề gì, chị nghĩ, thời gian sẽ giúp chị hàn gắn lại sự xa lạ ấy.

Phía trước, Tấn vẫn nói chuyện liên tục. Ngọc biết tính chồng mình. Thường thì Tấn ít nói, mà khi nói nhiều có nghĩa là anh đang bối rối. Chị nhìn Tấn trong kính chiếu hậu, mỉm cười rồi quay nhìn ra bên ngoài.

Năm nay, mùa thu đến vội. Khí hậu chuyển nhanh, nhiệt độ xuống, trời u ám, mưa nhiều. Cây cối cũng rụng lá vội vã, trơ cành thật gấp.

Còn thằng Biêu, không màng đến ai, ngồi chăm chú chơi cái máy nhỏ cầm tay, phát ra những tiếng kêu "tạch tè" liên tục.

Xe chạy khoảng nửa giờ, gần đến nhà, thì cả ông Minh và Tấn đều cảm thấy thoải mái dần. Câu chuyện trở nên tự nhiên và tiếng cười bắt đầu dòn dã hơn. Ông Minh cởi cái áo "vét" và tháo cà vạt ra. Không biết vì ông cảm thấy nóng hay vì ông muốn hòa đồng vào cách trang phục của gia đình Tấn. Dù lý do nào đi nữa, chuyện đó cũng làm Tấn cảm thấy dễ chịu.

Về đến nhà, Tấn đậu xe bên lề đường, trước cửa nhà. Ông Minh trân trối nhìn nhà của Tấn. Ông không ngờ căn nhà lớn như vậy. Nó đến hai tầng, thật là nguy nga. Tấn biết ông Minh đang còn ngỡ ngàng về căn nhà của anh. Thật sự, nhà của Tấn đến ba tầng nếu kể luôn "basement". Đó là căn nhà nhỏ, đã cũ, rất bình thường. Có thể nói nó dưới trung bình nếu so sánh với mức chung của các căn nhà tại Mỹ. Tấn biết ông Minh còn mang nặng trong đầu hình ảnh những căn nhà ở Việt Nam. Ông so sánh nhà ở hai nước như Mỹ và Việt Nam, tức nhiên nhà Tấn phải quá lớn.

Tấn và Ngọc cứ để cho ông Minh mặc tình ngắm nghía ngôi nhà. Hai vợ chồng lo mang hành lý của ông ra khỏi xe. Thằng Biêu cũng phụ giúp cha mẹ. Mọi người lui cui làm việc một hồi, khi nhìn lại thì không thấy ông Minh đâu cả. Tấn ngạc nhiên hỏi:

—Ba đâu rồi?

Ngọc thảng thốt đáp:

—Chắc ba vô nhà rồi.

Tấn bật cười:

—Mình đã mở cửa đâu mà ba vô nhà cho được.

Ngọc nhìn quanh quẩn:

—Vậy thì ba đi đâu?

Đúng lúc đó thằng Biêu la lên:

—Ông nội kìa!

Tấn thấy ông Minh đang đứng tận đằng xa, quay mặt vào tường. Anh biết ông đang làm gì rồi. Cái thói quen mà ông thường làm ở Việt Nam được tái diễn ngay trong vài giờ đồng hồ đầu tiên tại Mỹ.

Ngọc trố mắt nhìn mà không kịp phản ứng gì còn Tấn vội vàng chạy lại, đứng che cho ông. Tấn nói nhỏ, gay gắt:

—Ba không được làm như vậy!

Ông Minh thản nhiên hỏi:

—Tại sao? Ba làm như vậy hoài ở Việt Nam, có sao đâu.

Tấn gắt tiếp:

—Nhưng ở đây, ba không được làm như vậy. Ba đi tiểu phải đúng chỗ. Nếu không người ta gọi cảnh sát bắt ba bỏ tù.

Nghe nói chuyện ở tù, Ông Minh giật mình, vừa sợ vừa bất mãn:

—Đi tiểu ngoài đường cũng bị ở tù, chà, cái xứ này kỳ cục thiệt.

Tấn vừa hậm hực vừa nói:

—Xứ nào có luật đó, ba à! Ba phạm luật thì bị ra tòa, tội nặng phải ở tù.

Ông Minh vừa lắc đầu vừa hoàn tất công việc đang làm lỡ dở. Ông dã lã nói:

—Vậy con phải nhắc chừng cho ba.

Tấn gật đầu:

—Từ bây giờ, ba làm gì cũng phải hỏi trước.

Ông Minh cảm thấy bất mãn vì câu nói của Tấn. Cái tâm lý làm cha của ông Minh bị xúc phạm nặng nề. Ông im lặng đi trở về phía cửa nhà. Thằng Biêu không biết ông Minh làm gì. Nó ngơ ngẩn nhìn cha và ông nội.

Từ ngày có ông Minh ở chung cuộc sống trong gia đình Tấn bị thay đổi rất nhiều. Mấy tháng đầu Tấn phải đưa ông Minh đi làm mọi thứ giấy tờ. Ông tuy già nhưng chưa quá sáu mươi lăm tuổi. Tấn phải lo cho ông mọi thứ cả chuyện bảo hiểm sức khỏe. Ngân quỹ trong gia đình vì thế mà bị thâm thủng nặng.

Tấn bị bận rộn rất nhiều về chuyện săn sóc cho ông Minh. Sau chuyện giấy tờ, anh phải đưa ông đi học Anh văn. Giờ trưa phải ra sở, đưa ông về nhà rồi trở lại làm việc. Ngọc phải chuẩn bị cơm trưa sẵn cho ông Minh vì ông không thể ăn được thức ăn Mỹ. Ông chỉ ăn cơm Việt Nam.

Ông Minh còn mạnh khỏe nhưng không chịu làm bất cứ chuyện gì trong nhà. Chuyện cơm nước thì ông đã không hề nấu nướng bao giờ, ngay cả mọi thứ khác như quần áo, cũng vậy. Ông chỉ thích đi chơi và

xem phim bộ của Tàu. Tấn đi mướn phim cho ông coi. Dần dà ông coi hết cả phim trong các tiệm. Tấn mua sách cho ông đọc. Ông chỉ đọc truyện kiếm hiệp và truyện Tàu. Ông đọc gần một tháng cũng hết sách. Tấn loay hoay tìm cách khác nhưng chưa biết phải làm gì.

Dần dà, Tấn ít có thời giờ tiếp xúc với vợ con. Ông Minh thường xuyên có ý kiến giải quyết nhiều thứ trong gia đình. Ông không đồng ý cho Tấn mua cái truyền hình trong phòng ngủ của hai vợ chồng. Ông chủ trương mọi người xem chung cái truyền hình trong phòng khách là đủ rồi. Tiền đó, Tấn nên dành ra để gởi về cho gia đình và họ hàng ở Việt Nam. Ngọc đã có quá nhiều quần áo rồi, không nên mua sắm thêm. Tiền đó Tấn nên gởi về Việt Nam. Còn chuyện nấu nướng là phần việc của Ngọc. Mỗi ngày, chị phải lo thu xếp từ sáng để Tấn không phải làm sau khi từ sở về nhà. Vì bao nhiêu năm qua Tấn và Ngọc làm khác giờ nhau. Tấn đi làm sớm về sớm, nên lãnh phần nấu cơm. Ông Minh không đồng ý như vậy. Do đó mà tình trạng căng thẳng giữa ông Minh và Ngọc càng lúc càng nặng nề hơn.

Phần thằng Biêu với ông Minh cũng không khá gì. Nó thất vọng hoàn toàn vì ông nội không nói và không hiểu được tiếng Mỹ. Ông cũng không biết chơi "game". Ông thường vào phòng nó, thu xếp đồ đạc cho nó. Có một lần nó đi học về thấy ông Minh làm xáo trộn mọi thứ trong phòng, nó chạy ra ngoài, chỉ tay vào mặt ông, nói một tràng tiếng Anh. Ông Minh không hiểu nhưng nhìn thái độ tức tối của Biêu, ông cũng biết nó muốn nói gì. Nhìn thằng Biêu trợn mắt, la hét, ông càng nản cho thằng cháu nội hỗn hào. Tấn bắt Biêu phải xin lỗi ông Minh. Nó sợ cha phải vâng lời nhưng chỉ nói bập bẹ được mấy câu tiếng Việt. Ông Minh nghe, càng nản hơn. Từ đó, thằng Biêu không thèm chơi với ông nội nữa.

Tấn ngưng nói, đưa tay định lấy ly nước trên bàn. Nhưng anh với không tới, cánh tay anh kéo căng sợi dây nước biển đang máng lòng thòng trên đầu giường. Tấn ngước mặt nhìn tôi như muốn nói điều gì nhưng anh ngập ngừng một lúc rồi thôi. Tôi lấy ly nước đưa cho anh.

Tấn liếm đôi môi khô rồi uống từng ngụm nước. Tôi thấy trái cổ Tấn chạy lên chạy xuống đều đặn. Anh uống không ngừng nghỉ. Vẻ mặt anh nhợt nhạt. Ánh mắt anh thất thần. Tôi im lặng chăm chú nhìn Tấn. Hình như Tấn không khát đến như vậy. Anh uống, như muốn làm một chuyện gì đó để khỏi phải bối rối.

Tôi ngồi yên lặng, chờ đợi. Tấn trả ly nước lại cho tôi, nhẹ giọng hỏi:

—Bác sĩ vẫn chưa hiểu rõ lắm phải không?

Tôi gật đầu. Tấn mỉm cười, héo hắt:

—Chuyện đâu có gì đến nỗi tôi phải hành động điên cuồng như vậy?

Tấn hỏi xong, ngước nhìn tôi chờ đợi câu trả lời. Tôi lắc đầu đáp:

—Tôi tin rằng anh có lý do riêng. Anh chưa nói hết cho tôi nghe mà.

Tấn gục gặc đầu:

—Bác sĩ nói phải, tôi chưa nói hết. Như thế này.

Một buổi chiều từ sở làm trở về Tấn cảm thấy mệt mỏi lạ thường. Anh chỉ muốn nằm xuống, ngủ một giấc thật dài. Điều đó chưa từng xảy ra, Tấn là người có sức khỏe, thích làm việc. Anh không thích chờ đợi và bỏ mứa ông việc. Nhưng hôm đó, Tấn cảm thấy như mất hết sức lực. Sự chán chường và mệt mỏi làm anh không muốn làm bất cứ chuyện gì. Cho đến cả cái chuyện nhấc chân để bước đi Tấn cũng không muốn cử động.

Khi Tấn đẩy cửa vào nhà, anh cảm thấy ngay một sự yên lặng kỳ lạ. Không gian bên trong thật tịch mịch. Mọi khi Tấn nghe tiếng "tịch tè" văng vẳng từ phòng của thằng Biêu, hay tiếng ho khúng khắng của ông Minh trong phòng khách. Hoặc anh nghe âm thanh ồn ào của cái truyền hình được mở thật lớn. Có lẽ ông Minh bị lãng tai, Tấn đoán như vậy, vì ông vặn truyền hình rất lớn, mặc dù ông hiểu người ta nói chuyện gì trong đó. Hoặc là, Tấn nghĩ, ông Minh mở lớn âm thanh với hi vọng sẽ hiểu được tiếng Anh chăng? Không biết lý do nào nhưng Tấn đã quen với những tiếng động trong nhà rồi. Bây giờ sự vắng lặng làm anh cảm thấy ngột ngạt, rồi lo lắng. Từ đó, Tấn suy nghĩ xa hơn, phát sợ hãi vu vơ.

Tấn bước qua phòng khách. Cái ghế "sofa" trống trơn. Ông Minh không có ở đó. Tất nhiên cái truyền hình tắt ngúm đã báo cho anh biết sự vắng mặt của ông Minh rồi, nhưng anh cứ không tin thính giác của mình. Anh muốn chứng nghiệm chuyện đó bằng thị giác và mắt anh xác nhận rằng, ông Minh không có ở đó.

Trên bàn chỉ có một mảnh giấy nhỏ, dằn xuống bằng cái ly nước. Tấn thấy mấy chữ ngệch ngoạc của ông Minh: "Ba ra thư viện, tới năm giờ sẽ về". Tấn cảm thấy yên tâm. Đã gần một tháng nay, từ khi Tấn tìm ra cách giải trí mới cho ông Minh, anh dẫn ông ra thư viện gần nhà. Ở đó có một khu sách Việt Nam, khá nhiều. Tấn làm thẻ và chỉ ông Minh cách mượn sách. Ông có thể ngồi đọc tại chỗ hay mượn về nhà. Thường thì ông Minh đọc tại chỗ, vì về đến nhà, việc trước tiên là ông bật cái truyền hình lên. Ông đổi từ đài này sang đài nọ. Tấn có gắn "cable" nên mặc tình cho ông Minh đổi đài từ số hai cho đến một trăm mười lăm. Ông đổi đài nhanh đến độ không có thì giờ để xem đài đang chiếu thứ gì. Vài lần, Tấn mới hiểu ra, ông Minh không cần âm thanh, chỉ liếc qua hình ảnh nên ông chỉ dừng lại khi thấy hình nào mà ông thích ý.

Bấy giờ Tấn thấy mấy chữ của ông Minh để trên bàn, anh mới yên lòng. Hết chuyện ông Minh, Tấn sực nhớ đến thằng Biêu. Mọi ngày, ông Minh có bổn phận ra đầu đường chờ xe trường để dẫn thằng Biêu về. Người tài xế chỉ giao mấy đứa trẻ khi có mặt người nhà ở đó. Dĩ nhiên, thằng Biêu quá rành chuyện đi bộ về nhà, nó không cần ai đón. Nó không cần ông nội đón về, nhưng thủ tục nhà trường đã qui định như vậy.

Hai ông cháu về nhà, ông Minh đi đâu thì đi còn thằng Biêu lục tủ lạnh tìm thức ăn rồi lên lầu chơi "game". Nhưng hôm nay Tấn không nghe âm thanh nào từ phòng thằng Biêu. Anh lật đật chạy lên. Phòng thằng Biêu trống trơn. Cái máy Nintendo nằm yên lặng ở đó, những sợi dây với cái điều khiển để ngổn ngang trên sàn. Trên giường trống trơn. Thằng Biêu không ngủ ngày bao giờ nhưng nó thường thay quần áo rồi vứt bừa bãi ở đó. Tính nó vốn không ngăn nắp, thích bày biện. Nó đọc sách ở đâu thì bỏ sách tại đó. Đồ chơi, thì nó ném chỗ này một cái, chỗ kia một cái. Tật này có lẽ thằng Biêu giống mẹ nó. Ngọc vốn thích một thứ trật tự không ngăn nắp. Chị thường để mọi thứ của mình trong kiểu bề bộn có sắp đặt. Tấn phải công nhận Ngọc có trí nhớ tốt. Trên kệ sách, Ngọc xếp lung tung, sách nấu ăn lẫn với sách kế toán bằng tiếng Anh, sách xem tướng, chỉ tay để lẫn với sách điện toán của Tấn. Bàn trang điểm của Ngọc thì có hàng trăm thứ, tròn, dẹp, vuông, dài... và xanh, đỏ, vàng đủ màu. Chúng nằm chung với đồ cắt giũa móng tay, mấy cái lọ dầu thơm, bình keo xịt tóc, máy xấy tóc,... Nhưng Ngọc không bao giờ bị mất thời giờ vì chuyện tìm kiếm. Chị vớ dầu là có đó, cần thứ nào là chụp trúng ngay thứ ấy. Chị không bao giờ có sổ tay ghi chép nhưng không bao giờ quên hẹn hay trễ nãi công việc. Tiệm nào "on sale" thứ gì, bao nhiêu phần trăm, ngày nào, Ngọc đều nhớ rõ. Thế cũng được, Tấn đành chấp nhận như vậy.

Bây giờ thì thằng Biêu không có trong phòng. Đồ đạc của nó cũng có vẻ ngăn nắp hơn. Cái máy chơi "game" cầm tay của nó không thấy bỏ trên giường. Cái túi đeo lưng của nó không biết ở đâu. Sự ngăn nắp là một triệu chứng lạ của thằng Biêu và bất thường của Ngọc.

Tấn suy nghĩ tới đây, liền rảo bước về phòng ngủ của hai vợ chồng. Anh đứng lặng ở ngưỡng cửa, nhìn vào trong. Không có gì lạ, Tấn ngẫm nghĩ như vậy. Cái kệ ở đó, sách vẫn không có trật tự gì. Nhưng có một điều gì đó làm Tấn không yên tâm. Trên giường, hai cái gối xếp đều đặn có vẻ khả nghi. Tấm vải trải giường phủ ngăn nắp như báo hiệu một sự bất ổn. Còn gì khác lạ nữa không, Tấn không dám nghĩ tiếp, anh đi vào phòng tắm, nhìn quanh quẩn. Bàn trang điểm của Ngọc đã báo hiệu một sự bất thường. Sự bề bộn thường ngày không còn nữa. Hình như số lượng

son phấn ít đi. Mọi vật được sắp xếp lại ngay ngắn đến độ làm Tấn phải lo lắng. Anh nhìn lên tấm kính trên tường. Một mảnh giấy nhỏ được Ngọc dán lên đó, ghi mấy chữ: "Em và con về ông bà ngoại một thời gian, anh rán lo cho mình và cho ông nội".

Tấn ngẩn người, đọc đi đọc lại mấy chữ đó. Rõ ràng quá rồi mà Tấn vẫn chưa chịu tin. Bất ngờ quá, Ngọc không để lộ chút gì cho Tấn biết. Chị hành động thật kín đáo. Tối qua Tấn còn đề nghị, chiều nay anh sẽ dẫn cả nhà đi ăn tiệm. Ngọc vui vẻ gật đầu. Chị còn nhắc, đừng cho thằng Biêu lục thức ăn trong tủ lạnh. Nó đói bụng mới ăn ngon. Thế mà, sáng nay lợi dụng Tấn lúc đi làm sớm, chị mang con về Cali với ông bà ngoại.

Tấn lẩn thẩn đi vào phòng, ngã sóng soài lên giường. Anh nằm suy nghĩ lang mang. Đầu óc Tấn trống rỗng. Anh không biết phải làm gì.

Thời gian trôi qua, Tấn không biết anh nằm như thế đã bao lâu. Trời bên ngoài tối dần. Ánh sáng hắt vào qua các khung cửa sổ đã lui mất tự lúc nào. Bên trong phòng tối om, ngột ngạt. Hình như có tiếng chuột "rúc rít" sau tủ đựng quần áo và bàn làm việc của Tấn. Thế thì nhà anh có chuột. Bấy lâu nay anh không hề biết chuyện này. Bên trong nhà tắm có tiếng nước nhỏ giọt đều đặn. Như vậy, cái vòi nước bị hở từ lâu sao anh không hay. Còn nữa, gió bên ngoài khá mạnh, đập cái khung lưới vào cửa sổ kêu "sành sạch". Mỗi lần gió lên, nó đập nhồi vào cửa, đồn dập, rồi nín lặng. Thế thì nó bị sút ốc lâu rồi mà anh không biết.

Tấn suy nghĩ miên man rồi cảm thấy bực bội, tại sao anh lại để ý về mấy con chuột, vòi nước hở, hay cái khung lưới cửa sổ bị lỏng ốc. Anh phải làm điều gì đó, khá hơn và thích hợp trong lúc này. Tấn đứng lên, nhấc điện thoại, gọi về Cali. Tiếng điện thoại reng liên tục nhưng không có ai trả lời. Rồi có giọng Mỹ phát lên trong máy. Tấn biết cái giọng rặt ròng Mỹ của em gái Ngọc. Một người con gái Việt Nam chính gốc nhưng không nói được tiếng Việt. Tấn chán nản gác điện thoại. Anh nằm trở lại, suy nghĩ phiêu diêu.

Tấn nằm như thế, lâu lắm, ngủ không ra ngủ, thức không ra thức. Đến lúc anh choàng dậy thì trời tối mịt. Tấn sực nhớ tới ông Minh. Anh xuống tầng dưới. Nhà tối om và tĩnh mịch. Không có một chút ánh sáng hay âm thanh nào, ngoại trừ những đốm đèn từ tủ lạnh, lò nướng, microwave, ... trông như các vì sao lập lòe đủ màu trong đêm.

Đồng hồ chỉ tám giờ. Ông Minh vẫn chưa về. Tấn tạm gác chuyện vợ con qua một bên. Ngọc và Biêu đã ổn định bên Cali, anh buồn nhưng không lo nữa. Bây giờ, ông Minh là vấn đề mới, phải lo. Ông già đi đâu tới giờ này. Ông cho biết, sẽ về lúc năm giờ. Thư viện đã đóng cửa từ lâu. Từ nhà đến thư viện chỉ cách một con đường, đi bộ chừng mười phút. Ông

Minh đã quen thuộc đường. Ông không thể đi lạc được.

Tấn càng nghĩ càng lo. Anh lái xe ra đến thư viện. Người ta đóng cửa, tắt đèn từ lâu. Anh chạy vòng vo qua các đường trong vùng. Tấn lục soát cả công viên gần nhà, nơi ông Minh thường ra ngồi nhìn trời, ngó thiên hạ. Anh lấy đèn "pin" soi từng bụi rậm nhưng chỉ hoài công. Tấn hoảng sợ, gọi tất cả bạn bè nhưng không ai biết ông ở đâu. Ông Minh không có họ hàng thân thuộc ở gần đây. Ông cũng chẳng có người bạn thân nào. Thế thì ông đi đâu? Tấn gọi cảnh sát nhưng người ta không chịu bỏ công đi tìm một người mất tích chỉ có vài giờ đồng hồ. Anh đành chịu, phải chờ quá hai mươi bốn giờ, lúc đó chính quyền mới tiến hành công việc tìm kiếm.

Tấn về nhà, thức trắng mắt, bỏ ăn luôn mấy ngày. Anh lấy phép, xin nghỉ việc để tìm ông Minh. Anh tìm khắp nơi, qua ba ngày vẫn không thấy ông Minh ở đâu. Tin tức từ mọi nơi vẫn không có gì khả quan. Tấn rửa hình ông, phóng lớn rồi nhờ người ta đăng báo và thông tin trên truyền hình. Nhưng mọi cố gắng của Tấn đều hoài công. Anh không thể tìm được ông Minh.

Tấn im lặng ngước nhìn những giọt nước biển nhểu đều đặn. Anh không nói gì nữa. Ánh đèn chiếu xuống khuôn mặt anh hốc hác, tiều tụy. Da mặt anh tái nhợt, mắt thâm quầng.

Một người y công bưng khay thức ăn vào. Ông ta để cái khay trên bàn rồi lẳng lặng bước ra ngoài. Tấn nhìn thức ăn rồi quay nhìn tôi, hỏi nhỏ:

—Chắc bác sĩ chưa ăn cơm chiều?

Tôi lắc đầu. Tấn nói tiếp:

—Xin lỗi, tôi đã làm phiền bác sĩ.

Tôi nhìn Tấn. Thế thì anh không điên như người ta đã chẩn đoán trong hồ sơ. Anh tỉnh táo lắm. Anh tỉnh hơn rất nhiều người khác, những người đã làm công việc săn sóc sức khỏe cho anh.

Thấy tôi im lặng, Tấn ngập ngừng nói:

—Bác sĩ có muốn nghe tôi nói tiếp không?

Tôi gật đầu:

—Anh cứ nói tiếp nhưng anh phải ăn một chút gì trước đã.

Tấn lắc đầu:

—Tôi không đói. Tôi chỉ muốn bác sĩ hiểu tại sao tôi lại hành động như vậy. Có lẽ nghe tới đây bác sĩ cũng chưa hiểu đâu. Bác sĩ sẽ cho là tôi điên.

Tôi mỉm cười:

—Tôi tin anh không điên nhưng câu chuyện chỉ như thế mà khiến

anh tự vận thì lạ thật.

Tấn nhìn tôi với ánh mắt biết ơn. Anh lẩm bẩm:

—Chuyện đâu chỉ dừng ở đó.

Đến ngày thứ tư mà Tấn vẫn không nghe tin tức gì của ông Minh. Anh không ngủ mà cũng không thể ăn được. Anh sụt gần ba kí lô, người gầy sộp. Suốt ngày Tấn chạy phất phơ ngoài đường, thần sắc lơ láo, mặt hốc hác, mắt trõm lơ.

Đến ngày thứ năm lúc Tấn nằm dài trên "sofa", không biết phải làm gì thì có tiếng điện thoại reo vang. Anh chán nản quá, mấy ngày nay bạn bè hỏi thăm tới tấp. Ban đầu họ còn hỏi han, phụ giúp tìm kiếm, nhưng sau ngày thứ ba thì không còn ai hỏi thăm nữa. Người bạn nào cũng an ủi và chia buồn. Họ mặc nhiên coi như ông Minh chết rồi. Nếu ông Minh đi lạc thì cũng có người tìm được. Người ta chỉ cần đưa ông lên truyền hình thì gia đình nhận ra ngay. Đằng này ông biệt vô âm tín. Chỉ có chết thì ông Minh mới mất liên lạc đến năm ngày.

Mặc dù suy nghĩ như vậy Tấn cũng nhấc điện thoại lên. Bên kia đầu giây một giọng phụ nữ hỏi tên anh. Bà ta cho biết là nhân viên của sở xã hội, muốn nói chuyện với anh về chuyện của ông Minh. Tấn nghe nói tới ông Minh, mừng đến nỗi không nói nên lời. Người đàn bà kia không nghe Tấn nói gì, phải hỏi lại:

—Tôi muốn nói chuyện về ông Minh, xin lỗi ông có phải là ông Tấn hay không?

Tấn gật đầu lắp bắp:

—Dạ đúng, tôi là Tấn đây?

Người đàn bà kia lại hỏi:

—Ông có phải là con trai của ông Minh hay không?

Tấn lại gật đầu, hổn hển hỏi:

—Ba tôi có bị chuyện gì hay không?

Người đàn bà thản nhiên đáp:

—Ông Minh vẫn mạnh khỏe.

Bấy giờ, Tấn lấy lại được bình tĩnh, hỏi tiếp:

—Tại sao ba tôi không gọi cho tôi biết?

Người đàn bà cười qua giọng nói từ bên kia đầu giây:

—Tại sao thì ông biết rồi?

Tấn ngạc nhiên hỏi:

—Bà nói gì tôi không hiểu gì hết.

Người kia lạnh lùng nói:

—Nếu ông muốn biết chuyện gì thì đến sở xã hội gặp tôi.

—Bà có thể nói cho tôi biết được không?

—Không, tôi được phép cho ông biết tại sở mà thôi. Ngoài ra còn vài chuyện khác nữa, tôi muốn đưa giấy tờ cho ông xem. Bây giờ ông lấy viết ghi địa chỉ.

Tấn vội ghi tên người đàn bà đó và địa chỉ, xong anh ra xe đến xã hội ngay. Trên đường, Tấn không biết tại sao ông Minh không gọi về nhà. Anh tin rằng ông có thể quên bất cứ chuyện gì chớ địa chỉ nhà thì ông nhớ nằm lòng. Tại sao ông Minh không báo cho gia đình biết, Tấn không hiểu nổi.

Khi Tấn vào đến văn phòng, gặp bà nhân viên của sở xã hội thì anh mới biết rõ được mọi chuyện. Bà ta đưa cho Tấn xem một xấp giấy chừng hai mươi tờ. Anh đọc lướt qua, tuy chưa hiểu hết toàn bộ câu chuyện nhưng anh cũng biết được khái quát sự việc.

Tấn ngồi dựa vào thành ghế, cảm thấy choáng váng. Đầu óc anh quay cuồng, mắt mờ đi. Trong các giấy đó, hơn phần nửa là giấy tố cáo, còn lại là giấy xin chính phủ trợ cấp. Người bị tố cáo là Tấn và người tố cáo là ông Minh. Ông đã khai báo rằng, Tấn không những hành hạ ông, còn bỏ đói và xua đuổi ông ra khỏi nhà. Bây giờ ông không có chỗ ở, không có thức ăn và quần áo mặc. Ông cần nhà nước giúp đỡ.

Tấn không tin những gì mà anh đã đọc. Trong mấy ngày qua anh bỏ ăn, bỏ ngủ, sống dở, chết dở. Tấn đã hối tiếc, tự trách mình đã không săn sóc ông Minh đúng mức, không canh chừng ông cẩn thận. Anh đã lơ đễnh để ông đi lạc và có thể bị giết chết. Anh tự dằn vặt mình với những ý nghĩ đó. Đến bây giờ, mọi sự xảy ra trái ngược. Ông Minh hoàn toàn mạnh khỏe và yên ổn. Không những thế, ông còn tố cáo những điều mà anh không hề làm.

Thấy Tấn ngồi ngẩn người ra, bà nhân viên của sở nghiêm giọng hỏi:

—Anh có hiểu hết mấy tờ giấy đó hay không?

Tấn buồn bã gật đầu:

—Tôi nghĩ rằng tôi hiểu.

—Để tôi nói cho ông biết rõ hơn. Cách đây năm ngày, một nhân viên người Việt Nam trong thư viện đã chở ông đến đây xin khai báo về một trường hợp bị con đối xử tệ bạc và hành hạ thân xác. Ông Minh cần nhà nước trợ cấp chỗ ở và tiền chi phí... Ông nói rằng, ông không thể trở về nhà, sống chung với con được vì những lý do mà ông đã khai báo với chúng tôi.

Tấn chán nản, lạnh lùng hỏi:

—Còn gì nữa không?

—Ông Minh chỉ khai báo để xin trợ cấp nhưng không truy tố ông ra

tòa.

Tấn cười lạt:

—Truy tố tôi?

—Đúng vậy!

—Tôi có thể gặp ba tôi được không?

—Không, ông Minh đã từ chối gặp ông.

Tấn buồn bã hỏi:

—Tại sao ba tôi làm như vậy?

Người đàn bà nhìn Tấn có vẻ không hiểu:

—Tôi chỉ biết ông Minh khai báo về chuyện ông bị đối xử tệ bạc. Tôi nghĩ rằng, lý do cũng đã rõ.

—Thế thì ba tôi được gì?

—Chính phủ sẽ thu xếp nhà ở, tiền trị bệnh, và chu cấp mọi chi phí cho ông Minh.

Tấn gượng cười:

—Đó là lý do khiến ba tôi đã nhẫn tâm làm chuyện đó phải không?

Người đàn bà nhìn Tấn như ái ngại cho anh:

—Bây giờ ông có thể về được rồi.

Tấn đứng lên, quay lưng đi ngay, không buồn nói lời từ biệt hay cám ơn người đàn bà đó. Nhưng khi anh ra đến cửa, chợt bà ta gọi giật lại:

—Khoan đã, ông Minh có nhắn anh chuyện này.

Tấn quay lại hỏi:

—Ba tôi nhắn chuyện gì?

—Ông Minh nhắn tôi, nhờ đưa cho anh mớ quần áo này đem về nhà giặt giùm.

Tấn lắc đầu ngao ngán nói:

—Bà ném chúng vào thùng rác cho khuất mắt tôi.

Tấn xô bật cánh cửa, lao nhanh ra ngoài. Anh mở máy xe, chạy thẳng về phía trước. Tấn không chủ ý đi đâu cả. Anh cứ nhắm đường trước mắt mà chạy. Nhưng Tấn vòng vo thế nào đi nữa, xe cũng về đến nhà.

Bỏ xe ngoài lề đường Tấn vào thẳng nhà bếp. Anh nhấc điện thoại gọi về Cali. Không có ai trả lời Tấn. Đầu dây bên kia chỉ có cái máy phát ra mấy câu nói nhạt nhẽo, vô hồn.

Tấn không thể suy nghĩ thêm bất cứ điều gì nữa. Anh lấy cuộn dây thừng trong nhà để xe, leo lên ghế, và tự treo mình lên trần nhà.

Tấn ngẩng lên, im lặng nhìn tôi. Nét mặt anh tươi tỉnh và thư thả hơn. Làm như Tấn chưa hề chịu đựng những chuyện buồn vừa qua. Tôi biết anh đã trút hết bao nhiêu phiền muộn chất chứa trong lòng tự bấy lâu nay.

Tôi cũng mừng cho Tấn. Anh đã an định được tâm hồn.

Tấn thản nhiên kéo cái bàn lại gần, cắm cúi ăn. Một lúc sau, anh ngẩng đầu hỏi:

—Bác sĩ, ngày mai, tôi về nhà được không?

Tôi gật đầu:

—Anh về nhà được rồi nhưng tôi muốn chính vợ con anh đến đón anh.

—Vợ con tôi còn ở bên Cali mà.

Tôi mỉm cười lắc đầu:

—Vợ con anh đã được thông báo. Sáng mai họ đến gặp anh.

Tấn gật đầu, giơ tay ra bắt tay tôi:

—Cám ơn bác sĩ rất nhiều. Ông là một thầy thuốc giỏi.

Tôi ngẩn người đáp:

—Tôi đã làm được chuyện gì cho anh đâu.

Tấn bật cười:

—Bác sĩ chịu khó ngồi nghe tôi nói, như thế là quá nhiều rồi. Tôi đành chấp nhận sự khen ngợi đó:

—Cám ơn anh. Tôi sẽ ký giấy tờ cho anh xuất viện.

Tôi bước ra ngoài. Ngoài hành lang vắng lặng. Hai dãy đèn trên trần sáng trắng, chiếu xuống một màu tang tóc, buồn thảm. Một người y công vừa đẩy xe thức ăn đi khuất ở cuối đường.

Một tuần sau, lúc từ trại bệnh trở về văn phòng tôi nhận được thư Tấn. Anh cho biết chuyện gia đình anh đã được thu xếp tốt đẹp. Ông Minh đã quyết định trở về Việt Nam và Tấn đã lo xong mọi thứ giấy tờ. Anh cho biết ngày anh gởi thư cho tôi cũng là ngày ông Minh rời đất Mỹ.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng như chính mình vừa trút được một gánh nặng. Đời sống ở xứ Mỹ này bất an cho bất cứ ai phải sống một nơi, phải gọi là cõi tạm. Cuối cùng ông Minh đã trở về được chốn an lành của ông. Còn tôi hay Tấn hoặc bất cứ ai, tìm đâu một chỗ dung thân yên lành?❐

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG TẠP CHÍ VĂN HỌC

nói với em khi đã ở rất gần
ĐỖ QUYÊN

Lại gửi tới H.H.
Tưởng nhớ Lưu Quang Vũ

1.

Nói với em
- khi đã ở rất gần -
Cho ba năm một tháng hai mươi bốn ngày vừa xa cách
được dài thêm là tình yêu không hết,
được xóa đi là cả trời biển buồn đau.

Cho phép anh tiếp tục đong đếm tình yêu
theo trục thời gian-không gian ba chiều
và tỉ mẩn như các thương gia già Do thái.

Những chiếc kim ngắn dài,
cùng các con số màu
trên tất cả đồng hồ đang chạy
sắp nhất tề
chỉ báo phút giờ mà hai tuần trước từ nơi đó đến nơi đây
anh rất gần em
thế này
và như thế này
mãi mãi...

2.

Nói với em khi đã ở rất gần
Là nói bằng ngôn ngữ thực
của những dãy số nằm đợi hạn trên các hóa đơn tiền nhà,
tiền điện...

của những hận hờn bên chăn gối tả tơi.

Chẳng đi tới đâu mà tránh được trời
Nợ áo cơm cũng không chừa thần thánh
Đó nắng xối thịt da đây thì gió tuyết bào đời
Như trăm năm, ngàn tháng trước khi chúng mình còn chưa có.

Ngôn ngữ ảo
hôm nay vẫn lồng lộng vòm trời
- sắc cầu vồng -
Và dưới mặt đất nhuôm nham đã có hai người gần nhau
đang sống.

Nói với nhau khi đã ở rất gần
Là em có thể xen mình giữa hai dòng anh đang dở viết
Là những giọt mồ hôi ứng với từng xu cắc
lăn dài theo thi thể Nàng Thơ.

3.

Ta leo dần lên Bắc Bán Cầu
Tình đời được nhìn lại
trong nắng trắng gắt không có gì lọc gặn,
trong rét nhiều năm không thêm bớt là bao.

Thuở nguyên sinh
những đơn vị sinh linh nhỏ nhất
(có lẽ) tính theo từng đôi cặp
để tới thời nhạc Rốc, thời nhà chọc trời
tách ra
và để rồi chúng tìm lại nhau
ở cự li rất gần - như có thể -
như chúng mình
lúc này và mãi mãi.
Ngày những nhà chọc trời sụp xuống, nhạc Rốc rã ra...
một thời nguyên sinh mới hiện lên.

4

.Chúng ta đã ở rất gần nhau rồi
Sẽ có dịp về mình anh nói khẽ -
khẽ hơn cả khi lá vàng ngả trong nẻo đường bị quên lãng,
khẽ hơn cả những mùa xuân ly hương.

Anh đến đây lúc mùa đông mơ màng
Những bông tuyết thôi còn lất phất
Cái bạt ngàn lăm lăm hạ sát
các hàng thơ anh đang định ghép thành đời.

Anh đến đây khi má em thôi còn
căng căng những ngày mới gặp
Ánh mắt em bắt đầu rơi rất gần
Và căn phòng chúng mình ở hơi lò sưởi nhiều hơn gió.

Sẽ còn dịp về chúng mình ta biết rõ
Còn ái tình thì vẫn mãi vậy thôi
Vạn năm không thêm bớt một lời
Dẫu rất gần, rất xa
Mãi mãi...

5.

Khi rất gần ta có thể trao nhau
những điều
trực tiếp....
Nhưng đừng thế, nghe em,
với những lời sẽ nói cùng nhau!

Còn ba tiếng nữa đến giờ em hẹn
Bến tàu điện Giăng-Talông
Vài công chuyện cần làm
cho một ngày hôm nay qua.

Sau ba tiếng nữa là đến những lúc
mình có thể cùng im lặng
giữa xao động người đời

dẫu đi sát bên nhau, dẫu ngồi, đứng sát cạnh nhau

cho những ngày mai sẽ qua
Là anh có thể gào kêu trước mọi người
Là em có thể nỉ non với tất cả
Bên nhau chúng mình có thể lặng im.

Đêm nay
lại về với nhau
Rất gần
như mười hai đêm trước
Mà rất có thể chúng mình vẫn lặng im
khi cần.

Nói với nhau lúc đã ở rất gần
là không nói giống như khi xa cách.

6.

Khi còn xa ta chỉ nói về mình
Người thứ ba, điều thứ ba...
không hề có!
Sự ích kỉ cũng là sự nguyên vẹn của ái tình
Ngàn năm rồi vẫn thế.

Em từng hát về mây, anh có lời ca người anh hùng ấy...
Bởi mây và người anh hùng là em, là anh...
Thương chiếc lá ép khô mười năm hơi người thôi ấp:
Ta than khóc tình ta.

Nhưng,
những người thứ ba, những điều thứ ba thì không bao giờ thừa
Trong một thứ duyên tình hiện thực!
Anh muốn phản pháo lại tiền nhân
Chúng mình cùng dàn trận
trong đời có giờ G. điểm từ mười hai ngày đêm nay.

7.

Khi đã ở rất gần em không cần hát
cho anh nghe những khúc đoạn trường xưa
Tiếng hát là của những kẻ lạ xa tìm gọi nhau, của những
chí hữu xiết thêm đội ngũ và của những người ly biệt.

...Nguyên sơ tiếng hú gọi loài
Nay làm tiếng hát cho người có nhau...

Chúng mình có nhau rồi, ở bên nhau rồi
Hãy nói với nhau
theo cung bậc của tình yêu!

8.

Khi đã ở rất gần em không cần khóc
- khóc trôi thời gian, khóc lấp không gian -
như những tháng năm xa
Tiếng khóc là của những kẻ bại trận và của những người
thắng trận
Đời chúng mình hòa,
em ơi!

Người ta bảo: chỉ có loài người là biết khóc.
Em bảo: không phải giống người nào cũng biết khóc
Anh đã biết em rồi trong những tiếng khóc
- tiếng khóc của loài người, tiếng khóc của người đàn bà và
tiếng khóc của người yêu.

Chúng mình đã gần nhau
khi những tiếng khóc xa rồi...
Chiều đông mờ tối
hôm nay
Nào, ta hãy nói!

Ngày mai...

Montréal, 20-2-1996.

Đường Phượng Bay

Hồ Minh Dũng

Đường Phượng Bay là tên một con đường ngắn, có nhiều gốc phượng già rợp bóng trong Thành Nội Huế, nơi lúc nào cũng có những đôi tình nhân hẹn hò đến đây. Nhà chị Hồng Sâm ở đó. Chị là con gái duy nhất của thầy dạy tôi hồi tiểu học. Vợ thầy chết sớm, mọi công việc trong nhà, chị Hồng Sâm đều làm, chị làm rất tận tụy, chu đáo, tưởng như đời chị không còn gì vui, ngoài công việc nhỏ nhoi đó.

Khi lớn khôn, tôi thắc mắc, không hiểu vì sao, trong Thành Nội ngày ấy, có rất nhiều thầy dạy học, mẹ tôi lại chọn một người thầy già, luôn đau ốm như thế để gửi tôi với một hoài bão thường tình của lòng mẹ mong con nên người?

Câu "tiên học lễ hậu học văn" được mẹ tôi nhắc đi nhắc lại nhiều lần, có lẽ mẹ ngầm ý cho tôi biết, học lễ cần và khó hơn học văn nhiều, người mà mẹ chọn tất nhiên là mô phạm mẫu mực, lời người nói ra là dược thạch chi ngôn.

Khi mẹ sắp qua đời, còn nhắc nhở tôi, sau nầy, đừng quên ơn, dù làm ăn xa xôi bao nhiêu, khi về cũng ghé thăm thầy, nhất tự vi sư, bán tự vi sư. Lời mẹ, tôi nguyện không quên.

Thầy rất thích hoa. Trong vườn, trồng đầy hoa, đủ thứ chen lẫn vào nhau. Chỉ có thục qùy, dồn lại một vạt trong góc vườn, đây là loài hoa có lá giống hình trái tim, nở hoa màu hồng, đỏ, vàng hòa lẫn vào nhau rất đẹp.

Sau những buổi học, thầy thường đem chúng tôi ngồi dưới gốc hoa nầy để kể chuyện. Những câu chuyệĩn thuộc về đời sống chung quanh. Chuyện đời thầy kể cũng không có gì nhiều nhương hay buồn phiền tục lụy. Cũng có hôm thầy say sưa nói chi tiết về sinh thái tự nhiên của vài

loài hoa. Từ khi mầm cây nứt hạt cho đến lúc hình thành được một nụ hoa, phải trải qua một quá trình cầy kỳ, bí ẩn, không đơn giản như chúng tôi thường nghĩ về cây cỏ hèn mọn. Chị Hông Sâm cũng có mặt cùng với chúng tôi lúc ấy, phụ họa thêm:

"Hoa nở, toàn thân rung chuyển quằn quại đau đớn, nhựa luyện ngưng đọng, cành lá tơi tả, cô độc. Người đàn bà sinh con, choáng ngợp thương yêu và niềm hân hoan bất tận. Đó là sự khác biệt giữa hoa và người."

Dĩ nhiên là chúng tôi nhìn chị vô cùng thán phục như nhìn một nhà sinh vật học, đã từng nghiên cứu nhiều về thiên nhiên đa dạng.

Chúng tôi ngồi học trên bộ phản gỗ lên nước rất bóng, thầy ngồi giữa, y như thầy đồ ngày trước. Bên cạnh thầy, lúc nào cũng có bình trà và bình hoa tươi. Lớp học, chỉ có bảy người, chúng tôi tuổi tác, trình độ học vấn khác nhau, nhưng thầy bắt gọi bằng trò, không được gọi anh em hay mày tao. Hôm nào thầy bận đi thăm viếng, kỵ giỗ hay đau nặng thì chị Hông Sâm dạy thế, đó là những lúc chúng tôi vui nhất, vì chị ấy thường kể những câu chuyện tình, phần nhiều là ngang trái, dở dang. Không biết lấy ở đâu, chị kể hoài không hết. Trong lớp, Đô và tôi là hưởng ứng nhất và ghi chép rất cẩn thận, Đô lớn tuổi, tinh khôn. Còn tôi khờ khạo, nhưng biết yêu sớm, rất mẫn cảm với những gì có dính dáng đến chuyện yêu đương.

Một hôm chị Hông Sâm hỏi:

"Trong các trò, có trò nào thích viết văn không?"

Đô dong tay.

Chị tiếp:

"Trò Đô viết được đoạn nào chưa?"

Đô trả lời:

"Thưa chưa, lớn lên chút nữa, lăn lóc với đời nhiều, viết mới đạt."

Chị cười bằng ánh mắt trìu mến, tin tưởng, rồi nổi hứng dông dài:

"Các em (không gọi chúng tôi bằng trò như trước) có biết không, chị bỗng dưng trở thành nhà văn. Các em đừng tưởng chị nói đùa hay khoác lác. Không phải một mình chị đâu, mà xứ Huế nầy cũng có nhiều người như chị, khi không trở thành nhà văn, mà nhà văn nổi tiếng. Ở đâu, cũng nghe thiên hạ xì xầm bàn tán. Đi đâu, thiên hạ cũng nhìn theo thán phục. Tác phẩm của họ bày bán la liệt trên các hè phố, không có một hạt bụi hay con ruồi dám cả gan đậu vào. Riêng chị, dám đoan chắc với các em, không sớm thì muộn, chị cũng nổi tiếng hơn, có khi một mình một chiếu, tung hoành giữa rừng chữ nghĩa không chừng. Các em biết hằng đêm chị thức đến hai ba giờ sáng để làm chi không? Viết văn đấy! Bạn bè có đứa cho chị lập dị, bà con có người cho chị tâm trí bất thường. Nhưng ngoài

cuộc, họ có quyền dị nghị. Nếu không tin, thì các em nghe chị đọc đoản văn nầy, mới sáng tác đêm qua đây thôi. Lắng tai nghe nhé:

Núi với Sông ở bên nhau từ thuở mới khai thiên lập địa.

Một hôm, Núi nói với Sông:

"Chị cực lắm, cứ chuyển động nhọc nhằn suốt ngày đêm, sao không nghỉ vài hôm cho lại sức, trông da thịt chị độ nầy nhăn nheo, lở loét, không còn mượt mà như thuở nguyên sơ. Coi chừng cũng có lúc tinh lực phân tán. Phòng trước vẫn hơn."

Sông buồn bã:

"Tôi cũng muốn thế mà không được, anh ở cao, gần Trời hơn, nhờ nói vô giúp tôi vài lời, may ra không đến nỗi phải nghiến răng chịu đựng."

Núi giải bày:

"Tôi tuy ở gần Trời hơn, nhưng thân nặng nề, nằm lỳ một đống, quan hệ xóm giềng không tốt, lại chẳng có công nghiệp gì trong cuộc tái tạo và bảo tồn thế giới, sợ Trời không nghe. Để tôi nhờ cô chim Cuốc là nữ phát ngôn viên trừ bị của Trời, nói giúp cho, cô ấy ăn năm ở đời, lại phóng uế bừa bãi trên thân tôi, mà tôi không hề phàn nàn nửa lời, chắc không chối từ."

Cuốc bay lên tâu với Trời:

"Xin ngài coi lại số phận của từng vật thể trên trần. Tai hạ thần đã nghe có lời đàm tiếu bất công, ví dụ như vàng ngọc, kim cương thì suốt đời nằm an phận co ro dưới đất, khi được người đời đào lên nâng niu trọng vọng, lại lên mặt khoe khoang. Lòng người phân tán, trần thế bất an cũng vì chúng. Còn Sông thì lưu chuyển vất vả, nhọc nhằn không ngừng."

Trời cho là phải.

Và Sông khô nước, chẳng bao lâu biến thành cồn bãi, ruộng đồng hoang vu. Trong ngôn ngữ dân gian (có lẽ nhiều loài khác nữa) từ đó có thêm hai chữ bể dâu. Núi không Sông bao quanh nên cây cối khô cháy. Núi không có bụi bờ, hoa trái nên Cuốc chẳng có ăn, chẳng có chỗ ẩn núp, ngày ngày đứng trên sỏi đá nứt nẻ kêu khan. Không có cây nên gió không đến. Cuốc kêu khô cổ, không có gió đưa đi, không ai nghe. Chẳng bao lâu Cuốc... câm!

Đọc xong, đôi mắt chị sáng rực nhìn chúng tôi, mỉm cười:

"Chị viết như thế đã thành nhà văn chưa?"

Chúng tôi đang phân vân chưa kịp trả lời, Đô đã lên tiếng:

"Thưa, thành rồi."

Chị hỏi thêm:

"Tác phẩm nầy có hay không?"

Đô lại nhanh nhẩu:

"Hay lắm! Cho chúng tôi chép, giữ lại để học hỏi và làm kỷ niệm."

"Các em biết thế nào là một tác phẩm hay dở, tức là đã khái niệm được ý nghĩa sự tồn vong và thành bại của con người trên mặt đất. Không phải con chim nào cũng có tiếng hót, nhưng không hót không có nghĩa là câm. Con Cuốc trên hòn núi trơ trọi kia, thật ra không phải là câm mà người ta không đủ khả năng nghe tiếng hót của nó lúc tuyệt vọng đó thôi. Hai chữ tuyệt vọng chị nói đây không phải là của người mà của chim. Các em hiểu rồi chứ?"

Lần nầy, người trả lời cũng là Đô:

"Thưa hiểu."

Đô thua chị Hồng Sâm khoảng mấy tuổi, nhưng đứng cao hơn chị vài phân. Nghe đâu, mẹ Đô cũng là nhà văn đất cố đô lãng mạn và đa tài nầy, nên chúng tôi cũng không lấy làm lạ. Mà bạn ấy có viết văn thật, trong túi áo lúc nào cũng có những tờ bản thảo mới viết, bạn chưa bao giờ đưa cho chúng tôi xem, thường ra ngồi dưới gốc phượng già đọc đi đọc lại một mình, những lúc ấy trông bạn hiền từ, thoát tục như đang thiền định.

Một hôm, trong giờ ra chơi, tôi bất ngờ thấy Đô với chị Hồng Sâm hôn nhau rất lâu trong bụi hoa Thục Quỳ. Hồi đó, tôi chưa biết sự quan trọng của nụ hôn giữa nam và nữ, nên chuyện ấy cũng không làm bận tâm nhiều.

Người xưa, lúc sắp chết thường trối trăn nhiều điều, thầy tôi cũng thế. Thầy cho người gọi chúng tôi đến đông đủ, khuyên bảo chúng tôi cố gắng lập công danh trên đời, nếu không được sáng lạn thì cũng làm người dân bình thường, đừng làm điều gì không phải là việc của con người làm. Sau chót, thầy căn dặn chúng tôi hai điều là, phải có mặt đông đủ trong đám tang của thầy và sau nầy dù sống phương xa, mỗi lần về, nhớ ghé thăm con gái thầy.

Cũng như lời trối trăn của mẹ, tôi không dám quên. Hơn thế, tôi còn lên núi thắp hương trên mộ thầy. Làm việc nầy tôi vừa để nhớ công ơn người thầy cũ, vừa nhớ mẹ hiền. Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy.

Trên đường tha phương cầu thực, thỉnh thoảng tôi có viết thư về thăm chị. Cũng nhận được hồi âm của chị rất thắm thiết, thân tình và coi tôi như đứa học trò nhỏ bé ngày xưa.

Lá thư nào, không ít thì nhiều chị cũng ngầm tự trách, xưa kia chị quá nông nổi, đã có những mơ ước quá đáng. Nay thực tế, chị không có. Khi lăn lộn ngoài đời và trong tình yêu ngắn ngỏi, đổ vỡ, chị biết mình không thể nào thành nhà văn được.

Nhà văn khó lắm! Khó hơn cả cô gái mang tên Nữ Oa thời thượng cổ ngồi rèn đá ngũ sắc để vá trời. Tự nhận mình nhà văn, là một điều không ai dám, thế mà chị dám. Bước sai lầm nầy, theo chị, hậu quả nghiêm trọng không chỉ chị gánh một mình mà liên lụy tàn hại đến nhiều người.

Chức năng của trái tim là kềm chế sự khoa trương lừa mị, trái tim chị không làm được điều đó, thì xin thôi, không dám làm nhà văn nữa.

Có thư, chị xin lỗi về một bài viết ngày xưa chị mạo muội gọi là "tác phẩm" nói về Sông Núi mà chị đã đọc cho chúng tôi nghe. Thư nào chị cũng hỏi tôi có gặp Đô ở đâu không, xa chị đã lâu không tin tức. Tôi cũng không biết bạn ấy lang bạt phương trời nào.

Nhiều năm sau, về lại Huế, tôi tìm thăm chị Hồng Sâm. Chị vẫn ở góa một mình đơn chiếc trong ngôi nhà cũ. Tóc chị đã bạc trắng nhưng vẫn còn mạnh khỏe, yêu đời. Con đường ngắn nơi có ngôi nhà chị tọa lạc và những hàng phượng vỹ già nua ấy, không còn ai nhắc đến cái tên Đường Phượng Bay thơ mộng ngày trước nữa. Cả thành phố lầm lũi trong cuộc thay ngôi đổi chủ nhạt nhòa. Trong khu vườn xưa, hoa không còn nhiều, thay vào đó là những thứ cây màu, có những loại cây xưa nay tôi chưa từng thấy ai trồng trong vườn cảnh bao giờ. Riêng hoa thục qùy trong góc vẫn còn, thưa thớt, tàn tạ. Một vài ngọn lá khô hình trái tim rách bất chợt rụng, cuốn bay trong gió.

Trong buổi gặp lại mừng mừng tủi tủi nầy, chị Hồng Sâm báo cho tôi một tin, mà chị gọi là tin vui, là chị vừa sinh một đứa con trai. Đúng ra là nhóm bác sĩ khoa sản bệnh viện Trung Ương Huế đã làm một cuộc giải phẩu cam go để lấy bào thai nằm trong bụng chị đã hơn bốn chục năm nay ra.

Chị đưa cho tôi xem tấm hình của "đứa con" thân yêu, đó là một người trung niên có chòm râu ngắn dưới cằm, tóc dài xuống tận cổ lấm tấm hoa râm, toàn thân teo tóp, nhăn nhúm như qủa mướp hương già phơi khô.

Đứa con duy nhất của chị cũng có đầy đủ những bộ phận cơ thể con người và biến thái theo năm tháng. Nhưng không biết vì nguyên do gì đã ở trong bụng mẹ một thời gian quá hạn định của trời đất. Tuy con dị hình và chết đã lâu, nhưng chị rất đỗi vui mừng vì đã được làm mẹ. Cuống rốn con đã nối liền ruột chị, và chị đã âm thầm cho con bú bằng những giọt sữa tinh khiết trong vắt, vô hình vô dạng.

Khi đem nó ra "chào đời", lời đồn đãi vang dội rất nhanh, kẻ ác tâm nói đó là ma qủy đầu thai để báo hiệu ngày tận thế đã gần kề, người tu hành cho đó là nghiệp báo không thể tránh khỏi của kiếp sinh linh phàm

Giai điệu vùng đất
DIÊN NGHỊ

Chiếc cầu bắc qua sông
sau trận lũ lụt,
cạnh con đường
dấu tàn hoang lô cốt
thuở chiến tranh lùi về xưa...
trong ký ức người già nua quanh đây đậm nét
nơi đây - vùng đất
người nông dân bán mồ hôi ba đời tiếp nối
đất nằm nghe tiếng gọi
gió, sóng lòng sông
đêm trăng hè
mây trắng trôi bềnh bồng
bên sườn đồi, khuất sâu thung lũng xa,
máu người vung vãi,
tử thí hai phe
mà giai điệu - âm vang - lẩn quất
nghe dậy từ lòng đất
cát bụi xác thân
nghe từ luống rau xanh
từ gốc cây cổ thụ
nhiều năm - nhiều năm - chứng cứ
hưng thịnh, suy vong!
mắt mẹ già líu nhíu vết chân chim...
ngồi ngắm hoàng hôn
nghĩ về thân phận - gần với đất
trẻ nhỏ đùa nô, ngây ngất
tay vươn cao, đếm vô số vì sao...
bãi có lênh đênh, những bước chân tiến tới,
đất lắng nghe, tiếng người nói với,
sinh ra, sống chết, đất này.

tục. Những nhà văn xứ Huế thì hồ hởi, vì có thêm một đề tài vô cùng mới lạ.

Nhưng tình mẫu tử lại thay khoa học huyền bí lý giải về hiện tượng của con mình: không có chỗ nào trên trần gian an toàn và hạnh phúc bằng ở trong lòng mẹ, cho nên con chần chờ, trì hoãn không chịu ra đời, cũng là điều dễ hiểu. Khi chết, chọn lòng mẹ làm nơi an nghĩ cuối cùng vẫn còn hơn bất cứ một nghĩa trang nào sang trọng trên đời.❐

Kiếp Sau

Hoàng Chính

Nàng bấm những móng sắc vào lưng bàn tay hắn, cố gỡ những ngón tay học trò của hắn ra khỏi vai nàng, và đẩy cái bàn tay xương xẩu ấy vào bụng hắn, thì thào, "Kiếp sau!"

"Hả?"

Hắn hơi thóp bụng lại, sững người ra, ngơ ngác nhìn đăm đăm vào mắt nàng. Cái mặt khờ khạo của hắn thấy tội. Giọng hắn thều thào,

"Duyên nói sao?"

Không vội trả lời, nàng chỉ cười, tươi như thể vừa bắt gặp những con số trong tấm vé mình mới mua, có trên bảng số trúng.

Không chịu nổi nữa, hắn cuống lên như người sắp lỡ một chuyến xe đến nơi hẹn hò sống chết. Hắn nuốt nước miếng. Nàng thấy rõ cái cần cổ gầy nhom của hắn chạy lên, chạy xuống. Miệng hắn trễ xuống, mở hé những chiếc răng trắng mọc không đều.

"Duyên nói lại cho nghe đi!" Hắn nài nỉ.

Nàng thong thả, "Kiếp sau!"

"Là sao?"

"Là kiếp sau chứ sao..." Nàng phì cười sau câu nói. Thật là ngờ nghệch. Người đâu mà chậm hiểu. Kiếp này làm sao mà thành được nữa. Toàn những chuyện viễn vông. Mỗi người một ngả. Cải lương và tiểu thuyết hoài cũng mệt. Lớn cả rồi!

Hắn ngớ người ra một lúc, rồi đờ đẫn đưa tay ra níu lấy vai áo nàng, lắp bắp, "Sao... sao Duyên lại nói vậy..."

"Chả sao cả." Nàng nhúc nhích đôi vai, nhưng hắn cũng nắm được mép áo nàng. Hắn khẽ kéo nàng về phía hắn. Nàng hơi cưỡng lại sức kéo của hắn, làm vai áo sơ mi rộng phùng ra biến nàng thành một tay hiệp sĩ trong các phim ảnh Tây Ban Nha cũ kỹ. "Nói chuyện nghe... tổn thọ!"

Hắn than thở.

"Có gì đâu." Nàng lại cười, vô tư như kẻ bàng quan, vô trách nhiệm. "Bắt buộc phải kiếp sau thôi..."

"Sao lại bắt buộc?"

"Chứ không à?" Nàng nhấm nhẳng.

"Không..."

Đột nhiên hắn im bặt. Hai mắt hắn thôi nhìn vào mắt nàng. Hai bàn tay xuôi xuống hai bên thân người. Những ngón tay run run co quắp. Nàng lơ đãng nhìn vạt nắng đổ xuống nền nhà gạch bông lấm lem. Nàng cố tình ngó lơ, nhưng vẫn thấy những ngón tay co quắp của hắn, giống hệt những ngón tay của một người đang trong cơn hấp hối, đau đớn tột cùng.

"Nói thật đấy!" Nàng nói bâng quơ.

"Thật cái gì?"

"Cái vụ kiếp sau ấy mà!"

"Nhảm!" Dường như hắn bắt đầu bình tĩnh trở lại. Giọng nói của hắn không còn lạc đi như lúc trước. Nàng nghe được tiếng thở phì phò xa xăm của hắn. Gần gũi đến lạ lùng. Hắn thong thả tiếp, "Duyên vẫn không bỏ được cái tật hay giỡn chơi..."

"Ai giỡn chơi hồi nào đâu." Nàng cướp lời hắn bằng giọng trong vắt như pha lê. "Nói thật đấy chứ!"

"Thôi!"

"Bộ không tin Duyên hở?"

"Không!"

"Cứ việc không tin. Nhưng Duyên đã nói kiếp sau là kiếp sau..."

"Tại sao phải là kiếp sau?"

"Số mạng!"

"Thôi!"

Đột nhiên nàng nghiêm trang trở lại. "Kiếp sau Duyên sẽ chờ."

"Thôi..."

"Hứa thật đó. Kiếp sau Duyên sẽ chờ..."

"Lỡ không có kiếp sau thì sao?"

"Sao không!"

"Thì cho là có kiếp sau đi. Nhưng biết rồi có gặp không..."

"Duyên sẽ đi tìm cho bằng được..."

"Thôi..."

"Duyên sẽ đăng báo tìm... thân nhân. Duyên sẽ nhớ tên anh."

"Thôi..."

"Thật mà. Kiếp sau. Nói thật đấy."

"Giỡn chơi hoài!"

"Bữa nay gặp lần cuối đấy."

"Hả?"

"Từ mai trở đi là hết gặp rồi..."

"Đùa dai..."

Nàng ngước mặt lên với hắn, nhưng đôi mắt thì vẫn loay hoay trốn tia nhìn của hắn, giọng nàng lạc đi, "Hôn... Duyên đi!"

"Hả?"

"Hôn em đi..."

Hắn ôm hờ lấy nàng, hôn khẽ lên đôi mắt nhắm hờ của nàng. "Môi em nữa," nàng thì thào nhắc nhở.

Hắn hôn lên môi nàng, dè dặt như đứa bé ăn vụng. Nàng cảm được cái rụt rè trong cách nhấm nháp nụ hôn của hắn. Như thể hắn không tin được hắn đang hôn nàng trong đời sống này, trong lòng căn nhà thuê của hắn, cuối một con phố quanh co những ngõ ngách, nhập nhằng những con số. Nơi có những vạt nắng vỡ trên nền nhà gạch bông cũ kỹ.

Hôn nàng xong, hắn mỉm cười, thánh thiện như cậu bé ngoan đạo mới học xong bài giáo lý đồng ấu đầu tiên.

"Duyên đừng nói giỡn như vậy nữa nghe. Làm anh đứng tim muốn chết."

Nước mắt nàng chỉ chực trào ra khỏi khóe mi.

"Duyên chẳng nói dóc đâu."

"Thôi mà..." Hắn cướp lời nàng.

"Kiếp sau thật đấy!"

"Nói hoài anh hôn nữa bây giờ!" Hắn làm bộ sừng sộ, đe dọa nàng. Nhưng nàng không sợ. Bây giờ nàng không còn sợ gì nữa. Nàng chỉ tội nghiệp hắn. Năm sáu năm trời đâu có ít.

Nàng gỡ hai tay hắn ra khỏi đôi vai mềm mại của nàng, ngập ngừng liếm môi, như cố tìm chút dư vị của nụ hôn mỏng teo hắn mới đặt lên đó. "Nghe em nói đây này. Mình sẽ không còn gặp nhau nữa..."

"Duyên bị đổi đi xa phải không?"

"Không."

"Theo gia đình đi đoàn tụ ở nước ngoài?"

Nàng lặng lẽ lắc đầu. Nàng ngạc nhiên. Đến giờ phút này, nàng vẫn kềm được những giọt nước mắt nhạt thếch của một người con gái lúc phải giã biệt tình nhân. Thường nàng đâu có cứng cỏi được như vậy. Hắn mới chỉ trễ hẹn có mươi mười lăm phút, nàng đã sụt sùi nước mắt ngắn dài.

"Vậy chứ đi đâu?" Hắn hỏi.

Nàng không trả lời. Hắn hung hăng tiếp, "Mà đi đâu thì anh cũng đi theo được như thường. Ngoại trừ..."

Nàng cúi gằm mặt, nhìn chăm chăm vào phiến gạch hoa bị mẻ góc, nhập nhòe trong nắng. Những cánh hoa ngả sang màu đen xỉn không còn nhận ra được là hoa gì. Nàng chờ hắn nói cho xong cái câu đang nói dở dang, nhưng hắn cũng chợt lặng im như gã lực sĩ hụt hơi sau cuộc chạy đua nước rút. Nàng cắn môi cho đừng bật khóc. Phải can đảm trong mọi hoàn cảnh. Phải giải thích rõ ràng cho hắn hiểu. Dù sao cũng đã dan díu với nhau ba bốn năm trời. "Nghe em nói đây này. Mà anh cũng không được buồn... Em sẽ phải..."

"Phải... gì?"

"Đi xa."

Nàng lại bắt đầu quanh co. Từ lúc gặp hắn đến giờ, nàng cứ quẩn quanh với những câu nói chẳng đâu vào đâu, làm chính nàng cũng phải sốt ruột. Nàng ngọ ngoạy thân người vì cái bao thư cứng để trong lớp áo sơ mi đã bắt đầu cọ vào người vướng vít. Biết vậy, gửi bưu điện cho xong. Nàng đâu ngờ biến một câu chuyện thật thành chuyện đùa lại khó đến như thế.

"Xa tới đâu?"

"Xa lắm..."

"Nhưng vẫn gặp được chứ gì?"

Nàng luống cuống lắc đầu.

Hắn ngây người ra một lát, cứng đơ như kẻ lên cơn ghiền, hai mí mắt căng cứng để đây tròng trắng. Hay tay hắn duỗi thẳng, xuôi hai bên thân người. Hắn không thở. Hắn không vui, không buồn. Hồn vía hắn lạc đi vào cõi khác. Mãi nàng mới nghe lại được tiếng thở phập phều của hắn. Và bỗng nhiên hắn dịu dàng hắn lại. Giọng hắn ngọt ngào, "Phải Duyên lấy chồng không?"

Nàng bật khóc.

Hắn không nói gì thêm. Nàng gục đầu lên vai hắn, thổn thức. Nàng nghe rõ hơi thở điều hòa của hắn. Nàng nghe được cả tiếng gió thổi bên ngoài cánh cửa khép hờ. Và mãi đến bây giờ nàng mới nghe được tiếng xe cộ từ đầu ngõ vọng vào xáo xác.

Chợt hắn thong thả đưa tay mở nút chiếc áo sơ mi nàng đang mặc. Nàng mặc hắn với cái công việc tỉ mỉ của một người điều dưỡng ân cần chăm sóc bệnh nhân. Bàn tay hắn xương xẩu, khô rốc như những thanh củi nỏ. Gió luồn trên thịt da nàng mát rượi, làm nàng nổi gai. Nước mắt nàng làm nhòe hết khung cảnh chung quanh, làm những vạt nắng lung linh bảy sắc cầu vồng lấp loáng. Thôi thì cũng sống với nhau một lần cho trọn. Ý nghĩ dập dềnh trôi qua trí nàng. Tội nghiệp anh. Có mỗi một mối tình mà cũng không giữ được. Cũng chẳng biết đổ lỗi cho ai. Cứ cho là vì

số mạng đi. Có sao. Dù sao em cũng đã là của anh...

Hắn mở hết nút áo nàng ra, nhìn đăm đăm vào khoảng thịt da trắng xanh sần sùi gai ốc, thong thả lấy cái bao thư màu hồng ra, nhìn lại khoảng thịt da ấy thêm một lần, rồi thong thả gài lại cho nàng những nút áo mỏng manh như hàng vẩy cá lấp lánh.

"Thiệp này của anh phải không?" Hắn dịu dàng hỏi.

Nàng khẽ gật đầu, làm những giọt nước mắt rụng như mưa xuống vai hắn. Nàng nghe tiếng giấy loạt xoạt. Chắc hắn đang loay hoay mở bao thư của cánh thiệp mời. Đôi chân nàng mềm rũ. Nàng bước vội tới ngồi ghé lên chiếc ghế gỗ nằm chỏng chơ bên cạnh chiếc bàn đánh véc-ni nâu sậm. Nàng ngơ ngác nhìn hắn.

Hắn rút tấm thiệp hồng ra khỏi bao thư, nụ cười héo quay héo quắt trên khuôn mặt xanh như tàu lá.

"Duyên lấy... chồng ở tận Canada mà anh không biết. Dở tệ!" Hắn gật gù lẩm nhẩm đọc. Rồi ngước lên, nhìn nàng. "Canada in thiệp cưới đẹp quá Duyên nhỉ!"

Hàm răng trên nàng cắn lấy môi dưới tê điếng. Nhưng nàng cũng cố gật đầu.

"Bây giờ thì anh tin Duyên thật rồi."

Nàng lại sụt sùi. Dường như hắn cố kéo lên môi một nụ cười, bởi vì nàng thấy rõ những vết nhăn thống khổ hằn lên vừng trán hình chữ nhật và đầu hai khóe môi, cuối hai đuôi mắt lúc hắn đổi qua giọng thơ thới, hân hoan. Cái giọng thênh thang như cánh bướm dập dìu trên đồng cỏ mướt xanh, hạnh phúc.

"Kiếp sau nhớ đăng báo tìm anh nghe!"

Nàng lặng thinh.

"Nhớ nghe!"

Nàng miễn cưỡng gật đầu.

"Đăng nhiều báo mới được. Nhiều khi em đăng báo này anh lại đọc báo kia, kẹt lắm..."

Nàng lặng lẽ đưa tay quệt nước mắt. Hắn vẫn lẩm nhẩm, "Mà không biết mình sẽ làm cách nào mà tìm nhau nếu lỡ như em sinh ra ở Canada còn anh vẫn là Việt Nam, Duyên nhỉ?"

Nàng ngước mặt nhìn hắn, nghi ngại như nhìn một bệnh nhân tâm thần.

"Cũng dám phải đăng báo ở nhiều nước khác nhau..."

"Bộ anh vui lắm hở..." Nàng chợt cướp lời hắn.

"Đâu có, kiếp này thua thì anh cũng phải biết mà thủ cho kiếp sau chứ..."

Velvety
ĐỊNH NGUYÊN
Hôm nay có kẻ tình si
Leo cây cổ tích hứng vì sao rơi
Hẹn nhau cánh cửa luân hồi
Nẻo em bóng nguyệt, nẻo tôi sông Hằng
Bao giờ đêm nở mùa trăng
Đáy sông nguyệt lại về nằm giường thơ
Cho tôi cởi nốt tương tư
Phong trần em liệm, giang hồ tôi khoan
Lửa hương cởi hết nồng nàn
Treo dây yếm thắm lên ngàn ca dao
Quanh lưng một dải lụa đào
Cởi cho chớp hể dạt dào nguồn mưa
Tóc rừng, môi mặt, vai thơ
Nụ hôn tiền kiếp thiên thu còn nồng
Tay thơn cởi áo hạ hồng
Cho tôi trên hộc phải lòng trong dâu
Trải ra một tấm lụa đào
Để cho nguyệt tạnh nhập vào trăng tan
Môi tìm môi vẫn rất ngoan
Vết cào da thịt xước ngàn bài thơ.

Nàng giận.

"Thôi em về đây."

Hắn lững thững bước ra phía những song sắt cửa sổ, mở ra một khoảnh vườn mọc hoang những cành dâm bụt xanh ngắt. "Kiếp sau..."

"Em về..." Nàng nghe giọng mình run run.

Hắn trầm ngâm bên khung cửa sổ chữ nhật. Nắng hắt lên vai áo hắn nhạt nhòa một mầu xám của nền vải bay mầu mốc thếch. Những hạt bụi bay lởn vởn trong vạt nắng nhạt.

Lúc bước ra khỏi ngạch cửa, nàng bỗng nghe được cái giọng ướt sũng nước mắt của hắn. "Chả biết kiếp sau có còn gặp Duyên nữa không... mà không biết lúc đó có còn người ở nước ngoài về lấy vợ nữa không, Duyên nhỉ."

Những giải nắng ôm quyện lấy nàng, chói chang. Nàng quay lại, thì thầm với hắn một lần cuối cùng, "Kiếp sau, nghe!" Gió quyện lấy tóc nàng, cuốn những lời hẹn của nàng đến một kiếp đời nào đó không còn những chia lìa, mất mát...❐

sợi tóc nhớ nhung
TRẦN HOÀI THƯ

Chuyến đò nào đưa em về trong mưa
Tôi mang đôi mắt em theo dòng kinh xám
Tôi nói một mình, tôi chỉ còn em
Chỉ còn em, có nghĩa là lòng tôi nhỏ lệ

Ừ thì đò đưa người xa khuất rừng lau
Rồi tôi sẽ về cùng đầm dạ trạch
Em còn mang cho tôi chiếc khăn sọc rằn
Vướng thêm sợi tóc dài bỏ sót.

Sợi tóc mấy năm em làm tình nhân
Khi em theo tôi một thời lận đận
Khi nhớ nhung theo con nước đầu sông
Khi đêm ngày ấp đầy những trời thương nhớ
Khi yêu tôi, em trở thành thua lỗ
Bắt chước ca dao, hái nụ khổ đau.

Tôi bỏ em lặn lội miền cao
Những ngày chiến tranh không thấy nắng
Chiếc quần vừa phơi, chưa khô đã mặc
Mùa mưa dầm dề trên vải poncho
Trang giấy nào bỏ lại đêm qua
Viết dang dở như mảnh đời bạn hữu
Đường lên đồi cao, gai rừng chằn lối
Thằng lính mở đường khóc như trẻ con
Em có biết không? Tôi giấu yếu mềm
Thèm bị thương được nằm bệnh xá.

Tôi bỏ em về miền duyên hải
Ngày đầu năm lửa cháy Qui nhơn
Bộ đồ vàng trung đội ngụy trang
Gian khổ lắm chiếm từng con phố
Nhớ thằng truyền tin bò qua con lộ
Cõng tôi về băng bó vết thương
Nhớ vô cùng, cô gái không quen
Quên cả sợ, mang giùm ly nước
Tôi đã uống vào cơn đau khát
Cả tình yêu chan chứa Qui nhơn
Tôi đã qua Phù cũ, Bồng sơn
An cữu, An khê, Tân dân, Tuy phước
Nhớ cây đa, chiếc cầu trong văn Võ Phiến
Thương những người bỏ xứ xa hương
Thương vầng trăng trên xóm Gò Găng
Bà mẹ nhớ con mắt mù kết nón
Và những đêm sao trên đồi Bánh ích
Cho tôi cố tìm đôi mắt người yêu
Nhớ những chuyến xe xuôi ngược sáng chiều
Ai trong ấy, cứ măn hoài sợi tóc.

Khi mái tóc chớm vai gầy bé nhỏ
Tôi biết em còn gội với nhớ nhung
Tôi bỏ em đi, theo những dặm trường
những vinh nhục, những lầm than hạnh phúc
Ai mang cho em một chùm bồ kết
Bỏ thêm vào nồi bông bưởi cho thơm.

Tôi bỏ em vào tận rừng tràm
Em đã theo tôi nuôi chồng lận đận
Bà Tú Xương ngày xưa gánh gạo
Em cũng theo bà gánh tiếp lao đao
Cảm ơn em, người con gái miền Nam.

Thư Viết Cho Con Gái Lúc Dọn Nhà

Bùi Bích Hà

Con yêu dấu,

Vậy là đã hai buổi sáng, mẹ không còn thấy mình bò với chiếc xe mình ở chỗ dốc cầu đổ vào xa lộ 5 mù mù hơi đá núi. Đã hai buổi chiều, mẹ đi quãng đường mới đưa về nơi ở mới mà thần trí cứ còn váng vất những lối đi cũ, hồ nước êm đềm bên tay phải, hàng cây phong bắt đầu thay màu lá, gọi mùa thu hắt hiu trong những mảnh khô vàng rơi rụng trên đường. Đã hai buổi chiều, con dốc ngoằn ngoèo thoải lên đồi không còn vết lăn bánh xe của mẹ. Cả những cánh cửa đóng chặt hai bên hàng phố cũng không hề cảm nhận nỗi biệt ly và lời từ tạ trong đáy lòng mẹ. Và cả con...

Cuộc đời mẹ trải qua nhiều giấc mơ. Những giấc mơ không dự phóng về tương lai mà là hồi ức buồn rầu của quay nhìn lại, cuả tỉnh thức ngẩn ngơ, của xót xa lạ lẫm về chính thân phận mình. Bắt đầu từ một ngày thơ ấu trong tấm váy nhung dạo chơi trên bờ sông Hương, chỗ có ngôi nhà hai tầng lộng lẫy của ông Ngoại. Cô bé bụ bẫm, đôi má bầu, cặp mắt tròn xoe trong tấm ảnh vàng đục mẹ vẫn giữ kín trong ngăn ví là giấc mơ thứ nhất.

Đám cưới mẹ bên giường bệnh ông Ngoại và chuyến bay đưa mẹ vào cuộc đời riêng với hình ảnh bà ngoại giấu mình trong dãy nhà kho tối tăm, tay xoắn vạt áo khóc thầm, phi trường Phú Bài đỏ ối nắng hè và những vòng rào thép gai rối ren, chằng chịt, là giấc mơ thứ hai.

Người đàn bà nhợt nhạt, mặc chiếc quần vải đen bạc thếch, tất tưởi chạy ven dòng sông Ô Môn đi tìm xác con, vuông sân chùa lát gạch dô ra mỏm nước nồng nặc mùi tử thi thối rữa, những nhát cuốc băm lạch cạch ở cái rẻo tha ma xám ngoét màu trăng thượng tuần, là giấc mơ thứ ba.

Nửa đêm ở một căn phòng bệnh viện vắng vẻ, nơi một tỉnh lỵ heo

hút, đôi mắt đã nhiều năm đứng yên một chỗ của bà ngoại bỗng đảo ra xung quanh, và những đường tâm động răng cưa màu lục non trên cái màn ảnh nhỏ cứ thấp dần, vẽ thành một đường thẳng tắp song song với mặt đất, là giấc mơ thứ tư.

Chiếc bàn thờ phủ sa tanh đỏ, rực rỡ đèn nến và quả phẩm, lẫn với khuôn mặt con xinh tươi bên chồng, cái xe ô tô màu trắng dài thậm thượt, kết những quả cầu giấy phất phơ rung động, là giấc mơ thứ năm. Giấc mơ ấy, cho đến bây giờ, lâu lắm, khi mẹ thực sự không còn bước chân về ngôi nhà dưới chân đồi Laguna, mẹ mới ý thức được nó.

Trong trí tưởng mẹ, tưởng như không có gì thay đổi giữa người đàn trẻ tương đối thành công trong xã hội nước Mỹ là con bây giờ và cô bé là con ngày xưa trong vòng tay nâng niu của mẹ. Khi mẹ gặp lại con cách đây tám năm, con vẫn là con chim non ríu rít về tổ, con vẫn là con vành khuyên chiêm chiếp tiếng hót hạnh phúc của tuổi thơ dưới đôi cánh mẹ. Bây giờ thì mẹ hiểu rằng con đã chỉ sống nốt cái ký ức dở dang kể từ buổi tối mẹ chở con đến ngôi nhà trên đường Hàng Xanh để sáng sớm hôm sau, con lên đường một mình trong cuộc hành trình gian khổ sau này. Mẹ phải thực sự nằm mơ mới nghĩ là con không có gì khác xưa sau tất cả những cảnh đời mà con đã trải qua bằng chính sức lực của con. Nếu cuộc đời mẹ, cuộc đời con ví như thép được tôi thì ngọn lửa nung con nóng ngàn lần hơn ngọn lửa nung mẹ. Mùa đông ở San Francisco khắc nghiệt ngàn lần hơn mùa đông xứ Huế. Con đã trưởng thành, mạnh mẽ hơn mẹ ngàn lần. Nơi con, không còn một chỗ nào cần đến mẹ. Đến một lúc, thời gian của bà mẹ chỉ còn là biệt ly.

Mẹ nhớ ngày xưa, bà ngoại nhiều lần tiễn chân mẹ đi học xa. Khi bà ngoại quay về, mẹ đứng ở cửa nhà trọ trông theo, thấy bà cắm cúi đi, tay nâng vạt áo lau mắt. Về sau, bà kể lại là nước mắt bà rỏ suốt quãng đường dài hơn mười cây số chia cách bà và mẹ. Bà kể đêm nào bà cũng ngồi ở đầu hè, ngắm trăng suông hay nhìn đom đóm bay, nhớ con. Thỉnh thoảng mẹ về thăm nhà, bà giấu sẵn trong vại gạo cho mẹ vài quả mãng cầu, nải chuối cau. Bà cứ giấu như thế để được hy vọng mẹ sẽ về tung tăng trong xó bếp với bà, một buổi, một ngày, hai ngày...tuy rằng nhiều khi quả thối trong vại gạo mà mẹ vẫn chưa về.

Mẹ không biết đời sống làm nên văn chương hay văn chương làm nên đời sống, nhưng quả thật, mẹ ý thức sâu xa rằng tiếng đập của trái tim những đứa con là động cơ làm đập trái tim bà mẹ. Nếu mẹ không có cơ hội chứng nghiệm tâm tình ấy, suốt đời mẹ sẽ mãi mãi không hiểu những điều bà ngoại không bao giờ nói ra. Mẹ chưa từng biết một người đàn bà nào mà thân phận cơ cực đến như bà ngoại. Bà chỉ có một chiếc phao giúp

cho bà nổi trôi qua mọi vùi dập cay nghiệt của số mệnh, đó là tình yêu gửi vào bác con và mẹ. Suốt những năm tháng dài làm vợ lẽ ông ngoại, mẹ có cảm tưởng bà không có một phút giây nào rời đôi mắt khỏi những bước chân lầm than của bà trên con đường bổn phận. Khi bắt đầu lớn khôn, mẹ có lần hỏi bà "sao mẹ không bỏ đi?". Bà ngoại vò tóc mẹ, cười: "Đem con về quê thì con phải mò cua bắt ốc, cực lắm. Đem cả anh con đi thì thầy sẽ bỏ tù mẹ, không được gần các con nữa". Hóa ra cả đời bà, bà chỉ cần nhìn thấy bác và mẹ, là đủ.

Sau đám cưới con, ngôi nhà rộng trên đồi Laguna có một phòng đóng cửa. Trong tâm hồn mẹ, một khung ánh sáng vừa rời đi. Mẹ đã không làm được như bà ngoại, giấu mình trong những dãy nhà kho, khóc thầm. Mẹ đã năn nỉ, đã nài ép con ở lại cùng. Mẹ đã làm con phải bối rối lảng tránh đôi mắt mẹ. Mẹ đã biến con thành một người nhẫn tâm. Gần cả năm trời, dường như mẹ đã sống rất gượng nhẹ vì có một chỗ nào đó nơi mẹ âm ỉ đau. Mẹ như một người ốm nằm liệt giường mà việc dời nhà về đây đã giúp mẹ bỏ được hai chân xuống đất. Mẹ bắt đầu ăn trả bữa, sống lại.

Giấc mơ nào cũng lấy đi của mẹ quá nhiều sinh lực. Bây giờ thì mẹ hiểu rằng trong trái tim của mọi bà mẹ, thiên nhiên, cảnh vật, đời sống chỉ sinh động vì chúng phản chiếu hình ảnh những đứa con. Ký ức của mẹ về căn nhà nhỏ đầu tiên ở Santa Ana với khu đậu xe tồi tàn, hàng đêm, tiếng gót giày con về muộn gõ vội vàng trên lối đi hẹp dọc theo đầu hồi hay những buổi tối mùa đông ấm áp trên đồi Laguna, đều tha thiết như nhau. Nếu mẹ có luyến tiếc một điều gì thì đấy chỉ là những kỷ niệm chúng ta cùng trải qua bên nhau.

Mẹ đã có những kinh nghiệm thứ nhất với sự khôn lớn của con. Nay mẹ phải chuẩn bị mình để có những kinh nghiệm tiếp theo với các em con. Mẹ phải học bài học tự xóa mình của bà ngoại để không làm vướng bận các con trong cái thế giới khôn lớn riêng tư của mỗi đứa. Mẹ sẽ không lấy đi bất cứ một chút gì trong số vốn liếng quí giá các con mang theo vào đời, đầu tư cho tương lai. Càng mạnh, các con càng có nhiều cơ may thành công. ít nhất đấy cũng là ý nghĩ và niềm ao ước của mẹ.

Vào lúc mẹ viết những dòng này, con đang cùng chồng đi nghỉ phép thường niên ở nửa kia của địa cầu so với nơi mẹ đang ngồi nhớ con. Chân trời ngày càng mở rộng với khả năng và tuổi đời con có. Mẹ cảm nhận được tất cả cái mênh mông bao la mà con đang đi tới. Lòng mẹ cũng mở ra, hòa nhập vào cái không cùng ấy để mừng vui chào đón con. Điều này mới thực sự quan trọng chứ không phải những hoài niệm của một người già như mẹ.

Bàn viết của mẹ trông xuống một công viên nhỏ. Nắng hừng hừng trên đầu ngọn cây cổ thụ thả bóng râm lên mặt cỏ rộng. Vầng sáng xao động bên trên và vùng im tối tịch mịch bên dưới, trong khu vườn, làm gợn lên trong lòng mẹ chút bâng khuâng êm ả, như thể mẹ nhìn thấy hoặc ngay cả sờ mó được, đường tiếp cận vừa nối liền vừa phân chia cảnh đời của hai mẹ con mình.

Ngày hôm kia, lúc mẹ bước ra ngoài và khóa cửa lần cuối cùng, căn nhà hoàn toàn trống không. Tất cả người và vật đều đã nhẹ nhàng biến mất, như thể chúng ta và các vật dụng hàng ngày thân thiết của chúng ta chưa từng bao giờ chia chùng nhau một khoảng đời ở chốn này. Mẹ dọn nhà, nhiều thứ gẫy vỡ, nhiều thứ phải bỏ đi nhưng không một thứ gì không dọn vào tâm hồn ngăn nắp kỷ niệm của mẹ. Không chỉ một ngôi nhà mẹ vừa rời đi mà tất cả những ngôi nhà chúng ta cùng đi qua và cùng bỏ lại. Mẹ thường tha thẩn dạo chơi một mình ở những nơi đó, vẫn nguyên vẹn hơi ấm thân thể măng sữa của con trên ngực mẹ, vẫn nguyên vẹn những niềm mong ước tốt đẹp gửi vào tương lai cho con.

Thành ra, đối với mẹ, dọn nhà chỉ là thêm một lần đổi tạm địa chỉ và số điện thoại.❐

Đã phát hành khắp nơi
tập truyện đặc sắc của
TRẦN DOÃN NHO

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI

Gồm những truyện ngắn hấp dẫn sinh động về xã hội Việt Nam hai mươi năm dưới chế độ cộng sản, qua cái nhìn nhân ái của một nhà văn trung thực, sâu sắc.

Sách dày 252 trang, bìa Dinh Cường, Giá 12 MK

Thanh Văn xuất bản

chúc mừng
HỒNG KHẮC KIM MAI

Con chim sơn ca
Cắn sợi chỉ hồng
Buộc mối se duyên
Âm thầm kéo hai linh hồn xa lạ đến gần
Yêu thương nhau trăm năm

Cô gái đã qua xanh non
Cô lớn trong tiếng hót ngọt nồng
Hôm nay
Cô lìa mẹ xa cha đi lấy chồng

Cho con cái gối thêu mây
Chúc cô đêm nằm đẹp mộng
Gió với trăng
Ứ đầy

Cho con chiếu nệm thủy chung
Chúc cô
Keo sơn gắn bó
Không lung tấm lòng
Cho con tấm chăn đơm bông
Chúc cô khuya sớm yêu chồng
Mềm thật mềm bên trong
Êm thật ấm bên ngoài
Được không?
Cho con túi gấm kẹo khôn
Những khi hờn giận

Chúc cô
Nhớ
Ngậm viên vuông tròn.

Rượu ngọt một ly
Uống cho đời say men đêm tân hôn
Chúc con tình thắm tợ son
Yêu mãi vợ
Yêu như yêu lúc hai đứa còn tình nhân
Cưng vợ hoài
Cưng như cưng trứng mỏng trong lò
Được không?

Chúc hai người
Đời đôi lứa
Đẹp mãi như bản tình ca trong xuân
Nghĩa tào khang
Vui như ngọn lửa hồng
Này này chúc mừng
Con một đàn
Tay bế tay bồng
Hạnh phúc một rừng
Vợ vợ chồng chồng
Đầu bạc răng long.

Nhà Có Hoa Tím

Hoàng Nga

Văn giới thiệu:

—Đây là Thức, bạn học cũ của cháu. Cô Hợp, em út của ông già, người có can đảm ngồi máy bay hơn hai mươi tiếng đồng hồ để sang dự đám cưới tao.

Thức gật đầu chào Hợp. Nàng mỉm cười:

—Văn gắn cho cô cái "anh dũng bội tinh" to lớn quá. Định "tổ quốc ghi công" hả...

Và nàng nheo mắt:

—Nhưng coi chừng bị hố to à nhen!

Thức chen vào :

—Sao vậy cô?

Hợp nhìn cả hai người con trai, cười :

—Bởi ... nàng ngập ngừng vì không biết xưng hô với Thức ra sao - còn nhiều "ý đồ" khác khi sang đây nữa.

Văn làm bộ tròn mắt :

—Cô mà cũng có "ý đồ" nữa sao?

—Sao không !

Văn kêu lên :

—Ái chà, ghê quá. Kiểu này thì chắc là Văn hố to thật rồi.

Hợp vờ nghiêm giọng:

—Nói cho đúng ra, cô sang đây cũng là "nhân dịp" thật. Nhưng bảo để chịu đựng hai mươi mấy giờ bay mà chỉ vì đám cưới của Văn, thì e hơi có vẻ...khuếch đại!

Thức kêu lên "chết mày rồi nha Văn!" làm Hợp lại bật cười. Nàng

hắng giọng:

—Thôi để cô thêm vào một chút "bởi tại thì là mà" nữa cho nó dễ nghe một chút. Là, cô Hợp đang có một chút buồn, cộng thêm một chút chán đời, nên tiện thể đám cưới của Văn, cô Hợp bèn đi thêm nửa vòng trái đất, để vừa thay đổi không khí, vừa trút bỏ được một mớ tâm sự đời...tui với ba má Văn, và vừa làm tròn bổn phận của một người cô đối với cháu nữa!

Văn nhăn mặt la "giời ơi, cô ơi!", rồi quay sang phía Thức:

—Mày xem bà cô của tao 'trung tín chí công vô tư' chưa? Người khác mà có ý đồ gì xấu là cũng làm bộ bảo cô đã anh dũng bay sang đây chỉ vì muốn có mặt trong đám cưới của cháu, chứ ai lại "thành thật khai báo" kiểu này!

Hợp vỗ vai cháu:

—Thời đại mới mà Văn. Không "khai báo" trước, mai mốt Văn biết ra thì quê hơn sao?

Văn lắc đầu, vờ làm mặt ỉu xìu:

—Văn chán cô quá!

Hai cô cháu Hợp phụ với Thức làm cái "phông" trang trí cho đám cưới Văn. Nhưng thực ra nàng và Văn chỉ làm "thợ vịn" đưa băng keo, cọ viết hay những thứ lặt vặt khác cho anh chàng kiến trúc sư kiêm luôn thợ vẽ của nhiều tờ báo Việt ngữ tại hải ngoại này. Hợp để ý thấy Thức chọn toàn những màu sắc sặc sỡ cho tấm "phông", nhưng khi ghép chung với nhau thì bố cục lại hài hòa một cách không ngờ. Cả hai chữ song hỷ tầm thường, hình ảnh đèn nến, rượu mừng..., những thứ thường xuyên được in hay vẽ trên các thiệp cưới, cũng vẫn có một cái gì đó khác lạ, thanh thoát ở nơi đây. Ba người làm việc cho đến quá trưa mới xong. Văn đề nghị đi ăn cơm Tàu nhưng Hợp lại bảo nàng muốn thử một miếng *schnitzel* chính hiệu của Đức. Thức cười :

—Nếu cô muốn thử thức ăn của con cháu Hitler thì hôm nào đó Thức sẽ đưa cô xuống phố cho cô chọn đủ mọi loại.

Thức "automatic" gọi Hợp là cô. Nàng chưa kịp trả lời thì Văn đã búng tay mừng rỡ:

—Excellent! Tao đang lo ngay ngáy kỳ này cô Hợp sang đây không có ai đưa đi chơi đây!

Văn thở dài:

—Đám cưới xong là cháu phải đưa "bả" đi *honey moon*, đến lúc quay trở lại thì cô đã về mất rồi.

Thức cười cười diễu bạn :

—Thật là "phải" không đấy mày?

Văn cười theo:

—Thì cũng có chút chút. Nói thật là tao lười quá. Vả lại ở với nhau từ bao lâu nay rồi mà còn bày đặt cái trò *honeymoon*, trăng mật ... giập mật này nọ cho nó mất thì giờ. Biết rõ nhau quá còn gì!

Hợp so vai :

—Ngó vậy chứ cũng cần một chút riêng tư với nhau chứ Văn. Nhưng nếu Văn không thích cái từ ngữ "honey moon" thì gọi là...*holiday* vậy.

Văn nhăn mặt:

—Đã cưới xin, thủ tục rườm rà đủ kiểu, rồi phải thêm cái mục đi chơi xa này, coi bộ ...hao đô quá nên Văn không khoái chút nào cả!

Hợp và Thức cùng phì cười. Hợp cảm thấy vui ra với sự trẻ trung, yêu đời của cháu.

Đám cưới Văn được tổ chức trong một phòng tiếp tân lớn, mượn của nhà thờ. Hợp ngồi chung bàn với Thức. Sau khi cô dâu và chú rể nói đôi lời cảm tạ và mời quan khách khiêu vũ, Thức mời nàng ra sàn nhảy. Hợp bắt chuyện :

—Nghe vợ của Văn khen bạn gái Thức rất dễ thương và nhảy giỏi lắm.

Thức gật đầu:

—Thức quen với cô ấy trong lần sinh viên Việt Nam ở đây tổ chức khiêu vũ. Cô ấy là "queen" trong đêm dạ hội.

Hợp kêu lên:

—Nếu vậy thì chắc Thức phải có "nghề" lắm mới xỏ mũi được cô ấy phải không?

Thức cười hiền, đẩy cho nàng quay một vòng tròn rồi giữ lại trong vòng tay chắc chắn của mình trước khi đưa nàng lướt tới bằng những bước rất nhuần nhuyễn, điêu luyện, giữa tiếng nhạc thanh thoát nhưng dồn dập của bài luân vũ. Hợp có cảm tưởng như mình đang trôi bềnh bồng trên một mặt hồ gợn sóng, khi chợt nghe một làn hơi nồng ấm từ lòng bàn tay của người con trai đang đặt dịu dàng trên lưng nàng mềm mại tỏa ra. Một cái cảm giác chừng như đã lâu ngày không gặp bỗng đột ngột bừng lên trong lòng nàng. Nàng thấy nôn nao khó chịu. Hai môi Hợp cắn lại với nhau, nàng khốn khó ngước mặt lên cao để cằm mình không rơi chạm vào bờ vai rộng của người con trai.

Hợp thở dài.

Nàng không dám bắt chuyện với Thức nữa, chỉ mong cho bài luân vũ sớm chấm dứt. Cái cảm giác bất an làm Hợp thấy lạnh. Nàng khe khẽ rùng mình mấy cái. Lòng nàng rờn rợn như đang tham gia một ván phé,

một canh bạc lớn, mà trong tay là một con tẩy "lủng", ngay từ đầu đã muốn bỏ nhưng lại không có đủ can đảm... Hợp hơi nghiêng mặt đi chút nữa, nàng nghe rõ mồn một bên tai mình hơi thở nồng ấm của Thức đang tỏa từ cổ xuống bờ vai để trần của nàng. Cả mùi nước hoa đàn ông dịu dàng, thoang thoảng chung quanh cũng như đang góp phần làm cho nàng càng mất bình tĩnh thêm. Nàng khổ sở lục lọi một bóng hình nào đó đã đi qua đời mình để gán ghép cái cảm xúc quen thân này vào. Nhưng loay hoay mãi vẫn không sao thấy được sự hiện diện của cái hình bóng ấy, nàng lại rùng mình run sợ. Trong nhiều "tắc" nhạc, nàng cứ để mặc cho Thức kéo đi mà không sao có thể làm chủ được bước chân mình. Khi hai người đã về chỗ ngồi, Hợp cố ý chen trong giọng nói mình một chút trịch thượng, kẻ cả lúc khen Thức :

—Thức nhảy giỏi quá!

Thức mỉm cười, với tay lấy bao thuốc, châm một điếu. Ánh lửa bừng lên, rồi tắt ngấm, soi rõ thêm cái vẻ thật bình tĩnh, thản nhiên trên mặt Thức. Thức thổi ra một hơi thuốc trước khi nói:

—Thức học nhảy để có vũ khí đi tán các cô đấy cô Hợp ạ.

Hợp cười theo với một chút ngập ngừng. Nàng cũng vừa nhận ra có cái gì đó thật khôi hài trong cái thái độ đóng kịch của mình. Nàng tự diễu, đã có gì để phải bối rối như vậy hở tôi. Và nàng đưa mắt đảo nhìn một vòng như để tự trấn an mình trước khi dừng lại ở một cô gái đang ngồi ngay sau lưng Thức. Nàng nói với Thức:

—Thức có quen với cô bé mặc áo dài nhung màu huyết dụ ấy không? Mặc áo dài nhảy tango đẹp tuyệt!

Thức cười không nói gì. Cũng không quay lại phía sau xem cô gái ấy là ai. Lát sau Thức hỏi nàng một câu hoàn toàn chẳng dính dáng gì đến lời nàng mới nói lúc nãy:

—Bên kia đông người Việt chắc vui lắm phải không cô?

Hợp so vai. Nàng đáp hờ hững:

—Tùy. Thức nhìn nàng:

—Tùy là sao?

Hợp nhăn một nửa bên mặt, trả lời giọng nhát gừng:

—Thì tùy khi người ta vui hay người ta buồn... Tùy người có thích ở gần đông hương hay chỉ muốn sống đơn độc một mình.

Thức "à" nhỏ trong miệng. Sau đó, suốt buổi tiệc, thỉnh thoảng Thức quay sang hỏi nàng như một điệp khúc, "vui, phải không cô?", rồi lơ đãng nhìn chung quanh. Hợp để ý thấy Thức chỉ nhảy thêm với nàng và cô dâu, mỗi người một bản nhạc nữa rồi thôi. Thức uống rượu và hút thuốc thật nhiều. Người quen nào đi ngang mời, Thức cũng thong thả cạn ly. Uống

cạn, rồi lại đốt thêm thuốc. Và mỗi lúc một ít nói thêm.

Khi ra về, Hợp cứ sợ Thức sẽ say, nhưng Văn bảo :

—Lý Bạch còn say trăng chứ nó thì cô khỏi lo. Nó chả biết say cái gì cả.

Rồi như sực nhớ ra, Văn bảo :

—Hôm nào cô muốn đi chơi hay đi xem danh lam thắng cảnh gì đó thì bảo mẹ phone cho nó đến đưa cô đi nhé. Nó biết nhiều chỗ lắm đấy.

Hợp gật đầu. Nhưng nàng cũng không biết là sẽ đi đâu.

Đám cưới xong, Văn chỉ ở nhà thêm một ngày rồi đưa vợ đi Hawaii. Tuần lễ thứ nhì ở Đức, Hợp chỉ lẩn quẩn phụ với bà chị dâu dọn dẹp những "tàn dư" của ông cháu để lại, và đi theo bà trả mớ đồ đạc đã mượn cho đám cưới. Bà chị dâu của Hợp rên rỉ :

—Ngày xưa mình lấy chồng xong là quảy cái gánh giang sơn của nhà chồng lên vai ngay, còn bây giờ ông con mình cưới vợ, đã không phải lo lắng cái thứ gì, lại còn vác vợ đi hưởng tuần trăng mật, trăng sao, để mình phải lui cui khổ sở thế này đây.

Hợp cười :

—Con bé ấy sang đây từ lúc mới năm, sáu tuổi mà vẫn nói sõi tiếng Việt, vẫn biết thưa biết trình là kể như mình còn có phước đấy chị Phong ạ.

Bà Phong lắc đầu ngao ngán, nhưng xem chiều trong bụng cũng có vẻ rất khoái chí và hãnh diện về cô con dâu kỹ sư làm việc trong hãng máy bay lớn nhất của Đức. Bà cẩn thận xếp những bộ chén tách đắt tiền cho vào thùng giấy cứng, những thứ mà Văn sẽ được "chia của" khi dọn về nhà mới. Bà chép miệng:

—Lo cho nó được yên bề, tôi cũng mừng, nhưng vẫn thấy buồn buồn thế nào ấy cô ạ.

Hợp an ủi:

—Thì bà mẹ nào mà không vậy hở chị? Con cái ở với mình bao nhiêu năm, mình lo lắng cho nó từng ly từng tí đã quen, nay bỗng dưng đùng một cái, nó "biến mất", bỗng dưng nó như không còn thuộc về mình nữa, hỏi làm sao mình tránh khỏi được cái cảm giác mất mát, hụt hẫng? Không được "hầu hạ" nó là một mất mát rồi... Nhưng nó đã đủ lông đủ cánh, nó muốn có người khác "hầu hạ" thay mình thì chả làm gì khác được đâu chị.

Bà Phong thở dài:

—Biết vậy mà vẫn xốn xang trong bụng sao đâu ấy!

Rồi bất chợt bà nắm lấy tay Hợp:

—Hay là cô sang đây ở với anh chị vậy. Mai mốt thế nào vợ chồng thằng Văn cũng bỏ cái tỉnh nhỏ này cho cô xem. Cô ở bên kia một mình làm gì, trong khi anh chị bên này cũng đơn chiếc...Sống gần gũi nhau cho có anh có em đâu sao cũng hơn...

Hợp ngồi yên, nàng không ngờ bà Phong lại đặt vấn đề ấy với nàng. Lát sau nàng đùa:

—"Ở xa mỏi chân, ở gần mỏi miệng" chị ạ.

Bà Phong lườm cô em dâu bằng một cái lườm thân thiện. Bà "hừ" lên tiếng nhỏ:

—Cô chỉ bảo thế. Cô sang đây, nhà cô, cô ở, nhà anh chị, anh chị ở, đụng chạm gì nhau mà sợ? Cô có nghề có nghiệp, có chữ có nghĩa, chẳng lẽ sợ thất nghiệp sao?

Hợp không nói gì. Nàng nhớ ông Phong nhiều lần cũng đã viết thư và điện thoại sang bảo nàng dọn qua bên này. Nhưng hầu như chưa bao giờ nàng đá động đến chuyện trả lời đi hay ở. Bởi ngay cả trong những lúc buồn bã nhất, sầu khổ nhất, mà chỉ cần nghĩ đến chuyện đi đâu không về nhà vài hôm là nàng đã thấy ngại ngùng, chùn chân. Hợp ít thích sự thay đổi. Những khung cảnh gần gũi chung quanh nàng mỗi ngày thường rất chóng trở nên quen thuộc thân thương với nàng. Có nhiều buổi sáng thức giấc, nằm nghe tiếng chim hót vườn sau, hay những trưa thả bộ dưới con đường đầy bóng cây xanh mát trong cái nắng rưng rưng, nàng đã nhận ra là nàng cũng yêu cái không gian chung quanh, cảnh vật chung quanh không khác gì đã yêu giàn bầu, giàn bí, yêu ánh trăng, yêu con sông, bãi cát nơi quê nhà. Tâm tư nàng luôn dịu xuống một cách thanh bình khi ngắm nhìn những cảnh vật thiên nhiên, những sắp xếp yêu kiều của tạo hóa. Tất cả những thành kiến đối với mảnh đất ngoài quê hương này, chừng như đã bị nàng gạt bỏ sang một bên để nhường chỗ cho những cái bén rễ, những chồi mới mướt xanh chỗi lên mạnh mẽ. Lần nào đi xa hơn vài trăm cây số, Hợp cũng nôn nao muốn quay trở lại cái thành phố bé nhỏ ấy...Một nơi chốn, không hề định trước, không hề được đặt để ở một vị trí cao cả nào trong lòng, bỗng như cách nói cường điệu, hoa mỹ, là đã biến thành một thứ quê hương thứ hai cho người lữ thứ lúc nào không hay. Hợp nhớ hôm mới xuống phi trường ở đây, vừa nhìn thấy tấm bảng quảng cáo triển lãm văn hóa nghệ thuật của những người thổ dân nơi nàng định cư, mà nàng đã reo lên một cách mừng rỡ, hoan hỉ, tựa như vừa gặp lại một người bạn thân đã lâu ngày xa cách.

Nàng đùa với bà Phong là nàng sẽ xuống phố với Thức nay mai, và sẽ nhờ Thức kiếm cho nàng một ông để cột chân nàng lại nơi này.

Hợp bảo Thức đón nàng ở một trạm *S-Bahn* gần nhà. Hôm nay nàng sẽ đi lăng quăng một ngày với Thức trước khi về lại bên kia như lời Thức đề nghị. Thức đã định đến đón nàng ở nhà ông bà Phong nhưng nàng bảo muốn thử đi một mình bằng loại xe lửa tốc hành, phương tiện giao thông dụng nhất ở Đức cho biết. Hợp nói :

—Để nhỡ có lạc Thức thì còn biết đường mà về chứ. Thức đã bật cười trong điện thoại. Và khi thấy nàng từ dưới hầm tàu đi lên, người con trai thích chí đưa ngón tay cái lên làm dấu hiệu khen nàng:

—*Super!* Kiểu này thì chỉ có ông nào bắt cóc cô thì cô mới lạc được.

Hợp cười đáp, tiến tới bắt tay Thức. Bàn tay Thức buốt lạnh, có lẽ vì đứng ngoài trời đã lâu. Khi Thức kéo tay về, tự dưng Hợp nhớ đến câu thơ của ai đó. *Đôi bàn tay im lìm trong giá lạnh.* Và nàng lại mỉm cười. Hai người đi lên thêm một tầng hầm nữa để ra đường phố. Thức dừng lại vất điếu thuốc vào thùng rác công cộng, rồi vui vẻ hỏi nàng :

—Bây giờ cô muốn đi đâu trước?

Hợp rùn vai:

—Chịu thôi. Thức dẫn đi đâu thì theo đó!

Thức chỉ tay ra đàng trước mặt:

—Du khách nào đến thành phố này cũng muốn chụp một cái hình hoặc quay một khúc phim quanh quanh đây, dưới cái đồng hồ kia.

Hợp đưa mắt nhìn đám du khách đang đứng lố nhố ở hai bên đường và dưới những mái hiên tiệm quần áo, nữ trang..., ngực đeo lổn ngổn đủ loại máy quay phim và máy chụp hình. Thức lại chỉ lên tháp chuông đồng hồ, giải thích cho nàng:

—Cô nhìn thấy những tượng người cưỡi ngựa, săn bắn... mặc y phục cổ truyền của dân vùng này ở đấy không? Chúng được gắn trên một trục quay, mà cứ mỗi sáng, đúng mười một giờ, sau khi đồng hồ đổ những hồi chuông dài, sẽ tự quay chung quanh tháp một vòng. Sau đó là đến phiên chú gà trống bằng sắt trên cao kia đập cánh rồi gáy lên vài tiếng... Thức thích những hồi chuông rộn rã ấy lắm.

Hợp định hỏi tại sao chuông đồng hồ lại đổ lúc mười một giờ mà không là đúng ngọ, nhưng rồi lại thôi. Thức hóm hỉnh nhìn nàng, cười cười hỏi :

—Cô có muốn trở thành *Japanese* không? Hợp ngạc nhiên:

—*Japanese*?

Thức phì cười :

—Mấy ông công dân xứ Phù Tang đi du lịch thường mang theo lỉnh

kỉnh đủ loại máy quay phim, máy chụp hình. Ra đến đường, xuống đến phố, thấy cảnh gì cũng chụp, gặp "*scene*" gì cũng quay. Dân Đức chứng kiến cảnh tượng ấy mãi, đâm buồn cười nên diễu họ đủ mọi kiểu. Về sau cứ hễ thấy dân đầu đen mà đeo máy chụp hình nghênh ngang đi ngoài đường thì gọi là *Japanese*.

Hợp bật cười theo, nhận ra bên kia đường quả là có nhiều rất du khách Nhật đang quay phim, chụp hình thật. Hai người đứng yên ngắm nhìn một lát rồi vòng qua bên phía kia đường vào một khu chợ lộ thiên bán hoa quả, thịt cá, và rượu bia. Thức bảo :

—Lúc mới sang, lần nào xuống đến khu phố này, Thức cũng nhớ nhà muốn khóc.

Thức đưa nàng đi xem những sạp bán trái cây Á châu y hệt như ở chợ Sài Gòn, và những cửa hàng thịt bán đủ loại móng heo, thủ lợn, bao tử..., những thứ rất hiếm khi thấy bày trong các siêu thị của sắc dân nổi tiếng sạch sẽ và kỷ luật nhất nhì thế giới này. Có cả những tiệm bán thịt rừng, chim cút và đồ biển. Hợp để mắt thật lâu trên những quán bia lộ thiên, *bier garten*, nơi có rất nhiều người, đàn ông lẫn đàn bà, đang đứng quanh những thùng bia bằng gỗ khổng lồ, hoặc ngồi đối diện nhau trên những dãy bàn dài, nhâm nhi đủ loại bia bằng những cái cốc rất lớn. Hợp chùn vai:

—Bên kia, rượu bia chỉ được bán trong những shop riêng. Cả tiệm ăn cũng phải được cấp giấy phép mới được bán rượu.

Thức mỉm cười:

—Như vậy làm sao Thức dám sang đó.

Hợp nghĩ trong bụng tại sao lại phải sang đó, và nhìn Thức, nhưng khi chạm mắt người con trai, nàng lại quay đi hướng khác. Hai người thả bộ xuống con phố chính. Hợp bảo lần trước nàng sang, ông bà Phong và Văn chỉ đưa nàng đi thăm đền đài và ngũ hồ của tiểu bang này. Thức đáp, không nhìn nàng:

—Đàn bà, thích phố xá, quán hàng nhiều hơn là cảnh thiên nhiên, cho dẫu là những người có đời sống rất sâu sắc, tâm tư rất tịch mịch.

Nghe Thức nói, nàng phải liếc mắt sang người con trai nhỏ hơn mình nhiều tuổi, nhưng lại già dặn như bằng, hoặc hơn cả nàng. Bất giác nàng lại nhớ đến cái dáng buồn bã và trầm ngâm của Thức trong bữa tiệc cưới Văn. Nàng không biết bình thường người con trai này vẫn có những ưu tư kín dấu như vậy, hay chỉ vì người yêu đang đi xa. Và nàng cũng nhận ra một điều rõ ràng là Thức đã thành công hơn Văn, trong xã hội phương tây, lẫn trong cộng đồng người Việt hải ngoại, nhưng trông cháu nàng lại có vẻ vui tươi hơn, nhẹ nhàng hơn. Bàn tay dang ra chào đón cuộc sống

trước mặt, và cái tâm tư phơi phới của Văn như thể hiện thật rõ rệt trên từng nụ cười, ánh mắt. Hợp có cảm tưởng Văn giống như một đứa trẻ lúc nào cũng hớn hở ăn những miếng bánh của mẹ làm với lòng biết ơn đơn giản mà không cần phải suy nghĩ, bứt rứt là mẹ đã bỏ ra bao nhiêu thì giờ và bao nhiêu công sức cho cái miếng bánh ấy. Văn giản dị, hồn nhiên. Và Văn hạnh phúc, sung sướng...

Thức hỏi nàng muốn mua quà gì để mang về bên kia, rồi đưa nàng vào những trung tâm thương mại rất lớn. Hai người đi lòng vòng qua nhiều chỗ. Đến gần trưa, không cần hỏi ý kiến Hợp, Thức bảo sẽ đi ăn với nàng ở một quán ăn của Đức khá nổi tiếng. Thức nói:

—Hôm nay thì cô tha hồ chọn *schnitzel*.

Hợp cười. Nàng không ngờ Thức nhớ nàng đã muốn ăn một miếng *schnitzel*. Lúc người bồi mang thực đơn đến cho hai người, nàng không mở ra xem mà chống hai tay lên cằm nhìn Thức:

—*Schnitzel* chính cống của Đức với khoai tây chiên, chanh tươi và xà lách.

—Sốt sữa?

—Không, dầu dấm bình thường, thêm muối tiêu.

Thức mỉm cười. Và sau đó cũng gọi cho mình một đĩa giống hệt nàng. Thêm một ly rượu trắng, và cho nàng một ly nước suối. Hợp hỏi đùa:

—Tại sao không rượu mà là nước suối?

Thức chớp mắt nhìn nàng:

—Chỉ thấy cô uống nước suối suốt bữa tiệc cưới. Ly *champagne* của cô hôm nọ còn nguyên. Cô đã đưa lên môi cho có chuyện rồi đặt xuống ngay.

Hợp cắn môi cười. Hai người im một lát. Sau đó Thức nói qua chuyện khác:

—Thức thích kiểu đi *shop* của cô.

—Vì sao?

—Chọn hàng nhanh, trả tiền ngay, rồi thì giờ còn lại chỉ là đi ngắm thiên hạ cho vui.

Nàng cười một mình. Vui gì, ngắm thiên hạ cho đỡ buồn thôi. Thức nhìn nàng:

—Cô thấy phố xá bên này thế nào?

—Chật chội. Còn hàng hoá thì đắt.

Thức mỉm cười:

—Nhưng Thức thấy cô vẫn hoan hỉ ngắm nhìn và mua sắm.

Nàng nhìn lại người con trai:

—Để khỏi bõ công Thức đưa đi phố thay vì đưa đi ngắm cảnh thiên nhiên.

Thức vẫn tủm tỉm cười. Hợp nâng ly nước người bồi vừa mang ra ngang tầm mắt, hỏi Thức:

—Có quyền cụng ly với Thức bằng nước suối không?

Thức cười hiền:

—Dân xứ này có một loại thức uống gọi là *wein schorle* gồm nửa rượu, nửa nước suối. Cô muốn thử không, Thức chia đôi với cô một nửa ly?

Hợp không nói gì. Nàng nhìn thẳng vào mắt Thức khiến người con trai phải chớp chớp mấy cái trước khi cúi xuống. Tuy nhiên nụ cười điềm đạm vẫn được giữ nguyên vẹn trên môi Thức. Thức khẽ đưa ly rượu của mình cụng vào thành ly của nàng và nhấp một ngụm. Thong thả như người ta uống trà. Hợp thở ra một hơi dài. Cái thái độ điềm tĩnh của Thức làm nàng khá ngạc nhiên và có phần lúng túng. Nàng không biết nên nói chuyện gì, cũng không thể xác định nên có những ứng xử như thế nào với người con trai này. Thường cái phong cách rất đàn ông, rất chững chạc, và mang cả chút ngạo nghễ của một ông tướng đang cầm quân ra trận này, chỉ có thể có được ở những người đã ngoài ba mươi hoặc lớn hơn nữa. Thức, cùng lắm chỉ bằng hoặc hơn Văn một đến hai tuổi, có nghĩa là chỉ vừa qua khỏi hăm lăm... Hợp nhìn đi chỗ khác trước khi vờ như đang chăm chú thưởng thức đĩa thức ăn vừa được mang ra trước mặt. Tuy nhiên, với mọi "nỗ lực", mà nàng cũng không thể ăn hết hơn nửa miếng *schnitzel* lớn. Nàng chống chế:

—Lâu không ăn món này, thấy thèm, nhưng đúng là không phải khẩu vị của dân mình, nên đành bỏ lại đây thôi.

Thức cười không nói gì cả. Ăn xong, Thức gọi thêm cho mình một ly rượu nữa, rồi nằn nì nàng nên ăn một ly kem, bảo trời lạnh, ăn kem là thú vị nhất. Thức nói:

—Chỉ có con nít mới biết tận hưởng mọi thứ trên đời này. Khi cười thì cười lớn, khóc thì khóc to. Không e dè, không điệu bộ gì cả. Thức để ý thấy bất cứ mùa nào, con nít cũng thích ăn kem, và luôn luôn ăn trong một tâm trạng hết sức thỏa thuê, sung sướng. Có lần Thức đã thử bắt chước chúng. Và thật là đã tìm thấy những cái thú vị ấy.

Hợp hỏi sao Thức lại uống rượu mà không ăn kem để thưởng thức cái thú vị như đã nói thì Thức cười không đáp. Mãi đến lúc đã đặt xong kem cho nàng và người bồi đã đi khỏi, Thức mới nhìn nàng:

—Cô cho phép, Thức sẽ nói tại sao.

Hợp ngập ngừng một lát rồi cười, gật đầu. Thức đáp với một cái nhìn

hóm hỉnh:

—Thông thường khi vào quán, con nít phải được người lớn dẫn đi. Ở đây chỉ có hai người, một đã làm con nít, ăn kem, thì người kia phải là người lớn, nên... uống rượu.

Hợp bặm môi lại nhìn Thức một lúc rồi khẽ đánh lên bàn tay của Thức đang đặt trên bàn:

—Thức ăn gian!

Thức phì cười, đưa ly rượu uống thêm một ngụm rồi nhìn đi chỗ khác.

Khi hai người ra khỏi tiệm ăn, bên ngoài đã có những hạt mưa nặng trĩu rơi rớt tự bao giờ. Thức thất vọng nhìn lên bầu trời mù xám đầy những sợi mưa nghiêng, thở dài:

—Thế này thì còn đi đâu được nữa đây.

Hợp nhìn theo tầm mắt của Thức:

—Thức định đi những đâu nữa?

—Xuống bảo tàng viện... Nhưng không phải Thức muốn đưa cô đi xem tranh cổ hay những kiệt tác văn hóa của dân xứ này đâu.

Hợp ngạc nhiên:

—Vậy thì xem cái gì?

Thức đáp:

—Hoa tím.

Hợp cau mày hỏi lại:

—Hoa tím?

Thức gật đầu:

—Có một ngôi nhà chỉ có hoa tím. Hoa tím leo bên dậu, hoa tím nằm trên mái, hoa tím trong vườn sau, hoa tím ngoài ngõ trước...

Thức tiếp:

—Thường ai cũng cho màu tím là màu buồn bã, u tịch, nhưng nếu biết pha trộn nhiều loại tím khác nhau sẽ có một sắc màu rất rực rỡ, kiêu sa và quý phái-Thức hạ giọng-Thức mê căn nhà ấy lắm. Nghĩ, chắc cô thích, nên muốn giới thiệu với cô.

Hợp đứng yên, hai tay vòng lên trước ngực, tự hỏi không hiểu vì sao Thức biết nàng thích màu tím. Như đoán được ý nàng, Thức mỉm cười, nhỏ nhẻ:

—Trang phục của cô nhiều màu tím... Và hôm giúp Thức làm cái "phông" đám cưới Văn, Thức thấy cô mân mê nhiều lần cái ngôi sao tím sẫm.

—...

Hợp buông vòng tay, đan những ngón dài vào với nhau, ngước mắt nhìn lên sân thượng của tòa nhà trước mặt một cách vô cớ. Thức hỏi:

—Bây giờ thì làm gì đây hở cô Hợp?

Hợp không trả lời, mắt vẫn không rời khỏi tòa nhà và con đường trước mặt lờ mờ trong mưa bay. Tự dưng nàng bỗng nhớ lại những ngày còn nhỏ, nàng vẫn hay ngồi lặng yên một chỗ trong nhà, hay thẩn thơ trên hành lang để nhìn những cơn mưa xế chiều về ngang qua thành phố. Có cái gì đó man mác, u tịch ở trong lòng cô bé Hợp từ thuở ấy, mà mãi cho đến tận bây giờ vẫn chưa thể phôi phai. Nàng cố nén một tiếng thở dài buồn bã, nhận ra khi con người không vui thì ở bất cứ thành phố nào, những cơn mưa chiều cũng mang đầy những màu sắc ảm đạm, thê lương như nhau.

Nàng chặc lưỡi:

—Chắc nên đi kiếm một quán cà phê nào đó, ngồi chờ cho hết cơn mưa này rồi về.

—Thức sẽ đưa cô về.

Hợp làm thinh. Hai người lại đứng yên nhìn mưa bay. Lát sau, Thức chợt đề nghị:

—Tí nữa thế nào cũng phải vòng về nhà Thức để lấy xe... Hay cô theo Thức về nhà uống cà phê vậy? Hợp hơi chựng đi một chút với lời đề nghị bất ngờ của Thức. Bất giác nàng cảm thấy sợ những cái nao nao, bồn chồn hôm đám cưới Văn lại hiện ra trong lòng, nhưng sau đó nàng nhủ thầm ngày mai là nàng sẽ rời khỏi thành phố này và có thể là sẽ chẳng bao giờ trở lại, nên nàng ngần ngừ thêm đôi giây rồi lại khẽ gật đầu. Thức đưa cho nàng một tờ báo to và bảo nàng men theo những hàng hiên lố nhố người trú mưa, đến một trạm xe lửa gần nhất.

Nhà Thức ở nằm cuối một con đường vắng lặng. Từ nhà ga về, hai người phải băng qua nhiều ngôi nhà với những mái hiên cụt ướt át mưa bay. Dưng không cái yên ắng, thanh tịnh của con đường không hề có bóng xe lướt qua —một điều vô cùng hiếm hoi ở cái thành phố này —làm Hợp bỗng nhớ đến con đường dẫn về nhà nàng mỗi chiều về học với hai hàng cây xanh lá và đôi vạt áo dài ướt mưa, quấn quít dưới chân đi ngày xưa. Nàng kêu lên:

—Con đường này giống những con đường ở Sài Gòn quá đỗi.

Thức đưa bàn tay đang cầm cái túi nylon để che mưa lên cao như để nhìn nàng cho kỹ hơn, hỏi:

—Cô nhớ Sài Gòn?

Hợp gật đầu. Thức không nói gì. Khi hai người đã vào nhà, Thức vừa đưa khăn cho nàng lau những sợi tóc bết nước, vừa nói:

—Thức chọn ngôi nhà này vì con đường này. Tiền thuê nhà đắt hơn chỗ khác rất nhiều cô ạ.

Hợp khẽ giật mình, nàng nghĩ vội đến căn nhà đắt tiền của nàng ở bên kia, cũng chỉ bởi khoảnh sân sau bát ngát cỏ xanh, và hàng trúc đào phía trước mặt đường. Sau đó nàng mỉm cười tự diễu cả mình lẫn Thức. Có đôi khi người ta bỗng trở nên xa xỉ chỉ vì những cái vướng víu kỳ quặc như vậy đó. Nàng nhớ có lần bạn nàng nhà chơi, đã cười bảo, "chẳng lẽ Hợp chọn căn nhà này vì hy vọng ông hàng xóm da trắng biết câu thơ của Nguyễn Tất Nhiên *chiều xưa có ngọn trúc đào, mùa thu lá rụng bay vào sân em*?"

Thức đưa nàng vào phòng khách rồi trở ra phía sau pha cà phê. Hợp ngồi xuống chiếc trường kỷ cổ nhưng bóng loáng và đậm màu vẹc ni nâu, dè dặt nhìn quanh căn phòng nhỏ. Lối bài trí gọn gàng đập vào mắt nàng. Nàng khẽ mỉm cười khi nhìn thấy những tấm màn cửa tím nhạt có những hoa văn trông giống như thớ gỗ màu tím sẫm; một sắc màu pha trộn rất "kiêu sa và quý phái" như lời Thức nói lúc nãy dưới phố. Nàng thích thú để mắt đến bức tượng đá đen bóng, được đặt trên một khối gỗ hình trụ màu cổ đồng có những vân nâu sắc sảo, nằm ở cuối phòng. Không hiểu sao nàng lại đinh ninh là Thức đã tự tay tạc lấy...

Hợp đan hai tay vào với nhau. Nàng lắng nghe tiếng nhạc thánh thót vang ra từ phía nhà sau, nơi Thức đang pha cà phê, mà nghĩ ngợi mông lung. Cái ngăn nắp, sạch sẽ nhưng ấm cúng một cách kỳ lạ của căn phòng này khiến Hợp không thoát được ý nghĩ, chắc chắn phải có sự can dự của một bàn tay chăm sóc kỹ lưỡng nào đó ở nơi đây. Bất giác, nàng tự hỏi không hiểu tại sao Thức đã không hề nhắc nhở gì đến người con gái đang đi xa ấy...

Khoảng mười phút sau Thức trở ra với một mâm cà phê và đĩa bánh ngọt. Thức giải thích:

—Ngày xưa Thức ở với một bà cụ người Đức khoảng hơn mười năm. Lâu ngày đâm thích cái thói quen ăn buổi *supper* này của bà cụ.

Rồi Thức vừa rót cà phê ra cho nàng vừa kể tiếp, giọng hơi buồn:

—Bà cụ mới mất năm ngoái. Tất cả đồ đạc trong phòng này là vật kỷ niệm của bà.

Hợp nhìn quanh căn phòng một lần nữa, không nén được tò mò, nàng hỏi:

—Kể cả bức tượng kia?

Thức nhìn theo ánh mắt nàng, khẽ cười:

—Cô nghĩ thế nào về nó?

Hợp rùn vai không đáp. Thức đưa đĩa bánh sang cho nàng:

—Du khách sang Đức thường khen bánh ngọt của xứ này. Cô nên thử mỗi thứ một miếng.

Hợp ngó Thức:

—Ăn bánh là con nít hay người lớn?

Thức bật cười, cái giọng cười sang sảng và thoải mái mà Hợp chưa từng nghe từ lúc gặp Thức cho đến bây giờ. Hết cười, người con trai dịu giọng:

—Thức xin lỗi. Chỉ muốn trêu cô một chút.

Hợp cười theo. Nàng nhỏ nhẻ uống một ngụm cà phê mà Thức khoe là đặc biệt của Ý. Thức bảo:

—Tất cả những thứ này Thức đều chuẩn bị sẵn vì có linh cảm thế nào cô cũng ghé tạt qua đây. Hợp cười, nghĩ thầm trong bụng, nếu không có cơn mưa chiều bất ngờ về ngang qua thành phố này, thì chắc linh cảm của Thức sẽ lên cơn sốt rồi qua đời!

Thức nhìn nàng:

—Cô cười gì thế?

Hợp chối:

—Không có gì.

Thức lắc đầu:

—Chắc chắn là phải có gì.

—Không mà.

Nàng hỏi lại:

—Lúc nãy Thức chưa trả lời bức tượng kia có phải của bà cụ để lại cho Thức hay không?

Thức mỉm cười:

—Cô cũng chưa trả lời cô nghĩ sao về nó.

—Đẹp.

—Đẹp thật không cô?

Hợp đưa mắt nhìn bức tượng một lần nữa:

—Thật ra cũng không hẳn là đẹp. Nhưng cái màu đen tuyền của phiến đá làm những nét mài dũa trở nên sắc sảo.

Thức gật gù:

—Cám ơn cô. Thức tạc nó đấy, tặng cho bà cụ lúc mới đậu vào trường đại học.

Hợp kêu lên:

—Tôi đoán không sai. nghĩ nó là tác phẩm của Thức mà.

Thức lại cười:

—Chắc cô nhìn ra nét ngô nghê, buồn cười phải không?

Hợp rùn vai. Bỗng dưng giọng Thức chợt trở nên buồn buồn:

—Hồi bà cụ còn sống, vẫn mướn người lại dọn dẹp quét tước cho Thức. Bà cụ thương Thức như cháu ruột. Lúc bịnh cứ khăng khăng đòi để lại một phần gia tài cho Thức làm Thức phải khó khăn lắm mới từ chối được. Thức sợ bị mang tiếng lợi dụng—Thức im một lát—Thức chỉ xin mang tất cả những đồ đạc trong phòng khách của bà cụ về đây. Hợp nhìn Thức. Rồi nhìn quanh tất cả đồ đạc đang có trong phòng. Nàng nghĩ đến cháu nàng và những người con trai trạc tuổi Thức mà nàng đã gặp qua nhiều lần, đồng thời nàng cũng nghĩ đến sự phán xét vội vã, những nghi ngờ của các bậc đàn anh, đàn chị về đời sống nội tâm của giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại ngày hôm nay. Nàng lắng tai nghe tiếng người con trai khe khẽ thở dài:

—Cô nghĩ sao về mớ đồ đạc này? Cô có thấy buồn cười không?

Nàng lắc đầu:

—Có gì để mà buồn cười. Người con trai chớp chớp mắt, đưa tay vuốt khẽ những sợi tóc đổ lòa xòa trên trán, giọng mềm xuống buồn bã:

—Thức hay có thói quen giữ gìn tẩn mẩn tỉ mỉ những đồ vật có kỷ niệm với mình. Nhiều khi chỉ là một khúc bút chì đã gẫy, một cây thước mòn xước nhiều chỗ, hay cũng có khi chỉ là một mảnh khăn, một cái áo cũ hồi còn ở trại tị nạn v.v... Hồi Thức mới sang đây, vừa bơ vơ, vừa hoang mang, ngơ ngác sợ hãi bởi cái đời sống quá lạ lẫm ở bên này, nghĩ nếu như không có bà cụ, nếu như không được sự an ủi, cận kề, lẫn sự giúp đỡ của bà cụ, không biết Thức đã ra sao rồi...

Hợp nhìn người con trai, định tìm một câu gì đó để tỏ sự thông cảm thì Thức bỗng bật cười dòn:

—Hồi bà cụ mới mất, Thức chỉ sợ người ta mang mớ đồ đạc này vất đi nên phải nghỉ hết mấy buổi, rồi phải nhờ cả thằng Văn đến hì hà hì hục khiêng chúng về. Sau đó lại còn phải mất công kêu người đến dọn dẹp mỗi tuần một lần cho giống y hệt như căn phòng bà cụ đã ở. Thằng Văn chửi Thức quá xá... Nhưng nó chửi thì ăn thua gì phải không cô, vì nó hiểu Thức...

Thức đưa mắt nhìn vu vơ lên một góc nhà:

—Thường khi làm được chuyện mình muốn thì cũng vui chứ, cô nhỉ. Thức chỉ tiếc mỗi một điều là cô ấy không hiểu, cô ấy giận Thức vì cái tội đã tha cái mớ lộn xộn này về. Cứ mỗi lần hai đứa gặp nhau ở đây là lại có chuyện không vui, lại có chuyện để gây gỗ. Có lẽ cô ấy cảm thấy chướng tai gai mắt.

Hợp cười:

—Chắc cô ấy thấy Thức *old fashioned*.

Thức cười theo:

—Có lẽ.

Rồi người con trai khẽ rùn vai:

—Cũng có thể lắm chứ, vì cô ấy bảo Thức điên và bướng bỉnh. Thức đã cố gắng giải thích nhiều lần, nhưng chẳng lần nào hai đứa đồng ý với nhau. Ở trong con người Thức, cô ạ, dường như có một cái gì đó, kỳ lạ vô cùng. Nó cứ làm Thức day dứt trăn trở, cứ xào xáo không yên. Không hiểu sao Thức chỉ muốn sống bằng những cái cảm giác cũ kỹ của mình, mà mường tượng nếu bứt chúng ra khỏi Thức thì Thức sẽ không còn là mình nữa... Thức hay nghe người ta nói có một số dân tị nạn, nhất là "*boat people*", đã bị bịnh tâm lý; Thức không biết Thức có là một trong số những người đó hay không, nhưng gần đây, Thức thường hay bị hoang mang, bối rối. Lúc nào cũng cảm thấy mình bềnh bồng, không định hướng được điều gì cả. Thức tự hỏi Thức sẽ sống như thế nào, sẽ suy nghĩ ra sao bởi vì với xã hội phương tây, dẫu cho Thức giỏi đến đâu đi nữa, dẫu cho trên phương diện pháp lý, lẫn tư tưởng, Thức là một công dân Đức đi nữa, nhưng với dung mạo này, sắc vóc này, thì người bản xứ vẫn không thể nào chấp nhận Thức là một *người Đức* được.

Thức khe khẽ lắc đầu:

—Cô biết không, Thức cố gắng đi theo cộng đồng mình ở ngoài này nhiều lắm, cố không để mình bị bỏ rơi lại phía sau với những sinh hoạt mang tính cách văn hóa như sách báo, viết vẽ v.v...Nhưng đôi khi Thức cũng có cảm tưởng như mình không còn thuần túy là một người Việt với tính tình Việt, cảm nghĩ Việt...

Thức thở dài:

—Thỉnh thoảng nhìn mớ đồ đạc này, Thức cố gợi lại cho mình cái cảm xúc của những ngày đầu mới đặt chân đến đây. Những ngày mà Thức nghĩ là cái tâm hồn Việt Nam còn rất nguyên vẹn trong Thức. Có thể Thức giống như một người đang nằm mơ thấy mình nhặt được tiền, và vì biết mình nằm mơ nên đã cố ra sức nắm chặt lấy bàn tay với hy vọng sáng hôm sau vẫn còn giữ được ít nhiều. Thức đang cố nắm giữ, cố níu lại những gì đã có, nhưng chỉ sợ đến một lúc nào đó, mọi cái bỗng tan biến mất như khi người ta bừng tỉnh dậy sau giấc ngủ mộng mị ấy, thì thấy mình chỉ có tay không.

Hợp ngồi yên. Nàng bâng khuâng nắm hai tay lại với nhau. Người con trai ngó Hợp:

—Thức có nói chuyện này với cô ấy, nhưng đấy mới chính là điều đã đẩy hai đứa rời xa nhau, bởi vì cô ấy chẳng những đã có cái nhìn hơi khác với Thức về cuộc sống, về con người, về xã hội, mà còn có cái nhìn rất khác về quê hương, đất nước. Thức nghĩ cô ấy là một búp hoa đã bị cắt

khỏi cây mẹ nhưng nếu cắm trong nước thì vẫn có thể tiếp tục nở rộ một cách bình thường. Cô ấy không tưởng tượng được là Thức đang bị dị ứng với cái đời sống lưu vong này...

Hợp nghe tê tái cả dạ. Hoàn toàn nàng chẳng biết chia xẻ như thế nào với Thức bởi những ưu tư, những trăn trở tương tự cũng đã thường xuyên đến với chính nàng. Cả những lẫn lộn đã hiện diện trong nàng mấy ngày qua cũng làm nàng bối rối. Nàng thở dài, đưa mắt nhìn Thức đốt một điếu thuốc, rồi buồn bã ngó ra ngoài sân. Bấy giờ nàng mới chợt nhận thấy loáng thoáng vài nhánh lá dây leo màu xanh nhạt đang đong đưa, lắc lư phía ngoài khung cửa kính. Hợp chớp mắt ngó kỹ lại những chiếc lá hình bầu dục, một loại lá kép như cây tầm ruột, mà nàng biết chắc đến mùa hè sẽ có những chùm hoa màu tím rất thơm. Nàng nghe Thức chép miệng:

—Không đồng thanh, thật khó mà tương ứng...

Hợp ngồi lặng yên trong ghế. Câu nói sau cùng của Thức rất nhỏ nhưng đủ rót vào tai nàng. Nàng cúi mặt xuống nhìn những ngón tay đan vào nhau sầu não của mình. Lòng nàng cũng réo lên một thứ u buồn không tả được khi nhớ đến mấy câu thơ của Lê Vĩnh Ngọc. *Mai tôi đi chắc trời hết nắng. Hết nắng lòng chịu ướt với mưa. Mưa đi, mưa trong lòng, chắc vậy. Mai tôi đi thời tiết trái mùa...* Nàng nghĩ có lẽ Thức không biết những câu thơ này, và nàng lại nhủ thầm một mình, trong cái cõi đời nhiều cay đắng và mâu thuẫn như thế này, có đôi khi đã đồng thanh cũng đâu phải là dễ dàng tương ứng...❐

...tìm đọc thi phẩm

Nhớ Đất Thương Trời

Trần Hồng Châu

Thế Kỷ xuất bản

Giá US$10.00. Liên lạc nhà xuất bản Thế Kỷ, 11022 Acacia Parkway, #A, Garden Grove, CA. 92640.

Về Cà Mau

PHAN NI TẤN (N.D.)

qua đồng Nọc Nạn chồi, bưng
mọc trên cuộc đất tiếng lừng sử xanh
bị tranh điền thổ bất minh
gia đình Biện Toại liều mình xả thân

tôi đi ngược phía thực dân
xuôi về Phong Thạnh cho gần Giá Rai
đêm rơi tịch mịch chốn này
lòng buồn như cũng chứa đầy thương vong

lêu bêu nước chảy trăm dòng
trăm tôi chảy xuống ruộng đồng Tắc Vân
chảy qua đầu lộ Tân Thành
chảy tôi chiếc bóng ướt nhành mưa rơi

Cái Keo, Cái Nước, Đầm Dơi
chẳng cái nào chịu đưa tôi về cùng
đứng bên Chà Là đâm khùng
nghe hòn máu chảy lung tung trong đầu

lại nghe tôi dưới vũng sầu
kêu hoài chẳng nháy cái màu mắt xanh
cái màu mắt ấy long lanh
bỏ tôi một bữa lạnh tanh chỗ nằm

vô chợ Cái Nảy, Năm Căn
ai đem muối ướp vừng trăng mặn mòi
tự nhiên tôi nhớ Rạch Gòi
đứng canh bậu tắm trăng ngoài cầu ao

mang hồn ngược vô Cà Mau
qua sông Bảy Háp đục màu phù sa
lênh đênh cuối nước non nhà
lòng không rời hướng mũi Cà Mau ơi.

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

● Những người thổi còi

Ở Việt Nam mỗi lần có tranh chấp quyền hành trong giới lãnh đạo chóp bu ở Hà nội là ngay lập tức văn hóa văn nghệ bị đem ra làm vật tế thần. Thời gian trước đại hội Đảng năm nay không khác những lần trước. Văn Nhệ đã bị trói, nay càng bị siết chặt hơn. Nhà nước không cần đích thân siết dây thòng lọng. Thiếu gì người cầm bút tình nguyện làm công việc ấy để các quan lo chuyện đại sự hơn. Do đó mà trên báo chí trong nước gần đây xuất hiện nhiều người thổi còi. Có người không hề ngượng ngùng về công việc chỉ điểm cho cấp trên, lấy ngay bút hiệu "Năm Tu Huýt"!

Tại Sài gòn, những người thổi còi họp nhau lại thành lập một tổ chức có tên mỹ miều là Ban Tư vấn về Văn hóa Tư tưởng cho Thành ủy Đảng Cộng sản TP HCM, mà theo báo Diễn Đàn ở Pháp cho biết, thành phần gồm những người như Anh Đức, Bảo Định Giang, Trần Thanh Đạm, Mai Quốc Liên...

Bảo Định Giang thay mặt các bạn thổi còi trong Ban Tư vấn gửi cho Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Thường vụ Thành ủy ĐCSVN TP HCM một bản nhận xét và đánh giá về hai tờ *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ* xuất bản ở Sài Gòn, "mách bu" một số điều hết sức đáng thổi còi. Nguyên văn như sau:

... "Đường hướng của báo *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ* từ 10 năm nay, đặc biệt từ khi có vấn đề Liên xô-Đông Âu, khủng hoảng ở ta, đổi mới...là đường hướng bao gồm các điểm chính sau đây:

- Ủng hộ triệt để đường lối của nhóm Gorbachev trong vấn đề đi từ "cải tổ" đến "phản bội", biến Liên xô thành nước đi theo Tây phương và sụp đổ. Ngay cả đến khi Gorbachev đã lộ rõ bộ mặt phản

bội, tờ *Tuổi Trẻ, Phụ Nữ* vẫn tiếp tục thông tin về Liên xô như bình thường. Chủ yếu là tán thành việc phủ định quá khứ cách mạng, tư nhân hóa kinh tế, và tự do hóa tư tưởng.

- ở trong nước, ủng hộ triệt để đường lối đổi mới quá khích, cực đoan, vượt qua lằn ranh và giới hạn mà nghị quyết Đảng ta đã chỉ rõ, của những người như Trần Xuân Bách, Trần Độ, Nguyên Ngọc...Đặc biệt trên mặt trận văn hóa tư tưởng, dưới chiêu bài chống bảo thủ, chống bao cấp, đã hết sức cổ vũ cho luồng văn hóa văn nghệ có màu sắc chống chiến tranh cách mạng, có màu sắc chống cộng và bất mãn bôi đen hiện thực, vu cáo những người cọng sản, được phương Tây và bọn phản động người Việt ở hải ngoại o bế, tung hứng như:

* *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh

* Các tác phẩm của Dương Thu Hương

* Các tác phẩm xấu của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm thị Hoài, một số tác phẩm có khuynh hướng nổi loạn hoặc nhìn hiện thực tuyệt vọng và thối rữa theo chủ nghĩa hiện sinh của một vài tác giả trẻ mới lớn.

- Thông tin xuyên tạc nhiều lần về hoạt động của Hội Nhà văn đặc biệt là các đại hội IV và V; hoàn toàn "biệt phái", chia rẽ khi phỏng vấn, đưa quan điểm ý kiến một chiều theo một định hướng riêng trái ngược với quan điểm của Đảng qua các nghị quyết.

- Rất kiên trì, tích cực, kể cả dùng mánh lới, thủ đoạn để liên kết, lôi kéo người trong toàn quốc.

- Đưa những tin có lợi cho phương Tây về tư tưởng-văn hóa (như việc Phan Huy Đường dịch những tác phẩm của Thiệp, Hương..., đưa tin Sứ quán Pháp, Bộ Ngoại giao Pháp mời nhà văn nào trước khi ta chính thức thông báo, đưa tin Bảo Ninh được giải báo *The Independent*, v.v..)".

Trong phần nhận định chung, người thổi còi Bảo Định Giang cho rằng nhân sự của hai tờ Tuổi Trẻ và Phụ Nữ "không tốt", vì phần trên có nêu đích danh một số người cần có biện pháp uốn nắn như Võ Như Lanh, Lê văn Nuôi, Huỳnh Sơn Phước, Nguyễn Trọng Chức. Đặc biệt Bảo Định Giang lưu ý cấp trên về trường hợp Ngô thị Kim Cúc và Thúy Nga. Ông viết: "Hai biên tập viên văn nghệ rất sừng sỏ là Ngô thị Kim Cúc (đã viết từ hồi *Bách Khoa* Sài Gòn trước 1975 dưới tên Võ Ưu) và Thúy Nga, một phóng viên mới nhưng rất quyết liệt và mưu mẹo không kém gì Thụy Khuê ở RFI trong lối đưa tin, phỏng vấn".

Đọc qua những đoạn trích trên, người ghi chép nhận thấy Hội những người thổi còi ở Sài Gòn làm việc quá đắc lực. Bèn thắc mắc không hiểu họ được thượng cấp

đến công thế nào.

Tờ Diễn Đàn giải đáp thắc mắc ấy bằng cách đăng một "tác phẩm" khác của Bảo Định Giang: thư gửi cho Hà Nghiệp, trợ lý của Tổng bí thư Đỗ Mười. Trong "tác phẩm", Bảo Định Giang kể: "Giữa lúc báo cáo, đồng chí Đỗ Mười có hỏi tôi, trong hoạt động có khó khăn gì? Tôi đáp: Chúng tôi rất cần một số tiền hàng tháng 1.500.000 để mua sách báo, thù lao cho người đọc (ít nhất mỗi cuốn hai người đọc) và nếu cần thì chẳng những đọc mà còn nhờ viết bài đấu tranh với các quan điểm sai trái thể hiện qua các trang sách báo. Chúng tôi liên tục theo dõi, nếu thấy vấn đề nào không bình thường đều có báo cáo, có khi gửi cả sách hay báo đó ra cho đồng chí Nguyễn Đức Bình, Hà Đăng, Hà Xuân Trường và Cù Huy Cận. Đồng chí Đỗ Mười, về điều kiện làm việc của chúng tôi trong này, có nói một câu: Nếu làm công việc bảo vệ Đảng được tốt thì yêu cầu xin vài triệu hàng tháng cũng không lớn lao gì."

Cúc cung tận tuvạch lá tìm sâu trong sách báo để mách bu mà chỉ xin trả công cho 150 Mỹ kim mỗi tháng, sau đó chia năm chia bảy cho cả Hội thổi còi, kể ra giá làm chỉ điểm văn nghệ ở Việt Nam quá rẻ!

●Tiếng Việt mới ở Việt Nam.

Trên tuần báo Văn Nghệ ra đầu tháng 5.1996, Hồ Sĩ Thoại có than phiền về cách viết tắt quá đáng trong tiếng Việt, nhất là cách đặt tên cho các công ty trong thời kỳ kinh tế thị trường: "Trước đây khá lâu, người ta nghe nhắc đến "Công ty Thuốc lá Việt Nam" với cái tên tắt *Vinataba*. *Vina* viết tắt từ chữ Việt Nam. Còn *Taba* viết tắt chữ Tây *Tabac* (thuốc lá). Ghép chữ *Việt Nam* với chữ *Tabac* rồi rút ngắn thành *Vinataba*, thoạt đầu thấy xa lạ, không quen nhưng rồi dần dần nghe mãi đâm quen, thấy ngồ ngộ và có thể chấp nhận được.

Tiếp theo cái *Vinataba* đó, ta thấy lần lượt xuất hiện *Vina-tea* (Công ty Chè Việt Nam), *Vinacafé* (Công ty Cà phê Việt Nam), *Vinamilk* (Công ty sữa Việt Nam), *Vinasteel* (Công ty Thép Việt Nam), *Vinaplast* (Công ty Nhựa Việt Nam), vân vân và vân vân.

Qua những tên trên, thấy thông thường từ tiếng Việt ghép với từ tiếng Tây và từ Việt đứng trước. Nhưng sau đó lại thấy xuất hiện những tên mà hai từ thuần Việt ghép với nhau và từ Việt Nam đứng sau. Đó là trường hợp *Dihavina* (Đĩa hát Việt Nam), và *Covina* (Nồi cơm điện Việt Nam).

Một thời gian sau, chừng như chán với lối ghép đã quá quen thuộc và dài dòng này, người ta chuyển sang lối ghép ngắn gọn hơn, ngộ nghĩnh hơn. Đó là cái *Vinagiày*. Không biết có phải là

"Công ty Giày Việt Nam" hay không vì chưa thấy ai nhắc đến, nhưng rõ ràng cái tên Vinagiày này đã xuất hiện khá nhiều trên mục quảng cáo, rao hàng cũng như trên một số biển hiệu...Có lẽ hiện nay giày đang là mặt hàng sáng giá không chỉ tiêu thụ trong nước mà cả xuất khẩu ra nước ngoài nên khắp trong Nam ngoài Bắc thấy xuất hiện nhiều công ty, nhà máy sản xuất cũng như nhiều đại lý giới thiệu và kinh doanh mặt hàng này, trong đó nổi đình đám hơn cả là cái *Biti's*. Thoạt đầu nhiều người không rõ nó là cái gì nhưng sau được nghe "mã dịch" mới biết đó là "Nhà máy giày Bình Tiên".

Mọi người nghĩ có lẽ tắt như cái *Vinagiày* này đã là "cực" rồi nhưng không, thời gian sau lại thấy xuất hiện cái *Vidamo*. Thú thật khi mới nhìn thấy cái tên Tây này, tôi nghĩ đó là một từ mới mà mình chưa học, chưa biết nên về tra tự điển nhưng không thấy. Sau hỏi dò mới biết đó là "Công ty dầu khí Việt Nam". Tắt đến thế là cùng!

Ông Hồ Sĩ Thoại quên mất một hiện tượng ngôn ngữ khác: là cách đặt tên dài dòng của Nhà nước trước đây, khi kinh tế còn đóng cửa kín mít. Chẳng hạn: Cửa hàng ăn Uống Thành Phố HCM, Công ty Vật tư và Đại tu Cơ khí Công trình thủy Đồng Nai, Cửa hàng Tổng hợp Bách hóa Quận (nơi chuyên trưng bày hàng mẫu đã mốc meo), Trung tâm Bán lẻ Thiết bị Xây dựng Cầu đường (với vài bao xi măng...).

● Di cảo, di vật của văn hào Mỹ William Saroyan.

Khi lìa đời tại bệnh viện Fresno cách đây mười lăm năm, văn hào Mỹ William Saroyan để lại cho hậu thế trên 1200 thùng giấy đựng những di cảo quí giá gồm truyện dài, truyện ngắn, kịch bản, tiểu luận, những bản ký họa...chưa hề được xuất bản. Kho di cảo ấy gồm bao nhiêu văn phẩm mà đựng đến 1200 thùng, lúc sinh thời Saroyan phải dành cả một ngôi nhà rộng để chứa? Không, kho di cảo dĩ nhiên rất đồ sộ, nhưng Saroyan là một người rất mê mình, ông sưu tập giữ lại cho hậu thế cả những thứ lặt vặt có dính dáng đến đời sống thường ngày của ông, như nhãn hộp thức ăn ông đã dùng, những lọn râu ông cắt, nói tóm lại theo ông nghĩ, bất cứ thứ gì ông động vào cũng sẽ trở thành vưu vật thiêng liêng cho hậu thế sau này, nay ông giữ thì hậu thế khỏi phải mất công đi tìm.

Theo di chúc của nhà văn, thư viện Bancroft Đại học Berkeley được quyền giữ tất cả những gì Saroyan sưu tập. Nhưng Thư viện Bancroft chỉ chọn giữ những gì thuộc về di sản văn học nghệ thuật của nhà văn quá cố, còn những thứ như dây giày, áo lót, bì thư đựng râu, vé métro thăm Paris...thì bỏ lại Fresno, quê hương của

Saroyan. Tổ chức Saroyan Foundation ở Fresno khó nhọc bảo quản bấy nhiêu vưu vật linh tinh ấy suốt mười lăm năm qua, chắc hết kiên nhẫn, nên mới đây có thương lượng với Đại học Stanford, ra điều kiện nếu Stanford chịu nhận tất cả 1200 thùng tài liệu Saroyan để lại và lập một nhà bảo tàng Saroyan quan trọng ngang hàng với nhà bảo tàng dành cho những văn hào cỡ Ernest Hemingway, thì tổ chức sẽ giao hết cả hoa lẫn rác cho đại học. Đại học Stanford nhận lời ngay.

Thế là chiến tranh bùng nổ giữa hai Đại học Berkeley và Stanford. Berkeley bảo không phải bất cứ thứ gì nhà văn quá cố sưu tập đều là hoa, cái gì là rác thì phải cho vào sọt rác. Những lọn râu của Saroyan có thể rất quí, biết đâu sau này mỗi sợi có thể bán đấu giá được hàng ngàn đô la, nhưng một bì đựng râu là đủ rồi (trên bì thư Saroyan ghi rõ cả ngày cắt râu), giữ nhiều chỉ chật nhà kho. Stanford biết đối thủ có lý, nhưng muốn giành kho tàng Saroyan về cho mình, bảo cái gì Saroyan sưu tập cũng quí, kể cả rác rến.

Chưa biết cuối cùng ai thắng ai. Trước mắt, rõ ràng tác giả "Chàng tuổi trẻ trên chiếc đu dây" đã thắng. Ông buộc giới nghiên cứu phải bỏ công soạn lại 1200 thùng tài liệu của ông, bắt họ phải phân biệt thế nào mới là hoa, thế nào là rác. Chuyện đó không dễ!

● Nhà văn Garcia Marquez bị ép làm tổng thống Colombia

Nhà văn Gabriel Garcia Marquez, từng đoạt giải Nobel văn chương 1982, vừa lâm vào một tình huống gay cấn có thể đưa đến một thảm kịch lớn: một nhóm chuyên thực hiện các vụ bắt cóc ở Colombia cho biết ông là người sẽ quyết định sự sống còn của nạn nhân. Vụ này có dính líu đến đề tài tội phạm mà ông đã dành ra ba năm trời để viết trong cuốn sách nhan đề "News of a Kidnapping", trong đó ghi lại các vụ bắt cóc diễn ra trong cuộc "chiến tranh" của chính phủ Colombia chống tên trùm ma túy Pablo Escobar hồi năm 1990. Cuốn sách ghi lại mười vụ bắt cóc từng gây sôi động xứ Colombia diễn ra một thời gian ngắn sau khi Cesar Gaviria lên nắm chức tổng thống xứ này. (Gaviria giữ chức tổng thống từ 1990 đến 1994).

Theo cựu Tổng Thống Gaviria thì nhà văn Garcia Marquez từng kêu gọi nên có một thái độ bình tĩnh khi đương đầu với các vụ bắt cóc do đàn em của Escobar thực hiện. Vị cựu tổng thống này, nay cầm đầu cơ quan Organisation of American States, đã giữ đúng thái độ bình tĩnh đó kể từ ngày 2 tháng Tư, khi một tổ chức bí mật tự xưng là "Dignity for Colombia" bắt cóc em ruột của ông, Juan Carlos, tại miền tây xứ Colombia.

Đây cũng là nhóm từng lên

tiếng nhận trách nhiệm vụ mưu sát luật sư của Tổng Thống Ernesto Samper hồi tháng Chín năm ngoái cũng như vụ ám sát một ứng viên tổng thống cách đây hai tháng. Nhóm này nay đưa ra lời yêu cầu buộc nhà văn Garcia Marquez phải tước quyền thống thống từ tay Samper để đổi lấy cho việc trả tự do cho người em của cựu tổng thống Gaviria. Cũng cần nhắc lại đương kim tổng thống Samper từng bị buộc từ chức vì các cáo buộc cho rằng ông nhận tài trợ từ các tổ chức buôn lậu ma túy trong thời gian vận động tranh cử.

Nhà văn Marquez đã từ chối lời đòi hỏi này, lấy lý do nếu thực hiện điều đó thì ông sẽ là "vị tổng thống tồi tệ nhất" trong lịch sử xứ Colombia. Ông Marquez cũng đã có thái độ im lặng với một đề nghị mới đây, trong đó nhóm "Dignity for Colombia" đòi hỏi ông xác nhận là các đơn kê khai tài chánh của cựu tổng thống Gaviria không có dấu hiệu nào cho thấy có sự tham nhũng hay gian lận trong thời gian ông ta giữ chức tổng thống." Cũng trong cùng một bản thông cáo gửi đến nhà văn Marquez đòi ông phải lên nắm quyền tổng thống, những tay bắt cóc còn nhấn mạnh rằng ông Marquez cần phải loại bỏ ông Gaviria khỏi chức vụ giám đốc cơ quan Organisation of American States. ❐

Nhà xuất bản Văn Nghệ hân hạnh giới thiệu:

Thư Gửi Bạn Ta, tập II

của Bùi Bảo Trúc

Tuyển tập gồm những lá thư tiếp nối tập I, cũng với những ghi nhận về đủ mọi khía cạnh về đời sống hôm nay bằng lối viết tinh quái, thông minh, hài hước, phong phú của cây bút đã đem phiếm luận lên một trình độ mới của văn chương như nhận định của một số nhà văn, nhà phê bình hàng đầu của văn học Việt Nam hải ngoại như Nguyên Sa, Võ Phiến, Mai Thảo, Trần Hồng Châu, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn thị Giáng Châu.
Sách dày 380 trang. Giá 16 Mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ 18 Mỹ kim
Đã đọc tập I xin đọc tiếp tập II, và tới tập III, IV. Đã phát hành khắp nơi.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

giữa người đọc và người viết

Người đọc:

● Bà Nguyễn Đặng

Seattle WA, ngày 12.5. 1996

Kính gửi ban biên tập Tạp Chí Văn Học

Chúng tôi là độc giả thường xuyên theo dõi những bài viết trên Văn Học. Phải công nhận là hầu hết những bài được đăng tải là những tác phẩm có một "tầm mức đáng đọc", chứng tỏ sự quan tâm của tòa soạn đối với độc giả, cũng như với ý hướng duy trì nền văn học hải ngoại.

Trong số Văn Học 120, chúng tôi đặc biệt lưu ý tới bà tiểu luận"Cảm nghĩ cổng chùa" của nhà văn Mai Kim Ngọc. Bài viết thật công phu, lý luận thấu đáo, lối hành văn khúc chiết mà vẫn hấp dẫn người đọc. Tác giả đã dựa vào những dữ kiện khoa học thực nghiệm xảy ra trong đời sống thường nhật để phân tích và dẫn giải một số vấn đề tâm linhhãy còn trong cõi sa mù đối với nhiều người: Pháp lý Thiền tông với cuộc sống.

Là một Phật tử yếu kém về Phật pháp, lại không thông hiểu về Thiền, nên chúng tôi đã đọc đi đọc lại để cố gắng "bắt" được ý tác giả. Hiển nhiên là chúng tôi gặp khó khăn nhiều so với các độc giả khác có trình độ lãnh hội cao hơn.

Đọc xong thì thấy rằng những thuyết "đề cao lý Chân Không, mọi sự chỉ là Vô thường, là huyễn, phải từ bỏ những lục căn ngũ uẩn để giải thoát những khổ ách" chỉ là một chiều của lý Thiền. Đã có cái nhìn phiến diện lại thêm ngôn ngữ đóng khung của kinh sách, cùng với tư tưởng lầm lạc "diệt dục", càng khiến Đạo xa D$ời. Hay nói một cách khác Người không hiểu được Đạo.

Theo tác giả, đã nhận thức được tính Không, ta cũng phải nhận ra tính Có của đời sống.Loại bỏ những tà niệm, con người có quyền duy trì những "ham muốn"

trong sáng, tốt lành như tôn vinh đời sống với những gì rất Có, rất Diệu Hữu, như hạt sương mai buổi sớm, ráng chiều lộng lẫy trên sóng nước, tiếng chim hót trên càng liễu một sáng xuân, lá vàng rực rỡ trong rừng thu...và hơn nữa, những tình cảm thương thầy quí bạn, công bằng với tha nhân, từ bi với chúng sinh, lòng thiết tha chấn hưng đạo pháp...đều thuộc về tính Có của đời sống. Hiểu được như vậy sẽ thấy Đời gần Đạo hơn.

Thì ra sự việc có vẻ giản dị hơn ta tưởng. Đó chỉ là cái vòng chu kỳ mà khởi điểm là tính chất "nhân chi sơ tính bản thiện". Con người sinh ra vốn rất lành, lớn lên trong xã hội hỗn mang nên vương nhiễm nhiều tạp niệm mà dần xa rời đạo lý. Nếu theo được pháp lý Thiền, biết phân biệt điều nào là Không, là Huyễn và vẫn tôn trọng những Diệu Hữu thì đã không phải là "phí phạm đời sống" mà lại dễ trở lại bản chất tốt lành của con người nguyên thủy.

Vị thiền sư Trung Hoa từ bao thế kỷ trước, nhờ một buổi sáng mùa xuân trăm hoa đua nở nghe tiếng chim oanh hót trên cành liễu mà ngộ đạo. Theo bước chân của người xưa, tác giả sau nhiều năm tìm tòi trăn trở, một buổi chiều tình cờ thấy giọt nước mắt thương thầy của nhà sư trẻ mà thấy việc Đạo việc Đời ăn khớp với nhau?

Nhưng hiểu được một chuyện mà áp dụng được vào đời sống cá nhân lại là chuyện khác. Nếu mọi người đều gột rửa được tà niệm, áp dụng thuyết "bất nhị", hoà đồng, lấy cái "tâm" chung mà đối đãi với nhau, thì chắc thế gian này không bao giờ còn chiến tranh...

Đây là một trong những bài viết xuất sắc của Mai Kim Ngọc. Vừa có giá trị văn chương vừa sâu sắc về lập luận. Người đọc dễ dàng nhận thấy lòng say mê đời sống của tác giả. Rất mong người viết cũng như người đọc đều tìm thấy sự bình yên trong tâm hồn và trong đời sống.

Xin kính chào quí vị và chúc Văn Học vững mạnh trên con đường phát huy văn chương hải ngoại.

● **Nhà văn Thế Uyên**

Seattle WA, ngày 6.5. 1996
Anh Mai Kim Ngọc

Bài vừa rồi anh đăng trên Văn Học về Phật giáo là 1 bài rất hay, xúc động và có một chiều sâu. Mỗi năm tôi chỉ được thưởng thức vài ba bài hay như vậy.

Năm ngoái, khi trả lời phỏng vấn của N.M. Trinh, tôi có nói tôi là "một Phật tử lạc quan", chấp nhận vui vẻ kiếp-làm-người hiện có của mình. Vì đời như biển thì cũng được đi, nhưng bảo là biển "khổ" thì tôi không đồng ý. Biển có vui có khổ thì tôi chịu.

Đọc bài anh, thấy đâu đây một thứ ý thức như vậy.

Đã vài ba lần gặp anh trực tiếp nhưng chưa có dịp nói chuyện nhiều. Xin hẹn lần sau.

● **Phúc Thuận**

Westminster tháng 5. 1996

Những niềm vui đầu xuân.

Tôi xin được góp vài ý về bài viết "Niềm vui đầu xuân" của tác giả Mai Kim Ngọc. Đọc qua tôi thấy có ba vấn đề tác giả nêu ra:

1- Vấn đề thứ nhất, có nhiều con em học về khoa học vì theo ý muốn của cha mẹ.

2- Một số các em học ra được một cái nghề nhưng không có kiến thức của một trí thức.

3- Niềm vui của tác giả là đã thấy có một số nhân tài về nghệ thuật và đó cũng là niềm vui của tác giả muốn chia sẻ với độc giả nhân dịp đầu xuân.

Vấn đề thứ nhất thì thật ra đã là cha mẹ tôi nghĩ ai cũng mong cho con em mình trước hết thành công về tài chánh hay ít nhất cũng no ấm. Nếu cho rằng các sự hy sinh của bố mẹ bằng cách làm hai hay ba jobs để cho con mình đi học theo ngành mình muốn là điều mỉa mai thì tôi thấy tác giả đã không thực tế ở điểm này. Vì các cụ đã nói có thực mới vực được đạo mà, ngay chính tác giả cũng từng là bác sĩ trước khi là nhà văn. Sở dĩ văn của tác giả được phong phú cũng cũng một phần tác giả đã là được trải qua mọi hoàn cảnh. Đó là sự thành công của tác giả mà cũng là điều mơ ước của tất cả các bậc . Vả lại nếu các bậc phụ huynh có chiều hướng khuyến khích các con em mình vào ngành khoa học là một chuyện, các em có đủ khả năng mới thành công được. Và nhành nghệ thuật cũng thế, phải có khả năng trời cho thì mới diễn đạt được sự thể qua văn chương hoặc diễn xuất được. Học cách viết văn cho đúng thì dễ, nhưng học viết cho hay thì chẳng có phương pháp nào mà là do bản chất mà thôi.

Vấn đề thứ hai, bỏ ra ngoài những trường hợp những cậu luật sư dởm mà tác giả nêu ra, tôi cho là những cậu trẻ đó chẳng thể nào là một luật sư giỏi và cũng chẳnghể nào là một nghệ thuật gia được. Vì các cô cậu này đều không biết suy nghĩvà diễn đạt như một người trí thức.

Bên những bác sĩ chỉ biết chữa bệnh và làm tiền thì cũng có những nhà văn viết mà chẳng diễn đạt được bao nhiêu, dùng chữ cho kêu mà rỗng tuếch, không chứa được gì trong câu văn của họ. Đôi khi còn làm vẩn đục tâm hồn khi đọc văn của họ, thì cũng có những bác sĩ chữa bệnh với tất cả tận tụy nhiệt tình và với lòng thương cảm với bệnh nhân và trội hơn nữa họ lại có một tâm hồn sâu sắc và diễn đạt được qua ăn chương nghệ thuật. Nếu phải làm nhiều jobs và mang cả gia tài ra mà đổi được những đứa con như thế thì cũng đáng

mừng lắm thay. Ca sĩ bác sĩ Neil Diamond là một trường hợp điển hình.

Tôi có một cậu em chồng du học qua đây cũng có gần ba mươi năm học về art- hội họa cho chính xác. Ước mơ của cậu ta là có đủ tiền về miền quê đông bắc Mỹ để chỉ vẽ, thế mà hành nghề trên hai mươi năm cho đài truyền hình Mỹ, dĩ nhiên về những tấm hình quảng cáo trên TV không phải là những nghệ thuật cậu ta học, cho tới nay vẫn bắt được giấc mộng. Ngoài những bức tranh vẽ trong lúc rảnh rỗi chưa có sự thành công nào đáng kể.

Nhất là nước Việt Nam ta chiến tranh liên miên ít có gia đình nào có của ăn của để mà hoàn toàn đi vào nghệ thuật nếu muốn. Vì thế cha mẹ nào cũng mong cho con mình có một nghề bảo đảm cho cuộc sống căn bản rồi mới nghĩ tới nghệ thuật. Tôi có một cậu rể lúc đám cưới tôi chỉ mừnglà con mình có một người chồng có nghề nghiệp vững chắc. Sau này tới nhà cháu thấy có những bức tranh đẹp và đặc biệt tôi hỏira mới biết trước khi cháu thành bác sĩ cháu đã học hội họa ở college. Cháu giải thích cho tôi từng chi tiết trong bức tranh và contôi cho biết lúc là sinh viên không có điều kiện để mua những bức tranh giá trị mà bấy giờ mới thực hiện được. Đó chỉ là một thí dụ mà tôi có liên hệ tới.

Nếu không có khoa học phát triển thì nghệt thuật cũng bị thui chột, mà có khoa học không có nghệ thuật thì con người chỉ là những bộ máy di động, chẳngcó gì đáng nói. Tôi lại nghĩ ông Walt Disney mà còn sống tới bây giờ thì chắc ông sẽ là người tán thưởng khoa học vô cùng vì nhờ có computer mà những phim hoạt họa ngày nay không cần tới vài trăm họa sĩ liên tiếp vẽ liên tục cả nhiều năm mới mới thực hiện được một cuốn phim hoạt họa. Gần đây có rất nhiều phim hoạt họa phát hành liên tiếp mà chúng ta được thưởng thức với kỹ thuật phong phú hơn rất nhiều.

Vì những lý do nêu trên tôi xin chia sẻ với tác giả và độc giả những niềm vui vì lãnh vực nào sinh viên Việt Nam ta cũng có mặt cả nghệ thuật lẫn khoa học và đều thành công. Viết văn hay và sáng tạo khoa học cũng xuất sắc vô cùng.

****

Người viết:

Mai Kim Ngọc,
Tòa Soạn Văn Học.

Về 'Cảm Nghĩ Cổng Chùa', trân trọng xin lãnh ý chị Nguyễn Đặng và anh Thế Uyên.

Đa tạ lòng ưu ái dành cho Văn Học và tác giả cũng như những góp ý nghiêm túc và súc tích.

Anh Thế Uyên "đâu đấy" thấy nét quen thuộc trong bài "Cảm Nghĩ Cổng Chùa" cũng dễ hiểu. Chuyện này thật ra nằm sâu trong các bản kinh có dẫn giải phổ thông của các thiền sư.

Về 'Câu Chuyện Văn Đầu Xuân', lá thư cuối xuân của bà Phúc Thuận tha thiết và ráo riết như khí hậu đầu hè. Xin chia sẻ với bà sự bênh vực dành cho các bậc phụ huynh trong việc lo lắng cho con em. Không ai có quyền mỉa mai chúng ta vì sự lo lắng này. Tuy nhiên **áp đặt** trong khi lo lắng chăn dắt con em vào những ngành khoa học không phải bao giờ cũng đúng.

Thật ra chúng ta cùng nói một chuyện. Người viết nói, "Khoa học thực dụng đáng quý, nhưng không nên quên nhân văn", và người đọc nói, "Nhân văn là quý, nhưng khoa học thực dụng có những đóng góp rất thực dụng của nó." Hai cách nói cùng nói, hai mặt mặt xấp ngửa nhưng bản tính đồng hào vẫn là đồng hào. Ước mong chung của chúng ta là thế hệ thứ hai ở Mỹ có một đời sống hài hòa trong cả kỹ thuật và nhân văn, phản ánh một căn bản văn hóa cao.

Sau hết, rất thích thú đọc những lời bàn rộng ra của bà về nghệ thuật 'hi-tech' và những người làm 'hi-tech' thành công trong nghệ thuật.

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **12/1/96** có nghĩa thời gian mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 12 năm 1996**.

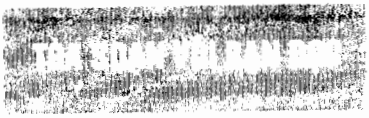

● Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Tracy Le El Monte CA, Hoàng Xuân Thanh SF CA, Xuan Ly Le Dinh Northbrook IL, Bích Ngọc Nguyễn VIC Australia (Anh Ho gửi), Bùi Chinh Nhân West Valley City UT, Đặng Ngọc Long Santa Ana CA, Danny Nguyên Gatineau Canada, Thái Hóa Lộc Garland TX, Joseph Duong Phan San Leandro CA, Võ Đình Xa Norway, Hồ văn Tuệ Richmond VA, Thuy Tran Myers Florissant MO, San Jose Public Library, Educational Park Branch Library, Empire Branch Library, Seventrees Branch Library San Jos CA, Nguyễn thị Hồng Phong San Jose CA; Đoàn Nhật Silver Springs VA, Huy Nguyễn Austin TX, THân văn Thuận Libertyville IL, Võ văn Đàn Vancouver Canada, Nguyễn Công Khanh Des Moines WA, Rev Dao Kim Nguyen Houston TX, Dinh H. Pham Grand Prairie TX, Khai T. Hoang Tustin CA, Anh Ha Doan Stanton CA, Tina Nguyen Anaheim CA,Trần Đình Bình Gardena CA, Rick Y Rochester MN

● Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Đôi dòng gửi từ Santa Ana CA, Sợi buồn gửi từ Virginia, Câu hôn gửi từ Falls Church VA, Đêm lưu vong gửi từ Quebec Canada, Đời ta cũng rất tầm thường gửi từ Dorchestar MA, Dấu hằn ký ức, Chiều cuối năm gửi từ Hòa Lan, Thượng đế ẩn mật gửi từ Anaheim CA, Giai điệu vùng đất gửi từ San Jose CA, Ngậm ngùi tình xưa gửi từ San Jose CA, Nghĩ về mẹ, em, thơ, biển và hạnh phúc gửi từ San Jose CA, Thư của tạp chí Đối Thoại, Thủy ơi, tình ơi gửi từ Germany, Hai lần ruồng bỏ gửi từ Westminster CA, Thư gửi Tin Nhà của Đối Thoại gửi từ Garden Grove CA, Thư của Mrs Nguyen, Kent WA; Bóng, Vĩnh quyết gửi từ Montery Park CA; Tên ngày, Vô hoa, Nhịp cầu và Nghệ thuật, Giấc mơ dòng sông, Có gì để nói, đâu em?, Đêm, Thơ và Hai mươi năm, Cuối ngày, và Tranh của C. gửi từ Houston TX, Quán chiều, Vết thù gửi từ Emporia KS, Dâng hoa mỉm cười gửi từ Norway, Người em xứ Quảng gửi từ Montréal Canada, Điểm tâm gửi từ Issaquah WA, Em cho ta tình thơ gửi từ Beaverton OR, Thư ý kiến bạn đọc của Mrs Nguyễn Đặng WA, Một đời người, một nỗi lặng gửi từ Falls Church VA, Thanh xuân thuở nọ gửi từ Sacramento CA, Mẹ, Lão Thầy Tây gửi từ San Francisco CA.

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 12.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

🕮 ***Thư Của Mẹ,*** của Thái Hà, một bút hiệu khác của nhà văn Bùi Bích Hà, băng cassette thu âm gồm những lá thư gửi cho con gái vào những giai đoạn đời khác nhau của con, như lúc con mới vào tuổi bắt đầu xao xuyến yêu đương, lúc con tốt nghiệp trung học, lúc con một mình xa mẹ vào đại học, lúc con đi lấy chồng và dọn ra ở riêng. Ngoài những tác phẩm văn chương đã xuất bản, nhà văn Bùi Bích Hà còn phụ trách mục giải đáp tâm tình phụ nữ trên nhiều báo và đài phát thanh với bút hiệu Thái Hà, và chị được rất nhiều độc giả, thính giả khâm phục ái mộ. Bộ cassette hai cuốn này ghi âm những lá thư chị viết cho con do chính tác giả đọc, nhạc đệm của Anh Dũng, thâu tại phòng thâu Chí Tài Brothers.

Tác phẩm văn chương ghi âm vào cassette, CD là một cách phổ biến văn chương tiện lợi, nhưng đối với thị trường VN vẫn còn mới mẻ. Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã thành công rực rỡ với thể nghiệm này. Nhà văn Bùi Bích Hà, với uy tín chị đã có trong vô số độc giả và thính giả phụ nữ, chắc chắn cũng sẽ thành công với cassette Thư Của Mẹ. Văn Học trích đăng một lá thư của Bùi Bích Hà trên số này.

Băng hiện đã phát hành khắp các trung tâm bán băng nhạc. Địa chỉ liên lạc: PO Box 2054 M72, Westminster, CA 92684.

Phone: (714) 505-3851.

🕮 ***Dưa cà mắm muối,*** tập truyện của Hà Thúc Sinh, Văn Mới xuất bản, Đại Nam tổng phát hành, sách dày 110 trang, giá 6 Mỹ kim. Tác phẩm gồm 12 truyện thật ngắn tác giả *Dạo núi mình ta* và *Đại học máu* viết trong khoảng một năm gần đây, mỗi truyện là những nét phác họa một mẩu sống, một tâm

trạng. Khác với những nhà văn cùng thế hệ, Hà Thúc Sinh vẫn giữ được nhịp sáng tác đều đặn. Trong ba năm nay, anh đã cho in mỗi năm một tác phẩm: Ông H.O. năm 1993, Cố Hương năm 1994 và Dưa Cà Mắm Muối 1996.

Sách do Đại Nam tổng phát hành, địa chỉ liên lạc:

551 W. Arden Ave, Glendale, CA 91203

Phone: (818) 244-0135.

🕮 ***Gửi người dưới trăng***, tuyển tập thơ do thi văn đoàn Cội Nguồn xuất bản. Chủ trương biên tập: Diên Nghị, Duy Năng, Song Nhị, Hà Ly Mạc, Cung Diễm, Nguyên Phương, Sương Mai. Thi văn đoàn Cội Nguồn, trụ sở tại San Jose CA Hoa Kỳ, giới thiệu tuyển tập như là "nơi hội ngộ của hai mươi tác giả, trong số có năm nhà thơ nữ, thuộc nhiều thế hệ trong làng thơ Việt hải ngoại, định cư tại Hoa Kỳ và Canada. Có những tác giả lão thành từ cuộc đổi mới thơ ca VN giai đoạn 1931-1942, đến những nhà thơ khởi đi từ cuộc phân chia hai miền Nam Bắc, cũng có những nhà thơ trẻ vào làng với hành trang mới mẻ trên đường lưu lạc từ sau 1975...Toàn bộ tác phẩm cùng chung một thể hiện tâm tình của người con lưu vong hướng về quê mẹ".

Các nhà thơ đóng góp trong tuyển tập có: Cung Diễm, Nguyễn Phúc Sông Hương, Khương Hạ, Tâm Huyền, Vi Khuê, Hà Ly Mạc, Sương Mai, Duy Năng, Tuệ Nga, Diên Nghị, Hà Thượng Nhân, Cao Mỵ Nhân, Song Nhị, Nguyên Phương, Thinh Quang, Huệ Thu, Ngô văn Thọ, Bùi Duy Thuyết, Trình Xuyên, Tô Thùy Yên.

Sách dày 280 trang, giá 12 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc: Thi văn đoàn Cội Nguồn

* Diên Nghị: 307 Phelan Ave, San Jose CA 95112

Phone: 408-971-4126

* Song Nhị: 691 Albanese Cir. San Jose CA 95111

Phone 408-279-8919

Ngân phiếu xin đề Lê Bích Hiền.

🕮 ***Cấu trúc thơ***, biên khảo của Thụy Khuê, một trong những cây bút phê bình cộng tác lâu năm của tạp chí Văn Học, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 250 trang, giá 13 Mỹ kim. Tác phẩm gồm ba phần chính: Phần phụ lục nói về nguồn gốc thi ca và những nhận định về thi ca của các tác giả Việt Nam; Phần Cấu trúc thơ tìm hiểu những kỹ thuật thi ca kết thúc bằng cách ứng dụng những kỹ thuật vừa nêu phân tích bài Nguyệt Cầm của Xuân Diệu; Phần Thơ Hiện đại VN giới thiệu thơ siêu thực, thơ tự do, thơ văn xuôi và thơ tạo sinh, khảo sát thơ của Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Đình Thi, Thanh Tâm Tuền, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt.

Sách do Văn Nghệ phát hành: P O Box 2301 Westminster CA 92683

Phone 714-527-5761.

🕮 ***Lý luận và Phê bình, Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước***, tuyển tập một số bài lý luận và phê bình văn học của Bùi Vĩnh Phúc, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 760 trang, giá 27 Mỹ kim. Bộ sách dày in ấn công phu mỹ thuật (với bìa của Khánh Trường) gồm ba phần: Phần Một gồm những bài viết về Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Bá Trạc, Bùi Bích Hà, Phạm Duy, Hoàng Khởi Phong, Trần Mộng Tú, Trần Diệu Hằng, Võ Phiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hồ Trường An, Lê thị Huệ, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Vũ Khắc Khoan, Vũ Quỳnh Hương, Phạm Công Thiện, Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn Mộng Giác, Quyên Di, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Tô Thùy Yên, Jiri Grusa. Phần Hai gồm những bài viết có tính lý luận văn học. Phần Ba là hai bài tác giả trả lời phỏng vấn. Một công trình phê bình nghiêm túc. Bạn đọc cần mua để hiểu thêm về những thành quả của văn chương hải ngoại.

Sách do Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 ***Thư gửi bạn ta, tập II***, phiếm luận của Bùi Bảo Trúc, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 390 trang, giá 16 Mỹ kim. Sau khi *Thư gửi bạn ta tập I* phát hành và được bạn đọc bốn phương nồng nhiệt ủng hộ, nhà Văn Nghệ mạnh dạn ra tiếp tập II, những bài phiếm luận viết dưới hình thức những lá thư đề cập tới đời sống và thời sự ở Mỹ trong vòng nửa năm 1995. Từ những đề tài thời sự lấy từ báo chí Mỹ, Bùi Bảo Trúc dùng trí thông minh và tài viết dí dỏm biến thành những bài phiếm luận đọc vừa vui vừa có nhiều bổ ích.

Sách do Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 ***Chạnh lòng tiếng thơ rơi***, thi tập của Vĩnh Hảo, Chiêu Hà xuất bản, sách dày 90 trang, giá 6 Mỹ kim. Vĩnh Hảo là một tiểu thuyết gia có tài, điều đó không còn gì phải bàn luận nữa. Nhưng tập thơ anh mới xuất bản cho thấy Vĩnh Hảo còn là một nhà thơ có một phong thái riêng. Những bài thơ ngắn dung dị và dễ thương, bắt được cái thần của từng khoảnh khắc đời sống. Chẳng hạn:

xạc xào trên mái lá
ngỡ tiếng muôn sao về
ngoảnh đầu
không dám trở
ngờ đâu là tiếng ve.
(tiếng rơi)

hoặc:

đèn dầu không dám đốt
khe cửa lặng nhìn qua
nàng phù dung cởi áo
trắng phau
vòm ngực hoa

(hoa khai).

Liên lạc: Chiêu Hà Publisher
PO Box 2303, North Hills, CA 91393,USA

📖 ***Gót chân huyền ảo***, thi tập tái bản của Lê Phụng Thiên-P.T.Ca Hát, cảm đề của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, Song Ca tái bản lần thứ nhất tại Canada theo ấn bản lần đầu xuất bản tại Việt Nam năm 1968. Tập thơ dày 90 trang, giá 1o Mỹ kim kể cả cước phí. Nói cung đây là một tập thơ tình viết và xuất bản vào thời kỳ không khí lãng mạn vẫn còn bàng bạc trong thơ văn Việt Nam, giàu chất tiền chiến, chưa vương chút nào chất thơ bạo khinh bạc của thơ văn chiến tranh về sau. Bốn câu thơ cảm đề thi tập "Gót chân huyền ảo" của cố thi sĩ Vũ Hoàng Chương phản ảnh chính xác không khí thơ Lê Phụng Thiên:

Ta đợi em từ ba mươi năm
Uống hoa phong nhụy hoài trăng rằm
Heo may chớm đã lên mùa gió
Ngăn ngắt chiêm bao lạnh chiếu nằm.

Địa chỉ liên lạc: Lê Phụng THiên
1343 Ambridge Way
Ottawa, Ont. K2C 3T3 Canada
Phone: (613) 727-8899.

📖 ***Nói chuyện Tiếu Ngạo Giang Hồ***, Phần 1, tiểu luận củqa Phạm Khắc Trung, tác giả tự xuất bản tại Canada 1996, sách dày 300 trang, giá bán 18 Mỹ kim hoặc 18 $ Canada, ngoài Hoa Kỳ và Canada giá 22 Mỹ kim. Tác giả dùng Tiếu Ngạo Giang Hồ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung và Kinh Dịch để soi rọi vào hiện tình chính trị Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Mục đích là một cuốn sách nhận định về chính trị, Kinh Dịch, Tiếu Ngạo Giang Hồ chỉ là một cái cớ để dễ diễn giảng những nhận định chính trị mà thôi. Vì đây mới chỉ là Tập I, nên không biết dự tính của Phạm Khắc Trung sẽ như thế nào.

Muốn có sách xin liên lạc: Phạm Khắc Trung
26 Conway Lane
London, Ontario, N6E 3K4, Canada
Phone: (519) 649-0698

📖 ***Đặc san 48-55 Khải Định***, kỷ yếu của cựu học sinh trường Khải Định Huế (sau đổi thành trường Quốc Học) trong các niên khóa từ 1949 đến 1955, ấn hành tại California USA , dày 450 trang, sách tặng không thấy đề giá bán. Hầu hết các bài viết trong tập kỷ yếu là kỷ niệm của một thời cùng chung nhau một mái trường, nhưng do trường Quốc Học sau này lúc đó còn có tên là trường Khải Định (từ 1949-1955), nên những mẩu kỷ niệm riêng rẽ hợp lại cũng thành một tâm trạng chung của thế hệ học sinh hồi đó, rất có giá trị về mặt sử liệu và chất liệu tốt cho tiểu thuyết. Tập kỷ yếu thành hình cho công

phu liên lạc và biên tập của nhà văn Ngự Thuyết, nhà văn Trần Sĩ Lâm. Toàn ban biên tập gồm có: Tôn Thất Ngự (Ngự Thuyết), Hoàng Ngọc Trác, Nguyễn Ngọc Nhâm, Bửu Hậu, Phạm Tạo. Trình bày: nhà văn Trần Sĩ Lâm.

🕮 ***Vietnamologica, số 1***, tập san phát huy Việt Nam học, do Centre de Viêtnamologie-Canada ấn hành, tập san dày 214 trang. Đây là một tạp chí nghiên cứu Việt học do Trung tâm nghiên cứu Việt học Canada chủ trương, Chủ nhiệm là giáo sư Lê Hữu Mục, Chủ bút: Thái Công Tụng, Khiếu Đức Long, Ngô văn Hoa, Tổng thư ký: Nguyễn Vy Khanh, Thư ký Tòa soạn: Vũ Tiến Phúc. Bài viết dùng cả ba ngôn ngữ Việt, Anh và Pháp văn. Số 1 ra mắt có bài đóng góp của Lê Hữu Mục, Ngô văn Hoa, Thái Công Tụng, Phạm Hoàng Hộ, Võ Long Tê, Nguyễn Thế Anh, Tôn Thất Trình, Thái văn Kiểm, Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Đình Hòa, Khiếu Đức Long.

Địa chỉ liên lạc: Centre de Vietnamologie Canada

C.P. 492 Succurasale E

Montreal (QC) H2T 3A9 Canada

Phone: (514) 739-5257.

🕮 ***Em phải sống***, tập truyện tình của Duy Lam, Văn Hoá Ngày Nay xuất bản, sách dày 230 trang, bìa trang nhã của Hoàng Vinh, giá 12 Mỹ kim, mua qua bưu điện thêm 2 Mỹ kim bưu phí. Tuyển tập gồm 9 truyện tình của nhà văn Duy Lam, mỗi truyện là tâm cảnh bi thương ngang trái đầy xúc động nóng bỏng táo bạo, tựa của nhà văn Nguyễn Sỹ Tế. Cũng theo nhận định của Nguyễn Sỹ Tế: "Duy Lam quả là một nhân vật của thời đại, một văn tài vừa đôn hậu vừa hùng mạnh mà tôi không thể không nói tới. Lối phân tích nhân vật của anh phải nói là mới mẻ và bạo dạn, cũng sâu sắc như mong muốn của khoa tâm lý chiều sâu hiện đại. ổ thể tiểu thuyết hay truyện ngắn tỷ lệ thành công của tác giả đã ổn định, cao gấp bội và càng ngày càng cao..." Trên tờ Thời Luận, nhiều nhà văn nhà thơ uy tín như Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Lưu Trung Khảo, Nguyễn thị Vinh, Tạ Tỵ, Cung Trầm Tưởng, Thái Tú Hạp...đã phát biểu cảm tưởng tốt đẹp về tác phẩm.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn Hoá Ngày Nay

100 N. Ross St., # A 120

Santa Ana, CA 92701, USA.

🕮 ***Vết thương Việt Nam***, tập truyện của Trần Ngọc Toàn, Phổ Thông USA xuất bản, phụ bản tranh của Đinh Cường và Trần Ngọc Toàn, trình bày và ấn loát của Trần văn Thế, tựa của Trần Hoài Thư, sách dày 208 trang, giá 10 Mỹ kim. Tác phẩm gồm 13 truyện ngắn Trần Ngọc Toàn lấy chất liệu

từ binh nghiệp của ông. Tác giả là một sĩ quan tốt nghiệp Trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt, cựu tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 4 Thủy quân Lục chiến Quân lực VNCH (cấp chỉ huy trực tiếp của nhà văn Cao Xuân Huy), lại là tác giả của hai tác phẩm đã xuất bản (*Dòng sông trước mặt, Vào nơi gió cát*) nên *Vết thương Việt Nam* gói ghém được một cách trung thực sự gian khổ lẫn hào hùng của đời lính chiến. Nhà văn Trần Hoài Thư nhận xét trong lời tựa: "Anh đã trả sự thật về sự thật. Sự thật cho thế hệ anh nói chung và binh chủng Thủy quân Lục chiến của anh nói riêng. Anh viết, ngoài cây viết còn có cả tấm lòng. Tấm lòng với đồng đội và chiến hữu..."

Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách.

🕮 ***Đong đưa cuộc tình***, tập truyện ngắn của Song Thao, Ngày Nay Houston xuất bản, tranh bìa của Đinh Cường, sách dày 236 trang, giá 12 Mỹ kim. Bạn đọc đã từng thích thú khi đọc các truyện ngắn đặc sắc của Song Thao trên Văn Học (mới đây nhất là truyện *Nhạt Màu Phố Cũ* trên số 121 tháng 5.1995) không thể bỏ lỡ cơ hội tìm mua ngay tuyển tập truyện ngắn này. Đây là tác phẩm thứ nhì Song Thao cho xuất bản ở hải ngoại, sau cuốn *Bỏ Chốn Mù Sương* in năm 1993. Nhận xét về truyện ngắn Song Thao, có lẽ Hà Thúc Sinh là nhà văn đã nói đúng nhất. Hà Thúc Sinh viết : "Anh có giọng kể duyên dáng, ví von, thông minh, có nhiều chi tiết mới lạ trong đời sống được khám phá bất ngờ". Tuyển tập gồm mười truyện ngắn chen lẫn với bốn phụ bản tranh Đinh Cường, Thái Tuấn, trình bày đẹp và rất ít lỗi chính tả.

Sách hiện có bày bán ở các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc:

Nhà sách Ngày Nay
8200 Wilcrest # 5, Houston TX 77072
Phone: 713-568-6400

MARIE SẾN
Cuốn tiểu thuyết dữ dội, độc đáo của nhà văn
Phạm thị Hoài
do Thanh Văn xuất bản tháng 4 năm 1996. Giá 10 Mỹ kim.

Xin liên lạc Nhà xuất bản Văn Nghệ
PO Box 2301, Westminster, CA 92683 U.S.A.
Phone: (714) 527-5761

NHỮNG TÌNH KHÚC QUÊ HƯƠNG

Lê Tín Hương

Con đường tôi về	*Anh Dũng*	*Có khúc sông nào*	*Thái Hiền*
Gởi sầu theo mây	*Thái Hiền*	*Saigòn ngày trở lại*	*Anh Dũng*
1 nơi không định đến	*Việt Dũng*	*Sau cơn bão đời*	*Thanh Thủy*
Trường xưa	*Thanh Thủy*	*Nhớ*	*Việt Dũng*
Ta còn lại gì	*Anh Dũng*	*Ngày mai trở về*	*Thái Hiền*

Đã có bán khắp các đại lý
Hoặc liên lạc :

Trung tâm Hương nhạc& Nắng Interprise
P.O.BOX 2054-M72 Westminster CA 92684
Tel : (714) 839 - 2950 or 893 -7338

Là những nổiniềm ray rứt
ở một nơi không định đến và một chốn ta phải về

THANH VĂN xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành

Tác phẩm dữ dội, độc đáo nhất của
nhà văn Phạm Thị Hoài

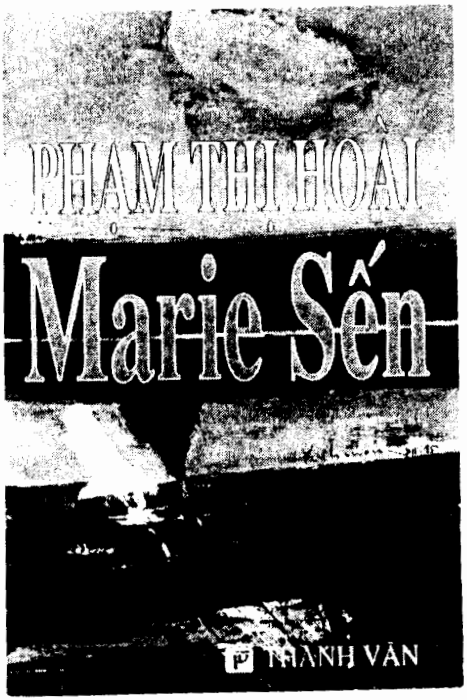

Giá 10 Mỹ Kim
Có bán tại các nhà sách hoặc liên lạc trực tiếp
Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
Westminster, CA 92683
Phone: (714)527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Nhà xuất bản
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

Sách Mới 1996

- ***Viết Cho Mẹ và Quốc Hội*** — *20MK*
  Hồi ký chính trị của Nguyễn Văn Trấn
  Đã tái bản
- ***Thư Gửi Bạn Ta, tập I*** — *16MK*
  Bùi Bảo Trúc, *đã tái bản*
- ***Thư Gửi Bạn Ta, tập II*** — *16MK*
  Bùi Bảo Trúc
- ***Lý Luận và Phê Bình*** — *27MK*
  Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (75-95)
  Bùi Vĩnh Phúc
- ***Cấu Trúc Thơ*** — *13MK*
  Thụy Khuê
- ***Lịch Sử Thế Giới*** — *25MK*
  Nguyễn Hiến Lê — Thiên Giang
- ***Về Vùng Chiến Tuyến*** — *15MK*
  Hồi ký Lê Xuân Nhuận
- ***Thơ V.V... và V.V...*** — *16MK*
  Nguyễn Hưng Quốc

Sách Phát Hành

- ***Lòng Tin Âu Mỹ Đấy!*** — *16MK*
  Trần Quý
- ***Việt Nam Văn Học Sử*** — *28MK*
  Đỗ Văn Gia
- ***Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt Nam*** — *20MK*
  Nguyễn Xuân Thọ
- ***Marie Sến*** — *10MK*
  Phạm Thị Hoài

Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư mục đầy đủ,
với 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Đã phát hành khắp nơi:

Lý Luận và Phê Bình

Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (1975-1995)

bùi vĩnh phúc

• Bộ sách đưa ra một cái nhìn trình bày và đánh giá có thể nói là rộng nhất từ trước đến nay trên mặt phê bình, lý luận về hai mươi năm văn học Việt bên ngoài đất nước.

• Với những nhận định, đánh giá sâu sắc và đầy tính thẩm mỹ, nó giới thiệu được các tác giả trong nhiều khuynh hướng, nhiều phong cách khác nhau. Nó lại cũng trình bày những vận động và diện mạo của dòng văn học ngoài nước trong những mốc, những chặng định hình và phát triển trong suốt quá trình đi tới của nó. Chia sẻ một số suy nghĩ và lý luận về mỹ học phê bình, tác giả của bộ sách vừa bàn về thơ vừa nói về văn, vừa soi chiếu ý nghĩa và giá trị của các tác phẩm, cùng lúc bật sáng chân dung của các tác giả.

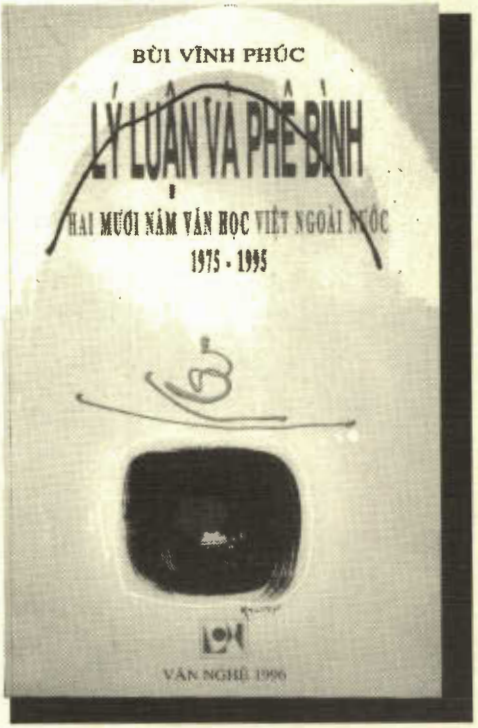

• Đây là một nỗ lực ghi nhận quan trọng, đẹp đẽ và cần thiết về hai mươi năm văn học Việt Nam ngoài quê hương mà tất cả những ai quan tâm đến văn học Việt đều không thể không tìm đọc.

Sách dày 764 trang, có bìa phụ bọc ngoài. Giá $27.00 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm $3.00 MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 -
Điện thoại: 714-527-5765

Giá:$4.00